ẤN QUANG PHÁP SƯ VĂN SAO

ẤN QUANG PHÁP SƯ VĂN SAO

TỤC BIÊN

QUYỂN III

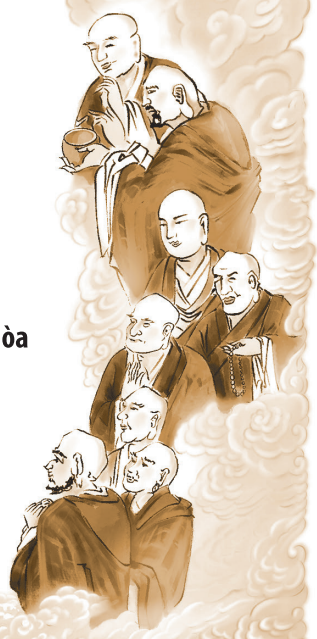

Hán văn: **Đại sư Ấn Quang**

Chuyển ngữ: **Bửu Quang tự đệ tử Như Hòa**

Giảo chánh: **Minh Tiến** & **Huệ Trang**

Nhà xuất bản Hồng Đức

Tất cả kinh sách của Ấn Tạo Kinh Văn đều cúng dường không bán.
Quý vị muốn thỉnh kinh sách xin liên hệ Fanpage: Ấn Tạo Kinh Văn

Ngoài ra có thể nghe pháp âm tại:
Kênh Youtube: Ấn Tạo Kinh Văn / Kênh Spotify: Ấn Tạo Kinh Văn

---

HOAN NGHÊNH LƯU THÔNG - CÔNG ĐỨC VÔ LƯỢNG

II. TỰ (tiếp)

65. Lời tựa cho tác phẩm Tịnh Độ Tam Yếu Thuật Nghĩa

(Năm Dân Quốc 16 - 1927)

Cư sĩ Lạc Quý Hòa ở Thiệu Hưng xưa đã có linh căn, dốc lòng tin tưởng Phật pháp, tự hành, dạy người, chỉ chăm chú tín nguyện trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương. Lại còn chú trọng giữ vẹn luân thường, nghiêm túc trọn hết bổn phận của chính mình, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, kiêng giết, bảo vệ sanh vật, mến tiếc sanh mạng loài vật. Lại cho rằng đề xướng nhân quả báo ứng và giáo dục gia đình là diệu pháp duy nhất không hai để vãn hồi thế đạo nhân tâm. Thật có thể gọi là "người biết được cái gốc để cấp bách chú trọng trước tiên". Lúc cư sĩ còn

trẻ rất hâm mộ chí hướng "chẳng làm lương tướng, ắt phải làm lương y" của cổ nhân, bèn lưu tâm nơi y lý để mong lợi người. Lâu ngày tinh thông y thuật, khá nổi tiếng. Kế đó nghĩ: "Tâm bệnh là gốc, thân bệnh là ngọn, nếu chẳng trị tâm bệnh sao cho hết thảy mọi người đích thân thấy được bản lai diện mục, thoát lìa sanh tử luân hồi thì lợi ích rất nhỏ, rốt cuộc chẳng phải là đạo tự lập lập người, tự lợi lợi tha. Đời coi đức Phật là Đại Y Vương, ta hãy nên cầu y thuật nơi ngài ngõ hầu ta cùng người đều được rốt ráo yên vui." Do vậy giao du với các thiện tri thức, nghiên cứu kinh Phật, mới biết y thuật của đức Phật độc nhất vô nhị trong cõi đời, như ra khỏi nhà tối thấy được mặt trời, tấm lòng vui sướng không thể nào sánh ví được!

Nhưng đức Phật nói ra vô lượng vô biên pháp môn, cầu lấy pháp trực tiếp, nhanh chóng nhất, viên đốn nhất, thực hiện dễ, thành công cao, ngõ hầu nghiệp lực phàm phu do không có sức đoạn hoặc sẽ có thể ngay trong đời này thoát khỏi tam giới lên chín phẩm sen, bỏ thân phàm dự vào dòng thánh thì chỉ riêng một pháp Tịnh độ là được như vậy mà thôi! Do vậy lắng lòng nghiên cứu, hiểu được cương yếu, gặp dịp pháp sư Hoa Trí kết xã niệm Phật, pháp sư bèn xin cư sĩ thay mình tuyên giảng, giảng đến đâu ghi đến đó, thành một cuốn sách, từng đăng tải trên báo Đại Vân để tặng những người cùng chí hướng. Phàm ai thấy nghe đều hoan hỷ, tán thán, bảo là hợp với căn cơ. Các cư sĩ thuộc hội Phật học ở Dư Diêu khuyên nên in ra để lưu truyền, cậy tôi viết lời tựa.

Tôi nghĩ pháp Tịnh độ lý sự viên dung, tánh tu chẳng hai, phàm lẫn thánh đều thâu nhiếp trọn vẹn. Hết thảy pháp môn, hà sa diệu nghĩa không gì chẳng lưu xuất từ pháp giới này, không gì chẳng trở về pháp giới này. Như biển cả dung nạp khắp trăm sông, dường thái hư chứa trọn muôn hình tượng. Quả thật là pháp môn vô thượng thành thủy thành chung để mười phương chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Vì thế được chín giới cùng tuân hành, mười phương chung khen ngợi, ngàn kinh đều xiển dương, muôn luận cùng tuyên nói. Tôi nói lời này, nếu có ai chẳng tin, xin hãy chất vấn Phổ Hiền Bồ-tát trong hội Hoa Nghiêm, ngõ hầu cùng dự vào Hoa Tạng hải hội, nhất trí tiến hành, để đều mong sao trong đời này vãng sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử, tấn tu dần dần cho đến khi viên chứng vô thượng Bồ-đề mới thôi. Cao đẹp thay, tốt lành thay!

66. Lời tựa cho sách Vật Do Như Thử

(Năm Dân Quốc 25 - 1936)

Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều sẽ thành Phật. Phật xem hết thảy chúng sanh đều là Phật, nên kinh Phạm Võng nói: "Ta là Phật đã thành, các ông là Phật chưa thành. Nếu tin được như vậy, giới phẩm đã đầy đủ", bởi lẽ tin chính mình là Phật chưa thành thì chắc chắn muốn cải ác tu thiện, phát tâm đại Bồ-đề tự lợi lợi tha, ngõ hầu đoạn sạch phiền hoặc, đích thân chứng được chân như

Phật tánh sẵn có nơi cái tâm này. Tin hết thảy chúng sanh trong sáu đường đều là Phật chưa thành thì chắc chắn sẽ tận lực khuyên lơn, chỉ bảo, duy trì đồng loại, chắc chắn chẳng làm chuyện tranh giành, tàn sát lẫn nhau, chắc chắn sẽ muốn kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, tạo sự thuận lợi lớn lao cho dị loại, chắc chắn sẽ không có cái tâm thảm độc ăn thịt kẻ khác để bồi bổ cho ta. Do con người chẳng biết chính mình và hết thảy chúng sanh đều là Phật chưa thành nên mới tranh chấp, giết người ngập thành, ngập đồng chẳng tiếc nuối, cũng như giết thân chúng nó hòng thỏa thích bụng miệng ta. Người đời sát sanh quen thói nên coi thường, sự thể lớn nhỏ gì cũng đều phải giết chóc. Tế thần, cúng giỗ tổ tông, phụng dưỡng cha mẹ, đãi khách, không có thịt sẽ chẳng thể thành lễ được. Đem chuyện cực khổ, cực thảm giáng xuống thân loài vật, nhằm biểu thị tấm lòng thành khẩn, hiếu kính của ta. Nếu luận trên phương diện mê muội thì còn chấp nhận được, chứ luận trên thực tế thì đáng thương quá đỗi! Do hết thảy chúng sanh từ vô thủy đến nay luân hồi sáu nẻo, lần lượt làm cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, sanh ra lẫn nhau, trở thành oan gia đối đầu của nhau, tuần hoàn báo thù, đền đáp, giết hại lẫn nhau. Trong các kinh Đại thừa, đức Phật đã nhiều lượt khuyên răn nhưng ít kẻ thấy nghe. Dẫu được thấy nghe, nhưng kẻ tin nhận vâng làm lại càng ít hơn nữa!

Do vậy, Phật dùng lòng đại bi, hiện trong dị loại để con người giết ăn. Đã giết xong, bèn hiện các tướng lạ

ngõ hầu hết thảy mọi người biết là do Phật hiện, mong dứt sát kiếp để chúng sanh được yên. Như vỏ sò nghêu, hông bò, móng dê, răng lợn, yếm ba ba đều có hình ảnh đức Phật ngự trong ấy khiến tai mắt con người thấy nghe phải kinh sợ, dứt cơ duyên giết chóc trong cõi đời, những chuyện như vậy được ghi chép trong sử sách kể sao cho trọn? Trước khi giết đều nói là loài thú, đã giết rồi mới biết là Phật. Do vậy biết sát sanh chẳng khác gì giết Phật! Dẫu không phải do đức Phật hiện ra, cũng vẫn là Phật đời vị lai. Giết ăn thì tội quá biển cả, núi non, hãy gấp đau đáu răn chừng ngõ hầu được giải thoát. Phải biết: Con người và loài vật tuy khác, mang hình dạng có linh tánh hay ngu xuẩn, kẻ ngốc tâm thức tối tăm, loài vật có linh tánh thì trí lại sáng rỡ: ngũ luân, bát đức[1] cố nhiên chẳng nhường con người, lòng thành tha thiết so ra còn sâu đậm hơn con người. Dám cậy ta mạnh, giết chúng nó ăn thịt, đến nỗi trong tương lai thường bị kẻ khác ăn.

Lần xem sử sách từ xưa đến nay, phàm những ai lợi người lợi vật con cháu nhất định hiền thiện, phát đạt; những kẻ nào hại người hại vật con cháu nhất định tầm thường, kém cỏi, diệt tuyệt. Vì thế Khổng tử khen ngợi Chu Dịch rằng: *"Tích thiện chi gia tất hữu dư khánh, tích bất thiện chi gia tất hữu dư ương"* (Nhà tích thiện sự vui có thừa, nhà tích điều bất thiện, tai ương có thừa). "Dư khánh, dư

---

1 Ngũ luân: Năm mối quan hệ trọng yếu giữa người với người: vua tôi, cha con, chồng vợ, anh em, bạn bè. Bát đức: hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ.

ương" chính là những thứ thừa sót lại của "chánh khánh, chánh ương". Chánh khánh, chánh ương là những gì bản thân người ấy phải thọ trong đời kế tiếp hay trong những đời sau nữa do tích thiện hay tích bất thiện, so với dư khánh, dư ương sẽ còn hơn gấp trăm ngàn vạn ức lần. Nếu con người biết được điều này thì chắc chắn chẳng chịu vì sung sướng nhỏ nhặt một lúc để rồi vĩnh viễn chịu đựng mối họa hại lớn lao đến vô cùng!

Trong thời Gia Khánh - Đạo Quang nhà Thanh, tại huyện Quảng Phong tỉnh Giang Tây, Thái sử Từ Khiêm, tự Bạch Phảng, ẩn cư soạn sách hòng giác thế yên dân, chí thiết tha răn kiêng giết, đọc rộng các sách, phàm những đức hạnh tốt đẹp của loài vật đều tập hợp lại, soạn thành một cuốn sách, phân chia thành 14 tấm gương hiếu hữu, trung nghĩa, trinh liệt, từ ái, thương kẻ cô độc, quyến luyến nghĩa cũ, giữ chữ tín, giữ phận khiêm tốn, giúp đỡ điều lành, cứu nạn, báo đức, rửa sạch tiếng oan, hiểu biết nhiều thứ, thông minh trí tuệ, đặt tên là Vật Do Như Thử (loài vật còn như thế ấy). Ấy là vì muốn cho người thấy kẻ nghe đều phát khởi tấm lòng giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, thấu hiểu đức hiếu sanh của trời đất, chẳng tàn sát dị loại, đề cao nỗi lòng "coi mọi người như ruột thịt, coi muôn vật như chính mình" của đạo Nho, che chở khắp quần sanh. Nghĩ đến những loài vật ấy còn có những hạnh đẹp như thế, mà chúng ta mang tấm thân sáu thước, sánh cùng trời đất thành ba ngôi, xưng là tam

tài, lại còn được kinh sách của thánh hiền giáo huấn, nếu chẳng kế thừa người xưa, mở lối cho người đời sau, tán trợ quyền sanh thành, dưỡng dục của trời đất, yêu dân thương vật, hòng thỏa tấm lòng từ của trời đất thì chẳng những đã cô phụ ân sâu nuôi dạy của trời đất, thánh hiền, mà còn hết sức thẹn với những dị loại bay, chạy, lặn ngụp nữa! Sẽ nói đến những chuyện như thế này: Nên hiếu thảo với cha mẹ, kính trọng anh, trung với chủ, trọn hết nghĩa như thế nào, dùng ngũ luân để hành bát đức, nên bác ái, cứu vớt rộng khắp như thế nào để thực hành đại đạo "bình đẳng đối đãi", nên như thế nào đánh đổ sự ham muốn xằng bậy của chính mình để tu trì, hòng chẳng khiến cho đấng sanh ra ta phải hổ thẹn, chẳng bị trời đất quỷ thần thương xót, chẳng bị trời đất quỷ thần xem thường vứt bỏ, chẳng bị hết thảy loài vật khinh miệt.

Ông Từ nhân phẩm cực thuần, học vấn cực rộng, tiếc rằng đời trước chưa từng gieo thiện căn rõ ràng, đời này cũng chẳng thân cận bậc thiện tri thức sáng mắt, đến nỗi đối với Phật pháp hay ngoại đạo đều chẳng phân biệt được tà chánh, chân ngụy. Vì thế trong cuốn Hải Nam Nhất Chước do ông trước tác, đã đem quyển trung và quyển hạ của Tâm Kinh do ngoại đạo ngụy tạo - quyển hạ có hai loại - xếp chung ba thứ ngụy tạo này với Tâm Kinh chân chánh do đức Phật nói, tôn trọng như cùng một thể, chẳng hề thua kém nhau. Điều này tạo ra thói tệ khiến cho những kẻ không hiểu Phật pháp sẽ coi tà là chánh, xem ngụy là chân, khiến cho các ngoại đạo biến chánh thành tà, biến chân thành ngụy. Trong cuốn

sách này (tức cuốn Vật Do Như Thử), 13 tấm gương đầu chỉ luận về luân thường, cố nhiên không gì chẳng thích đáng. Trong tấm gương thứ 14, lời phê bình về sự thông huệ của ông Từ Khiêm khó tránh khỏi khuyết điểm tà chánh chẳng phân, mong độc giả hãy suy xét tường tận.

Ông Lý Tuấn Thừa ở huyện Vĩnh Xuân, tỉnh Phước Kiến, pháp danh Huệ Giác, nhiều năm buôn bán tại Tinh Châu (Singapore) và Nam Dương. Do đứa con thứ là Nghi Tông bị bệnh, gởi món tiền 1.600 đồng xin Quang ấn tống những kinh sách văn hồi kiếp vận, uốn nắn thế đạo nhân tâm, kiêng giết, bảo vệ sanh mạng loài vật v.v.. Quang thấy thế đạo nhân tâm ngày càng đi xuống là do Tống Nho đả phá, bài xích nhân quả luân hồi, bảo đức Phật dùng những điều ấy để lừa bịp ngu phu ngu phụ tuân phụng giáo hóa của ngài, chứ thật ra không có chuyện ấy. Do vậy thiện không có gì để khuyên, ác không có gì để phạt, đến nỗi hùa nhau phế kinh điển, phế luân thường, tranh đất, giành thành, tàn sát lẫn nhau, không thể nào chấm dứt được!

Muốn văn hồi sát kiếp thì phải bắt đầu từ kiêng sát sanh. Sách kiêng giết rất nhiều, nhưng sách cảm động lòng người, ngăn dứt cơ duyên giết chóc thì sách này có thể tôn là bậc nhất, bởi lẽ loài vật còn có những hạnh cao đẹp như thế, người có lòng nghĩ đến người khác nào dám buông lung giết ăn nữa ư? Trong lời tựa lại giảng rõ ta và loài vật đều là Phật chưa thành, đức Phật muốn ngưng dứt sát kiếp trong cõi đời, liền chẳng tiếc sức hiện thân trong dị loại để

cũng bị con người giết; đã giết rồi mới biết là do Phật hóa hiện. Kẻ biết tốt xấu sẽ chẳng dám buông lung giết ăn y như cũ để tự chuốc lấy nỗi lo. Tuy cuốn sách này chẳng nói đến chuyện kiêng giết, nhưng quả thật là sách đứng đầu về kiêng giết, chấn động kẻ điếc, sáng mắt người đui, khiến cho những ai xem thấy đều dấy lòng, đều tự suy nghĩ: "Loài vật còn như thế, lẽ nào con người thua chúng?" bèn cực lực sốt sắng hành trì để khỏi hổ thẹn. Từ đấy gắng sức trọn hết thiên chức, sống chẳng làm thây đi thịt chạy, tận lực tu tịnh hạnh, chết sẽ về thẳng thế giới Cực Lạc, sẽ thấy lẽ nghĩa, nhân nhượng hưng khởi, can qua chấm dứt, thiên hạ thái bình, chánh trí mở mang, tà chấp tiêu diệt, sự giáo hóa của Phật được rộng khắp. Do vậy cho tái bản sách này, dùng hết số tiền ông ta đã gởi để ấn tống, ngõ hầu người thấy nghe đều có được khuôn mẫu để làm người, làm Phật vậy.

67. Lời tựa sách Kỹ Lộ Chỉ Quy

(Năm Dân Quốc 25 - 1936)

Tam giới không đâu chẳng phải là quán trọ, chúng sanh trong lục đạo đều là kẻ nghèo cùng. Tuy hứng chịu khổ vui tạm thời sai khác, nhưng hết vui sẽ tới khổ, rốt cuộc chẳng phải là chỗ an thân lập mạng rốt ráo. Do vậy, đức Thích-ca Thế Tôn ta đặc biệt rủ lòng thương xót, thị hiện giáng sanh trong thế gian, thị hiện thành Chánh giác, tùy theo căn cơ chúng sanh nói đủ mọi pháp khiến cho khắp các chúng sanh đều theo đường về nhà, nhận lãnh

của gia bảo, vĩnh viễn hưởng an lạc. Nhưng các pháp ấy mỗi pháp lợi lạc cho một loại căn cơ, lại chẳng dễ tu tập, dẫu tu cũng khó thể liễu thoát ngay trong đời này, bởi hoàn toàn cậy vào sức giới định tuệ của chính mình để đoạn hoặc chứng chân thì mới thoát sanh tử. Chúng sanh đời mạt pháp khó lòng trông mong được!

Do lòng đại từ bi, đức Như Lai lại bày ra một pháp môn đặc biệt, đó là "tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương", để những người đã đoạn hoặc sẽ nương vào Phật từ lực mau chứng Bồ-đề, kẻ chưa đoạn hoặc sẽ nương vào Phật từ lực liền thoát sanh tử. Thích hợp khắp ba căn, gồm thâu trọn vẹn lợi căn lẫn độn căn; thượng thánh hạ phàm cùng nương về, kẻ mới phát tâm lẫn người tu lâu đều cùng tiến. Pháp môn này không riêng gì phàm phu đầy dẫy phiền não nên chuyên tu, ngay cả bậc Đẳng giác Bồ-tát sắp thành Phật cũng cần phải dùng mười đại nguyện vương hướng dẫn về Cực Lạc thì mới có thể viên thành Phật quả. Pháp môn lớn lao như hư không chứa đựng rộng khắp, pháp môn lợi ích như mùa xuân khiến cho khắp mọi loài sanh trưởng, trọn cả kiếp tán dương cũng khó lòng cùng tận.

Quang nghiệp chướng sâu nặng, trí tuệ cạn mỏng, mấy chục năm qua chuyên tu pháp này. Gần đây các ông Chiến Đức Khắc và Lý Đức Minh ở Cử Thành, tỉnh Sơn Tây, lầm nghe người khác nói, gởi thư xin quy y. Do vậy liền dạy họ "hàng phàm phu sát đất muốn liễu sanh thoát tử

ngay trong đời này mà nếu không niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì trọn chẳng có pháp nào khác để mãn nguyện cả!" Lại gởi cho họ những sách như Văn Sao v.v. để làm căn cứ tu trì. Ông Đức Khắc bèn dựa theo những ý nghĩa ấy, soạn ra cuốn Kỹ Lộ Chỉ Quy (chỉ đường về nơi ngã rẽ), mượn hình thức vấn đáp để tháo gỡ nghi ngờ, làm sáng tỏ tông chỉ. Lại cậy ông Đức Minh giảo duyệt, chí mong lợi người chẳng tiếc tâm lực. Sách đã được ấn hành lưu thông, gởi sách đến chỗ Quang cầu ấn chứng.

Quang đọc xong, khôn ngăn an ủi vui vẻ. Trong ấy có chỗ câu chữ, ý nghĩa chưa viên mãn, sợ độc giả khó thể lãnh hội, nên sửa chữa đôi chút để vừa xem sẽ hiểu ngay, trọn chẳng còn nghi ngờ, bàn bạc nữa! Cho ấn hành để lưu thông rộng rãi ngõ hầu người đọc đối với giáo điển trong suốt một đời đức Phật, chỉ nương theo một pháp khế lý khế cơ "tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương" để tu. Các pháp khác tuy cao sâu huyền diệu, rộng lớn tinh vi, khế lý nhưng không khế cơ đều để làm căn cứ sau khi vãng sanh sẽ tự hành, dạy người. Đối với đủ mọi tà kiến, kiến giải sai lầm, truyền dạy riêng tư, bí mật chẳng truyền của hết thảy ngoại đạo, những lời nói nhăng nói cuội tự xưng là "thật sự được tâm truyền của Phật, tổ" cần gì phải nhắc đến nữa! Tu chỉnh xong xuôi, sắp giao cho thợ in, lại nhận được bài Phát Lộ Sám Hối Văn của ông Thành Phục Sơ gởi đến. Đây cũng là một sự chỉ dạy đường về nơi ngõ rẽ lớn lao rất phổ thông, do vậy bèn đem in kèm vào sau

sách hòng lưu thông rộng rãi để làm gương soi cho người khắp cõi đời vậy!

68. Lời tựa giãi bày ý nghĩa việc Cúng Tế Tổ Tiên Bằng Cỗ Chay

(Năm Dân Quốc 25 - 1936)

Chuyện ăn thịt là chuyện kỳ quái nhất, nhưng do quen làm đã lâu, chẳng biết là sai, ngược ngạo coi đó là lẽ. Vì thế, tế trời đất, cúng giỗ tổ tông, phụng dưỡng cha mẹ, đãi đằng khách khứa đều dùng thịt làm vật biểu thị tấm lòng cung kính. Thánh nhân thế gian chẳng nói đến sự lý nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo, cũng tùy thuận tâm tình của thế tục mà làm theo, nhưng vẫn ra rả về đạo "thương dân yêu vật". Suy từ lòng nhân yêu thương loài vật của thánh nhân, đủ biết sự vô nghĩa của việc dùng thịt nhằm biểu lộ lòng thành, lòng hiếu thảo, hay lòng cung kính. Để biểu thị tấm lòng thành, hiếu thảo, cung kính của ta, hãy nên dùng những món hết sức nhân từ, tươi tắn, thanh tịnh thì mới nên, sao lại dùng những con vật hết sức ô uế như heo, dê, gà, vịt, cá, tôm v.v.. Chúng đang sống sởn sơ lại đem giết chết. Lúc những con vật ấy chết, nỗi đau đớn thảm khốc, lòng oán hận khó thể tuyên nói được. Người có lòng nhân sao nỡ giết những con vật ấy để biểu thị tấm lòng của chính mình ư? Hãy thử suy nghĩ xem lòng thành kính ấy có phải là lòng thành kính thuận lý hay không? Hay là lòng thành kính trái đức vậy? Người nhân cúng giỗ tổ tiên còn

tìm thóc từ nơi người có lòng nhân. Nay cầu món thịt bị giết, bị chặt mà là thành kính hay sao?

Do vậy nói: Sát sanh để tế trời đất chính là trái nghịch đức hiếu sanh của trời đất, thiên thần địa kỳ[2] há coi những con vật ô uế ấy là thơm sạch mà hâm hưởng[3] hay sao? Phàm những kẻ cúng tế chỉ là muốn mượn cớ đó để ăn những thứ đồ cúng đấy thôi! Đối với chuyện cúng tế tổ tiên, phụng dưỡng cha mẹ, đãi đằng khách khứa, hãy nên nghĩ cách có ích cho tổ tông, cha mẹ, khách khứa thì mới hợp lý. Nay dùng sát nghiệp cực thảm khốc để biểu thị tấm lòng hết sức thành kính của ta, khiến cho tổ tông, cha mẹ, khách khứa đều phải mang lấy cái họa do sự giết chóc thì tấm lòng thành kính ấy chính là họa hại, chứ chẳng phải là thành kính! Huống chi hết thảy chúng sanh đều là cha mẹ quá khứ, là chư Phật vị lai, chẳng càng ra sức cứu vớt, lại ngược ngạo biểu thị lòng thành kính của ta bằng cách ra tay sát hại ư?

Kinh Phạm Võng dạy: "Nếu là Phật tử thì do lòng từ nên thực hiện chuyện phóng sanh. Hết thảy người nam là cha ta, hết thảy người nữ là mẹ ta. Ta đời đời không lúc nào chẳng được họ sanh ra. Vì thế chúng sanh trong lục đạo đều là cha mẹ ta, giết để ăn thịt tức là giết cha mẹ ta vậy." Kinh Lăng-nghiêm nói: "Do con người ăn dê, dê chết

---

2 Thiên thần địa kỳ: Thần trên cõi trời gọi là "thiên thần", thần cai quản cõi đất được gọi chung là "địa kỳ".

3 Hâm hưởng: Quỷ thần hưởng thụ vật cúng bằng cách ngửi mùi thì gọi là "hâm hưởng".

thành người, người chết thành dê, chết chết sống sống, ăn nuốt lẫn nhau, do ác nghiệp cùng sanh đến hết đời vị lai. Ngươi thiếu mạng ta, ta trả nợ ngươi. Do nhân duyên ấy, trải trăm ngàn kiếp thường ở trong sanh tử!" Phẩm Đoạn Thực Nhục (bỏ ăn thịt) của kinh Nhập Lăng-già dạy: "Hết thảy chúng sanh từ vô thủy đến nay luân hồi chẳng ngơi trong sanh tử, không ai chẳng từng là cha mẹ, anh em, con cái, quyến thuộc cho đến bạn bè, người thân ái, tôi tớ, đổi sang kiếp khác lại mang những thân cầm thú v.v.. Sao lại giết chúng để ăn thịt?"

Người đời chỉ biết đời hiện tại, chẳng biết đến quá khứ, vị lai, vì thế giết thân chúng nó để no ứ bụng ta mà coi đó là lẽ đương nhiên. Nếu biết đời đời kiếp kiếp phải đền trả lẫn nhau, cũng như ta và những con vật ấy là cha mẹ, anh em, quyến thuộc của nhau, sanh ra nhau, là oán gia đối đầu của nhau, giết lẫn nhau, đừng nói chẳng dám tự ăn, dù tế lễ trời đất, tổ tông, phụng dưỡng cha mẹ, đãi đằng khách khứa cũng chẳng dám dùng thịt! Bởi lẽ thịt là vật do tinh huyết tạo thành, nói trời đất thần thánh hưởng những thứ ấy, khác gì vu báng các ngài ăn thịt người! Cúng giỗ tổ tiên, phụng dưỡng cha mẹ, đãi đằng khách khứa, nào khác giết tổ tông, cha mẹ, khách khứa trong quá khứ để cung phụng tổ tông, cha mẹ, khách khứa trong hiện tại, lại còn khiến cho tổ tông, cha mẹ, khách khứa trong hiện tại bao kiếp phải thường chịu quả báo giết hại ư?

Chớ nói con người luân hồi thành súc vật là chuyện

mờ mịt khó thể tra cứu, sử sách đã ghi chép nhiều không thể kể xiết. Ngay cả những chuyện thấy nghe gần đây cũng chẳng ít gì! Vì thế, đương nhiên phải tin tưởng sâu xa, đừng tạo sát nghiệp, do đã tạo sát nghiệp ắt sẽ phải chịu sát báo. Kinh dạy: "Bồ-tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả", sợ nhân thì chẳng gây nhân giết chóc, sẽ tự chẳng có sát báo; sợ quả chỉ là uổng công kinh sợ, trọn chẳng có ích gì. Ông Chu Thiện Xương ở Dư Diêu từ sau khi quy y chẳng ăn đồ mặn, do năm sau nhằm đúng dịp ông phải lo liệu cỗ bàn cúng giỗ vị tổ đời thứ 29 là Liễu Am Công. Những vật phẩm để cúng từ trước đến giờ đều có lệ nhất định rồi, chẳng được thay đổi. Ông ta đã bàn bạc sẵn biện pháp với tộc thúc tổ (ông chú trong họ) là cụ Sở Thường. Cụ Thường là người thông suốt, hiểu lý, hết sức tán thành. Bèn vào ngày Đông Chí, tập hợp cả họ bàn bạc, kể từ năm sau trở đi, từ rày giỗ tổ nhất loạt dùng đồ chay, chẳng dùng cỗ mặn. Mọi người đều cùng chấp thuận, vĩnh viễn lấy đó làm lệ nhất định, cậy tôi viết lời tựa để con cháu đời sau và những người thấy nghe ai nấy đều hành lòng hiếu chân chánh. Do vậy bèn nói đại lược nguyên do như thế đó.

69. Lời tựa cho bản kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm được viết bằng lối chữ khải

(Năm Dân Quốc 24 - 1935)

Thật tế lý địa chẳng lập mảy trần, phàm - thánh, chúng sanh - Phật đều khó xưng nói. Về phương diện tu trì

cần phải đầy đủ các đức, nếu thiếu một pháp thì chẳng thể chứng pháp thân được. Đức Thích-ca Mâu-ni Thế Tôn ta trong trần điểm kiếp[4] trước đã sớm thành Chánh giác, vì độ chúng sanh bèn thị hiện giáng sanh trong thế gian, ẩn giấu thánh đức, thị hiện chưa ngộ giống như chúng sanh để làm gương cho muôn loài. Xuất gia tu đạo, đến lúc sao Mai vừa ló dạng, hoát nhiên đại ngộ, than rằng: "Lạ thay, hết thảy chúng sanh đều sẵn đủ trí tuệ của Như Lai, nhưng do vọng tưởng, chấp trước mà chẳng thể chứng đắc. Nếu lìa vọng tưởng, chấp trước thì nhất thiết trí, vô sư trí, tự nhiên trí[5] đều được hiện tiền." Do vậy trong hội rộng lớn

---

4 Số kiếp như số bụi vi trần.

5 Nhất thiết trí (sarvajña) còn được phiên âm là *tát-bà-nhã trí*, tức trí đúng như thật hiểu rõ hết thảy các pháp tướng bên trong lẫn bên ngoài. Kinh Nhân Vương Hộ Quốc Bát-nhã Ba-la-mật-đa, quyển hạ giải thích: "Trọn đủ vô lậu giới, thường tịnh giải thoát thân, tịch diệt chẳng nghĩ bàn, gọi là nhất thiết trí." Luận Du-già Sư Địa, quyển 38 giảng: "Trong hết thảy cõi, hết thảy sự, hết thảy phẩm, hết thảy thời trí vô ngại nên gọi là nhất thiết trí." Luận Đại Trí Độ giảng: "Về tổng tướng thì là nhất thiết trí, biệt tướng là nhất thiết chủng trí, nhân là nhất thiết trí, quả là nhất thiết chủng trí, nói lược là nhất thiết trí, nói rộng là nhất thiết chủng trí. Nhất thiết trí là phá hết thảy sự vô minh tối tăm trong hết thảy các pháp, nhất thiết chủng trí là quán các pháp môn, phá các vô minh… Nhất thiết trí là chuyện của Thanh văn, Duyên giác, đạo trí là chuyện của Bồ-tát, nhất thiết chủng trí là chuyện của Phật."

Vô sư trí (anupadista-jñāna), tức trí thành tựu không nhờ vào sức của người khác, không đợi người khác dạy mà tự nhiên thành tựu. Trí tuệ do tự mình chứng ngộ, như trí tuệ do đức Phật tự chứng chẳng hạn, hoặc như bậc Duyên giác, quán các pháp nhân duyên sanh diệt bèn chứng trí giác.

Tự nhiên trí (svayambhū-jñāna), chư Phật không cần dụng công, tự nhiên sanh ra nhất thiết chủng trí. Trong Pháp Hoa Kinh Huyền Tán, quyển năm, pháp sư Khuy Cơ đời Đường đã viết: "Phật do giác ngộ mà sanh ra hai trí: quán không trí và quán hữu sự trí, hai trí ấy được gọi là tự nhiên trí." Đại Nhật Kinh Sớ, quyển sáu chép: "Tự nhiên trí là trí do đức Như Lai tự giác tự chứng, chứ không do tu học mà có, cũng không có cách nào truyền dạy cho người khác được." Tổng hợp hai cách giải nghĩa này thì *tự nhiên trí* chính là tác dụng của sự giác ngộ hoàn toàn, tức nói đến mặt lực dụng của *nhất thiết chủng trí* sau khi đã viên mãn Phật quả.

như biển, những vị tụ họp như mây nhóm về thế giới Hoa Tạng đều là Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác, tức các Pháp thân đại sĩ thuộc 41 địa vị. Trong Bồ-đề tràng và sáu nơi khác[6], nói nhất chân pháp giới tịch chiếu[7] viên dung, chúng sanh và Phật chẳng hai, lý tánh chẳng thể gọi là có hay không, và sự tu nhân chứng quả của các giai đoạn từ Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác cho đến Diệu giác Phật quả.

Vì thế biết, lý do sự hiển, sự do lý thành, lý sự viên dung mới hợp Phật đạo. Đời có kẻ cuồng chuyên trọng lý tánh, chẳng chuyên chú sự tu, trên là trái nghịch lời Phật dạy, dưới là phụ bạc tự tâm, tự lầm lầm người, thật đáng thương xót! Kinh này gồm 81 quyển, 39 phẩm, quốc sư Thanh Lương chia thành bốn phần Tín - Giải - Hạnh - Chứng. Lại gọi 6 phẩm thuộc phần Tín là *Sở tín nhân quả châu*[8], 31 phẩm kinh thuộc phần Giải được chia thành hai

---

6 Kinh Hoa Nghiêm được giảng tại bảy chỗ là Tịch Diệt đạo tràng (tức Bồ-đề tràng), điện Phổ Quang Minh, Đao-lợi thiên cung, Dạ-ma thiên cung, Đâu-suất thiên cung, Tha Hóa Tự Tại thiên cung và rừng Thệ-đa.

7 Tịch: Vắng lặng, không xao động. Đây là thuật ngữ mô tả Phật tánh thường hằng bất biến, không bị ngoại cảnh làm ô nhiễm, biến đổi, thường được diễn tả bằng câu nói "bất sanh, bất diệt, bất nhất, bất nhị, bất tăng, bất giảm, bất cấu, bất tịnh". Giải thích một cách nông cạn thì *chiếu* là khả năng nhận biết thông suốt mọi sự. Tuy thông suốt nhưng không chấp trước, không bị ô nhiễm bởi ngoại cảnh nên nói là "tuy chiếu mà thường tịch", dẫu vắng lặng nhưng không hề mất khả năng thấu hiểu trọn vẹn nên gọi là "tuy tịch nhưng thường chiếu".

8 Đây là cách phán định giáo nghĩa kinh Hoa Nghiêm đã được ghi trong quyển ba và bốn của Hoa Nghiêm Kinh Sớ:

1. Sở tín nhân quả châu từ phẩm thứ nhất đến phẩm thứ sáu. Năm phẩm đầu hiển thị quả đức của Tỳ-lô-giá-na Như Lai, phẩm thứ sáu xiển dương rõ ràng cái nhân chánh

châu: 29 phẩm đầu gọi là *Sai biệt nhân quả châu*, 2 phẩm sau gọi là *Bình đẳng nhân quả châu*. Phần thứ ba là Hạnh gồm một phẩm kinh, được gọi là *Thành hạnh nhân quả châu*. Phần thứ tư là Chứng gồm một phẩm kinh, được gọi là *Chứng nhập nhân quả châu*.

"Châu" có nghĩa là sự lẫn lý đều trọn đủ, không bị khiếm khuyết. Đại cương của trọn bộ kinh đã được nêu ra hết sạch, y theo đây để tu trì sẽ đạt thẳng tới chỗ sâu thẳm. Tám hội trước trọn chẳng có phàm phu, Nhị thừa. Tuy có thiên long bát bộ, nhưng đều là bậc đại quyền thị hiện, chẳng thật sự là phàm phu bị trói buộc bởi nghiệp.

---

yếu để thành Phật. Do khơi gợi lòng tin tưởng khiến chúng sanh nhận lãnh giáo pháp nên gọi là Sở tín nhân quả.

2. Sai biệt nhân quả châu là phần nói về nhân quả tu hành, nói về những pháp môn sai biệt của 41 địa vị Pháp Thân đại sĩ và 10 địa vị thuộc Thập tín (Thập tín không thuộc vào Pháp thân đại sĩ), gồm tổng cộng 29 phẩm: 26 phẩm đầu nói về nhân sai biệt trong 51 địa vị (Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác), 3 phẩm sau nói về quả tướng sai biệt của tam đức.

3. Bình đẳng nhân quả châu (còn gọi là hiển tu nhân quả, xuất hiện nhân quả), gồm 2 phẩm: phẩm Phổ Hiền Hạnh nói về cái nhân viên mãn bình đẳng; phẩm Như Lai Xuất Hiện Tướng nói về quả báo viên mãn của đức Tỳ-lô-giá-na. Do nhân quả nhiếp thụ lẫn nhau, bình đẳng bất nhị nên gọi là Bình đẳng nhân quả.

4. Thành hạnh nhân quả châu (còn gọi là xuất thế nhân quả): Chỉ gồm một phẩm, tức phẩm Ly Thế Gian, phần đầu nói về nhân hạnh nơi 5 địa vị, phần kế dạy rõ về quả tướng đại dụng của 8 tướng thành Phật, nên gọi là Thành hạnh nhân quả.

5. Chứng nhập nhân quả châu: Chỉ gồm một phẩm, tức phẩm Nhập Pháp Giới, phần đầu giảng về đại dụng tự tại của Phật quả, phần sau hiển thị Bồ-tát khởi dụng tu nhân, đồng thời chứng nhập cả nhân lẫn quả nên gọi là Chứng nhập nhân quả.

Xin lưu ý là phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện thật ra là phần cuối của phẩm Nhập Pháp Giới, bản Bát Thập Hoa Nghiêm do ngài Thật-xoa-nan-đà dịch bị thiếu mất phần này; về sau ngài Bát-nhã đem phần này sang Trung Hoa và dịch ra tiếng Hán, kinh Hoa Nghiêm mới được viên mãn. Do phần cuối này là cương yếu của toàn phẩm Nhập Pháp Giới cũng như của toàn bộ kinh Hoa Nghiêm nên được chia thành một cuốn riêng và lưu hành như một phẩm riêng biệt.

Một hội cuối tuy có Thanh văn như ngài Xá-lợi-phất v.v. dẫu đã chứng thánh quả, nhưng ở trong hội chẳng thấy được pháp thân thắng diệu của đức Như Lai, chẳng nghe diệu lý viên đốn Nhất thừa, chỉ thấy thân ứng hóa của Như Lai và nghe pháp sanh diệt tứ đế mà thôi. Đấy gọi là "một thân hiện tướng, nhưng thấy thù thắng hay kém hèn khác biệt; một âm thuyết pháp, nhưng nghe thành pháp thiên hay viên khác biệt". Đến khi ngài Văn-thù đến trước Đại Tháp Miếu nơi Phước Thành[9], Thiện Tài[10] thân cận Văn-thù, đã chứng trọn tâm Thập tín rồi, vâng lời ngài Văn-thù dạy, đi về phương Nam tham học với 53 vị thiện tri thức, đầu tiên tham kiến ngài Đức Vân, liền chứng Sơ trụ. Từ đấy hễ nghe liền chứng, cuối cùng đến chỗ Phổ Hiền, Phổ Hiền dùng oai thần gia bị, khiến sở chứng của Thiện Tài bằng với Phổ Hiền, ngang với chư Phật, thành Đẳng giác Bồ-tát. Phổ Hiền liền vì Thiện Tài xưng tán công đức thù thắng, nhiệm mầu của Như Lai, khuyến tấn Thiện Tài và Hoa Tạng hải chúng đều cùng dùng công đức của mười đại

---

9 Theo kinh Bát Thập Hoa Nghiêm, khi ngài Văn-thù du hành về phương Nam đã nghỉ chân tại rừng Trang Nghiêm Tràng Sa-la ở phía Đông của Phước Thành. Thành này là nơi chư Phật trong quá khứ từng an cư để giáo hóa chúng sanh. Nơi ấy có một ngôi tháp miếu lớn, chính là chỗ Phật Thích-ca trong quá khứ tu nhân hạnh Bồ-tát đã xả được những điều khó xả nhất.

10 Theo phẩm Nhập Pháp Giới của kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử (Sudhana-śresthi-dāraka) là con một vị trưởng giả ở Phước Thành. Do lúc sanh ra trong nhà tự nhiên xuất hiện đủ thứ trân bảo nên có tên là Thiện Tài. Theo Hoa Nghiêm Kinh Thám Huyền Ký quyển 10, lịch trình tham học của Thiện Tài với các vị tri thức chính là lịch trình tu học xuyên suốt 51 địa vị (chỉ riêng ở nơi ngài Văn-thù, Thiện Tài đã chứng trọn 10 địa vị thuộc Thập tín), thể hiện ý nghĩa "nhất sanh thành Phật" (thành Phật ngay trong một đời).

nguyện vương hồi hướng vãng sanh Cực Lạc thế giới để mong viên mãn Phật quả. Kinh này dạy rõ trọn vẹn nhân quả thành Phật trong một đời, lấy cầu sanh Tây Phương làm chỗ quy kết. Đủ biết pháp niệm Phật cầu sanh Tây Phương là pháp môn tổng trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Trong đời có hạng hành nhân miệt thị nhân quả và Tịnh độ đều là vì chẳng biết nhân quả và Tịnh độ chính là căn bản để thành Phật, cứ tưởng điều đó chỉ thích hợp cho hàng ngu phu ngu phụ đến nỗi tự đánh mất lợi lành.

Cư sĩ Tào Tung Kiều dốc lòng tin tưởng Phật thừa, mang tâm tự lập lập người, tự lợi lợi tha, làm những chuyện giúp ngặt cứu nghèo, cứu trợ tai nạn, cứu khổ, hơn mười năm qua miệt mài gắng sức, tận lực thực hiện việc lành, tốn kém chẳng ít. Mười chuyện dự tính thực hiện lúc đầu, nay chỉ còn hai chuyện chưa thể tiến hành. Do quyên mộ khó khăn nên phát tâm chép toàn bộ kinh Hoa Nghiêm để mong những nhà đại từ thiện thỉnh về thọ trì đọc tụng, rồi sẽ chẳng tiếc khoản tiền lớn lao để thành tựu hai việc lành ấy thì người chép, kẻ thọ trì đều thực hiện được tài thí lẫn pháp thí. Những kẻ nghèo khổ kia do được che chở đều sanh lòng cảm kích xưng niệm Phật hiệu sẽ có thể trong đời này hoặc trong tương lai vãng sanh Tây Phương, đều là do việc chép kinh và tụng kinh phát khởi. Công đức ấy há thể nói tận ư?

Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện có câu: "Nếu Bồ-tát có thể tùy thuận chúng sanh thì chính là tùy thuận cúng dường chư Phật. Nếu tôn trọng, thừa sự chúng sanh, chính là tôn trọng và thừa sự Như Lai. Nếu làm cho chúng sanh hoan hỷ sẽ khiến cho hết thảy Như Lai hoan hỷ. Vì sao? Do chư Phật Như Lai dùng lòng đại bi làm thể, do nơi chúng sanh mà khởi đại bi. Do nơi đại bi mà sanh tâm Bồ-đề. Do tâm Bồ-đề thành Đẳng chánh giác." Do vậy biết: Cha trời mẹ đất, dân là ruột thịt, loài vật giống như ta, đối đãi bình đẳng là chuyện phải tùy theo khả năng mà gắng thực hiện vậy. Quang thẹn chẳng có tài lực, lại không có đạo đức, cảm động trước tấm lòng thành vì dân nghèo của ông ta, lược thuật đại ý kinh này để mong người thấy kẻ nghe đối với hai việc cứu giúp người nghèo và niệm Phật sẽ đều phát tâm ngõ hầu chẳng đến nỗi vốn sẵn Phật tánh có thể thành Phật mà lại chìm đắm dài lâu trong tam đồ lục đạo, oan uổng chịu khổ sở chẳng thụ dụng được.

70. Lời tựa cho bản chép kinh Pháp Hoa

(Năm Dân Quốc 22 -1933)

Kinh Pháp Hoa nghĩa lý rộng sâu, công đức rộng lớn, khai quyền hiển thật, thọ ký Thanh văn thành Phật, việc lành "tán tâm niệm Phật và giơ tay, cúi đầu" cũng đều là cái nhân để thành Phật trong vị lai. Khai tích hiển bổn, dạy rõ Như Lai thọ lượng vô biên, quyến thuộc nơi bổn địa[11] và

11 Trong phẩm Tùng Địa Dũng Xuất kinh Pháp Hoa, khi các Bồ-tát từ những phương

diệu dụng lợi sanh của bậc đại sĩ cũng được tỏ rõ triệt để về mặt bổn lẫn mặt tích, khiến cho khắp hết thảy chúng sanh đều cùng biết nỗi khổ luân hồi bao kiếp là huyễn vọng, biết Phật tánh sẵn có nơi chân tâm. Từ đó, trên là ngưỡng mộ chư thánh, dưới trọng tánh linh của chính mình, tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương để mong vĩnh viễn thoát khỏi ngũ trược, mau chứng Vô sanh như trong phẩm Dược Vương Bổn Sự đã dạy. Thỏa mãn bản hoài xuất thế của Như Lai, là sự hướng dẫn tốt lành cho chúng sanh trong chín giới. Lợi ích ấy nếu không phải là Phật sẽ không thể biết được! Do vậy, hễ ai đọc tụng thọ trì, biên chép lưu thông thì công đức ấy phàm phu trong thế gian, Nhị thừa chẳng thể nào suy lường được!

Tôi thường nói: "Muốn được lợi ích chân thật nơi Phật pháp thì phải cầu từ nơi cung kính. Có một phần cung kính liền tiêu được một phần tội nghiệp, tăng một phần phước tuệ. Có mười phần cung kính liền tiêu được mười phần tội nghiệp, tăng được mười phần phước tuệ." Phàm những ai đọc tụng, thọ trì, biên chép đều phải giữ thân khẩu ý trong sạch, cạn lòng thành, kiệt lòng kính như trung thần tuân phụng thánh chỉ của minh chúa, như hiếu

---

khác đến dự hội phát nguyện thụ trì, lưu thông kinh này, Phật nói "không cần, vì trong cõi này đã có các vị Bồ-tát phát nguyện hộ trì, lưu thông kinh!" Đức Như Lai nói xong, từ dưới đất vọt lên vô số vị Bồ-tát chẳng thể đếm kể được. Ngài Di-lặc Bồ-tát nhân đấy khởi lòng nghi, hỏi vì sao đức Phật chỉ thành đạo trong thời gian rất ngắn lại có thể giáo hóa vô lượng vô biên vị Bồ-tát như vậy. Tiếp đó, trong phẩm Như Lai Thọ Lượng, đức Phật bèn nói rõ thọ lượng không thể nghĩ bàn của Như Lai, cũng như ngài đã thành Phật từ bao kiếp lâu xa mà hàng phàm phu chẳng thể hình dung được.

tử đọc di chúc của từ thân (cha mẹ nhân từ), cung kính run sợ, chẳng dám coi thường thì vô biên lợi ích sẽ tự đích thân đạt được. Nếu khinh mạn, không kính nể, mặc lòng khinh nhờn, cũng giống như những nhà Nho đọc sách Nho trong thời gần đây, trọn chẳng có ý tưởng giống như đang đối trước thánh hiền, chẳng dám nghĩ tưởng dễ duôi, [những kẻ đọc tụng theo kiểu khinh nhờn ấy] tuy cũng có thể gieo được thiện căn đắc độ trong tương lai, nhưng cái tội khinh nhờn, ngạo mạn thật chẳng cạn nhỏ! Vì thế chẳng thể không chú ý. Do cư sĩ Khế Thành Tào Tung Kiều kính cẩn chép kinh này, muốn cho những người thọ trì đọc tụng sau này đều được lợi ích chân thật, nên cậy tôi lược thuật ý nghĩa. Do vậy tôi bèn viết bài tựa này để tặng cho. Nếu chẳng coi lời tôi sai lầm thì lợi ích đạt được sẽ chẳng thể hình dung bằng ngôn ngữ, văn tự được đâu!

71. Lời tựa cho tập sách Thượng Hải Hộ Quốc Tức Tai Pháp Hội Pháp Ngữ

(Năm Dân Quốc 25 -1936)

Ấn Quang tôi là một ông tăng phàm tục ở Tây Tần[12] chỉ biết đến cơm cháo, trăm sự không làm được điều gì, túc nghiệp sâu nặng đến nỗi trời phải quở trách. Mới sanh được sáu tháng đã mắc bệnh mắt, trong suốt 180 ngày không mở nổi mắt. Ngoại trừ lúc ăn, ngủ ra, thường khóc suốt ngày đêm.

12 Tổ Ấn Quang quê ở Thiểm Tây. Tỉnh Thiểm Tây thuộc lãnh thổ cũ của đất Tần (thời Xuân Thu Chiến Quốc) nên Thiểm Tây còn được gọi là Tây Tần.

Nhờ thiện lực xưa, may còn được thấy ánh mặt trời, cũng may mắn lắm! Đến tuổi thiếu niên[13] đọc sách, lại bị hãm vào vực xoáy báng Phật của Trình, Chu, Âu, Hàn[14], từ đấy hằng ngày chuyên chí bác Phật, nghiệp tướng lại hiện, bệnh tật triền miên. Tận lực nghĩ ngợi, suy xét cặn kẽ mới biết lỗi đó; năm 21 tuổi, xuất gia làm tăng. Nhân thấy tăng chúng có kẻ chẳng như pháp nên phát nguyện chẳng trụ trì chùa miếu, chẳng thu đồ đệ, chẳng hóa duyên[15], chẳng cùng ai kết xã lập hội. Hơn 50 năm chẳng đổi chí ban đầu, sống lẩn quất[16] gần Ngô Môn. Đầu tháng 9, lý sự trưởng (hội trưởng) hội Phật giáo Trung Quốc là pháp sư Viên Anh, các vị lãnh tụ của học hội Bồ-đề như cư sĩ Khuất Văn Lục v.v. thấy Quang tuổi cao, ngỡ tôi có chút tâm đắc, nào hay tôi chỉ biết húp cháo nuốt cơm, họ thỉnh tôi khi pháp hội Tức Tai Hộ Quốc khai mạc, sẽ đến đất Hỗ[17] diễn thuyết. Cố sức từ chối chẳng được, chỉ đành đem điều mình hiểu biết lầm lạc bù đắp sự lầm lạc[18].

Đến kỳ, mỗi ngày ông Đặng Huệ Tải và hai ba vị cư

---

13 Nguyên văn "thành đồng": Theo tự điển Từ Hải, từ 13 tuổi trở lên, 17 tuổi trở xuống thì gọi là "thành đồng".

14 Trình, Chu, Âu, Hàn là Trình Y Xuyên, Chu Hy, Âu Dương Tu, Hàn Dũ, họ là những nhà Tống Nho cực lực bài xích đạo Phật. Người bài bác đạo Phật nặng nề nhất là họ Trình và họ Chu.

15 Hóa duyên: Kêu gọi tín đồ đóng góp cúng dường.

16 Nguyên văn là "hoạt mai" (chôn sống), ý tổ nói sống mà ẩn dật như người đã chết rồi. Ở đây chúng tôi chỉ dịch gọn là "lẩn quất".

17 Ở vùng Thượng Hải có con sông lớn tên là Hỗ Độc giang, nên người Hoa hay gọi Thượng Hải là đất Hỗ.

18 Ở đây đại sư ý muốn dùng câu "tương thác tựu thác" của ông Vô Vi Tử (Tống Dương Kiệt), ngụ ý: Khi chưa triệt chứng Phật tánh thì cầu sanh Tịnh độ vẫn là lầm lạc, nhưng phải dùng cái lầm lạc đó để tạo cơ hội dứt trừ cái lầm lạc trong đường sanh tử.

sĩ ở Vô Tích đều dùng máy thu âm thu lại, nghe băng chép ra, mang đến xin tôi giám định, tính đem ấn hành. Những bản sao lục này có vài điểm sai khác đôi chút, nhưng bản sao của ông Đặng chép chữ to, nên tôi dựa theo đó sửa đổi, tóm tắt lại. Cảo bản[19] này bậc thông huệ chẳng cần xem đến, còn ai ngu độn như Ấn Quang tôi mà lại muốn ngay trong đời này kết liễu đại sự sanh tử và muốn trị tâm, trị thân, trị gia, trị quốc, nhưng chẳng biết bắt đầu từ đâu, xem đến cảo bản này họa chăng có điều bổ ích vậy.

72. Lời tựa cho niên san của Phật giáo Tịnh nghiệp xã tại Vô Tích

(Năm Dân Quốc 25 - 1936)

Thánh giáo của Như Lai pháp môn vô lượng, hễ y theo một pháp nào dùng Bồ-đề tâm để tu trì thì đều có thể liễu sanh thoát tử, thành Phật đạo. Nhưng trong khi tu còn chưa chứng, sẽ có sự khó dễ, nhanh chậm khác biệt lớn lao. Tìm lấy một pháp chí viên chí đốn, đơn giản nhất, dễ dàng nhất, khế lý khế cơ, vừa là tu, vừa là tánh, thích hợp khắp cả ba căn, thâu nhiếp trọn vẹn độn căn lẫn lợi căn, là chỗ quy túc của các tông Luật, Giáo, Thiền, Mật, là con đường tắt cho người trời, phàm thánh chứng chân thì không gì bằng một pháp tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương! Ấy là vì hết thảy pháp môn đều cậy vào tự

19 Cảo bản: Bản nháp, ở đây tổ dùng với ý nghĩa lời giảng giải của ngài thô sơ, thiếu sót, không hoàn chỉnh.

lực, còn pháp môn niệm Phật lại kiêm nhờ vào Phật lực. Cậy vào tự lực thì nếu chưa đoạn sạch phiền hoặc sẽ chẳng thể vượt khỏi tam giới. Cậy vào Phật lực, nếu tín nguyện chân thật thiết tha sẽ có thể cao đăng chín phẩm sen. Con người hiện thời muốn giải quyết xong đại sự sanh tử ngay trong đời này mà bỏ pháp này thì trọn chẳng còn hy vọng gì hết.

Phải biết: Pháp môn Tịnh độ pháp pháp viên thông, như vầng mặt trăng sáng ngời giữa trời, dòng sông nào cũng đều hiện bóng, thủy ngân rớt xuống đất, giọt nào cũng tròn xoe. Chẳng riêng gì cách vật trí tri, cùng lý tận tánh, giác thế yên dân, giữ cho nước nhà yên ổn, đều có lợi ích lớn lao thần diệu, mà ngay như cả sĩ nông công thương muốn phát triển sự nghiệp, già trẻ nam nữ muốn tiêu diệt tật bệnh, khổ não, không ai chẳng "hễ cảm liền ứng, vừa lòng mãn nguyện". Nay lòng người suy hãm, cõi đời rối ren đến cùng cực, phế kinh điển, phế luân thường, bỏ lòng hiếu, vứt lòng thẹn, tranh đất giành thành, tàn sát lẫn nhau, đủ mọi tà thuyết bạo hành được cực lực đề xướng. Nếu chẳng cứu vãn, chắc đạo làm người sẽ gần như diệt mất. Do vậy, những người hữu tâm các nơi đua nhau đề xướng Phật pháp, nêu bày nhân quả ba đời, tỏ rõ luân hồi lục đạo, chỉ ra Sa-bà trược ác, nêu rõ Cực Lạc nghiêm tịnh để mong con người trong thời buổi này sẽ dẹp trừ lòng ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lại lễ nghĩa, sống thì dự vào địa vị thánh hiền, liễu sanh thoát tử, mất sẽ trở về cõi Cực Lạc.

Ở Vô Tích, các cư sĩ Dương Tiểu Lệ, Tần Hiệu Lỗ, Viên Lệ Đình, Tào Bội Linh v.v. lập một Tịnh nghiệp xã tại chùa Sùng An, mồng 1, ngày Rằm mỗi tháng tụ họp mọi người niệm Phật, đồng thời diễn thuyết đạo "sống trong cõi trần học đạo, nơi rẫy bái báo quốc, giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành" và pháp "thật vì sanh tử, phát tâm Bồ-đề, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tịnh độ" ngõ hầu hết thảy mọi người biết duyên do "ai nấy đều có thể là Nghiêu - Thuấn, ai nấy đều có thể thành Phật" sẽ trong hết thảy thời, hết thảy chỗ đều chuyên chú mong thành thánh, học Phật. Đấy thật sự là pháp môn đại phương tiện để "chẳng có địa vị mà hộ quốc cứu dân, chẳng tỏ lộ hình tích mà thay đổi phong tục". Nay đã thực hiện được tròn một năm, thành tích của tất cả những việc lành đã thực hiện và những kinh phí chi ra, thu vào mỗi mỗi đều liệt kê trong sách để bố cáo, cậy tôi soạn lời tựa để nêu sơ lược đại ý vậy.

73. Lời tựa trình bày duyên khởi của liên xã Đôn Luân

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Phật pháp là tâm pháp, tâm pháp ấy chúng sanh, Phật, phàm, thánh, ai nấy đều có. Chúng sanh thì toàn thể là mê trái nên dẫu có vẫn như không. Phật thì triệt ngộ, triệt chứng, đích thân được thọ dụng, lại còn dấy lòng đại

từ bi, đem sở ngộ sở chứng của chính mình chỉ dạy hết thảy chúng sanh ngõ hầu họ đều triệt ngộ, triệt chứng mới thôi. Nhưng vì chúng sanh mê muội, trái nghịch đã lâu, dù nghe đủ mọi pháp môn đối trị, nhưng bởi hoặc nghiệp sâu dày, phước tuệ cạn mỏng nên khó lòng đạt được hiệu quả thành công ngay trong đời này. Do đã khó thể đạt được hiệu quả thành công ngay trong đời này nên lại phải thọ sanh, quá nửa bị mê mất, đến nỗi trải kiếp lâu xa luân hồi sanh tử, không do đâu thoát lìa được. Đức Như Lai thương xót, đặc biệt mở ra pháp môn tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương ngõ hầu hết thảy dù thánh hay phàm, thượng trung hạ căn đều nương vào đại bi nguyện lực của đức Phật Di-đà cùng trong đời này thoát cõi Sa-bà đây, sanh về cõi Cực Lạc kia, khiến cho kẻ đã đoạn hoặc mau chứng Vô sanh, kẻ chưa đoạn hoặc cũng lên Bất thoái.

Pháp này vừa cạn vừa sâu, vừa là quyền vừa là thật, thượng thượng căn chẳng thể vượt khỏi cửa thành này. Vì thế bậc đã chứng Đẳng giác còn phải dùng mười nguyện dẫn về, kẻ hạ hạ căn cũng có thể đạt đến cõi này. Do vậy kẻ sắp đọa địa ngục A-tỳ vẫn có thể dự vào chín phẩm. Thực hiện dễ, thành công cao, dùng sức ít, đạt hiệu quả nhanh, thỏa thích bản hoài xuất thế của Như Lai, là đạo thông đạt để chúng sanh thoát khổ. Vì thế các vị Bồ-tát Văn-thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ v.v, các tổ sư như Viễn công, Trí Giả, Thanh Lương, Vĩnh Minh v.v đều cùng hiện tướng lưỡi rộng dài để tán dương, phát tâm Kim Cang để lưu truyền rộng khắp; bởi pháp này chính là pháp môn

tổng trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh vậy. Chúng sanh đời mạt căn cơ kém hèn, bỏ pháp môn này thì làm sao yên được?

Tần Xuyên chính là cõi đất hoằng dương Tịnh độ của các đại sư Thiện Đạo, Pháp Chiếu, Phi Tích, Huệ Nhật[20] v.v. xưa kia, hết thảy tứ chúng xưa kia cũng đã gieo thiện căn sâu đậm, nhưng do từ sau đời Đường hiếm có người hoằng dương pháp này đến nỗi túc căn chẳng thể phát sanh tăng trưởng, đáng than thay! Gần đây thế đạo nhân tâm chìm đắm đến cùng cực, thiên tai nhân họa liên tiếp giáng xuống, vận nước nguy ngập, dân không lẽ sống. Người có tâm lo cho thế đạo đều cùng đề xướng Phật học, bởi trong đời hiện thời nếu chẳng cực lực đề xướng sự lý nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi v.v. thì thiện không có gì để khuyên, ác không có gì để phạt, muốn cho con người

---

20 Huệ Nhật (680-748) là một vị cao tăng Tịnh độ đời Đường, quê ở Đông Lai (tỉnh Sơn Đông), từ nhỏ đã theo học với pháp sư Nghĩa Tịnh sau khi ngài cầu pháp từ Thiên Trúc trở về, tự thề sẽ noi gương thầy sang Ấn Độ. Năm Tự Thánh 19 (702), sư ngồi thuyền qua các quần đảo Côn Luân (nay là nhóm đảo Mã Lai, Nam Dương), Phật Thệ (nay là Sumatra), qua Sư Tử Châu (Sri Lanka), rồi đến Ấn Độ, triều lễ thánh tích, tìm cầu kinh điển bằng Phạn văn, tham phỏng các vị thiện tri thức suốt 13 năm không nề hà gian khổ. Qua gian khổ, ý nguyện nhàm chán Sa-bà, sanh về Phật quốc yên vui càng sâu đậm, các vị Tam tạng pháp sư mà sư được tiếp xúc đều nồng nhiệt khen ngợi Tịnh độ A-di-đà thù thắng. Khi sư đến nước Ma-kiệt-đà, ở phía Đông kinh đô có một quả núi trên đó có tượng Quán Âm, sư đến lễ thánh tượng, nhịn ăn cầu nguyện, đến ngày thứ bảy mới cảm được Đại sĩ hiện thân sắc vàng, xoa đầu khai thị. Sư tiếp tục đi tham học nơi bảy tiểu quốc nữa, đến năm Khai Nguyên thứ bảy (719) mới trở về Trường An, dâng lên tượng Phật và kinh điển. Huyền Tông sắc tứ danh hiệu Từ Mẫn Tam Tạng. Sư siêng tu pháp môn niệm Phật, hoằng dương giáo nghĩa Tịnh độ, biên soạn các tác phẩm như Vãng Sanh Tịnh Độ Tập (3 quyển), Ban-chu Tam-muội Tán v.v..

chẳng ăn nuốt lẫn nhau há có được chăng? Nếu chẳng đề xướng kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, trì trai, ăn chay thì sát kiếp ngập trời làm sao dứt được? Nếu chẳng đề xướng giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành thì phế kinh điển, phế luân thường, phế hiếu, chẳng thẹn, tranh thành giành đất, tàn sát lẫn nhau, những tà thuyết bạo hành sẽ khiến cho nhân dân trong khắp cõi đời cùng mắc nỗi khổ tử vong. Nếu chẳng đề xướng tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương thì lục đạo luân hồi ai có thể thoát được? Đây chính là lý do những bậc quân tử hiểu lý đề xướng Phật học trong thời gần đây.

Phật pháp chứa trọn cương thường, luân lý thế gian, lại còn nói rõ quả báo thiện ác do trọn hết hay không trọn hết tình nghĩa, bổn phận. Quả thật là đạo trọng yếu để trị quốc bình thiên hạ. Những kẻ đố kỵ là vì chẳng suy xét nghĩa lý, bài xích xằng bậy, nói nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi đều là những lời Phật dối trá để bịp người. Do vậy, mọi người đều coi nhân quả luân hồi là chuyện mông lung, khi gió Âu vừa thổi qua, đều tranh nhau hùa theo. Nếu tin sâu nhân quả luân hồi, những tà thuyết ấy dù có dữ dội đến mấy cũng làm sao gây mê hoặc rối ren cho được? Đây chính là nguyên do các nơi đề xướng Phật học.

Cư sĩ Đức Tấn Ninh Chí Vũ thừa dịp phát khởi, đặc biệt lập một chỗ niệm Phật ở làng mình, đặt tên là liên xã Đôn Luân. Do Phật pháp gặp cha nói từ, gặp con nói hiếu,

anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tôi tớ trung thành, khiến cho ai nấy trọn hết bổn phận, trước hết làm người hiền, người thiện trong thế gian, lại còn sanh lòng tin, phát nguyện khẩn thiết niệm Phật, cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, ngõ hầu đoạn sạch phiền hoặc, khôi phục tâm tánh, viên mãn Bồ-đề, thành vô thượng đạo, lại còn dùng sở ngộ sở chứng của chính mình để dẫn dắt hết thảy hàm thức. Nguyện những người cùng quê với tôi đều cùng dấy lòng tin tưởng tu tập thì may mắn lắm thay!

74. Lời tựa cho việc ông Triệu Vận Xương thỉnh bộ Đại tạng kinh bản đời Tống được in theo lối ảnh ấn

(Năm Dân Quốc 22 -1933)

Ông Triệu Vận Xương ở trấn Bao Trường thuộc Nam Thông đời đời kế thừa đức hạnh, đời đời vừa cày vừa học, chỉ tu tước vị cõi trời, chẳng màng vinh hoa cõi thế, tin sâu nhân quả, dốc lòng tu tịnh nghiệp, muốn cho con cháu đời đời vĩnh viễn vâng giữ chẳng để suy sụp, nên đặc biệt thỉnh một bộ Đại tạng kinh bản đời Tống, thờ nơi Phật đường trong nhà để mong con cháu và những người trong họ đều được thọ trì đọc tụng, chẳng đến nỗi sống uổng chết phí, cậy Quang viết lời tựa để dạy hậu thế. Do hội ấn tống Đại tạng kinh bản đời Tống theo lối ảnh ấn đã sai Quang viết lời tựa, Quang bèn chép nguyên văn lời tựa ấy và lược thuật ý niệm thương yêu con cháu, họ hàng sâu xa của ông

Triệu. Nguyện những người thấy nghe sẽ liền tùy phần tùy sức thực hành, đừng chỉ như gã si đã đến núi báu vẫn trở về tay không, thì chẳng những không cô phụ sự giáo hóa của đức Phật mà cũng chẳng phụ tánh linh của chính mình, và cũng an ủi được một phen dốc hết tâm ý thỉnh kinh của ông Triệu vậy.

75. Lời tựa cho bài luận Khuyến Tu Pháp Môn Niệm Phật

(Năm Dân Quốc 27 - 1938)

Pháp môn Tịnh độ thích hợp khắp ba căn, quả thật đạo mầu nhiệm thành thủy thành chung để Như Lai trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Thệ nguyện của đức Di-đà cả chín giới đều được nương nhờ, chính là khuôn mẫu tốt lành "tâm làm, tâm là" để chúng sanh mau thoát biển khổ, mau dự vào Liên Trì. Pháp này là pháp môn đặc biệt nương vào Phật lực trong cả một đời giáo hóa của đức Như Lai, chẳng thể luận định giống như hết thảy các pháp môn Đại, Tiểu, Quyền, Thật cậy vào tự lực. Cõi đời phần nhiều chẳng suy xét, kẻ hơi thông minh thì đa số kiêu căng về trí lực của chính mình, chẳng chịu tu trì, lại còn miệt thị những ai tu trì pháp này, coi khinh là ngu phu ngu phụ, như sợ bị dính bẩn vậy! Do vậy nhường đại lợi ích liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh ngay trong đời này cho hàng ngu phu ngu phụ, còn chính mình chẳng muốn đạt được, chẳng đáng buồn ư? Họ chẳng biết pháp

môn Tịnh độ lớn lao không gì ra ngoài được, là pháp môn bắt nguồn và quy túc của hết thảy pháp môn. Do vậy, hết thảy pháp môn không pháp nào chẳng lưu xuất từ pháp giới này, không pháp nào chẳng trở về pháp giới này.

Nếu đã đoạn sạch tam hoặc, chứng trọn vẹn tứ đức thì không tu pháp này cũng chẳng sao! Nếu vẫn chưa đạt đến địa vị này, xin hãy theo gót những vị Bồ-tát Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác trong Hoa Tạng hải chúng để nhất trí tiến hành, dùng công đức chẳng thể nghĩ bàn của mười đại nguyện vương để hồi hướng vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc nhằm mong mau tròn Phật quả. Người được như thế có thể gọi là đại trí tuệ, là đại trượng phu, đã hoàn tất sự nghiệp thế gian lẫn xuất thế gian vậy. Lại còn phải làm giống như những vị Quán Âm, Phổ Hiền v.v. sau khi đã chứng được Phật quả liền tùy loại hiện thân hoằng dương pháp này ngõ hầu chúng sanh đều được thành Phật đạo mới thôi.

Quang túc nghiệp sâu nặng, hơn 50 năm luống dự vào hàng tăng chúng, hết thảy các pháp đều chẳng biết được một pháp nào, tuy thường niệm Phật nhưng do nghiệp nặng nên tâm chưa hề tương ứng với Phật. Nhưng tin tưởng Phật chẳng nguyện hư vọng, sẽ chẳng vứt bỏ ta, vì thế dẫu là ai cũng chẳng chuyển chí nguyện của Quang được. Gần đây pháp sư Viên Anh nhân lúc giảng diễn các kinh được rảnh rỗi, đã soạn bài luận Khuyến Tu Pháp Môn Niệm Phật, muốn lưu truyền, gởi thư sai Quang viết lời

tựa. Quang già rồi, tinh thần lẫn mục lực đều chẳng đủ, đã tạ tuyệt những chuyện sai khiến viết lách từ lâu. Nay may mà pháp niệm Phật lại được có người đề xướng bèn tóm nêu đại ý cho xong trách nhiệm vậy!

76. Lời tựa cho sách Trập Viên Trát Ký

Đời loạn đến tột cùng hết thuốc chữa, người có chí sao nỡ ngồi nhìn? Tuy sống nơi rẫy bái, nhưng những bàn luận trong gia đình, bầu bạn, chưa hề chẳng phải là lời hay ý đẹp để cứu vãn thế đạo nhân tâm vậy. Ông Trần Đôn Phục ở Sở Kỳ, pháp danh là Huệ Phục, đem những ngôn luận trong lúc thù tạc giữa gia đình và thân hữu, chọn lấy những điều trọng yếu biên soạn thành sách. Bạn bè khuyên đem in, do vậy bèn đem bản thảo gởi cho Quang, xin giám định. Quang đọc xong, thấy những lời lẽ lập luận vốn lấy ý từ sách Nho, nhưng ý nghĩa chẳng trái Phật pháp, nếu có thể y theo đó tự tu thì sự nghiệp mong thành thánh thành hiền nơi mọi người há nào khó thấy!

Lòng người đã chết, chẳng dễ vãn hồi. Khổng tử chẳng từng nói như thế này đó sao? *"Pháp ngữ chi ngôn, năng vô tùng hồ? Cải chi vi quý, tốn dữ chi ngôn, năng vô duyệt hồ? Dịch chi vi quý, duyệt nhi bất dịch, tùng nhi bất cải, ngô mạt như chi hà dã dĩ hỹ*[21]" (Lời thánh nhân nói, chẳng thể không nghe theo ư? Sửa đổi lỗi lầm mới quý. Lời nói

21 Chúng tôi dịch câu nói này theo cách diễn giảng của cụ Lý Bỉnh Nam trong bộ Luận Ngữ Giảng Yếu.

mềm mỏng, ai mà chẳng vui? Suy xét tìm ra đầu mối mới quý. Chứ vui sướng rồi không chịu suy xét tìm ra đầu mối, chỉ nghe theo lời thánh nhân mà chẳng sửa đổi, rốt cuộc ta phải làm như thế nào đây). Cõi đời lúc này, lời thánh nhân, lời mềm mỏng đều khó tạo được lợi ích vì không có ba ý niệm kinh sợ[22], chỉ toàn là khoe khoang tài năng của chính mình. Nghe lời thánh nhân bèn vỗ gươm đứng dậy, nghe lời mềm mỏng bèn coi như gió luồn qua cây, dẫu là bậc trí đức như Chu công, Khổng tử cũng chỉ có thể nói: "Rốt cuộc ta phải làm như thế nào đây!"

Nhưng trong khi không thể bày ra cách nào, chẳng ngại gì lập riêng một pháp. Do thế đạo đã loạn, lòng người đã chết là vì chẳng nói đến nhân quả, chẳng bàn đến giáo dục trong gia đình. Nếu có thể chú trọng hai việc này thì người người đều biết nhân quả, nhà nhà đều có giáo dục, hết thảy những lời của thánh nhân, những câu mềm mỏng đều trở thành những câu nói thường nhật trong gia đình, không một ai chịu bỏ một ngày không nhắc tới. Quang thường nói: "Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh

---

22 "Ba điều kinh sợ" xuất phát từ câu nói của Khổng tử được chép trong thiên Quý Thị sách Luận Ngữ: *"Quân tử hữu tam úy, úy thiên mạng, úy đại nhân, úy thánh nhân chi ngôn. Tiểu nhân bất tri thiên mạng nhi bất úy dã, hiệp đại nhân, vũ thánh nhân chi ngôn"* (Quân tử có ba điều sợ: Sợ mạng trời, sợ những người nắm quyền cai trị công chánh, sợ lời dạy của thánh nhân. Tiểu nhân chẳng biết mạng trời nên không sợ, khinh thị đại nhân, coi rẻ lời thánh nhân). Theo cụ Lý Bỉnh Nam trong Luận Ngữ Giảng Yếu, "úy" có nghĩa là kính nể, không dám trái phạm. "Đại nhân" là những người có quyền vị, nắm giữ sự cai trị công bình, chánh trực. "Thiên mạng" phải hiểu là thiện ác báo ứng như kinh Thư đã chép: "Huệ địch cát, tùng nghịch hung, duy ảnh hưởng", chứ không phải là ý muốn độc đoán của một đấng tạo hóa nào.

nhân bình trị thiên hạ, để Phật độ chúng sanh." Dạy con là căn bản để trị quốc, bình thiên hạ; nhưng dạy dỗ con gái lại càng quan trọng hơn, vì có hiền nữ thì mới có hiền thê, hiền mẫu. Con cái do hiền mẫu sanh ra đều là hiền nhân. Đây là nguyên do tại sao ba bà Thái khiến cho nhà Chu được hưng thịnh, đời sau xưng tụng nữ nhân là Thái Thái. Vì thế lại nói: "Quyền trị quốc bình thiên hạ, phụ nữ nắm quá nửa vì sự giáo dục của mẹ là cội gốc vậy." Nguyện những người đọc đều cùng chú ý!

III. KÝ

1. Bi ký trình bày sự thần dị của suối Bát Công Đức thuộc thiền viện Tam Thánh núi Phổ Đà

Quán Thế Âm Bồ-tát tùy loại hiện thân trong mười phương thế giới, tầm thanh cứu khổ, nhưng vẫn lấy Phổ Đà làm cuộc đất ứng hóa, là vì muốn cho hết thảy tứ chúng có chỗ để gieo lòng thành. Sự từ bi linh cảm của Bồ-tát cố nhiên ai nấy đều biết rõ, ngay cả một hòn đá, một dòng nước, không gì chẳng tỏ rõ dấu tích chẳng thể nghĩ bàn của Bồ-tát. Những hòn đá kỳ lạ ở Phổ Đà cố nhiên nhiều lắm, nhưng chỉ có đá Bàn Đà[23] là bậc nhất. Người hiểu lý trông thấy tảng

23 Đá Bàn Đà là một tảng đá chồng có hình dáng kỳ lạ, trên to dưới nhỏ, phần trên to đến hơn 20 mét (có thể đứng được 30 người), nằm chông chênh trên một tảng đá lớn khác cao đến 3 mét, rộng 7 mét. Chỗ tiếp xúc của hai tảng đá rất nhỏ, tạo cảm giác nếu khẽ đẩy sẽ bị rơi xuống, đã bao người thử đẩy nhưng tảng đá chỉ rung rinh rồi vẫn đậu

đá này thì thần thông, oai đức chẳng thể nghĩ bàn của Bồ-tát chẳng cần phải đợi nói tường tận mà sẽ đều ngộ giải cả. Những cuộc đất gần biển thì nước đều mặn chát, chẳng thể dùng để uống được, vậy mà khắp núi Phổ Đà nước đều ngọt ngào, tuy là cuộc đất ở sát bên biển mà trọn chẳng có nước mặn, nhưng con suối Bát Công Đức thật là bậc nhất!

Theo Sơn Chí, vào thời Vạn Lịch nhà Minh, vị tăng tên Đại Phương dựng lều tranh nơi đây. Năm Vạn Lịch ba mươi (1602), nội giám[24] Trương Tùy, Đảng Lễ vâng chiếu đốc thúc xây cất điện chứa kinh, nhàn du đến nơi đây, uống nước thấy ngọt ngào, nghe tăng chúng kể lại dẫu hạn hán hay lũ lụt thì nước suối vẫn không tăng không giảm, hễ cầu mưa ắt lấy nước từ nơi đây, liền quyên tiền dựng Tam Thánh Đường, đặt tên cho con suối ấy là Bát Công Đức. Ấy là phỏng theo tên nước trong ao bảy báu nơi thế giới Cực Lạc. Suối Bát Công Đức do Tam Thánh Đường mà được tên, Tam Thánh Đường do nước tám công đức mà khởi đầu; ấy gọi là do thời tiết nhân duyên cho nên có chuyện chẳng mong cầu mà tự được! Theo kinh Phật, nước ở cõi Cực Lạc có tám công đức là:

1. Trong trẻo: Khác với nước ở phương này thường nhơ đục.

---

chênh vênh như cũ. Theo truyền thuyết, đây là nơi Đại sĩ Quán Âm thuyết pháp. Khi chiều sắp tắt nắng, cả tảng đá trông óng ánh như được dát vàng, những ai leo lên đỉnh đá Bàn Đà khi ấy, dõi nhìn ra biển cả sẽ thấy phong cảnh tráng lệ, không bút mực nào tả xiết. Vì thế, *"Bàn Đà tịch chiếu"* (chiều soi bóng trên tảng Bàn Đà) được coi là một trong những cảnh đẹp nhất của núi Phổ Đà.

24 Nội giám: Danh xưng khác của Hoạn Quan, tức Thái Giám.

2. Sạch mát: Khác với phương này nước thường lạnh hay nóng.

3. Ngọt ngào: Khác với phương này nước thường mặn, nhạt, hay vị rất tệ.

4. Mềm nhẹ: Khác với phương này nước thường nặng nề.

5. Trơn láng, tươi tắn: Khác với phương này nước thường tù đọng, màu sắc ủ dột, bệch bạc.

6. An hòa: Khác với phương này nước thường chảy xiết, dữ dội.

7. Trừ đói khát: Khác với phương này, nước thường gây cảm giác lạnh lẽo.

8. Trưởng dưỡng các căn: Khác với phương này nước gây tổn hoại các căn và tạo ra tật dịch, tăng thêm bệnh tật, chết chìm v.v..

Chúng sanh đời trược nghiệp lực sâu nặng đến nỗi nước cõi này không có những công đức, lực dụng ấy. So với những loại nước thông thường khác, nước suối Bát Công Đức có rất nhiều công đức. Vì thế, đặc biệt nêu rõ để tỏ bày dấu tích chẳng thể nghĩ bàn của Bồ-tát ngõ hầu những người sống trong núi và những ai đến núi chiêm bái sẽ từ mỗi tảng đá, mỗi dòng nước đều có thể ngộ sâu xa thường lý viên thông, hòng lấy tâm Bồ-tát làm tâm của chính mình, lấy sự nghiệp của Bồ-tát làm sự nghiệp của chính mình vậy!

2. Bài ký về chuyện xây dựng đại điện của đạo tràng chuyên tu tịnh nghiệp tại núi Linh Nham

(Năm Dân Quốc 24 - 1935)

Kinh Hoa Nghiêm mầu nhiệm lý sự viên dung, lý do sự hiển, sự do lý thành. Lý lẫn sự đều đạt đến tột cùng, viên chứng pháp thân Tỳ-lô. Vì thế, lúc đức Như Lai mới thành Chánh giác bèn cùng với các vị Pháp thân đại sĩ thuộc 41 địa vị là Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác nói các pháp môn và các pháp nhân quả do đức Như Lai đã tự chứng. Nhân quả chính là sự, pháp do đức Như Lai tự chứng chính là nhất chân pháp giới[25], chân như Phật tánh tịch chiếu viên dung, bất sanh bất diệt, chẳng phải có, chẳng phải không. Phật tánh ấy nơi phàm chẳng giảm, tại thánh không tăng. Phật do chứng rốt ráo nên thường hưởng pháp lạc thường - lạc - ngã - tịnh[26], chúng sanh do triệt để mê nên hằng chịu nỗi khổ huyễn vọng sanh tử luân hồi. Ví như tấm gương báu tròn lớn bị bụi phủ cả kiếp, tuy có ánh sáng chiếu trời soi đất nhưng không do đâu tỏ lộ để thụ dụng được. Vì thế, nhờ vào các vị Bồ-tát cùng nhau xướng đáp để

---

25 Theo Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao quyển 16, nhất chân pháp giới được giải thích như sau: "Nhất tức không hai, chân tức chẳng vọng, đan xen lẫn nhau triệt để viên dung nên gọi là pháp giới. Đây chính là pháp thân bình đẳng của chư Phật, vốn chẳng sanh chẳng diệt, chẳng phải có, chẳng phải không, chẳng trong, chẳng ngoài, chỉ một bể chân thật, chẳng thể nghĩ bàn, nên gọi là nhất chân pháp giới."

26 Thường - lạc - ngã - tịnh là bốn đức trọn đủ nơi pháp thân của Như Lai, bốn đức này còn gọi là Niết-bàn tứ đức. Bốn đức này được giải thích tường tận trong kinh Đại Bát Niết-bàn. Nếu hiểu đại lược thì sự giác ngộ nơi cảnh giới Niết-bàn vĩnh viễn chẳng biến đổi nên gọi là *thường*, cảnh giới ấy không khổ, luôn an vui nên gọi là *lạc*, tự do tự tại không bị trói buộc mảy may nào nên gọi là *ngã*, không bị phiền não ô nhiễm nên gọi là *tịnh*.

nói ra các pháp môn Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác. Lại còn dùng mười đại nguyện vương hướng dẫn về Cực Lạc để mong viên mãn Phật quả. Đấy chính là đức Như Lai dùng nhân quả tự chứng để làm một khuôn mẫu lớn lao hòng dạy khắp hết thảy chúng sanh, khiến cho ai nấy đều đích thân chứng đắc. Kinh Hoa Nghiêm riêng thích hợp cho căn cơ Đại thừa; chứ Nhị thừa, phàm phu chẳng thể vâng nhận được! Vì thế trong hội Phương Đẳng, đức Phật đặc biệt nói ra ba kinh Tịnh độ để dù phàm hay thánh đều cùng chuyên chú tu trì, ngõ hầu trong đời này thoát khỏi cõi ngũ trược đây, lên được cõi sen chín phẩm kia.

1. Trong núi Linh Thứu nước Ma-kiệt-đề, đức Phật nói đến nhân địa đầu tiên của đức Phật A-di-đà: Bỏ nước xuất gia, phát ra 48 nguyện, lại trải qua nhiều kiếp dài lâu tu hành đúng như lời nguyện cho đến khi phước tuệ viên mãn, được thành Phật đạo, cảm được thế giới trang nghiêm, mầu nhiệm chẳng thể diễn tả được, mười phương chư Phật đều cùng tán thán. Mười phương Bồ-tát và hàng Nhị thừa hồi tiểu hướng đại lẫn phàm phu đầy dẫy hoặc nghiệp đều được vãng sanh, được bình đẳng nhiếp thọ. Đấy là kinh Vô Lượng Thọ.

2. Trong vương cung nước Ma-kiệt-đề, nói ba phước tịnh nghiệp, mười sáu phép quán mầu nhiệm để hết thảy chúng sanh hiểu rõ những nghĩa "tâm này làm Phật, tâm này là Phật, biển chánh biến tri của chư Phật từ tâm tưởng mà sanh. Tâm này làm chúng sanh, tâm này là chúng sanh.

Biển nghiệp phiền não của chúng sanh từ tâm tưởng mà sanh" vượt ngoài ngôn ngữ. Nếu có thể hiểu được sâu xa nghĩa này, ai chịu bị luân hồi oan uổng? Cuối kinh nói rõ những nhân vãng sanh của chín phẩm ngõ hầu ai nấy đều tu thượng phẩm. Đó là kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật.

3. Nơi vườn Cấp Cô Độc nước Xá-vệ, nói diệu quả y báo chánh báo của Tịnh độ để người nghe sanh lòng tin, khuyên người nghe hãy nên phát nguyện cầu vãng sanh, dạy hành giả lập hạnh chấp trì danh hiệu. Ba điều tín - nguyện - hạnh là cương tông của pháp môn Tịnh độ. Đầy đủ ba pháp này rồi, hoặc suốt một đời chấp trì đã đắc nhất tâm, hoặc lâm chung mới được nghe pháp này chỉ xưng mười tiếng, đều được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Đấy là kinh A-di-đà.

Ba kinh này chuyên nói về Tịnh độ, nhưng kinh A-di-đà lời lẽ đơn giản, ý nghĩa phong phú, nhiếp thọ căn cơ bậc nhất nên các tông Thiền, Giáo, Luật đều vâng dùng làm kinh nhật tụng. Các kinh Đại thừa nói kèm về Tịnh độ nhiều không thể kể xiết, nhưng chương Đại Thế Chí Niệm Phật Viên Thông của kinh Lăng-nghiêm quả thật là khai thị mầu nhiệm nhất về pháp niệm Phật. Nếu có thể như con nhớ mẹ, nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối mà niệm, há chẳng trong hiện tại hay tương lai nhất định thấy Phật, gần là chứng viên thông, xa là thành Phật đạo ư? Pháp môn Tịnh độ chính là pháp môn đặc biệt trong giáo pháp suốt một đời đức Phật: Tuy là phàm phu sát đất đầy

dẫy hoặc nghiệp, chỉ cần tín nguyện niệm Phật sẽ có thể cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Dù là vị Bồ-tát đã chứng địa vị Đẳng giác cao cả vẫn phải hồi hướng vãng sanh thì mới viên mãn Phật quả được!

Do vậy biết: Pháp môn Tịnh độ lớn lao không gì ra ngoài được, thích hợp khắp ba căn, thâu nhiếp hoàn toàn lợi căn lẫn độn căn. Chúng sanh trong chín giới bỏ pháp này thì trên sẽ chẳng có gì để viên thành Phật đạo; mười phương chư Phật lìa pháp này thì dưới chẳng có gì để phổ độ quần manh[27]. Hết thảy pháp môn không pháp nào chẳng lưu xuất từ pháp giới này, hết thảy hạnh môn không hạnh nào chẳng trở về pháp giới này, bởi đây là pháp môn tổng trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Vì thế được chín giới cùng hướng về, mười phương cùng khen ngợi, ngàn kinh đều xiển dương, muôn luận đều tuyên nói.

Nhưng pháp môn này do hai đức Thế Tôn hai cõi tạo lập, đức Thích-ca nơi Sa-bà dạy rõ Tịnh độ để đưa con người đi về cõi Cực Lạc, đức Di-đà nơi Cực Lạc đợi lúc họ lâm chung tiếp dẫn từ Sa-bà về tới Cực Lạc. Ấy là muốn cho chúng sanh thoát được nỗi khổ sanh tử ngay trong đời này, chứng sự vui chân thường. Tâm thương xót, che chở, bảo vệ ấy dẫu hết cả kiếp khó thể nói trọn. Có kẻ bảo: "Đã là đệ tử

---

27 Quần manh (bahu-jana) còn dịch là quần sanh, có nghĩa là các loài chúng sanh. Đây là tên gọi khác của chúng sanh. Chữ "manh" hàm nghĩa giống như cây cỏ mới nẩy mầm, chưa thấy được rõ ràng. Chúng sanh vừa mới phát đạo tâm, nhưng vẫn còn bị vô minh che lấp giống như cây cỏ vừa mới nảy mầm, nên mới gọi là quần manh.

Phật Thích-ca, hãy nên niệm Thích-ca Mâu-ni Phật cầu sanh thế giới Hoa Tạng trong cõi này", họ chẳng biết đức Thích-ca dạy niệm A-di-đà Phật là nhằm làm cho hàng phàm phu sát đất nương vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương hòng siêu phàm nhập thánh. Chỉ có bậc Đại sĩ đã phá vô minh chứng pháp thân mới thấy được thế giới Hoa Tạng của cõi này; phàm phu chỉ thấy uế độ, chẳng thấy được cõi Thật báo trang nghiêm, há nên mong tưởng quá phận! Huống chi Tây Phương cũng nằm trong thế giới Hoa Tạng, mà trong hội Hoa Nghiêm hết thảy các vị Bồ-tát trong thế giới hải Hoa Tạng đều dùng mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh Tây Phương để mong viên mãn Phật quả. Ông là hạng người như thế nào mà dám chống đối các vị ấy?

Kể từ khi đại giáo được truyền sang phương Đông, Viễn công lập liên xã đầu tiên, một người xướng, trăm người hòa, không ai chẳng noi theo, thỏa thích bổn hoài của Phật chỉ có mỗi một mình pháp môn này là bậc nhất. Từ đấy trở đi, đời nào cũng có cao nhân, tục diệm truyền đăng[28], rạng rỡ trong ngoài nước mãi cho đến tận hiện thời, tông phong chẳng suy sụp, nhưng đại sư Trí Giả thuộc tông Thiên Thai, quốc sư Thanh Lương thuộc tông Hiền Thủ, pháp sư Khuy Cơ thuộc tông Từ Ân, thiền sư Bách Trượng thuộc Thiền tông, luật sư Đại Trí[29] thuộc Luật tông, không

---

28 Tục diệm truyền đăng: Tiếp nối ánh sáng ngọn đèn, ý nói "nối tiếp, lưu truyền mối đạo từ đời này sang đời khác".

29 Luật sư Đại Trí, tức là ngài Linh Chi Nguyên Chiếu (1048-1116), người đất Dư Hàng, tự là Trạm Nhiên, hiệu An Nhẫn Tử. Xuất gia từ bé, 18 tuổi thọ giới cụ túc, học

vị nào chẳng giải thích kinh, soạn luận, khuyên khắp mọi người tu trì. Những sự tích của họ đã được chép tường tận trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục. Do vậy biết những vị tri thức các tông Thiền, Giáo, Luật đều noi theo Hoa Tạng hải hội, nhất trí tiến hành cầu sanh Cực Lạc, huống chi kẻ căn cơ cạn mỏng đời mạt pháp ư? Nhân duyên Linh Nham sáng lập đạo tràng Tịnh độ đã được chép đầy đủ trong tấm bia thuật duyên khởi xây dựng niệm Phật đường trước kia. Nay tu bổ đại điện, đặc biệt nêu rõ nguyên do của pháp môn Tịnh độ để những bậc thông sáng mai sau có cái để nương tựa, hướng về. Chi phí xây cất và phương danh của người đã quyên tặng được ghi trong một tấm văn bia riêng, không ghi tường tận nơi đây.

3. Bi ký về việc chùa Linh Nham vĩnh viễn trở thành đạo tràng thập phương chuyên tu Tịnh độ và công đức xây dựng lần này

(Năm Dân Quốc 21 - 1932)

Có được cuộc đất tối thắng thì mới hoằng dương được đạo tối thắng, tạo dựng chuyện phi thường ắt phải

---

giáo nghĩa tông Thiên Thai với ngài Thần Ngộ Xử Khiêm, nhưng dốc chí nơi Luật tông. Về sau lễ ngài Quảng Từ thọ Bồ-tát giới, nối pháp Nam Sơn Chánh Truyền của ngài Doãn Kham. Trong niên hiệu Nguyên Phong (1078-1085), sư trụ tại Chiêu Khánh hoằng truyền Luật tông, đến tuổi già, dời sang ở tại chùa Linh Chi ở đó suốt 30 năm nên người đời thường gọi sư là hòa thượng Linh Chi. Khi mất, sư được ban thụy hiệu là luật sư Đại Trí. Sư viết chú giải cho hai kinh là kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật và kinh A-di-đà, chú giải bộ Tứ Phần Luật San Phiền Bổ Khuyết Hành Sự Sao của ngài Đạo Tuyên, soạn thành bộ Tứ Phần Luật Hành Sự Sao Tư Trì Ký.

đợi người phi thường. Tuy bỉ cực thái lai[30] thuộc về vận trời, nhưng sửa cũ dựng mới thật sự phải nhờ vào con người thực hiện. Núi Linh Nham là cuộc đất thánh đạo tràng trời tạo đất dựng. Ngô Vương Phù Sai dựng cung Quán Oa nơi đây, chỉ chuộng dâm lạc, làm ô nhục núi này quá sức! Vì thế, xây xong cung điện chưa được bao lâu liền bị nước tan, mạng mất, đúng là nhân quả phù hợp nhau. Nếu ông ta lập đức thi thố lòng nhân noi theo phong cách cai trị tốt đẹp của tổ tiên là Thái Vương, Thái Bá, Trọng Ung đã lưu lại, ắt sẽ ngang ngửa với Văn Vương trên linh đài[31], lúc sống được hưởng phước vòi vọi, khi mất để lại thanh danh vang dội, đâu đến nỗi quỳ gối xin được sống cũng chẳng được, rốt cuộc che mặt tự vẫn[32], gây nhục lây cho tổ tiên ư? Do vậy biết kẻ không có đức cao trội mà có cuộc đất thù thắng, đâm ra lại là cái gốc họa! Nguyện những bậc quân tử đời

---

30 "Bỉ cực thái lai" nguyên gốc là "bỉ chung tắc thái". Bỉ và Thái vốn là tên hai quẻ kép tương phản trong sáu mươi bốn quẻ của kinh Dịch. Quẻ Bỉ gồm quẻ Càn ở trên, quẻ Khôn ở dưới ghép thành, hàm nghĩa: Dương khí bốc lên, âm khí chìm xuống, âm dương chẳng giao hội, vạn vật bế tắc. Do vậy đây là quẻ xấu. Quẻ Thái thì Càn dưới, Khôn trên, nên âm dương giao hội, vạn vật thông suốt, do vậy là quẻ tốt. Phần Hệ Từ giảng: *"Bỉ chung tắc thái"* (quẻ Bỉ kết thúc sẽ chuyển biến thành quẻ Thái), hàm nghĩa vận xấu đến cùng cực sẽ chuyển biến thành vận hanh thông, giống như hết đông sẽ tới xuân. Do ý nghĩa này, "bỉ chung tắc thái" được biến đổi thành "bỉ cực thái lai".

31 Linh Đài: tên một cái đài do Văn Vương xây dựng được nhắc đến trong bài thơ Linh Đài thuộc thiên Đại Nhã của kinh Thi. Bài thơ này có nội dung ca ngợi đức hạnh của nhà vua, đoạn đầu bài thơ có câu: *"Kinh thì linh đài, kinh chi, doanh chi, thứ dân công chi, bất nhật thành chi"* (Vừa tính xây đài thiêng, tính toán, lo liệu, nhân dân góp công, chưa đầy một buổi, đài đã xây xong). Do vậy "linh đài" được dùng như một từ ngữ để ca ngợi vị vua cai trị nhân dân bằng đức hạnh và lòng nhân từ, được nhân dân hết sức yêu mến.

32 Khi Việt Vương Câu Tiễn diệt nước Ngô, bắt sống Phù Sai. Phù Sai đã quỳ lạy, khóc lóc, van xin được sống sót làm nô lệ chăn ngựa giống như xưa kia Việt Vương Câu Tiễn bại trận đã phải xin làm nô lệ giữ ngựa cho Phù Sai. Khi bị Câu Tiễn ép tự sát, Phù Sai xõa tóc che mặt với ngụ ý không còn mặt mũi nào nhìn tổ tiên dưới suối vàng.

sau đều lấy Phù Sai làm gương thì lợi ích ấy chẳng thể nào diễn tả được!

Đời Tấn, Tư không Lục Ngoạn sống tại núi này, do nghe Phật pháp bèn biến nhà thành chùa, đấy chính là khởi đầu của đạo tràng Linh Nham vậy. Đến đời Lương lại càng được phát triển. Đến đời Đường lại càng thêm trùng hưng. Trong khoảng thời gian ấy, phần nhiều là do hình vẽ của Trí Tích Bồ-tát hiện thân, khơi gợi lòng tin tưởng, ngưỡng mộ của mọi người, khiến cho đạo tràng Linh Nham đứng đầu đất Ngô. Cung khuyết dâm lạc xưa kia nay trở thành cuộc đất thánh đạo tràng, cho thấy các pháp tùy duyên, hễ có người tài giỏi ắt cuộc đất sẽ linh ứng! Những vị trụ trì trong đời Tấn, đời Đường chẳng thể tra cứu được. Từ đời Tống cho đến đời Thanh, ngôi trụ trì đều do *Giáo hải lão long, Thiền quật cự sư*[33], đức hạnh đáng làm bậc thầy gương mẫu cho cả trời lẫn người, đạo tiếp nối được huệ mạng của Phật, của tổ. Đầu đời Thanh, sư Hoằng Trữ trụ nơi đây, mở mang giảng tòa rộng lớn, điện đường, liêu xá mới mẻ rạng ngời. Thánh Tổ, Cao Tông (Khang Hy, Càn Long) tuần du phương Nam đều nghỉ lại nơi đây, pháp môn hưng thịnh chói ngời xưa nay.

Năm Hàm Phong thứ 10 (1860), gặp cơn binh hỏa[34],

---

33 "Rồng già nơi biển Giáo, sư tử lớn nơi hang Thiền", ý nói toàn là những bậc tông tượng lỗi lạc thuộc Giáo môn hay Thiền tông.

34 Tức loạn Thái Bình Thiên Quốc do Hồng Tú Toàn khởi xướng. Quân Thái Bình Thiên Quốc đã đốt sạch, phá trụi các chùa miếu, đạo quán mỗi khi chúng chiếm được một địa phương nào.

cháy tiêu gần hết. Trong thời Đồng Trị, vị tăng tên Niệm Thành được ông Bành Cung Bảo Ngọc Lân hộ trì những mong sẽ dần dần được phục hưng. Năm Quang Tự 18 (1892), vị tăng tên Biến Ngọc đúc hồng chung, nhưng chưa xây lầu chuông. Năm Tuyên Thống thứ ba (1911), vị tăng tên Đạo Minh do bị mất y ca-sa đánh lầm kẻ khả nghi, khiến cho dân chúng phẫn nộ, phải bỏ trốn. Chùa đã không có chủ, tất cả đồ đạc không còn được một vật nào, ruộng đất cũng bị mất mát chẳng ít. Vị hương thân vùng Mộc Độc là Nghiêm Lương Xán khải thỉnh hòa thượng Chân Đạt[35] làm trụ trì. Cụ Chân bèn sai học trò là Minh Hú thay mặt trông coi, trước hết dựng lầu chuông.

---

35 Tuy hòa thượng Chân Đạt đóng một vai trò quan trọng trong cuộc đời hoằng pháp và là người nỗ lực thực hiện tông chỉ chuyên tu tịnh nghiệp của tổ Ấn Quang, hầu như không thấy có tài liệu nào ghi chép chi tiết về tiểu sử của hòa thượng. Dựa theo những ghi chép của môn nhân tổ Ấn Quang, chúng ta chỉ biết hòa thượng Chân Đạt vốn xuất thân từ Tam Thánh Đường tại núi Phổ Đà, do thường bế quan nên chưa hề gặp mặt tổ Ấn Quang. Sau khi bộ Văn Sao được lưu hành, hòa thượng rất ngưỡng mộ tổ Ấn Quang, nhưng lúc đó hòa thượng đã sang Thượng Hải nên chưa gặp tổ được. Đến mùa xuân năm Dân Quốc 15 (1926), ông Cao Hạc Niên từ núi Bôi Độ trở về Ninh Ba, ước hẹn với tổ Ấn Quang sẽ cùng nhau đến Thượng Hải lo việc in sách. Hòa thượng Chân Đạt biết tin liền dặn ông Cao đưa tổ Ấn Quang đến nghỉ ngơi tại chùa Thái Bình là Hạ viện của Tam Thánh Đường tại Thượng Hải, do vậy hai vị mới được gặp mặt nhau và nhanh chóng trở thành bạn thiết. Từ đấy về sau, mỗi dịp cần sang Thượng Hải, tổ Ấn Quang thường đến ở tại một gian phòng dành riêng cho ngài trong chùa Thái Bình. Hòa thượng Chân Đạt chẳng tiếc sức hỗ trợ tổ Ấn Quang trong công cuộc hoằng pháp. Khi tổ muốn tránh phiền nhiễu do bị các nơi gởi thư hỏi han quá nhiều, tính đi sang Hương Cảng để bế quan, hòa thượng Chân Đạt đã tha thiết mời tổ về bế quan tại chùa Báo Quốc do hòa thượng quản nhiệm cũng như tận lực ủng hộ tổ Ấn Quang trong công cuộc biến Linh Nham Sơn Tự thành thập phương đạo tràng chuyên tu tịnh nghiệp. Cảm kích trước thịnh tình của hòa thượng Chân Đạt, trong những thư từ trao đổi, tổ luôn gọi hòa thượng Chân Đạt là "huynh" tuy tuổi tác lẫn pháp lạp của tổ đều cao hơn hòa thượng Chân Đạt. Khi tổ Ấn Quang viên tịch, chính hòa thượng Chân Đạt đã đứng ra dựng tháp, chủ trì lễ trà-tỳ và tuyên pháp ngữ trước khi châm lửa.

Đến năm Dân Quốc 15 (1926), đất Ngạc (tỉnh Hồ Bắc) loạn lạc, pháp sư Giới Trần và học trò xuống miền Nam, cụ Chân liền đem Linh Nham giao cho, biến thành đạo tràng thập phương chuyên tu tịnh nghiệp vĩnh viễn. Nhất loạt chẳng giảng kinh, truyền giới, truyền pháp, thu nhận đồ đệ, làm chuyện kinh sám thù tạc, chỉ quanh năm niệm Phật, chương trình giống như Phật thất phổ thông. Huê lợi ruộng đất chỉ thâu được tám chín trăm đồng, hạn định số người sống ở đây là 20 vị, nếu chi phí không đủ, cụ Chân sẽ bù đắp, chứ Linh Nham cũng chẳng mộ duyên. Năm Dân Quốc 17 (1928), thầy Giới đặc biệt sang Phổ Đà, cầu cụ Chân dựng thêm phòng ốc, lấy năm sáu ngàn đồng làm chuẩn, cụ Chân bằng lòng. Thầy ấy trở về núi, liền rời chùa, đi sang Vân Nam, ấy là để tránh nỗi phiền phức do xây dựng. Do vậy mọi việc trong chùa giao cho pháp sư Từ Châu[36].

---

36 Từ Châu (1877-1957) là người huyện Tùy, tỉnh Hồ Bắc, pháp danh là Phổ Hải. Từ bé đã theo cha học Phật. Đến năm 33 tuổi, vợ chồng đồng lòng xuất gia. Không lâu sau, sư thọ giới cụ túc nơi chùa Quy Nguyên tại Hán Dương, từng theo hầu dưới tòa pháp sư Nguyệt Hà là một vị đại đức thuộc tông Hoa Nghiêm. Sư thường giảng kinh Hoa Nghiêm, xiển dương giới luật, hoằng hóa rất sâu rộng, trì luật rất nghiêm, kiêm tu Tịnh độ lẫn pháp giới quán. Tuy thông hiểu Hoa Nghiêm sâu xa, trong khi thuyết pháp, sư vẫn dùng những lời lẽ giản dị, chẳng bàn đến những lý lẽ cao siêu khó hiểu, mà chỉ chú trọng vào những điểm cốt lõi, thực tiễn. Sư chuyên giảng Hoa Nghiêm, Viên Giác, luận Khởi Tín, luật Tứ Phần v.v.. Năm 1920, sư sáng lập Đại học Hoa Nghiêm, Học viện Minh Giáo để đào tạo tăng tài. Nhận lời mời của hòa thượng Hư Vân, sư sáng lập Học viện Pháp Giới tại chùa Pháp Hải ở Phước Kiến, về sau trường được dời sang chùa Tịnh Liên ở Bắc Kinh. Sư thị tịch tại tinh xá An Dưỡng, còn để lại những tác phẩm như Tỳ-ni Tác Trì Yếu Lục, Bồ-tát Giới Bổn Sớ, Đại Thừa Khởi Tín Luận Thuật Ký, Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm Thân Văn Ký v.v.. Những trước tác của sư đã được biên tập thành bộ Từ Châu Đại Sư Pháp Vựng.

Thầy Từ Châu khí lực yếu ớt, không chịu đựng được khổ nhọc, liền mấy lượt sang Hán Khẩu giảng kinh. Mùa hạ năm ngoái lại nhận lời mời của Cổ Sơn, chẳng từ tạ, bỏ đi. Hai ba năm gần đây, đàn-việt[37] nhiều người biết đến đạo phong của Linh Nham, có người muốn cầu siêu cho tiên vong, chúc thọ cho cha mẹ, xin đả thất. Số người ở lại đã trên 40 vị, phòng ốc chẳng chứa nổi, lại thêm hẹp nhỏ, trời mùa hè rất nóng. Nay dựng năm gian lầu cao, phía dưới làm niệm Phật đường, rộng rãi mát mẻ. Ngoài ra lại dựng thêm hơn 30 gian nữa, chi phí ước chừng hơn năm vạn đồng. Cụ Chân bỏ ra hơn hai vạn hai ngàn đồng, khoản còn lại góp từ số tiền chi dùng của thường trụ còn dư và do đàn-việt vui vẻ giúp sức. Nay đã hoàn thành, thầy Diệu Chân làm sư đương gia. Do hai lần xây dựng, cụ Chân bỏ ra gần ba vạn, lần này cụ cũng đứng ra xướng suất, công đức ấy và việc biến ngôi chùa này thành đạo tràng thập phương đều đáng nên lập bia, do vậy tăng chúng Linh Nham thỉnh tôi lược thuật chuyện ấy để ghi chép công đức hòng bảo với mai sau, vì thế bất đắc dĩ chẳng thể từ tạ chuyện viết lách được! Thuở ban đầu đã lập năm điều quy ước:

1. Trụ trì bất luận thuộc tông phái nào, chỉ cần lấy chuẩn mức là "tin tưởng Tịnh độ sâu xa, giới hạnh tinh nghiêm". Chỉ truyền hiền, chẳng truyền pháp để dứt thói tệ pháp quyến riêng tư.

2. Trụ trì chỉ luận thứ số, chẳng luận theo thế hệ để

37 Đàn-việt (dānapati): Thí chủ, tức người bố thí. Đàn là gọi tắt của chữ dāna (bố thí).

bậc cao đức khỏi bị đứng sau kẻ đức hạnh tầm thường.

3. Chẳng truyền giới, chẳng giảng kinh để khỏi chèo kéo, xáo động, gây nhiễu loạn chánh niệm. Trong chùa tuy hằng ngày thường giảng nhưng chẳng lôi kéo người ngoài đến nghe.

4. Chuyên nhất niệm Phật, ngoại trừ đả Phật thất ra, nhất loạt chẳng làm hết thảy các Phật sự mang tính cách thù tạc.

5. Bất luận là ai, chẳng được ở trong chùa mà thu nhận đồ đệ xuất gia.

Ai phạm một điều nào trong năm điều sẽ lập tức ra khỏi chùa. Đại sư Tử Bách đời Minh một đời xây dựng hơn mười ngôi đại tùng lâm, nhưng chẳng làm phương trượng, chẳng thu nhận đồ đệ, hễ xong việc liền bỏ đi, gác bỏ mọi việc. Đại sư Diệu Phong phàm những công trình chùa, tháp, cầu cống, đường sá người khác chẳng thể lo liệu được, thỉnh sư trông nom, hễ qua tay sư đều thành công, hoàn tất xong liền cáo từ. Trong lúc đang tu bổ hay xây dựng, có khi sư sai học trò thay mình lo liệu, công trình hoàn thành, trọn chẳng để lại đó một người nào của chính mình cả. Tấm lòng sư chánh đại quang minh, mấy trăm năm sau còn nghe tiếng, khiến cho mọi người khâm phục khôn nguôi, đáng được vua tôi cung kính, long thiên ủng hộ, lúc sống tiếng tăm vang dội, lúc mất chứng thánh quả. Người đời nay phần nhiều âm mưu cướp đoạt đạo tràng

của người khác, ai chịu đem những gì mình đã có nhường cho người khác?

Cụ Chân khẳng khái làm như vậy, tuy đạo còn kém xa Tử Bách, Diệu Phong, nhưng tấm lòng sáng ngời không riêng tư cũng gần bằng các vị ấy, thật đáng khâm phục! Nguyện những người làm trụ trì và giữ chức trách trong nhà chùa, cũng như những người nhập chúng tu trì đều cùng giữ tấm lòng đại công vô tư, chuyên tinh tu tập, ngõ hầu chẳng phụ ân Phật đã nói ra pháp môn Tịnh độ hoành siêu và lịch đại tổ tông hoằng pháp, ân cụ Chân Đạt tạo dựng cũng như một phen yêu thương, siêng năng nhọc nhằn lo toan sâu đậm của thầy Diệu Chân.

4. Bi ký thuật công đức của phân hội Tô Châu Hội Cứu Giúp Loài Vật Trung Quốc quyên tặng vĩnh viễn khu vườn ao phóng sinh cho Linh Nham Sơn Tự để làm hạ viện

(Năm Dân Quốc 25 - 1936)

Đức Đại Giác Thế Tôn là đại sư của ba cõi, cha lành của bốn loài, xem hết thảy chúng sanh như con một vì hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều sẽ thành Phật, đều là cha mẹ trong quá khứ, là chư Phật đời vị lai. Trong các kinh Đại thừa, Phật đã nghiêm cấm sát sanh ăn thịt ngõ hầu hết thảy chúng sanh đều được hưởng quả báo gần là trường thọ yên vui, quả báo xa là cùng chứng giải thoát Niết-bàn. Đại sư Trí Giả đề cao lòng từ bi của Phật, trong

niên hiệu Đại Kiến (569-583) đời Trần đã mua hơn 60 chỗ thuộc Lâm, Hải, Giang, Hỗ, Khê, Lương, cả hơn 300 dặm để làm ao phóng sanh, xin vua ban sắc chỉ, lập bia ngăn cấm đánh cá, kẻ nào bắt trộm sẽ bị mắc họa. Đến niên hiệu Trinh Quán (627-649) đời Đường vẫn còn như thế. Đấy chính là bi tâm phổ độ chúng sanh của Phật, tổ vậy.

Càn là đại phụ, Khôn là đại mẫu, dân là người ruột thịt của ta, loài vật giống như ta[38]. Đấy chính là chí hướng thường hằng coi con người và loài vật bình đẳng như nhau của nhà Nho vậy. Nghiêm cấm đọa thai phá trứng để chim, thú, cá, ba ba đều được sống yên vui (*"điểu thú ngư miết hàm nhược"*: "nhược" nghĩa là thuận, "hàm nhược" là đều được sống thuận lợi vậy). Đấy chính là sự cai trị bằng đức để thắng tàn bạo, trừ giết chóc của bậc thánh vương. Ấy là vì đức lớn của trời đất là sanh, nỗi khổ lớn lao của con người lẫn loài vật chính là sát. Thắng bạo tàn, trừ giết chóc phải từ nhỏ đến lớn. Nhân từ với con người, yêu thương loài vật ắt phải từ dễ đến khó. Nếu chẳng hàm dưỡng lòng nhân từ, khoan dung từ cội gốc ắt sẽ trở thành bỏ nhỏ lấy lớn, bỏ dễ lấy khó vậy! Hằng ngày làm chuyện tàn sát, mà lầm lạc mong mỏi nhân từ với con người, yêu thương loài vật sẽ trở thành nói suông, chắc chắn khó thể thật hành

---

38 "Vật ngô dữ dã." Trong nguyên bản, sau chữ dữ có chú thích "與, 友也" (dữ, hữu dã: Dữ là bạn bè). Chúng tôi dịch câu này theo cách giải thích trong sách Tứ Thư Giảng Yếu. Trộm nghĩ, "vật ngô dữ dã" là "loài vật là bạn bè của ta" và "loài vật giống như ta" theo cách giải thích của Tứ Thư Giảng Yếu ý nghĩa không khác nhau cho lắm. Chúng tôi vẫn giữ theo cách giải thích của Tứ Thư Giảng Yếu cho nhất quán.

được chuyện ấy. Vì sao nói vậy? Trẻ nhỏ, kẻ bình thường đều có thể thật hành chuyện yêu thương loài vật, hành lâu ngày, bụng dạ đầy ắp nhân từ, mai kia có địa vị, nắm quyền cai trị sẽ có thể che chở dân đen lớn lao. Dẫu ẩn cư trong một làng vẫn có thể lấy thân mình đốc thúc mọi người thay đổi phong tục. Như vậy, đạo nhân từ với người khác phải được bồi đắp từ lòng yêu thương loài vật thì mới có thể viên mãn trọn khắp, không có điều tệ vậy.

Nếu chẳng do lòng yêu thương loài vật thì tuy trong đời này chưa có gì đáng tiếc, nhưng trong tương lai ắt sẽ phải lo lắng lớn lao, vì đã gieo cái nhân tàn hại loài vật sẽ khó tránh được cái quả luân phiên báo đền lẫn nhau! Nguyện người có lòng nhân với kẻ khác thường suy nghĩ cẩn thận vậy. Chuyện phóng sanh vốn nhằm khơi dậy thiện tâm của con người trong hiện tại, vị lai, cốt sao họ kiêng giết, ăn chay, khiến cho khắp mọi hàm thức đều được sống yên ổn, đều hưởng hết tuổi thọ. Gần là dứt được cái nhân giết chóc, xa là diệt được quả báo do giết chóc, nhỏ là khiến cho tâm chúng ta toàn thuần là lòng nhân, lớn là chấm dứt sát kiếp cho toàn thế giới. Chớ nghĩ đây là chuyện chẳng cấp bách, rồi coi thường bỏ qua.

Nguồn gốc khu vườn ao phóng sanh tại cầu Hổ Khiếu (Hổ Gầm) của Hội Cứu Giúp Loài Vật Trung Quốc phân hội Tô Châu như sau: Vào tháng 7 năm Giáp Tý tức năm Dân Quốc 13 (1924), hội viên Hội Cứu Vớt Loài Vật tại Thượng Hải là ông Lục Duy Dung đến đất Tô bàn bạc,

mới biết những hội viên Hội Cứu Giúp Loài Vật phân hội Tô Châu đã bàn tính chuyện thiết lập khu vườn ao phóng sanh bèn cực lực tỏ ý tán thành. Ông cho biết: Khéo sao ông Trầm là người đất Tô có một khu đất rộng khoảng sáu mẫu, đã quyên tặng cho Hội Cứu Vớt Loài Vật Thượng Hải, nay đem tặng lại cho phân hội Tô Châu để làm cơ sở tạo lập khu vườn ao phóng sanh. Trong khu đất ấy có một cái đầm, đào vét thành ao rất đỡ tốn công, tiếp đó ông ta đem bằng khoán đất gởi xuống Tô Châu.

Đến tháng 9 năm Dân Quốc 14 (1925), hội viên thuộc phân hội Tô Châu là ông Dương Đạt Toàn giới thiệu ông Uông Cát Đình gia nhập phân hội, ông Uông đứng ra ngỏ ý quyên tặng tiền để xây dựng, các hội viên lại đóng góp thêm vào được hơn một vạn đồng, xây dựng liên tục, đào ao, dựng đình, sắp đặt hết thảy. Tuy chẳng hoa mỹ, nhưng thanh nhã không phàm tục, đáng gọi là chốn "thế ngoại đào nguyên" (chốn tiên bồng ngoài cõi tục). Đến tháng Chạp năm Dân Quốc 15 (1926), công trình mới hoàn thành. Tháng 5 năm Dân Quốc 17 (1928), ông Viên Hiếu Cốc tậu thêm một nền đất rộng bảy phân ở phía Nam, nhờ đó khu vườn ao càng thêm rộng rãi, vẽ họa đồ, trình lên huyện, lập hồ sơ đầy đủ. Việc quản lý kinh phí trong mấy năm đều do nhóm các ông Ngô Dĩnh Chi v.v. trước sau lo toan.

Mùa hạ năm ngoái, giám viện Linh Nham Sơn Tự là thầy Diệu Chân do thấy Linh Nham không có hạ viện tại

thành Tô Châu, sau này đến đất Tô cảm thấy khá bất tiện, chú ý đến khu vườn ao phóng sanh tại cầu Hổ Khiếu, cậy Quang hỏi thăm tình hình nơi ông Tào Tung Kiều, cũng như nhờ cậy ông ta thương lượng với mọi người trong hội ấy. Nếu chịu thí tặng thì sự nghiệp phóng sanh càng được tiến hành mạnh mẽ hơn; lại không cần phải phái người chuyên lo quản lý, đôi bên đều có lợi, đúng là "một chấm thủy mặc, đôi bên đều thành rồng". Ông Tào đi hỏi, mọi người đều cùng tán thành, bảo rằng: "Linh Nham sơn chưa đầy mười năm mà đạo phong đã nghe tiếng khắp xa gần, nghiễm nhiên trở thành đạo tràng thanh tu bậc nhất của Ngô Huyện. Nếu biến khu vườn ao phóng sanh thành hạ viện thì sau này sẽ phát đạt, an hòa nào kém Linh Nham?" Bèn bàn bạc, ước định năm điều kiện ngõ hầu vĩnh viễn chẳng suy sụp:

1. Danh xưng khu vườn ao phóng sanh thuộc hội Phật Giáo Cứu Vớt Loài Vật Trung Quốc phân hội Tô Châu.

2. Điện thờ tổ sư Tế Công.

3. Bài vị của thầy Ngộ Căn.

4. Tòa cát đình[39] trên bờ ao.

5. Mộ phần của chủ đất họ Trầm nằm ngoài tường bao quanh khu vườn.

---

39 Một loại đình nhỏ (gazebo) là một loại kiến trúc nhỏ, lợp mái, nhiều cột, không có vách, thường dùng làm nơi hóng mát hay ngắm trăng.

Năm thứ này phải được bảo tồn vĩnh viễn, chẳng được bỏ đi. Những thứ kiến trúc, mở mang khác do tăng chúng chùa Linh Nham tùy ý tiến hành. Duyên khởi ấy được khắc vào bia, ghi vào sổ sách để lưu lại vĩnh viễn. Do vậy đem tất cả khế ước, họa đồ, hồ sơ, giấy tờ chứng minh đã lập từ trước kia đều giao ra hết. Có thể nói là thành tựu cho đạo tràng Tịnh nghiệp Linh Nham, phát triển sự nghiệp phóng sanh, công đức lớn nhất! Mong sao hội viên hội này và giám viện Linh Nham, mọi người đồng tâm dốc sức đề xướng bảo vệ sanh mạng, ăn chay, để thành tựu chuyện "không phóng sanh mà là phóng sanh lớn lao", chí thành niệm Phật để được vãng sanh hòng liễu sanh tử, dứt sát kiếp để vời thỉnh quyến thuộc cõi trời, vãn hồi thế đạo, uốn nắn nhân tâm thì công đức ấy há văn tự, ngôn ngữ có thể hình dung được ư?

5. Bi ký về việc chùa Quốc Thanh núi Thiên Thai thành lập ao phóng sanh

(Năm Dân Quốc 23 - 1934)

Đức Đại Giác Thế Tôn... (cho đến) coi thường bỏ qua (phần này giống hệt như trong bài bi ký ở trên nên lược đi). Chùa Quốc Thanh là ngôi chùa hàng đầu của núi Thiên Thai. Hòa thượng Khả Hưng cực lực khôi phục, lại thỉnh pháp sư Tĩnh Quyền phụ trợ, muốn mở rộng lòng từ bi của Phật, tổ để khơi gợi thiện niệm cho người đời, do đó bèn lập ao phóng sanh nơi vườn rau phía Tây của

Tam Môn. Dòng Khê Thủy từ Tây Sơn đổ vào nơi đó, nước chảy vào chảy ra cuồn cuộn, là chỗ thích hợp nhất để nuôi cá. Mùa thu, mùa hạ, nhằm buổi trời trong, đêm trăng, tiết xuân, tiết đông thì sau giờ Ngọ, trước lúc xế chiều, đại chúng đến đây niệm Phật hiệu vang vang, nhiễu quanh ao ba vòng hồi hướng Tịnh độ để những loài thủy tộc ấy đều gieo thiện căn xuất thế cũng như khiến cho đại chúng đều phỏng theo bi nguyện của Phật, của tổ. Do muốn tỏ rõ ý nghĩa "do phóng sanh mà đạt được lợi ích", chùa Quốc Thanh sai Quang viết bài ký để thưa cùng bậc sáng suốt mai sau.

Trộm nghĩ: Phóng sanh vốn là để đề xướng kiêng giết, ăn chay. Nếu con người suốt đời ăn chay sẽ trở thành không phóng sanh mà phóng sanh lớn lao vậy. Nay tôi chép lại bài thơ răn đừng ăn thịt của cư sĩ Hoàng Sơn Cốc[40] đời Tống để mong mọi người lúc ăn thịt hãy suy nghĩ đôi ba phen, ắt chẳng nỡ ăn và tâm chẳng dám ăn nữa sẽ bừng bừng dấy lên. Bài thơ ấy như sau:

Ngã nhục, chúng sanh nhục,
Danh thù, thể bất thù,
Bổn thị nhất chủng tánh,
Chỉ vi biệt hình khu,

40 Hoàng Sơn Cốc tên thật là Hoàng Đình Kiên, tự là Lỗ Trực, hiệu là Sơn Cốc đạo nhân, vốn là một nhà thư pháp (calligrapher) nổi tiếng thời Bắc Tống, quê ở huyện Tu Thủy, tỉnh Giang Tây. Ông làm thơ, viết chữ, vẽ tranh đều xuất sắc nên được xưng tụng là Tam Tuyệt. Đương thời, ông nổi tiếng không kém Tô Đông Pha nên người đương thời thường dùng từ ngữ Tô Hoàng để chỉ hai bậc văn gia này.

Khổ não tùng tha thụ,
Phì cam vi ngã nhu,
Mạc giao Diêm Quân đoán,
Tự sủy ứng hà như?

(Thịt ta, thịt chúng sanh,
Danh khác, thể vốn đồng,
Vốn cùng một chủng tánh,
Chỉ hình hài khác nhau!
Khổ não chúng hứng chịu,
Béo ngon ta hưởng riêng,
Chớ đợi Diêm-la xử
Tự suy sẽ biết mà!)

Bài thơ ấy có ý nghĩa lắm thay! Trung hậu, khoan dung cách đạo chẳng xa, điều gì chẳng muốn người khác làm cho chính mình thì chớ làm cho người khác. Lòng nhân với con người, yêu thương loài vật ấy chính là đại kinh đại pháp thành thủy thành chung, chẳng cần phải nói tường tận về ý nghĩa nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo sâu xa. Nguyện những ai thấy nghe đều suy nghĩ sâu đậm.

6. Bi ký về việc chùa Quốc Thanh núi Thiên Thai sáng lập ba viện dưỡng lão, dưỡng bệnh và trợ niệm

(Năm Dân Quốc 23 - 1934)

Sa-bà là cõi khổ sở cùng cực, vì thế cõi này thuộc về quán trọ trên đường lữ thứ; An Dưỡng là chốn vui sướng

tột bậc, vốn là quê nhà sẵn có. Nhưng do chúng sanh mê muội chưa ngộ, bèn cứ khăng khăng coi quán trọ là quê nhà, chẳng biết có trụ xứ thanh tịnh an ổn tột bậc do cha ông đã tạo dựng. Do vậy khởi tham sân si, tạo giết trộm dâm, luân hồi trong sáu nẻo, chìm đắm trong tam đồ từ kiếp này sang kiếp khác, không cách nào thoát ra. Đức Đại Giác Thế Tôn thương xót, thị hiện sanh trong thế gian, tùy thuận căn cơ thuyết pháp để các chúng sanh bỏ mê về với ngộ, theo đường về nhà. Do chúng sanh căn cơ chẳng phải chỉ có một, nên mỗi pháp đức Như Lai nói ra đều khác biệt. Nhưng các pháp ấy đều phải cậy vào tự lực, chỉ bậc thượng căn cao nhất mới có thể hoàn thành được ngay trong đời này. Nếu là kẻ kém hơn thì sẽ hai đời, ba đời mới giải quyết xong. Những kẻ trải kiếp dài lâu vẫn chưa thể giải quyết xong vẫn chiếm đa số. Lòng Như Lai phổ độ chúng sanh chan chứa nhưng chưa thỏa mãn được, do vậy bèn đặc biệt mở ra một pháp tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương, để thượng thánh hạ phàm đều cùng trong đời này thoát cõi Sa-bà đây lên cõi An Dưỡng kia. Bậc thánh sẽ mau thành Phật đạo, kẻ phàm sẽ dần dần chứng được Bồ-đề. Phổ độ chúng sanh cô đơn quạnh quẽ không nơi nương tựa, thỏa thích lớn lao bổn hoài xuất thế của đức Như Lai. Trên là Văn-thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ, dưới là tội nhân ngũ nghịch thập ác cực nặng đều là căn cơ được thâu nhiếp bởi pháp này. Chúng ta trên chẳng bằng được các vị như Văn-thù v.v., dưới chưa đến nỗi giống như hàng ngũ nghịch thập ác, há lẽ đâu chẳng mạnh mẽ phát ra

đại chí ngõ hầu vượt ngang ra khỏi tam giới ư?

Xét từ khi đại giáo được truyền sang phương Đông, tuy có môn đình Thiền, Giáo, Luật, Mật, Tịnh bất đồng, nhưng không một môn nào chẳng lấy vãng sanh Tịnh độ làm chỗ quy túc! Núi Thiên Thai là đạo tràng của đại sư Trí Giả. Đại sư dùng *ngũ thời bát giáo*[41] để phán thích[42] giáo pháp cả một đời đức Như Lai nhưng vẫn chú trọng nơi một môn Tịnh độ. Tuy chưa thấy được phần kinh văn quy tông cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm nhưng đã lập pháp ngầm hợp, đủ thấy Phật và tổ vốn thở cùng một lỗ mũi! Chùa Quốc Thanh là ngôi chùa được xây trên nền đất ngôi chùa lúc đại sư sắp nhập diệt định[43]. Đến nay đã một ngàn ba trăm mấy chục năm, tuy trải qua nhiều lượt biển dâu, có khi hưng khi phế, nhưng nhờ được cao nhân làm trụ trì, cho đến hiện thời đạo phong vẫn chẳng suy sụp.

---

41 Ngũ thời: Hoa Nghiêm, A-hàm, Phương Đẳng, Bát-nhã, Pháp Hoa - Niết-bàn. Bát giáo: Tám loại giáo hóa, gồm *hóa nghi tứ giáo* (bốn phương thức dùng để giáo hóa) gồm: đốn, tiệm, bí mật, bất định và *hóa pháp tứ giáo* (bốn nội dung giáo hóa) gồm: tạng, thông, biệt, viên.

42 Phán thích: Phán định, giải thích.

43 Chùa Quốc Thanh nằm ở phía Nam ngọn Phật Lũng rặng Thiên Thai, do Tấn Vương Dương Quảng (sau này là Tùy Dạng Đế) xây dựng cho ngài Trí Khải (đại sư Trí Giả). Thoạt đầu, thiền sư Định Quang trụ trì tại núi này, thường bảo đệ tử: "Không lâu sau sẽ có vị thiện tri thức thù thắng lãnh chúng sống tại núi này." Quả nhiên, không lâu sau có ngài Trí Khải vượt Trường Giang đến nơi này, mở mang pháp thí rộng lớn. Đại sư tính xây dựng chùa ở phía nam núi Phật Lũng, nhưng xây chưa xong đã nhập diệt. Tấn Vương Dương Quảng tiếc nuối khôn cùng, bèn lập hội trai tăng một ngàn vị, xây dựng ngôi phạm vũ nguy nga này, thoạt đầu đặt tên là Thiên Thai Sơn Tự. Nhưng sau này, vua nhớ lại khi còn là Thái tử, nhằm khi ngài Trí Khải tới nơi đây, sư Định Quang đã từng báo mộng với nhà vua: "Ba nước (tức Bắc Chu, Bắc Tề, Trần) sẽ hợp thành một, người có thế lực lớn lao mới ở được chùa này, chùa xây xong, đất nước sẽ thanh bình." Do vậy, đổi tên là chùa Quốc Thanh.

Đầu thời Càn Long nhà Thanh, Bảo Lâm Trân Công trùng hưng, điện đường, liêu xá mới toanh rạng ngời, nhưng còn ba viện chưa đủ sức để thành lập. Một là dưỡng lão: Vì bậc danh đức các phương, bậc kỳ cựu trong chùa, tuổi già lắng lòng chuyên lo tu tập đạo nghiệp của chính mình nhưng chưa có một tòa viện chuyên biệt thì làm sao giúp cho tịnh nghiệp được? Hai là dưỡng bệnh: Thập phương tăng lữ cô quạnh một thân, đã đến chùa này nương tựa thì chính là người ruột thịt, hễ bị bệnh tật chẳng thể theo đại chúng, bèn dời đến nơi này để an dưỡng mong cho chóng lành. Nếu tuổi thọ sắp hết sẽ đưa sang Trợ Niệm đường. Ba là trợ niệm: Phàm người bệnh nặng sắp mất sẽ chuyển sang viện này. Thường trụ liền phái người luân phiên trợ niệm. Trụ trì hay người trưởng ban sẽ khai thị, hướng dẫn người sắp mất ấy, để người ấy toàn thân buông xuống hết, nhất tâm niệm Phật. Trước mặt người ấy nên thờ tượng Phật tiếp dẫn, để người ấy tâm niệm, miệng niệm, tai nghe, mắt nhìn, trừ đức Phật ra, không còn nghĩ gì khác nữa, ngõ hầu chánh niệm rạng rỡ, theo Phật vãng sanh. Đây chính là một đại sự khẩn yếu tột bậc của chốn tùng lâm hoằng pháp lẫn người xuất gia tu hành.

Người làm trụ trì và những vị có chức trách hãy nên coi người khác già - bệnh - chết giống như chính mình già - bệnh - chết, ắt sẽ lo liệu ổn thỏa, chắc chắn chẳng chịu quấy quá cho xong chuyện thì đạo đức hiện tại sẽ ngày một cao quý, phẩm sen vãng sanh càng thù thắng vậy! Huống chi cổ nhân tạo dựng tùng lâm vốn là vì người

già kẻ bệnh mà lập, cũng như khiến cho tăng chúng đông đảo có chỗ nương tựa, người học ùn ùn có nơi để tham học, thừa sự. Có ai chẳng già? Có ai không bệnh? Ai mà không chết? Nếu chẳng đặc biệt lập ra một viện thì người già người bệnh, thân tâm khó yên. Thân tâm đã chẳng yên thì niệm Phật cầu vãng sanh sẽ bị chướng ngại. Đấy chính là nguyên do thành lập riêng hai tòa điện đường dưỡng lão và dưỡng bệnh.

Nhưng già và bệnh còn có thể tạm để đó, chứ lâm chung chắc chắn khó thể coi thường, trì hoãn được. Nếu công phu chưa sâu, Phật niệm chưa thuần, lại thêm bệnh khổ trầm trọng, chẳng có tri thức khai thị, hướng dẫn, tịnh lữ trợ niệm, sẽ trở vào luân hồi, trọn chẳng có hy vọng gì được liễu thoát. Nếu là người công phu đã sâu, Phật niệm đã thuần, lại có sức trợ niệm của đại chúng, há chẳng mau chóng thấy Phật, nghe pháp, ngộ Vô sanh nhẫn ư?

Do vậy biết chuyện trợ niệm quan hệ rất lớn. Đang trong lúc tánh mạng sắp chấm dứt ấy, nhằm lúc phán định thăng trầm, mà đã có người khai thị, hướng dẫn, trợ niệm, ví như kẻ khiếp nhược tránh giặc tính ngồi thuyền trốn xa, được mọi người nâng đỡ, liền có thể vọt lên thuyền, liền được ngồi yên ổn đến tận bờ kia. Nếu là người không được khai thị, hướng dẫn, trợ niệm, ắt sẽ mắc cái họa phá hoại chánh niệm, đừng nói người công phu chưa sâu chẳng thể liễu thoát, dẫu là người Phật niệm đã thuần vẫn khó vãng sanh. Ví như dũng sĩ phá vòng vây lọt ra, tính ngồi thuyền

thoát đi, bị mọi người chèo kéo, ngay lập tức té xuống vực sâu. Siêu phàm nhập thánh hay vẫn luân hồi y như cũ chỉ trong một hơi thở này! Lẽ được mất quá nửa nằm trong tay vị trụ trì, một phần ít nằm trong tay những người giữ chức trách. Nếu vị trụ trì hay những vị có chức trách thấy người khác chết giống như cha mẹ, thầy, bạn của chính mình chết ắt sẽ cực lực trợ niệm đúng pháp, thành tựu vãng sanh. Đã được vãng sanh, lâu dần ắt sẽ viên thành Phật đạo. Thành tựu một người vãng sanh chính là thành tựu một chúng sanh thành Phật, công đức ấy há thể diễn tả được ư?

Đến năm Dân Quốc 17, 18, do không kiếm được người trụ trì nên [Quốc Thanh Tự] lâm vào cảnh suy bại sát đất. Năm Dân Quốc 19 (1930), những bậc kỳ lão trong núi và các vị hương thân cung thỉnh hòa thượng Khả Hưng là bậc đã xin thôi chức trụ trì về hưu trước kia trở lại làm trụ trì để mong khôi phục nhà chùa. Cụ Hưng bèn mời người bạn thân là pháp sư Tĩnh Quyền giúp sức. Do vậy đặc biệt mở học xã để hoằng dương xiển phát tông Thiên Thai, hưng khởi điều lợi, trừ thói tệ, tiến hành đầy đủ trăm chuyện đã bị phế bỏ. Nay lại tính lập ra ba viện này, mỗi viện gồm năm gian, vị trí ở gần nhà bếp để tiện cung cấp những thứ thức ăn, trà nước cho những vị già cả, bệnh tật. Mỗi viện đều cử người trông nom, đều lập quy ước. Trụ trì và những vị có chức trách thường đi xem xét, chẳng để cho những người chăm sóc lười nhác, coi thường. Dụng tâm cẩn thận, sát sao đáng cho người khác khâm phục! Hòa thượng Khả Hưng sai Quang soạn bài ký. Do vui đẹp trước

tấm lòng thành vì pháp vì người của chùa Quốc Thanh nên Quang quên mình hèn tệ, viết những ý chính. Nguyện từ nay trở đi, trụ trì và những vị có chức trách chùa Quốc Thanh cũng như trụ trì và những vị có chức trách các nơi trong hiện tại lẫn tương lai ai nấy đều chú ý sâu xa.

7. Bi ký về chuyện liên xã Hương Quang thuộc thảo am Hương Sơn ở Ngô Huyện xây dựng điện Tam Thánh

(Năm Dân Quốc 23 - 1934)

Đức Đại Giác Thế Tôn khéo trị những căn bệnh nơi thân nơi tâm chúng sanh, khéo làm cho thiên hạ thái bình, nhân dân yên vui. Tâm bệnh có những thứ nào? Chính là tham sân si. Đã có những bệnh ấy, tâm chẳng thể chánh được, những ý niệm thuận theo tình kiến, trái nghịch lý sẽ ồ ạt dấy lên. Những niệm ấy đã khởi, ắt sẽ muốn thỏa lòng ham muốn của chính mình, cái tâm hèn tệ giết trộm dâm sẽ ngay lập tức biến thành sự thực. Đấy gọi là "do hoặc tạo nghiệp, do nghiệp chuốc khổ trải trần điểm kiếp[44] chẳng thuở nào xong". Đức Như Lai thương xót, tùy theo từng căn bệnh của chúng sanh mà ban thuốc, bảo họ: "Tâm tham sân si chẳng phải là cái tâm vốn có của các ngươi, tâm các ngươi vốn viên minh tịnh diệu như tấm gương sáng sạch, trọn chẳng có một vật nào! Hễ có vật ở trước gương thì không vật nào chẳng được soi trọn vẹn. Vật đến chẳng cự tuyệt, vật đi chẳng lưu giữ. Giữ được tánh thiên

44 Trần điểm kiếp: Kiếp số nhiều như số vi trần.

chân của ta, chẳng bị chuyển theo vật. Mê tâm đuổi theo cảnh thì gọi là ngu phu. Trái trần hợp giác liền dự vào dòng thánh." Nếu con người biết được điều này, tâm bệnh sẽ lành. Tâm bệnh đã lành, thân bệnh chẳng có cội gốc nữa, dẫu cảm xúc lạnh nóng cũng chẳng bị nguy hiểm. Tâm đã chánh thì thân sẽ chánh theo. Do đã không có tình niệm tham sân si thì sẽ do đâu mà có những hạnh hèn tệ giết trộm dâm cho được? Ai nấy đều như thế thì dân là đồng bào, loài vật giống như ta, đối đãi bình đẳng, nào còn có chuyện tranh đất giành thành, tàn sát lẫn nhau nữa ư?

Vì thế, những bậc vua quan thông minh duệ trí thời xưa không vị nào chẳng sùng phụng hộ trì, bởi Phật pháp giữ yên đất nước khi chưa loạn, bảo vệ đất nước khi chưa nguy, nên đạt đến thái bình mà chẳng hay chẳng biết, chẳng tỏ lộ dấu vết vậy. Tiếc cho những nhà Nho đời sau tâm lượng hẹp hòi, nhỏ nhen, lấy diệu nghĩa từ kinh Phật để giúp cho những chuyện bàn suông của bọn họ, nhưng bài xích thật lý do đức Phật đã nói, bảo là bịa đặt. Sự lý nhân quả ba đời, luân hồi sáu nẻo chính là đại kinh đại pháp khiến cho người hiền mau lên cảnh thánh, kẻ ngu gắng sức làm người dân lương thiện, thế mà bọn chúng bảo "thật ra chẳng có chuyện nhân quả báo ứng, con người chết đi, thần hồn đã diệt, còn ai để chịu tội và thác sanh?" Từ đấy thiện không có gì để khuyên, ác không có gì để trừng phạt, đến nỗi hùa nhau phế kinh điển, phế luân thường, phế hiếu, bỏ thẹn, chẳng hề xấu hổ, ngược ngạo coi đó là vinh,

đều là do những thứ học thuyết ấy ươm thành. Cõi đời đã loạn đến cùng cực, ai nấy đều lo sợ, muốn cứu vãn thì chẳng thể không noi theo đại pháp của đức Như Lai. Do vậy các nơi đều lập Tịnh nghiệp xã hoặc Cư sĩ lâm để đề xướng nhân quả, chuyên tu tịnh nghiệp.

Trụ trì thảo am Hương Sơn ở Ngô Huyện là đại sư Thanh Thiền và các cư sĩ tại địa phương đã sáng lập liên xã Hương Quang từ lâu, nay đặc biệt xây cất năm gian điện Tây Phương Tam Thánh ở phía Đông thảo am. Những tăng nhân sống trong am suốt năm tu tập, tăng tục tham dự liên xã định kỳ cử hành, sắm sửa đầy đủ kinh sách Tịnh tông để mọi người đọc tụng. Ngày Rằm mỗi tháng mọi người đều tụ lại, niệm Phật một ngày, hễ thuận tiện bèn giảng diễn tông chỉ của pháp môn Tịnh độ ngõ hầu những người tu trì hiểu thấu triệt tự tâm, chẳng đến nỗi miệng nói cầu sanh Tây Phương mà lòng vẫn nhớ tưởng cõi này, đến nỗi công phu sắp thành nhưng vì mắc lỗi hiểu lầm đến nỗi mong thoát sanh tử mà vẫn đọa luân hồi! Lại còn chỉ dạy cặn kẽ nhân quả, thuật đủ tội phước.

Phàm những ai tham dự liên xã đều phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng hành các điều thiện, giữ gìn tám đức "hiếu, đễ, lễ, nghĩa, trung, tín, liêm, sỉ", dốc chí nơi tám sự "cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ", ắt sẽ khiến cho Nho tông nhờ Phật pháp mà được phục hưng, sự giáo hóa của Phật do

hàng Nho sĩ mà được truyền rộng rãi, bù đắp thiên kiến "trong lòng sùng phụng, ngoài mặt chống trái", tự lầm lầm người của tiền nhân, dạy đời sau quy củ rộng lớn "sống trong cõi trần học đạo, tự lập lập người". Ba người cùng đi ắt có người là thầy ta; một ấp mười nhà ắt có nhà trung tín. Ai cũng đều có thể là Nghiêu - Thuấn, ai cũng đều có thể thành Phật. Người ta là trượng phu, mình cũng là trượng phu, chớ nên tự khinh rồi cam phận lui sụt, ngõ hầu chẳng cô phụ Phật tánh sẵn có nơi tâm mình và đại pháp liễu thoát ngay trong đời này. Nguyện khắp những người đến với liên xã này đều ghi nhớ chớ quên thì may mắn lắm thay!

8. Bi ký thuật duyên khởi của điện Tây Phương tại Vô Tích

(Năm Dân Quốc 22 - 1933)

Pháp môn Tịnh độ là pháp môn đặc biệt trong giáo pháp suốt cả một đời đức Phật, là cội nguồn của các pháp, cả phàm lẫn thánh đều được độ, thích hợp khắp ba căn thượng, trung, hạ; Thiền, Giáo, Luật cùng hướng về một đạo, thực hiện dễ, thành công cao, dùng sức ít nhưng đạt hiệu quả nhanh chóng. Quả thật là con đường tắt cho chúng sanh trong chín pháp giới trở về lẽ chân, thỏa thích bản hoài xuất thế của đức Bổn sư Thích-ca. Xét từ khi pháp được truyền sang Đông Chấn (Trung Hoa), Viễn công mở liên xã đầu tiên, từ đấy những bậc cao nhân chí hâm mộ Tây Phương ai nấy vâng theo tông phong, sự giáo hóa lan khắp cả nước và

các nước ngoài. Tuy hơn một ngàn năm qua không lúc nào chẳng có những tình trạng hưng thịnh hay suy vi, trong tâm chúng sanh vẫn thường giữ lòng thành quy hướng.

Huyện Vô Tích chính là cuộc đất thù thắng nơi Thái Bá, Trọng Ung ẩn mình. Điện Tây Phương là đạo tràng cùng tu cả Phật pháp lẫn thế pháp. Nhằm năm Quang Tự 29 (1903) đời Thanh đã có năm vị ưu-bà-di là Cao Siêu Tắc, Tần Học Tây, Triệu Tịnh Chứng, Đằng Tâm Tịnh, Cố Tịnh Minh, hạnh noi theo ba bà Thái[45], chí mong nơi chín phẩm sen, mỗi người bỏ ra một món tịnh tài là năm trăm đồng, tính dựng tinh xá niệm Phật ngoài cửa Tây, [thuộc khu vực đánh số] 22-7 trên bản đồ. Bà Siêu Tắc lại bảo con là Chấn Thục tặng cho tinh xá 6 phân 5 ly đất nữa để góp thêm vào khoảnh đất do các xã hữu đã chung sức quyên góp tậu được. Bèn dựng đại điện, cửa tam quan, nhà khách, tịnh thất, tổng cộng hơn mười gian, mất ba năm mới xây dựng xong. Phàm tượng Phật, kinh điển, pháp khí trang nghiêm nói chung đều đầy đủ, lại còn định quy ước rõ ràng, ghi chép lại để lưu truyền, vâng giữ. Nếu là hàng phụ nữ quy y tam bảo, dốc lòng tu tịnh nghiệp thì đều có thể tùy hỷ tu trì, đây chính là nơi tiên khởi của liên xã dành cho nữ giới tại Vô Tích vậy.

Thuở đầu, bà Siêu Tắc lòng nhàm chán sanh tử mong

---

45 Ba bà Thái chính là Thái Khương (vợ Chu Thái Vương, tức bà nội của Văn Vương), Thái Nhậm (vợ Chu Vương Quý, mẹ vua Văn Vương) và Thái Tự (vợ Chu Văn Vương), ba người đàn bà hiền đức mẫu mực nhất thời cổ.

mau được liễu thoát, được hai người chú là các tiên sinh Ngưng Phong và Đạo Nam chỉ dạy pháp môn Tịnh độ, bèn phát tâm kết xã đồng tu tịnh nghiệp. Lúc ban đầu, lập hội trong am Thạch Sư, tiếp đó sáng lập điện này để tự có thể chủ trì được việc này. Tới năm Tuyên Thống thứ hai (1910), bà sắp về Tây, bèn mời khắp các vị hương thân, cao niên, thiện tín hộ pháp đến, giao cho bà Học Tây kế tục đảm nhiệm mọi việc. Nối tiếp bà Học Tây chủ trì đến nay là bà Hiển Trung. Bà Hiển Trung xưa đã gieo huệ căn, hiếu học, chuyên tu, thường nương theo bà Siêu Tắc tu trì tại đây. Gần đây bà lãnh đạo tịnh hữu rất được tiếng khen. Trong điện từ trước đến nay khóa tụng sáng tối, ba thời niệm Phật quy củ nghiêm túc, tu trì tinh tấn, khiến cho kẻ thấy nghe đều sanh lòng chánh tín. Do vậy những người bỏ mê về với ngộ, chuyển tà thành chánh mà chẳng hề hay biết không thể đếm xuể được! Gần đây liên xã thành lập như rừng, tiếng niệm Phật chở đạo[46] chưa hề có nơi nào chẳng phải do điện này phát khởi vậy. Lại ở trước cửa dành ra 2 phân 5 ly đất, dự tính mai sau sẽ dần dần mở rộng cuộc đất ra.

Hiển Trung do chủ trì đã lâu, bị già - chết bức bách, ý muốn thoái ẩn, hòng chuyên tu tịnh nghiệp. Do vậy trình bày với Quang về duyên khởi, lai lịch của điện này, cậy tôi viết bài ký. Do vậy, tôi bèn trình bày đại lược sự rộng lớn cao sâu của pháp môn Tịnh độ, cũng như do sự tu trì tinh

46 Nguyên văn "Phật thanh tải đạo": Dựa theo ý câu "văn dĩ tải đạo" dùng văn chương để chuyển tải đạo lý. Tương tự, tiếng niệm Phật khiến người nghe thức tỉnh, phát khởi thiện căn, mỏng nhẹ phiền não, do vậy, tiếng niệm Phật cũng chuyên chở đạo lý vậy.

tấn của mọi người trong điện này nên được thiện tín khâm phục, ngưỡng mộ, hộ trì, nhằm thành tựu đạo tràng thù thắng nhiệm mầu "tu chân ngay trong cõi tục, tự lợi lợi tha" này, ngõ hầu hết thảy mọi người đều biết "ở ngoài thế giới giống như nhà cháy này, vốn có quê hương thanh tịnh yên vui tột bậc", cùng chuẩn bị tư lương tín - nguyện - hạnh để trở về nhà, mong sao đích thân thấy được bậc cha mẹ đại từ bi là A-di-đà Phật, liền được cùng với Phật chứng vô lượng quang thọ. Nguyện ai nấy gắng sức, nguyện mỗi người hãy gắng công lên! (Tam môn chính là ba môn giải thoát *không, vô tướng, vô tác*, nhưng một môn có đủ cả ba nghĩa giải thoát này vậy.)

9. Bi ký ghi duyên khởi sáng lập chùa Pháp Vân bên sông Tam Xoa tại Nam Kinh

(Năm Dân Quốc 22 - 1933)

Như Lai vì một đại sự nhân duyên nên xuất hiện trong cõi đời, gọi là "đại sự" là vì muốn cho hết thảy chúng sanh đều khai - thị - ngộ - nhập tri kiến Phật, ai nấy đều được thành Phật mới thôi. Do chúng sanh căn tánh lớn - nhỏ khác biệt, nên pháp môn của đức Như Lai có quyền - thật bất đồng. Vì vậy tâm phổ độ chúng sanh của Như Lai chưa được thỏa mãn lớn lao. Bởi thế, đặc biệt mở ra một pháp "tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương" để dù thánh hay phàm đều cùng trong đời này thoát khỏi cõi khổ này, sanh sang nước vui sướng kia. Bậc thượng căn sẽ mau

chứng pháp thân, kẻ căn cơ trung hạ cũng đều cùng lên Bất thoái, khiến cho chúng sanh cùng thoát sanh tử, thỏa thích bản hoài xuất thế của Như Lai. Lợi ích ấy chẳng thể diễn tả được! Vì thế, pháp này được chín giới hướng về, mười phương cùng khen ngợi, ngàn kinh đều xiển dương, muôn luận đều tuyên nói, vì pháp này là pháp môn tổng trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh.

Chùa Pháp Vân phỏng theo đạo tràng niệm Phật phóng sanh do chùa Vân Thê đã lập. Nguyên do là vì trong tháng 8 năm Dân Quốc thứ mười (1921), Quang sang Dương Châu để khắc in sách, ông Vương Ấu Nông đi cứu trợ ở Nam Kinh, theo lời ước hẹn đến thăm viếng. Ngày hôm sau đến thăm ông Lưu Viên Chiếu, ông Ngụy Mai Tôn cũng đến gặp, cho biết chính ông ta "khá tin tưởng Phật pháp, đã từng đọc Văn Sao của thầy, gần đây cũng niệm Phật, nhưng hận rằng nghiệp chướng, tập khí sâu dày, chẳng thể ăn chay được". Quang bảo: "Bệnh ấy dễ trị, xin hãy đem bài sớ kêu gọi tu bổ ao phóng sanh chùa Cực Lạc ở Nam Tầm đọc kỹ, đảm bảo ông sẽ ăn chay được!" Vào tháng 10, ông ta liền ăn chay trường, lòng đau đáu nghĩ tưởng sát kiếp tràn lan đều do sát sanh ăn thịt cảm thành, nhân đấy bèn miệt mài đề xướng niệm Phật, phóng sanh, mong sao người và vật đều được sống yên vui, đều được vãng sanh Tây Phương. Năm sau, ông Mai Tôn cùng với Ấu Nông, Bàng Tánh Tồn, Diệu Liên, Tâm Tịnh v.v.

thương lượng mua chừng đó mẫu đất của ông Phương Tuấn Sanh bên sông Tam Xoa để thực hành chuyện ấy.

Ông Tuấn Sanh vốn là con cháu của một gia tộc đời đời đức hạnh, khôn ngăn hoan hỷ, đặc biệt bán giá rẻ, xin đem bài vị tổ tiên cha mẹ thờ vĩnh viễn trong niệm Phật đường để mong cậy vào Phật từ lực tiếp dẫn vãng sanh hòng báo ân cha mẹ. Liền khởi công vào tháng Chạp, đào ao, đắp nền. Năm sau, dựng liên xá[47] và mười mấy căn nhà để sử dụng, đào chín cái ao để phóng sanh theo từng loại nhằm tránh cái nạn cá dữ nuốt cá. Năm ấy lại đề xướng lập cô nhi viện nuôi dạy cô nhi để chúng nó học chữ, học nghề hầu có thể tự lập, chẳng đến nỗi lang thang chết đói và trở thành phường không ra gì. Do vậy, xây dựng cô nhi viện trước, còn chuyện dựng chùa sẽ tính từ từ. Do nhiều năm liên tiếp thời cuộc không ổn, nên lần khân mãi đến ngày nay. Ông Đặng Phác Quân và Mai Tôn đều là học trò của ông Phùng Mộng Hoa, lại cùng quy y với Quang, xin ông Phùng và Quang đề tựa cho sổ vàng Bốn Mươi Tám Nguyện nhằm quyên mộ khoản tiền xây dựng Pháp Vân. Phàm những người khác quyên mộ cũng gộp vào trong sổ vàng ấy. Mỗi nguyện là một ngàn đồng, hễ có được bốn năm vạn đồng liền có thể xây dựng. Ghi đến hơn năm chục nguyện, đã giao ra hai vạn hai ngàn bảy trăm bảy chục đồng mà vẫn chưa khởi công, vì thế chẳng quyên góp nữa.

---

47 Liên xá: Gian nhà để niệm Phật. Do chỉ là một gian nhà tạm thời để niệm Phật nên không gọi là niệm Phật đường.

Năm Dân Quốc 19 (1930), ông Phác Quân quy Tây, hai cuốn sổ ấy con ông ta là Hàn Phân giao lại cuốn đầu, cuốn sau bị thất lạc, nên không biết được tên những người quyên mộ, cũng như do có người đã qua đời hay chuyển chỗ ở nên tuy có tên trong sổ cũng khó lòng thu hết được. Mấy năm qua, khi kinh phí cho cô nhi viện chẳng đủ nên đã tự tiện dùng tiền lời của khoản tiền ấy để bù đắp, vì thế trọn chẳng tăng thêm được. Năm ngoái, ông Mai Tôn quy Tây, ông Ấu Nông do thấy Quang và ông ta đều là khách chẳng còn ở lâu trong cõi đời này, nếu chẳng gấp rút lo toan, sau này chắc sẽ bị mất tích, bèn quy định biện pháp cho khởi công động thổ, sắm sửa vật liệu, mùa xuân năm nay sẽ đứng ra đốc thúc xây cất. Gặp đúng lúc chánh phủ cử ông ta làm ủy viên chánh phủ tỉnh Thiểm Tây kiêm nhiệm chức vụ trưởng ty dân sự vụ tỉnh Thiểm Tây, giữ nhiệm vụ trông nom xây dựng, nên mọi việc giao lại hết cho thầy trụ trì Tâm Tịnh.

Hơn nữa, việc này do Quang phát khởi nên thầy Tâm Tịnh bảo Quang soạn bi ký nhằm thưa với những người thông sáng mai sau. Trong năm Dân Quốc 11 (1922), lúc mua đất đã bàn bạc quyết định chương trình là đạo tràng chuyên tu tịnh nghiệp, quanh năm niệm Phật, công khóa mỗi ngày giống như Phật thất phổ thông. Nhất loạt chẳng giảng kinh, truyền giới, truyền pháp, thu nhận đồ đệ, làm chuyện kinh sám thù tạc. Trụ trì bất luận Thiên Thai, Hiền Thủ, Lâm Tế, Tào Động, nếu giới hạnh tinh nghiêm, thông

hiểu giáo lý, tin tưởng Tịnh độ sâu xa, chí mong lợi người thì đều có thể mời đảm nhiệm [chức trụ trì]. Nếu những mặt khác đều xuất sắc, chỉ có với Tịnh độ chẳng hề chú ý thì quyết chẳng thể thỉnh được! Trụ trì luận theo tuổi hạ, đức hạnh, chẳng luận trên thế hệ truyền thừa, do theo lệ truyền hiền chứ không theo lệ thầy truyền cho trò. Trong niệm Phật đường, mỗi ngày vị trụ trì hoặc người trưởng ban nói về Tịnh độ và giới luật, khai thị một lần để các sư phát tâm tăng thượng thù thắng. Có vị tín sĩ nào hâm mộ đạo phong nơi này xin mở niệm Phật thất để cầu cho cha mẹ được tăng tuổi thọ, cầu siêu linh hồn của tổ tông, tiêu trừ tội khiên của chính bản thân, hoặc vun đắp nền phước cho con cháu thì vẫn cứ niệm Phật như thường lệ, chỉ thêm vào ba lượt hồi hướng mà thôi. Lễ Diệm Khẩu cũng nhất quyết không thực hiện, nhằm ngăn ngừa hạng tăng ứng phó thừa cơ ẩn nấp phá hoại đạo tràng[48]. Phàm những ai xin mở Phật thất chỉ được đến một hai người để tỏ lòng kính trọng, lễ bái, nhưng phải ra về ngay trong ngày hôm

48 Do nghi lễ Diệm Khẩu rất phức tạp, bao gồm nhiều lễ nghi, thể loại tán tụng, ấn quyết, cũng như lễ nhạc rất phức tạp, nếu không phải là một vị tăng được huấn luyện chuyên môn sẽ không thể tham dự vào ban kinh sư để cử hành lễ này được. Chữ "ứng phó" ở đây thường bị đọc trại thành *ứng phú* với ý nghĩa "có khả năng thực hiện các nghi lễ thành thục, thông thạo, đúng cách". Muốn cử hành lễ Diệm Khẩu phải mời những vị tăng chuyên được đào luyện về khoa ứng phú, tuy vậy trong số những vị tinh thông nghi lễ ấy, không đảm bảo họ sẽ đều là người chú trọng tu trì, giới hạnh tinh chuyên. Nếu thường xuyên cử hành lễ Diệm Khẩu sẽ phải mời những vị ấy đến ở trong chùa. Nếu họ không phải là người chú trọng tu trì, sẽ rất dễ gây xáo trộn trở ngại cho sự thanh tu trong đạo tràng, cũng như khiến cho việc chuyên tu bị xen tạp. Hơn nữa, để cử hành lễ Diệm Khẩu phải tốn nhiều công sức chuẩn bị, rất tốn kém, nếu không mời tăng bên ngoài thì tăng chúng bổn tự phải dành nhiều thời gian để tập luyện khoa ứng phú cho nhuần nhuyễn nên sẽ xao nhãng việc niệm Phật.

ấy. Nếu tụ họp bạn bè đông đảo và đem theo quyến thuộc nữ giới trẻ tuổi ở lại cho đến khi viên mãn mới về thì quyết chẳng chấp thuận. Đạo tràng này thực hành pháp môn đặc biệt nên chẳng tuân theo thông lệ đã thành lập. Chương trình ấy đã ấn định ổn thỏa ngay trong lúc mua đất, nhưng trong năm Dân Quốc 15 (1926), tại Linh Nham ở Tô Châu, hòa thượng Chân Đạt khi biến ngôi chùa của mình thành đạo tràng thập phương đã thực hiện quy định này trước hết.

Hiện thời do khoản quyên góp hữu hạn, lại thêm thời cuộc khó khăn chẳng dễ gì quyên mộ, chỉ có cách tốt nhất là thu nhỏ phạm vi để khỏi bị bó tay. Đại điện dựng năm gian lầu cao, phía trên thờ Đại tạng kinh bản đời Tống mới được ấn hành và làm chỗ xem kinh. Phía dưới là đại điện, niệm Phật cũng ở chỗ đó. Hai bên đều dựng mười mấy gian để làm nhà khách, nhà kho, nhà bếp, phòng để bế quan. Cửa Tam Quan chính là điện Di-lặc Vi-đà[49]. Phạm vi tuy nhỏ, nhưng nói chung hình thức đầy đủ. Trước đó đã sắp xếp mười mấy vị tăng thật lòng tu đạo, tích cực tu trì để cầu vận nước tốt đẹp, hưng thịnh, tai họa tiêu diệt, mưa nắng đúng thời, thiên hạ thái bình. Tất cả việc đả thất hoặc cầu siêu cho vong linh, hoặc cầu thọ, do bài vị được thờ sau khám thờ Phật sẽ được nghe tiếng Phật hiệu suốt năm, giúp ích cho thần thức cũng lớn lắm. Phương danh công đức cho lần xây dựng này được khắc trong một tấm

49 Gọi như vậy vì tầng trên Tam Quan thờ Di-lặc Bồ-tát và đức Hộ Pháp Vi-đà Bồ-tát.

bia khác. Nếu có vị đại công đức chủ phát tâm hộ trì thì số người thường trụ nơi đây sẽ được tăng thêm. Kính mong những vị sống trong chùa này đều cùng phát tâm "tự lợi lợi tha, cùng sanh Tây Phương", ngõ hầu khỏi phụ bạc sự giáo hóa của Phật, chẳng phụ rẫy tánh linh của chính mình, báo trọn bốn ân, giúp khắp ba cõi vậy.

10. Bi ký ghi công đức xây dựng lầu chứa kinh chùa Đại Phật Lăng Vân thuộc huyện Lạc Sơn, tỉnh Tứ Xuyên

(Năm Dân Quốc 24 - 1935)

Tam bảo Phật - pháp - tăng là đèn đuốc cho đêm dài vô minh, là thuyền bè trong biển khổ sanh tử, không riêng gì người có chí mong đoạn hoặc chứng chân liễu sanh thoát tử phải nên nương tựa, mà ngay cả những ai chuyên tâm nơi "minh đức, thân dân, trị quốc, an bang" cũng phải lấy việc "sáng tỏ diệu lý tâm tánh, nêu rõ sự thực nhân quả" làm một trợ duyên lớn lao cho việc xoay chuyển lòng người, phụ trợ nền bình trị của nước nhà vậy. Vì thế, xưa kia những bậc lập đại công, dựng đại nghiệp, lòng trung lòa nhật nguyệt, hạo khí lấp trời đất, phần nhiều do học Phật đắc lực mà ra, không ai chẳng dốc sức nơi trang nghiêm tượng Phật, lưu thông kinh Phật, hộ trì tăng chúng tu hành, mong cho hết thảy nhân dân đều cùng do trụ trì tam bảo[50] mà

50 Trụ trì tam bảo là một trong ba loại tam bảo, có tác dụng hiện diện trong cõi thế gian để duy trì Phật pháp, gồm tượng Phật, hình Phật là Phật bảo, kinh sách là pháp bảo, tăng chúng xuất gia là tăng bảo.

ngộ nhập nhất thể tam bảo[51], đích thân chứng được chân như Phật tánh sẵn có nơi tâm này. Ở chùa Lăng Vân xưa kia thế nước chảy xiết[52], thuyền đi ngang bị đụng vỡ gây hại rất lớn. Đầu đời Đường, thiền sư Hải Thông thấy vậy thương xót, muốn tìm cách cứu vớt che chở, bèn tạc một bức tượng Đương Lai Hạ Sanh Di-lặc Tôn Phật ngồi trên núi, cao đến 36 trượng, kích thước của tòa sen ngài ngồi chẳng tính vào trong [con số 36 trượng ấy]. Do nguyện lực của sư nên cảm được đức Phật rủ lòng từ gia hộ, nước đổi dòng, chạy sát vào chân núi, nổi lên một bãi cát bồi để người ta có thể sống được ở đó. Ý sư cho rằng ngài Di-lặc là đức Đương Lai Thế Tôn lòng từ không ai hơn được, tạo

51 Nhất thể tam bảo, còn gọi là đồng thể tam bảo, đồng tướng tam bảo. Tuy phân thành ba ngôi, nhưng vốn cùng một thể nên gọi là nhất thể. Nếu giải thích chi tiết hơn thì:

1. Luận trên mặt sự, Phật thể mang ý nghĩa giác chiếu là Phật bảo. Phật đức mang tác dụng làm khuôn mẫu (quỹ pháp) nên là pháp bảo, đã dứt hết những sự tranh cãi, trái nghịch nên là tăng bảo. Ba nghĩa này tuy khác, nhưng xét về mặt bản thể của mỗi đức lại chẳng khác nên gọi là nhất thể. Đây là giáo nghĩa được tuyên dương bởi các bộ luận Thành Thật, A-tỳ-đàm cũng như các kinh luận Đại thừa.

2. Luận trên phương diện phá tướng và "bản thể vốn là không" thì sự tuy có sai khác, nhưng thể đều không, nên gọi là nhất thể. Giáo nghĩa này chỉ hạn cuộc trong giáo pháp Đại thừa.

3. Luận trên thực tế, tuy tam bảo khác biệt nhưng đều lấy thực tánh làm thể nên gọi là nhất thể. Đây cũng là một giáo nghĩa chuyên biệt của Đại thừa. Hoa Nghiêm Kinh Khổng Mục Chương, quyển hai, giảng: "Đồng tướng tam bảo nghĩa là đồng một pháp tánh chân như, có ba nghĩa khác biệt là giác nghĩa, quỹ pháp nghĩa (khuôn phép), hòa hợp nghĩa, nên gọi là tam bảo."

52 Chùa Lăng Vân nằm ngay bờ Đông chỗ hai dòng Đại Độ và Mân Giang giao nhau. Núi Lăng Vân có chín ngọn nên còn gọi là núi Cửu Đảnh. Từ chùa nhìn sang bên kia sông là thành Lạc Sơn. Vào thời Đường, nơi mỗi ngọn núi đều có chùa, hiện giờ chỉ còn mỗi chùa Lăng Vân. Tượng Phật Di-lặc được đục thẳng vào vách núi trong tư thế ngồi, cao đến 71 mét, vai tượng rộng đến 28 mét. Tượng được tạc từ Khai Nguyên nguyên niên (713) đời Đường Huyền Tông đến năm Trinh Nguyên 19 (803) đời Đường Đức Tông mới hoàn thành, tức là tượng được tạc ròng rã trong 90 năm. Tượng này thường được gọi là Lạc Sơn Đại Phật hay Lăng Vân Đại Phật.

bức tượng lớn này chẳng những chỉ muốn cậy vào Phật từ lực để cứu giúp, che chở thuyền bè qua lại mà còn vì mong mỏi sâu xa những kẻ thấy nghe sẽ nạp vào tám thức điền tạo thành một đại nhân duyên hòng trong đời này phát tâm tu trì, vãng sanh Tây Phương, tương lai trở vào Sa-bà phù tá Di-lặc Phật trong hội Long Hoa. Sư đến hết đời vẫn chưa hoàn thành được công trình, đến niên hiệu Trinh Nguyên đời Đường Đức Tông công trình mới hoàn thành. Gặp dịp Nam Khang Vương là Vi Cao làm Tiết độ sứ[53] Tây Xuyên bèn soạn bi ký, có câu: "Thân cao ba trăm sáu mươi thước, đầu to chừng đó thước, mắt rộng hai trượng, những tướng hảo khác mỗi mỗi đều xứng hợp. Đây chính là tượng Phật lớn nhất nước ta. Nhưng pháp thân thật sự của Phật trọn khắp pháp giới, còn thân ứng hóa biến hiện thì mênh mông chẳng nhất định." Năm Dân Quốc thứ 9 (1920), ông Trang Tư Giam ở Thường Châu triều bái Phổ Đà, đem theo ba bức "mễ Phật" (tượng Phật hiện trên hạt gạo) đưa cho xem. Những tượng ấy trang nghiêm vi diệu, cả cõi đời không thể sánh bằng, ấy chính là tượng đứng do thiên nhiên tạo thành, dưới hạt gạo vẫn còn vòng cám. Hễ

---

53 Tiết độ sứ là một chức quan được đặt ra vào đời Đường. Thoạt đầu, những vị võ tướng nắm giữ binh quyền ở một đạo (tương đương với tỉnh bây giờ) được gọi là Đô đốc, chỉ những vị Đô đốc được vua ban cờ Tiết (một loại cờ hiệu tượng trưng cho uy quyền) mới được gọi là Tiết độ sứ. Đến đời Đường Duệ Tông, chức vụ này mới được chính thức thiết lập và phạm vi cai quản của Tiết độ sứ được mở rộng, trông coi cả về nội chính lẫn binh quyền trong một đạo. Các Tiết độ sứ cũng thường được phong tước Quận Vương, quyền uy rất lớn, khi chính quyền trung ương suy yếu, các Tiết độ sứ thường thừa cơ chiếm đất làm vua một cõi. Do vậy đến đời Tống, triều đình quy định Tiết độ sứ chỉ trông coi về nội chính, không được giữ binh quyền nữa.

ai thấy nghe đều cảm kích ân Phật.

Đối với những đế lý được nói trong kinh Phật, cố nhiên chẳng dễ gì tỏ rõ, nêu được những điều quan trọng là luận. Tứ thánh, lục phàm, nhân quả của mười pháp giới vốn trong một tâm. Đối với bản thể của tâm, phàm thánh chẳng hai, chúng sanh và Phật hệt như một, nơi phàm chẳng giảm, tại thánh không tăng, thường hằng khắp xưa nay, chẳng đổi dời, chẳng biến chuyển, Thể tuy bất biến, dụng thường tùy duyên. Thuận theo tịnh duyên, do công đức có sâu hay cạn mà có chứng quả Thanh văn, chứng quả Duyên giác, chứng quả Bồ-tát, chứng quả Phật sai khác. Tuy Thanh văn là nhỏ nhất, nhưng đã đoạn hoặc chứng chân, liễu sanh thoát tử, thường hưởng pháp lạc, chẳng thọ thân sau nữa. Theo nhiễm duyên, do hoặc nghiệp nặng hay nhẹ mà có sanh lên đường trời, sanh trong đường người, sanh trong đường a-tu-la, sanh trong đường súc sanh, sanh trong đường ngạ quỷ, sanh trong đường địa ngục khác biệt. Dẫu trời người là cao nhất, vẫn là đầy dẫy hoặc nghiệp, sanh tử luân hồi, thường ở trong tam giới, lục đạo, trọn chẳng có thuở thoát ra. Mười pháp giới ấy do một tâm của chính đương nhân tạo ra, thăng trầm, khổ vui khác biệt vời vợi một trời một vực; nhưng thể tánh của cái tâm ấy vẫn thường tự như như, nơi phàm chẳng nhiễm, tại thánh chẳng tịnh. Vì thế kinh Hoa Nghiêm nói: *"Nhược nhân dục liễu tri, tam thế nhất thiết Phật, ưng quán pháp giới tánh, nhất thiết duy tâm tạo"* (Nếu ai muốn hiểu rõ hết thảy Phật

ba đời, hãy quán tánh pháp giới, hết thảy chỉ tâm tạo).

Do vậy, đức Phật thấy hết thảy chúng sanh đều là Phật chưa thành, tùy thuận cơ nghi của họ mà trước hết nói *ngũ giới thập thiện* thuộc Nhân Thiên thừa, rồi nói *tứ đế* của Thanh văn thừa, rồi nói *thập nhị nhân duyên* của Duyên giác thừa, rồi nói đến *lục độ vạn hạnh* của Bồ-tát thừa, rồi nói đến phước lẫn tuệ cùng trọn vẹn, tịch chiếu cùng dung thông, hết sạch tam hoặc, vĩnh viễn mất hai thứ chết, viên mãn Bồ-đề, trở về chỗ "không có gì để đạt được" của Phật thừa. Lại nghĩ chúng sanh kém hèn, không cậy vào sức thệ nguyện rộng sâu của Phật Di-đà chắc chắn khó lòng liễu sanh thoát tử ngay trong đời này được, nên đặc biệt mở ra pháp môn tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương, ngõ hầu bọn phàm phu đầy dẫy hoặc nghiệp nương vào Phật từ lực mang nghiệp vãng sanh. Đã được vãng sanh thì hoặc nghiệp đã hết, đã chứng địa vị thánh, so với những kẻ chỉ cậy vào tự lực thì sự khó dễ dù hết cả năm cũng chẳng thể nói trọn!

Nhưng pháp môn này chính là nhằm tiếp độ thượng căn, tiếp độ kèm thêm hàng trung hạ, vì thế Thiện Tài đã chứng Đẳng giác, Phổ Hiền Bồ-tát bèn dạy dùng mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc để mong viên mãn Phật quả, cũng như khuyên khắp các vị Bồ-tát thuộc Hoa Tạng hải chúng nhất trí tiến hành, bởi đây là pháp môn tổng trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Đời có những kẻ bẩm tánh

thông minh đôi chút thường coi rẻ pháp môn Tịnh độ, chẳng chịu tu trì, chẳng những tự lầm lầm người, mà đúng là còn hủy báng Phật pháp nữa. Như Hoa Tạng hải chúng là các vị Đại sĩ đã chứng pháp thân thuộc 41 địa vị Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác, dùng công đức của mười đại nguyện vương để hồi hướng vãng sanh Tây Phương hầu mong mau chứng viên mãn Bồ-đề, trở về Phật quả "không có gì để đạt được". Những vị ấy là hạng người như thế nào, chuyện ấy là chuyện như thế nào, ta là hạng người nào mà dám chống đối các vị ấy?

Còn như kinh văn trong giáo pháp của cả Đại tạng được chia thành ba phần là kinh, luật, luận, nên có tên là Tam tạng. Tạng có nghĩa là "sâu chắc, u viễn, lấy để sử dụng chẳng bị cạn kiệt". Nếu đối với mỗi một chữ, một câu mà có thể thâm nhập thì sẽ thông suốt hết thảy pháp, hiểu hết thảy nghĩa. Vì thế Lục tổ của Thiền tông nghe một câu *"ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm"* (hãy không trụ vào đâu để sanh tâm) bèn nối tiếp ngôi vị tổ; hành nhân Liên tông thường trì sáu chữ "Nam-mô A-di-đà Phật" liền có thể ngay trong đời này sanh về nước Cực Lạc, dự vào hội Liên Trì.

Ba tạng kinh, luật, luận ấy từ Thiên Trúc truyền sang, trong bộ Khai Nguyên Thích Giáo Lục[54] đời Đường đã

54 Khai Nguyên Thích Giáo Lục còn được gọi là Khai Nguyên Mục Lục hay Trí Thăng Lục do ngài Trí Thăng biên soạn vào năm Khai Nguyên 18 (730) đời Đường, gồm 20 quyển, nội dung ghi nhận danh mục kinh nhà Phật được phiên dịch sách và những bản chú sớ, ngữ lục được trước tác từ năm Vĩnh Bình thứ 10 (67) đời Hán Minh Đế cho đến năm Khai Nguyên 18 nhà Đường. Đến năm Trinh Nguyên thứ 10 (794)

chép kinh điển nhà Phật có đến năm ngàn bốn mươi tám (5.048) quyển. Từ đấy liên tục dịch thêm cũng chẳng ít, nhưng cũng có những quyển bị thất lạc. Hiện thời Đại tạng kinh đời Thanh (Càn Long Đại tạng kinh) từ chữ "*Thiên, Địa, Huyền, Hoàng*"[55] đến chữ *Tất* trong câu *"Tất Thư Bích Kinh"* gồm có bốn trăm tám mươi lăm (485) hòm[56], tức bốn ngàn tám trăm năm mươi quyển. Trước thuật thuộc phương này (Trung Hoa) gồm thích kinh, tông kinh, các sớ luận và truyện ký, ngữ lục v.v. từ chữ *"Thư, Bích, Kinh"*

đời Đường, ngài Viên Chiếu lại soạn thêm bộ Tục Biên (thường được gọi là Đại Đường Trinh Nguyên Tục Khai Nguyên Thích Giáo Lục) gồm ba quyển để bổ sung danh mục những kinh điển đã được dịch thêm hay chưa được nhắc đến trong bộ Khai Nguyên Thích Giáo Lục.

55 Đây là cách đánh số thứ tự các hòm (tức rương hay tráp đựng kinh) trong Càn Long Đại tạng kinh dựa theo mỗi một chữ trong Thiên Tự Văn, vốn là một bài văn vần dùng để dạy trẻ học vỡ lòng chữ Hán. Gọi là Thiên Tự Văn vì bài này gồm một ngàn chữ Hán khác nhau. Theo truyền thuyết, để luyện tập thư pháp cho công chúa, Lương Vũ Đế sai Chu Hưng Tự (407-521) soạn ra bài văn này với tên gọi đầy đủ là Thứ Vận Vương Hy Chi Thiên Tự Văn. Thiên Tự Văn bắt đầu bằng câu *"Thiên địa huyền hoàng, vũ trụ hồng hoang, nhật nguyệt doanh trắc, thần tú liệt trương, hàn lai thử vãng"* (trời thẳm sắc đen, mặt đất sắc vàng, vũ trụ rộng lớn vô biên, mặt trời mặt trăng hết vơi lại đầy, tinh tú chi chít trong không trung, lạnh qua nóng đến) rồi kết thúc bằng câu *"Vị ngữ trợ giả, yên tai hồ dã"* (Những trợ ngữ dùng trong câu nói là 'yên, tai, hồ, dã'). Từ chữ Thiên trong câu *"Thiên Địa Huyền Hoàng"* đến chữ Tất trong *"Tất Thư Bích Kinh"* (Tất Thư là sách viết theo lối cổ chép bằng sơn trên các mảnh trúc (vì thuở đó chưa có giấy), Bích Kinh là những kinh điển của Khổng tử được chôn giấu trong tường khi Tần Thủy Hoàng hạ lệnh đốt sách, chôn học trò) là 485 chữ. Từ chữ Thư trong câu *"Tất Thư Bích Kinh"* đến *"Lưỡng Sớ Kiến Cơ"* (hai ông Sớ Quảng và Sớ Thọ thấy trước nguy cơ bèn cáo lão hoàn hương) là 239 chữ nữa. Chúng tôi dịch những câu này theo cách giải thích của Wikipedia.

56 Nguyên văn là "hàm", tức gọi tắt của chữ "hàm quỹ", một loại rương nhỏ để tăng chúng cất giữ pháp phục, những vật dụng tùy thân nhỏ nhặt, thường để dưới gầm giường. Do đó, tráp đựng sách cũng theo thói quen được gọi là "hàm", ta thường dịch là "hòm". Để tiện phân loại, đánh số, lưu trữ, tìm kiếm, Đại tạng kinh được chia thành nhiều hòm (mỗi một hòm như vậy là mười quyển, giống như hình thức chia thành từng tập (volume) hiện thời). Do khổ giấy khi xưa khá hẹp, mỗi quyển như vậy thường có từ 30 đến 40 trang, in cả hai mặt giấy, mỗi mặt thường từ 10 đến 20 dòng, mỗi dòng từ 10 đến 12 chữ (tùy theo khổ chữ).

đến câu *"Lưỡng Sớ Kiến Cơ"* mới hết, gồm hai trăm ba mươi chín (239) hòm, tức hai ngàn ba trăm chín mươi quyển, tổng cộng là bảy ngàn hai trăm bốn mươi quyển. Bộ này được khởi công khắc từ tháng Hai năm Ung Chánh mười ba (1735) đến ngày Rằm tháng Chạp năm Càn Long thứ ba (1738) mới hoàn thành.

Bậc thượng căn lợi trí đối với mỗi chữ một câu trong những kinh này, nếu tâm hồn thông hiểu liền có thể tự lợi lợi tha, tự lập lập người. Tiếp đó lại chí thành khẩn thiết thọ trì đọc tụng, y giáo phụng hành, hiểu nhân quả, rõ tội phước, dùng thân xướng suất người khác, ngõ hầu hết thảy mọi người nhìn vào bắt chước làm lành thì đối với pháp môn, đối với xã hội đều có lợi ích. Nếu hoàn toàn chẳng có ý niệm cung kính, chỉ cầu đa văn, hoặc lầm lạc dùng ý kiến ức đoán để luận định nghĩa lý sâu xa trong kinh thì tuy là nhân lành lại chắc chắn chuốc lấy quả ác. Nguyện những người đọc ai nấy hãy gắng công!

Trụ trì chùa Lăng Vân là hòa thượng Quả Tĩnh đã muốn cung thỉnh Đại tạng từ lâu, để những người có đại chí trong hàng tăng tục đều được nghiên cứu, xem đọc, nhưng lầu chứa kinh chưa xây, thỉnh về sẽ không có chỗ để. May sao năm Dân Quốc 18 (1929), pháp sư Vinh Nham cùng cư sĩ Vương Húc Đông đến chùa vãn cảnh, nhân đó nói chuyện thỉnh kinh cần phải dựng lầu, hai vị liền khẳng khái mỗi người giúp 500 đồng. Do vậy bèn dốc hết sức lo toan, nung ngói, mua gỗ, khởi công từ tháng Giêng

năm Dân Quốc 23 (1934) đến tháng 4 năm nay mới hoàn thành. Lầu ấy gồm bảy gian, cao 5 trượng 6 thước, hai bên lầu dựng năm gian nhà mỗi bên để làm chỗ nghỉ ngơi cho người đọc kinh. Đã lên Bắc Bình[57] thỉnh kinh, trước khi kinh về tới, đã sai Quang soạn bi ký về việc xây dựng lầu tàng kinh; do vậy bèn viết đại lược về nguyên do lập chùa và những nghĩa trọng yếu của Đại tạng cùng số hòm, số quyển để những bậc thông sáng đời mai sau đều thấu hiểu cặn kẽ. Kính mong nền tảng đất nước vững bền, đạo bình trị hưng thịnh, Phật nhật thêm sáng, pháp luân thường chuyển, đàn-việt tín chủ hưởng phước, tăng chúng an hòa, binh đao vĩnh viễn chấm dứt, mưa gió thuận thời!

11. Bài ký về việc trùng tu tháp viện của lão nhân Đại Từ

(Năm Dân Quốc 19 - 1930)

Xem rộng khắp những bậc anh hiền lỗi lạc xưa nay, tài năng tót vời, tại gia thì lập đại công, dựng đại nghiệp, thờ vua giúp dân, nêu gương cho hậu thế, xuất gia thì triệt ngộ tự tâm, thâm nhập kinh tạng, dạy dỗ lợi lạc trời người, nối tiếp huệ mạng của Phật thì đều là do đức hạnh cao đẹp của ông bà cha mẹ cảm thành. Nếu không, làm sao sanh được con cháu hiền tài siêu quần bạt tụy, giúp đỡ hết thảy như vậy được ư? Người ta chỉ thấy quốc sư Ngọc Lâm đạo đức

57 Bắc Bình là tên gọi của Bắc Kinh trong khoảng thời gian từ 1928 đến 1949.

cao vời, ngộ chứng sâu thẳm, trên cảm động cửu trùng[58], dưới hóa độ tứ chúng, Phật tổ, tâm ấn, đại pháp chiếu khắp nhân quần, sống tươi chết héo[59], khuôn mẫu tốt đẹp lưu lại đời sau, chẳng biết đấy đều là do ông nội và cha mẹ ngài đã giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, lợi người giúp vật, dốc lòng tin tưởng Phật pháp, tự hành, dạy người mà ra!

Xét ra, sư có họ ngoài đời là Dương, thuộc dòng vọng tộc ở Diên Lăng (thuộc tỉnh Thiểm Tây), đời nào cũng có người hiển đạt, cha húy là Phương, tuổi ngoài 30 vẫn chưa có con. Người trong họ là Dương Hưng bị thổ hào[60] vu hãm, sắp đến nỗi phải chết. Ông nội ngài bảo cha ngài vào triều kêu oan, quan liền thả Dương Hưng, đánh đòn thổ hào. Thổ hào ôm hận, không lâu sau, trong ấp bắt được kẻ gian, giải lên quan xét án. Gã thổ hào thừa dịp ghi tên ông nội ngài vào sổ, quan xét án rất nghiêm khắc tàn khốc, truyền bắt giữ khẩn cấp. Chú ngài và cha ngài tranh nhau chịu tội thay, cha ngài không chịu liền tự đi. Quan xét án rất ghét kẻ chịu tội thay, dùng hình phạt quá đáng để giết chết. Ngày hôm ấy đã giết chết liên tiếp mấy người rồi. Đến phiên cha ngài liền gào to: "Tôi chịu đòn thay cho cha

---

58 Cửu trùng (chín tầng, chín bệ) chỉ hoàng đế. Theo Dịch học, từ Hà Đồ và Lạc Thư, những con số thuộc về trời là 1, 3, 5, 7, 9. Như vậy 9 là con số dương lớn nhất. Vì thế con số 9 được dùng để tượng trưng cho ngôi vị cao cả nhất, sáng đẹp nhất. Do vậy, nhà vua được gọi là Cửu Trùng (chín bậc). Từ ý nghĩa này, những hào dương trong quẻ Dịch cũng được gọi là cửu.

59 Đây là một cách nói thông dụng trong Phật môn Trung Hoa ngụ ý sống chết thuận theo lẽ tự nhiên, thung dung tự tại, như cây cỏ đã chết thì phải khô héo, hễ còn sống thì tươi tốt.

60 Thổ hào: Kẻ có thế lực tại một địa phương.

tôi", quan xét án nghe tiếng cảm động vô cùng, xét hỏi cặn kẽ, biết là bị vu cáo bèn thả ra.

Tháng 4 năm ấy, tức năm Giáp Dần thuộc niên hiệu Vạn Lịch 42 (1614) đời Minh, liền sanh ra sư. Lúc sanh, bà mẹ là Mậu Thị mộng thấy Quán Âm ẵm một đứa bé trao cho, liền sanh ra sư. Thêm nữa, cha mẹ sư thường giảm bớt sự chi tiêu của chính mình để mua những con vật đem phóng sanh. Cha mẹ sư hiếu hữu nhân từ như vậy đó! Năm sau, cha sư quy y với đại sư Liên Trì, có pháp danh là Quảng Phức, cũng xin quy y cho sư, được pháp danh là Đại Tiềm. Đến năm 12 tuổi, lúc cha sư sắp mất, bèn đối trước tượng ngài Liên Trì, cầu cao tăng thay mặt cho đại sư Liên Trì xuống tóc, thuyết giới cho cụ; nửa tháng sau cụ mất. Năm 19 tuổi, sư lễ ngài Khánh Sơn xin xuất gia. Chưa đầy hai năm đã đại triệt, ngài Khánh Sơn rất coi trọng, dặn dò sư hãy xuống tóc, thuyết giới cho mẹ, đặt pháp danh là Thông Quang. Năm sư 22 tuổi, ngài Khánh Sơn thị tịch tại chùa Báo Ân, sư giữ tâm tang hầu hạ bên khám thờ đồng thời lo liệu việc trong chùa. Năm sau, tăng tục thỉnh sư kế nhiệm, trăm điều đã bỏ phế đều được tiến hành, tông phong chấn hưng lớn lao.

Năm 29 tuổi, tuân theo di mạng của ngài Khánh Sơn, sư thay ngài Khánh Sơn xuống tóc, thuyết giới cho mẹ, lại đón về chùa Báo Ân, dựng nhà tranh để phụng dưỡng suốt đời, gọi là lão nhân Đại Từ. Bà cụ chuyên tu tịnh nghiệp, kiêm tu tham cứu, liền được đại ngộ. Mười một năm sau,

tức năm sư 40 tuổi, nhằm năm Thuận Trị thứ mười (1653) đời Thanh, lão nhân Đại Từ thị tịch, thọ 71 tuổi. Sư ở trước khám thờ ngồi xếp bằng trên mặt đất suốt bảy ngày đêm, chẳng đụng đến một hạt gạo. Một thị giả đứng cạnh sư suốt bảy ngày đêm đến nỗi chân và đầu gối nước vàng chảy ròng ròng, vẫn chẳng tạm rời đi. Đại chúng chùa Báo Ân thấy sư đau buồn quá mức, muốn khích cho sư ăn uống liền niêm phong nồi, đóng chặt bếp. Sư nghe nói như vậy liền húp cháo, bảo mở nồi ra. Sư đã xuất gia còn đau buồn như thế, hiếu tử trong thế gian cũng chẳng hơn được! Nhưng sư làm cho mẹ ngộ đạo thì hiếu tử trong cõi đời có ai làm được như vậy đâu? Sư nghĩ đến ân của phụ sư, mẫu sư[61] tính tìm một cuộc đất thích hợp để an táng hòng báo ân sâu dưỡng dục, dạy dỗ. Tìm được một cuộc đất ở Ngữ Sơn bèn dời quan tài cha về chôn tại đó.

Đến năm Thuận Trị 15 (1658), đạo phong thấu đến bề trên, tháng Chạp sứ giả cầm chiếu đến triệu sư về kinh lập tức. Sư lấy cớ sắp dựng tháp chôn mẹ để từ tạ, vua xuống chiếu rằng: "Đợi khi gặp sư hỏi đạo xong liền đưa sư về núi chôn mẹ, quyết chẳng giữ lâu." Tháng 3 năm sau, sư lên kinh đô chầu vua, vua dùng lễ đãi sư như thầy, phong hiệu là Đại Giác Phổ Tế Năng Nhân Quốc Sư. Đến tháng 4, sư từ tạ chốn cung khuyết trở về Nam, tìm được miếng đất phía sau chùa Tạng Hải ở Ngu Sơn bèn dựng tháp cho

61 Do cha mẹ ngài Ngọc Lâm đức hạnh, nhân từ; nhân cách cao đẹp của ngài Ngọc Lâm do cha mẹ uốn nắn hình thành nên họ vừa là cha mẹ vừa là thầy của ngài Ngọc Lâm. Vì thế, tổ Ấn Quang mới dùng chữ "phụ sư, mẫu sư".

lão nhân Đại Từ, nhân đó lập ra chùa Tạng Hải, sai đệ tử là Đức Nham Thiệu làm trụ trì. Như vậy, nguồn pháp Tạng Hải do lão nhân Đại Từ khởi đầu; kẻ làm pháp tự[62] phải quan tâm. Đương thời, xây dựng phức tạp hay giản dị đều thích nghi. Năm tháng lâu sau, lại thêm chiến tranh, nên bị tan nát, còn sót lại một cái tháp, chứ những thứ khác đều thành gò hoang hết.

Nay vị trụ trì đã về hưu là Giới Công, thấu hiểu sâu xa tấm lòng hiếu thảo của quốc sư, đặc biệt trùng tu, dựng lại đình, bia, xây tường vây quanh, cũng dựng lại bia mộ mới, lát con đường đá hơn mười trượng, vun trồng cây cối để lấy bóng mát ngõ hầu những ai sau này đến đây đều biết tới tháp viện của bậc cao ni đắc đạo là lão nhân Đại Từ mẹ của quốc sư Ngọc Lâm, do đó sẽ khởi lòng kính ngưỡng, ai nấy giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, lợi lạc cứu giúp người lẫn vật, dốc lòng tin tưởng Phật pháp, tự hành dạy người, để mong sanh được đứa con phước đức trí tuệ, hễ nghèo túng thì riêng bản thân kẻ ấy tốt lành, làm gương cho cả một làng, một ấp, hễ hiển đạt thì sẽ làm cho người khác cùng thiện, để lợi lạc, cứu giúp khắp bốn biển chín châu! Do vậy soạn bài ký.

Hơn nữa, khi Quang mới xuất gia, thấy các vị thiền tăng khắp Nam Bắc lên núi triều bái, tụ tập bàn đến chuyện quốc sư Ngọc Lâm tâm liền khinh thường họ, cho là những

---

62 Người nối dòng pháp, tức môn nhân đệ tử.

hạng tăng nhân này không những chẳng biết tâm tướng của Phật, Bồ-tát mà cũng chẳng biết tâm tướng của thánh hiền thế gian, chỉ dùng tri kiến của bọn vô lại đầu đường xó chợ bịa đặt đồn đãi để vu báng, miệt thị cổ đức, tội cùng cực đến đâu! Về sau, đọc Niên Phổ của quốc sư thì những gì bọn họ đã nói ngay cả một câu cũng không có, mà những điều chép trong Niên Phổ bọn họ cũng chưa hề nghe thấy một câu nào. Do vậy biết những lời nói lưu truyền trong cõi tục chẳng đáng tin tưởng! Kính mong bậc quân tử hiểu lý đừng coi những lời lẽ đó là chuyện thật, rồi vì đó mà coi thường cổ đức, khinh miệt Phật pháp thì sẽ tự gieo được thiện căn sâu dày, được gội pháp trạch lớn lao vậy.

12. Bi ký về việc chùa Bích Sơn núi Ngũ Đài được thảo am Quảng Tế tiếp pháp thành tựu[63], vĩnh viễn trở thành thập phương thường trụ

(Năm Dân Quốc 18 - 1929)

Trộm nghĩ phàm phu đầy dẫy triền phược lấy mê nhiễm làm căn bản để thọ sanh, bậc Pháp thân đại sĩ dùng bi trí làm nguồn ứng hóa. Vì thế, đức Văn-thù Sư Lợi Bồ-tát ta đạo chứng lưỡng túc[64], đức trỗi Thập địa, thành Chánh

63 Chùa Bích Sơn suy vi sắp vỡ nợ, các vị Hằng Tu, Thừa Tham, Quả Định thương xót, sát nhập chùa Quảng Tế vào Bích Sơn để đứng ra chấn hưng, trang trải nợ nần. Do các vị này không thuộc sơn môn chùa Bích Sơn mà lại đứng ra tiếp nhận nhằm chấn hưng chùa Bích Sơn ngõ hầu môn hộ Bích Sơn được tiếp tục tồn tại nên gọi là "tiếp pháp thành tựu".

64 Lưỡng túc: trí tuệ và phước đức đều trọn đủ, tức đã thành quả vị Phật.

giác đã lâu, an trụ Tịch quang, do bi nguyện rộng sâu nên chẳng động chân tế mà hiện thân trong các cõi nhiều như vi trần. Trong thế giới này, ngài thị hiện làm Bồ-tát, dùng sức đại trí phù tá Thích-ca, thị hiện ứng hóa tại núi Thanh Lương như trong kinh Hoa Nghiêm đã báo trước. Vì thế khi đại pháp được truyền sang phương Đông, Ngũ Đài liền được khai sơn, từ đấy trở đi, đời nào cũng có cao nhân hoằng dương pháp hóa, lợi ích quần manh. Từ đời Hán đến nay, tiếp nối chẳng dứt. Đến khoảng niên hiệu Thành Hóa[65] đời Minh, có thiền sư Cô Nguyệt Tịnh Trừng[66] Thiền lẫn Tịnh đều đạt đến tột bậc, tiếng tăm đạo hạnh nhân đấy vang dội. Vua đất Đại[67] là Thành Luyện thờ sư làm thầy, dựng chùa ở Hoa Nghiêm Cốc để cung phụng, xin được vua xuống chiếu ban biển tên Bích Sơn Phổ Tế Thiền Tự, pháp đạo hưng thịnh lớn lao, tông phong rạng rỡ. Đầu đời Thanh, thiền sư Uẩn Chứng Như Bích trụ trì chùa này, lâu dần được vua quan tôn kính. Đầu thời Khang

65 Thành Hóa là niên hiệu của Minh Hiến Tông, thời gian kéo dài từ 1465 đến 1487.

66 Thiền sư Cô Nguyệt: Hành trạng của vị này không được biết đến nhiều, theo Thích Giám Kê Cổ Lược Tục Tập quyển 3 và Ngũ Đài Sơn Danh Tăng quyển 5 thì thiền sư Cô Nguyệt húy Tịnh Trừng, người Yên Đô, họ Trương, cha mẹ mất sớm, tham học với lão nhân Nguyệt Khê, đắc ngộ, nghe tiếng pháo trúc hốt nhiên tâm rỗng không. Thoạt đầu sư học kinh giáo, kiêm chuyên tu niệm Phật tam-muội. Lại đến tham học với ngài Vân Cốc, được giao phó y bát. Khi thầy mất, sư gặp được ngài Thanh Thiện chùa Thọ Ninh ở Ngũ Đài bèn theo đến Ngũ Đài nhập chúng, đổi tên là Tịnh Trừng. Tại Ngũ Đài sau khi đắc ngộ do tu tập thiền quán, sư vào Tuyết Sơn tại Tứ Xuyên khổ công tu thiền, đến năm Thành Hóa nguyên niên (1465) mới trở về Ngũ Đài và dựng chùa Bích Sơn. Trước tác có bộ Thanh Lương Ngữ Lục được lưu truyền trong cõi đời.

67 Đất Đại chính là Đại Quận, thuộc lãnh thổ nước Đại thời Chiến Quốc, nay thuộc huyện Cao Dương tỉnh Sơn Tây. Chu Thành Luyện được phong tước vương và được ban thái ấp ở đất Đại nên gọi là Đại Vương, vương hiệu đầy đủ của Thành Luyện là Đại Huệ Vương.

Hy, đổi tên chùa thành Hộ Quốc. Đến cuối đời Thanh, bậc triết nhân đã khuất, chùa khá điêu linh.

Năm Quang Tự 32 (1906), hai sư Thừa Tham, Hằng Tu đến núi triều bái các Đài, thấy trên đảnh các Đài chỉ có nhà đá, trọn chẳng có tăng ở. Phàm những người triều bái các Đài khát không có nước uống, đói không có gì để ăn, mệt không có chỗ nghỉ, liền phát đại tâm, dựng một am tranh nơi đảnh Bắc Đài, đặt tên là Quảng Tế, chuyên làm chỗ nghỉ ngơi, ăn uống cho người triều bái các Đài[68], tùy sức kết duyên hòng lợi lạc hết thảy tăng tục trong ngoài nước. Dân Quốc thành lập, tăng chúng chùa Bích Sơn không thể duy trì được, ruộng đất đã cầm cố gần như hết sạch. Thừa Tham, Hằng Tu, Quả Định nhập tịch chùa Bích Sơn, xưng danh thảo am Quảng Tế là Đông Phòng. Thừa Tham đổi tên là Xương Thừa, Hằng Tu đổi tên là Xương Hằng, Quả Định đổi tên là Long Quả, đó gọi là "tiếp pháp thành tựu". Do vậy tận lực quyên mộ duy trì đạo tràng, kiến thiết thảo am hòng tiếp đãi thập phương tăng chúng, dốc hết sức cúng dường. Từ đấy trở đi, mùa xuân mở niệm Phật thất, mùa hè giảng kinh, thu - đông thì mở thất tọa hương đả tịnh[69] để trọn hết bổn phận của chính mình cầu chúc quốc dân. Xây cất thêm thiền đường, liêu

---

68 Ngũ Đài gồm có năm ngọn, danh xưng mỗi ngọn đều có chữ Đài vì đảnh núi bằng phẳng, rộng rãi như một cái đài. Do đó, người lên tận các ngọn để lễ bái gọi là "triều đài".

69 Tức thiền thất, do trong các tùng lâm xưa, mỗi khóa ngồi thiền sẽ chừng khoảng thời gian cháy hết một cây hương lớn (từ 45 phút đến một tiếng đồng hồ) nên gọi là "tọa hương đả tịnh".

xá[70], tính khôi phục lại quy mô cũ, tiếp nối vĩnh viễn tổ đăng. Năm Dân Quốc thứ bảy (1918), quyên tiền chuộc lại nhà đất thuộc hai viện Đông, Tây. Năm Dân Quốc thứ chín (1920), chuộc lại ruộng lúa mạch ở thôn chùa Quang Minh thu tô được 40 thạch[71] để làm cái ăn cho tăng chúng.

Trong hai năm Dân Quốc thứ chín và thứ mười, hai vị Thừa Tham, Hằng Tu nối nhau viên tịch. Môn nhân nối pháp là Quả Định tuân theo di mạng, gắng sức duy trì, được các vị đại hộ pháp, chư sơn trưởng lão ra sức nâng đỡ, xây dựng thêm nhà cửa hơn 30 gian nữa, in thêm tạng kinh, trồng trọt cây cối, sửa chữa ngòi nước từ thôn chùa Quang Minh chạy thẳng đến bên trong chùa Bích Sơn, lại tu bổ đập đá bên sông để ngừa nước ngập làm hại hoa màu. Các chùa Nam - Bắc, các vị đại cư sĩ do thấy chùa Bích Sơn đã là thập phương thường trụ, mọi người đều tán thành là hợp lý, trình công văn lên chánh phủ, ra cáo thị, lập hồ sơ ngõ hầu vĩnh viễn không bị suy sụp, mọi người cử Mã Ký Bình, Uông Đại Tiếp làm đại biểu, pháp sư Đế Nhàn và các vị thuộc hội Duy Trì Phật Giáo tại Thượng Hải như ông Trình Tuyết Lâu v.v. gởi thư xin Đốc biện Diêm[72] tỉnh

---

70 Phòng ở của tăng gọi là liêu. Liêu xá là tên gọi khác của tăng đường.

71 Thạch là đơn vị đo lường thời cổ, có hai đơn vị:

1. Nếu là đơn vị đo dung lượng, một thạch là 100 lít.
2. Nếu là đơn vị đo trọng lượng thì một thạch là 71 kg.

Không rõ ở đây dùng thạch theo nghĩa nào. Nếu theo như kiểu người Việt thường đong lúa bằng giạ thì thạch sẽ được hiểu theo nghĩa thứ nhất.

72 Đốc biện là một chức quan đã có từ thời nhà Thanh. Khi Khang Hy dẹp yên được Thiên Địa Hội, thu phục Đài Loan đã đặt ra chức Đài Loan Phủ Đốc Biện Khẩn Đại Thần với nhiệm vụ cai quản dân chúng Đài Loan và trông nom việc khẩn hoang nhằm

Sơn Tây ủng hộ. Do vậy, Tổng tham nghị trưởng[73] là Triệu Tải Văn ủy cho hội trưởng pháp giới tỉnh Sơn Tây là hòa thượng Lực Hoằng cùng các hội viên lên núi vào tháng 5 năm Dân Quốc 16 (1927), mời chánh phó hội trưởng của tăng chúng trong núi này, khu trưởng, hội trưởng thương hội, những người có danh vọng trong giới tăng tục thuộc mười ngôi chùa lớn, cùng bàn định: Chùa Bích Sơn mắc nợ quá lớn, không có người gánh vác, sẽ do Đông Phòng là thảo am Quảng Tế đứng ra trả thay món nợ hơn một vạn bảy ngàn bảy trăm đồng. Tất cả điện, phòng, ruộng đất của Bích Sơn vĩnh viễn trở thành thập phương thường trụ, không chấp thuận cho thu nhận đồ đệ để khỏi bị cái họa chôn vùi tổ đức, làm nhục Phật môn.

Vào ngày 29 tháng 7 năm Dân Quốc 17 (1928), cùng với đại chúng trả món nợ do sư Long Phước đời Thanh đã thiếu bên ngoài gồm hơn một vạn bảy ngàn bảy trăm đồng. Những bằng khoán ruộng đất nhà cửa do Long Phước đã đem cầm cố trước kia đều thu hồi để giữ vĩnh viễn. Hội Phật giáo tỉnh Sơn Tây đại diện trình lên chánh quyền tỉnh và huyện để lập hồ sơ, ra thông cáo, ngõ hầu mọi người đều biết chùa Bích Sơn vĩnh viễn trở thành

---

phát triển Đài Loan. Đến năm 1895, khi nhà Thanh suy yếu, để mất Đài Loan vào tay Nhật Bản, chức quan này bị bãi bỏ. Đến thời Dân Quốc, tướng lãnh quân phiệt họ Diêm chiếm cứ Sơn Tây, tự xưng là Đốc biện. Các tướng quân phiệt khác cũng thích xưng là Đốc biện.

73 Dưới thời Minh và Thanh, Tham nghị là chức quan giúp việc cho quan Thông chánh sứ ty, tức một chức quan giúp việc hành chánh, chuyên giảo duyệt công văn tường trình lên nội các. Đến thời Dân Quốc, chức Tổng tham nghị trưởng tương đương với Đổng lý văn phòng.

thập phương thường trụ, chỉ chuyên tâm tu hành, tu trì tịnh nghiệp, sẽ thấy trong hang sư tử trọn chẳng còn có loài thú khác, trong rừng chiên-đàn vĩnh viễn mất giống y-lan[74], gắng sức kế tục đạo của thiền sư Cô Nguyệt, hòng an ủi tấm lòng của Đại sĩ Văn-thù thì một phen khổ tâm nâng đỡ, thành toàn của hết thảy tăng tục mới chẳng trở thành luống uổng. Phàm những ai sống tại đây ai nấy đều nên gắng sức lên!

13. Bi ký thuật duyên khởi hạ viện Linh Nham Sơn Tự lập thêm hội phóng sanh bên ao phóng sanh

(Năm Dân Quốc 25 - 1936)

Đức lớn của trời đất là sanh, gốc lớn của nhân dân là thiện. Sanh thì thực vật, động vật đều sanh thành, thiện thì yêu người thương vật đều cùng thực hành. Càn là đại phụ, Khôn là đại mẫu, dân là người ruột thịt của ta, loài vật giống như ta. Nếu chẳng khiến cho dân lẫn loài vật được sống yên vui, làm sao hợp lòng trời? Muốn cho quyến thuộc cõi trời thường rủ lòng thương xót, hãy nên gấp rút chú trọng nơi lòng nhân ái. Được như thế thì mưa gió sẽ đúng thời, thóc lúa trúng mùa, nhân dân yên vui, thiên hạ thái bình. Dù chỉ luận về phương diện cá nhân thì cũng được nghiệp tiêu trí rạng, chướng tận phước tăng, sống dự

74 Y-lan (eranda) có nghĩa là cây cực thối, là một loại thực vật thuộc họ bế-ma (thầu dầu), mùi thối nồng gắt, hạt có dầu, thường được ép và tinh chế thành dầu thầu dầu. Kinh điển thường ví phiền não với y-lan, còn Bồ-đề thì ví với chiên-đàn. Y-lan cũng dùng để ví với những kẻ đầy dẫy tập khí xấu ác.

vào bậc thánh hiền, mất sẽ lên cõi Cực Lạc.

Khu vườn ao phóng sanh tại cầu Hổ Gầm ở Tô Châu vốn do hội Cứu Giúp Loài Vật phân hội Tô Châu sáng lập. Năm Dân Quốc 24 (1935) tặng cho Linh Nham Sơn Tự làm hạ viện. Giám viện là thầy Diệu Chân do được tặng hậu hĩ như vậy càng ra sức tiến hành chuyện phóng sanh để mong người có lòng nhân nơi ấy và những kẻ thấy nghe đều hiểu được ý nghĩa phóng sanh, do vậy sẽ kiêng giết bảo vệ sanh vật, ngõ hầu chim, thú, cá, rùa đều sống yên vui, sao cho câu nói "dân là người ruột thịt, loài vật giống như ta" chẳng trở thành chuyện nói suông, mà phong thái yêu người thương vật cũng ngày càng được phát triển.

Do vậy cùng với những vị thuộc hội Cứu Giúp Loài Vật trước kia như các ông Dương Đạt Toàn, Viên Hiếu Cốc, Tào Tung Kiều v.v. và vị phát khởi lần này là hòa thượng Chân Đạt, cư sĩ Huệ Thường, các vị tăng tục tổ chức một hội phóng sanh. Phàm những người gia nhập hội đều nên kiêng giết, ăn chay, lấy thân làm gương thì những người ưa điều lành ai mà chẳng giống như ta, nhìn nhau bắt chước làm lành, hiệu quả rất lớn. Nếu chẳng thể đoạn ngay được thì cũng nên giảm dần dần, giảm đến cùng cực thì sát nghiệp vĩnh viễn chấm dứt. Nếu một người suốt đời chẳng giết thì những sanh mạng được sống sót đã chẳng thể tính được, huống chi là từ một người cho tới mười, một trăm, một ngàn, một vạn người sẽ trở thành không phóng sanh mà thường hành phóng sanh rộng khắp vậy! Gần đây sát

kiếp ngập tràn, hễ giặc cướp kéo đến, dân chúng đều gặp cảnh lầm than, đôi bên chẳng hề biết nhau, vừa thấy nhau liền giết phăng, hoặc đánh đập, tra khảo, nung đốt để lòi ra tiền của. Luận theo cuộc sống hiện thời, quả thật là mắc họa ngang xương! Nhưng hễ có quả ắt phải có nhân, có nhân ắt phải chuốc lấy quả. Thử nghĩ xem, người đời vì bụng miệng mà giết hại sanh mạng đủ mọi nỗi thảm khốc, ai có thể chịu đựng được? Nhưng do quen thói, chẳng những không sanh lòng thương xót, lại ngược ngạo nẩy lòng vui sướng, đến nỗi tuần hoàn báo đền, trở thành kiếp vận lớn lao này. Chư Phật, Bồ-tát vì cứu sát kiếp mà hiện thân trong dị loại, cũng bị con người giết. Đã giết rồi, thấy các tướng lạ mới biết là do Phật hiện, nhân đấy ai nấy đều kiêng giết. Trong năm Dân Quốc 20 (1931), Quang từng vì ông Lưu Công Lỗ ở Quý Trì (thuộc tỉnh An Huy) viết bài tán làm lời bạt cho bài ký về chuyện tượng Phật hiện trên răng hàm lợn như sau:

"Hết thảy chúng sanh, đều có Phật tánh. Do mê trái nên đánh mất lẽ chánh, khởi tham sân si, tạo giết trộm dâm, ăn thịt kẻ khác để bồi bổ cái thân mình. Sát nghiệp đã kết, trải nhiều kiếp giết lẫn nhau. Đức Như Lai thương xót, bèn làm thuyền từ, khơi mở giáo huấn lớn lao về lòng từ. Người ta vẫn không tin nên Phật bèn đặc biệt hiện hình dáng để mong chúng sanh tùy thuận lời Phật dạy. Vỏ nghêu sò, hông bò, móng dê, răng lợn, yếm rùa đều có hình Phật ngự trong ấy. Có người họ Chức vào đời Tống giết lợn

quăng đầu, chó giữ bốn ngày chẳng dám táp. Đuổi chó chẻ xương, trên răng hàm lợn hiện hình Phật. Mắt biếc, búi tóc xoắn ốc, nghiễm nhiên là bậc Đại Giác. Trước khi chưa giết, mọi người đều nói là "súc sanh", đã giết xong mới biết là Phật. Do vậy biết sát sanh chẳng khác gì giết Phật, dẫu chẳng phải do Phật hiện cũng là vị lai Phật. Giết để ăn thịt, tội quá non biển! Hãy gấp đau đáu ngăn dè, hòng được giải thoát! Anh em họ Triều làm văn tán dương, nghĩa lý uyên thâm, văn từ sáng đẹp, ông Thiên Trì biên chép, các vị đề tựa, viết lời bạt, để làm bài cảnh sách vĩnh viễn nhằm khơi gợi hậu giác. Đã hiểu nghĩa này, ai dám giết chóc? Tranh thành giành đất sẽ chấm dứt ngay. Ông Lưu ở Quý Trì dốc lòng tin tưởng Phật pháp, bảo tồn sách của ông Từ, lời đề tựa, lời bạt đều phù hợp, sai con là Công Lỗ đem đưa cho xem, kính viết mấy lời tỏ bày chí hướng của tôi. Nguyện kẻ thấy nghe sẽ ăn chay kiêng giết, chắc chắn trong đời này sẽ về Cực Lạc."

Lời bạt này tuy văn từ thô thiển, nhưng cũng có thể làm cho người xem sanh lòng cảm động. Kính sao lục nguyên văn để mong dứt diệt si tâm của kẻ ham giết ăn thịt, phát khởi thiện niệm kiêng giết ăn chay. Phật Bồ-tát hiện thân trong dị loại để dứt sát kiếp cho cõi đời, thấy trong khắp các sách vở. Đọc phần Hiện Tướng Trong Loài Vật của sách Quán Âm Bổn Tích Tụng sẽ biết được đại khái. Do đức Phật thấy hết thảy chúng sanh đều là Phật nên chẳng nỡ tàn sát lẫn nhau, kẻo bị vĩnh viễn chìm đắm

trong ác đạo. Đây chính là những thứ biến hiện khiến cho con người thấy nghe mà kinh sợ, chẳng thể không suy nghĩ cặn kẽ sâu xa ư?

14. Bi ký về việc Linh Nham Sơn Tự xây dựng tháp Phổ Đồng cho tứ chúng

(Năm Dân Quốc 27 - 1938)

Con người sống trong thế gian thật giống như huyễn hóa, dẫu thọ trăm tuổi cũng chỉ là một khoảng khảy ngón tay. Lúc sanh ra cũng tùy theo túc nhân (nhân trong đời trước) mà đến, lúc chết cũng tùy theo hiện nhân (cái nhân trong đời này) mà đi. Dẫu sẵn đủ Phật tánh thường trụ bất biến, tịch chiếu viên dung, nhưng do mê chưa ngộ nên ngược ngạo nương vào sức công đức của Phật tánh ấy để khởi hoặc tạo nghiệp luân hồi sáu nẻo, há chẳng đáng buồn quá đỗi ư? Đức Như Lai thương xót nên khi họ còn sống bèn dạy tu tịnh hạnh để mong bỏ mê về với ngộ, lìa vọng theo về chân ngõ hầu khôi phục Phật tánh sẵn có, sau khi chết bèn hỏa thiêu thân xác nhằm chỉ rõ sáu trần không có thể, năm uẩn đều là không, đích thân chứng được diệu tâm thường trụ. Ở Tây Vực có bốn cách an táng:

1. Một là thả trôi trong nước, tức là bỏ trong các sông rạch cho cá, rùa ăn.

2. Hai là hỏa thiêu, dùng lửa đốt xác ngõ hầu phá được ngã chấp.

3. Ba là chôn xuống đất, tức vùi kín trong huyệt để thân xác khỏi bị phơi bày. Nước ta thường chú trọng chôn xuống đất, nhưng biển dâu biến đổi, đường đất nhiều lượt thay đổi, đào mộ lộ xương, thảm thương tột cùng!

4. Bốn là thi lâm (rừng thây), tức bỏ xác trong rừng cho chim thú ăn. Nay tại Ngoại Mông Cổ[75], bỏ xác trong đồng hoang để nuôi chim thú.

Từ khi Phật pháp truyền sang phương Đông, tăng chúng đều an táng theo cách hỏa thiêu. Những bậc cao nhân thông đạt, sùng tín Phật pháp đời Đường đời Tống cũng thường dùng cách này, vì Phật pháp trọng thần thức, chỉ sợ đắm chấp thân xác, chẳng thể giải thoát được. Thiêu đi thì sẽ biết đấy chẳng phải là ta, không còn đắm chấp nữa. Lại vì người đã khuất tụng kinh niệm Phật, mong họ chứng được pháp thân. Nho giáo trọng hình tích, còn thần thức thăng hay giáng trọn chẳng để ý tới, nên làm quan

75 Gọi là Ngoại Mông Cổ nhằm để phân biệt với Nội Mông Cổ. Khi người Mông Cổ chiếm Trung Hoa lập ra nhà Nguyên, Hốt Tất Liệt sát nhập đất đai Mông Cổ vào lãnh thổ Trung Hoa. Khi Chu Nguyên Chương (Minh Thái Tổ) lật đổ nhà Nguyên, người Mông Cổ bị đuổi ra ngoài cửa ải, nhưng các vương hầu, tộc trưởng Mông Cổ gây chiến liên miên với nhau nên càng ngày càng suy yếu, phải dựa dẫm vào thế lực của một sắc dân ngày càng quật cường là dân Mãn Châu. Do ngày càng cường thịnh, dân Mãn Châu đã lần lượt biến các bộ tộc Mông Cổ thành chư hầu của họ. Khi Mãn Châu chiếm được Trung Hoa lập ra đế quốc Đại Thanh, toàn bộ đất đai Mông Cổ một lần nữa lại bị sát nhập vào lãnh thổ Trung Hoa. Ngoại Mông Cổ là vùng nằm gọn trong địa bàn nước Cộng Hòa Mông Cổ ngày nay (đa số là dân Mông Cổ sắc tộc Khalkha), còn Nội Mông Cổ bao gồm phần đất sát với Vạn Lý Trường Thành, có rất đông người Mông Cổ sinh sống, chủ yếu là các sắc tộc Hung Nô, Ô Hoàn, Tiên Ty, Đột Quyết và Đông Hồ (hai tộc này là người Mông Cổ). Khi Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa thành lập, Nội Mông Cổ trở thành một đặc khu tự trị với thủ phủ là Hohot.

quách[76] cho bền chắc để mong xác thân thường còn, chẳng bị biến hoại.

Hiện nay cả nước mở mang đường tàu hỏa, đường xe hơi, đào lên những hài cốt vô chủ nhiều không thể kể xiết, thảm thương chẳng nỡ nhìn! Những bậc cao nhân hiểu biết đều muốn sửa đổi cách an táng. Chùa Thiên Ninh ở Thường Châu có tháp Tứ Chúng Phổ Đồng: Đào một cái huyệt lớn, trong chia thành bốn ngăn, phía trên xây tháp bốn mặt, mỗi mặt đều trổ cửa. Phàm tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc hay ưu-bà-di đều đem các túi đựng cốt đặt vào trong những lỗ huyệt.

Mùa xuân năm ngoái, chùa Linh Nham dựng tháp này, phỏng theo cách ấy nhưng sửa đổi thành hai loại phổ thông và đặc biệt. Phổ thông là phía dưới đào bốn cái huyệt, phía trên dựng bốn cái tháp, xương của chúng nào thì đặt túi đựng cốt vào trong lỗ huyệt thuộc tháp của chúng đó. Tháp đặc biệt là phía trên dựng khám thờ Phật để thờ Tây Phương Tam Thánh, phía sau làm một cái khám nhỏ để thờ bài vị của người nhập tháp. Phía dưới dùng xi-măng (cement) xây thành tầng ngầm, chia ra hai gian Đông và Tây.

Mỗi gian chia thành bốn khu, mỗi khu nhìn ra hai hướng, mỗi hướng gồm sáu nhóm, mỗi nhóm là bao nhiêu

---

76 Quách: Giới quyền quý thời cổ khi mai táng, ngoài quan tài còn thêm một lớp bọc nữa gọi là quách. Sách Chu Lễ, thiên Địa Quan ghi: *"Bất quyền giả vô quách"* (kẻ không có quyền thế thì quan tài không có quách).

đó ô đựng cốt, tổng cộng là 1.399 ô. Gian phòng thờ được chia thành bốn bộ phận: một là tỳ-kheo, hai là tỳ-kheo-ni, ba là ưu-bà-tắc, bốn là ưu-bà-di. Hỏa thiêu xong, đựng tro trong hũ sứ, đem từ khám thờ Phật xuống đặt trong tầng ngầm.

Nếu đã nạp lệ phí, ghi danh sẵn, ước định sẽ đặt vào nhóm nào, ô nào thì bất luận nhập tháp lúc nào vẫn xếp theo đúng ước định. Nếu không, người nhập tháp trước sẽ được xếp đằng trước, người nhập sau xếp đằng sau.

Phía trên tầng ngầm xây năm gian nhà lớn, ba gian chính giữa là khám thờ Phật, phía dưới là tháp đặc biệt. Bốn tháp ở phía Đông và phía Tây sau khám thờ chính là tháp phổ thông.

Hai gian hai bên dùng làm chỗ ở cho vị trông coi nhang đèn, nước nôi và những vị già cả không thể ở chung với chúng được. Chuyên nhất niệm Phật suốt năm để người mất thường được nghe Phật hiệu, phẩm sen tăng cao, người còn sống đau đáu nghĩ tới vô thường, gấp cầu vãng sanh. Âm dương đều được lợi, cùng gội ân sâu khế lý khế cơ. Kẻ thấy nghe phát tâm cùng tu diệu đạo "tâm làm, tâm là", ngõ hầu phàm phu sát đất cậy vào Phật lực siêu phàm nhập thánh. Đã dự vào hải hội sẽ đoạn hoặc chứng chân ngay trong đời này, thật là nhân duyên tối thắng để liễu sanh tử, mà cũng là chỗ quy túc tốt lành nhất sau khi hết tuổi thọ.

Tụng rằng:

Tịnh độ đại pháp môn,
Mười phương Phật cùng khen,
Mất - còn siêng tu trì,
Chóng được lên bờ giác.

15. Bài ký về chuyện cư sĩ Chu Tử San sanh Tây

Cư sĩ húy Dục Anh, hiệu Tử San, là cháu đích tôn của vị đại thương gia đất Cát An tỉnh Giang Tây tức tiên sinh Chu Phù Cửu. Mất cha mẹ từ bé, do bà nội là thái phu nhân Đàm chăm bẵm thành người, bẩm tánh thông minh, sáng suốt hiếu học, ưa tìm tòi, nhân từ hòa nhã, lòng dạ rỗng rang tựa hang trống, sanh trưởng trong nhà phú quý nhưng chẳng có mảy may thói quen kiêu căng xa hoa. Ra làm quan, hoàn toàn chú trọng trung thực, giữ lòng từ ái. Từ bạn đồng liêu, thân hữu cho đến tôi tớ, nếu ai trái ý chưa hề hiện vẻ giận dữ, thốt lời thô tháo! Luôn luôn tươi tỉnh, hòa nhã, chuyện nghịch xảy đến bèn thuận chịu.

Đến khi cáo quan về ở ẩn, đóng cửa ngầm tu dưỡng, ngẫu nhiên đọc nội điển (kinh Phật) liền biết Phật pháp là căn bản của hết thảy các pháp thế gian lẫn xuất thế gian, tạo phước lợi cho xã hội, phổ độ chúng sanh đều toàn nhờ vào Phật pháp cả. Vì thế liền quy y với lão pháp sư Đế Nhàn chùa Quán Tông, được đặt pháp danh là Trí Tạng. Từ đấy ăn chay trường, niệm Phật, kiêng giết, bảo vệ sanh

vật, đối xử người khác bằng lòng khoan dung, trung hậu, tự sống đạm bạc, bạn bè thường vay mượn nhưng chẳng nề hà, hết thảy chuyện lành đều khảng khái giúp cho thành tựu. Nêu gương giúp kẻ đói rét là chuyện thường làm, thực hiện những điều lành thế gian đều dùng tâm Bồ-đề để hồi hướng hòng tạo duyên tăng thượng thù thắng nhất hòng vãng sanh Tây Phương. Lại thấy lòng người hiểm ác, thời sự mỗi ngày một sai trái nên càng dốc sức làm lành, lòng ưa - chán[77] càng sâu.

Năm Dân Quốc 21 (1932), tức năm Nhâm Thân, nhằm độ tuổi tri mạng (50), ngày mồng 8 tháng 4 gặp đúng hôm thánh đản đức Thích-ca Văn Phật[78], vào lúc bảy giờ sáng, ông thị hiện chút bệnh nhẹ, cảm thấy hông lưng đau nhức, bảo người xoa nắn nhè nhẹ cho dễ chịu. Tự mình ngồi xếp bằng ngay ngắn hướng về Tây, chuyên tâm xưng niệm A-di-đà Phật. Thanh âm rõ ràng, rồi cúi đầu qua đời. Người nắn lưng thấy cư sĩ im lặng hồi lâu chẳng ừ hử

---

77 Ưa cõi Cực Lạc, chán cõi Sa-bà.

78 Thích-ca Văn hay gọi đủ là Thích-ca Văn-ni là cách phiên âm khác của chữ Thích-ca Mâu-ni (đa phần các bản kinh dịch trước thời pháp sư Cưu-ma-la-thập dùng cách phiên âm này). Chẳng hạn như trong kinh Thất Phật Phụ Mẫu Tánh Tự (mất tên người dịch), có ghi: *"Kim ngã tác Thích-ca* Văn-*ni Phật, tánh Cù Đàm"* (nay ta là Thích-ca Văn-ni Phật, họ Cù Đàm). Phẩm Nhập Lục Đạo Chúng Sanh của kinh Bồ-tát Tùng Đâu-thuật Giáng Thần Mẫu Thai Thuyết Phổ Tế (Bồ-tát từ trời Đâu-suất giáng thần vào thai mẹ nói kinh cứu tế rộng khắp) do ngài Trúc Pháp Niệm dịch có câu: "Thích-ca *Văn*-ni Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri Minh Hạnh Túc Thiện Thệ Thế Gian Giải Vô Thượng Sĩ Điều Ngự Trượng Phu Thiên Nhân Sư Phật Thế Tôn nay đang ở trong thai mẹ rộng nói pháp tạng vô thượng thâm yếu." Kinh Phật Thuyết Di-lặc Hạ Sanh (do ngài Trúc Pháp Hộ dịch vào đời Tây Tấn) khi nhắc đến danh hiệu đức Phật Thích-ca đều viết là Thích-ca Văn v.v..

gì liền thăm dò hơi thở nơi mũi mới biết cư sĩ đã bỏ báo thân này vãng sanh Tây Phương rồi. Lúc ấy mùi hương lạ ngập nhà, năm ngày sau mới tan. Tướng lành như vậy có thể nói là chánh niệm phân minh, xả báo an tường như nhập thiền định, tức là được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương chẳng còn mảy may nghi ngờ, bàn tán chi nữa! Ôi, đang trong lúc kiếp trược khổ chẳng kham nổi này, cư sĩ đến lúc lâm chung mới thị hiện chút bệnh, chỉ trong khoảnh khắc liền ngồi mà mất, đã nêu tấm gương lớn cho những kẻ chịu đựng khổ sở chẳng kham nổi! Cư sĩ Ngô Nam Phố gởi chuyện này cho Quang, nhân vậy bèn ghi lại những nét chánh yếu.

16. Bi ký về ao phóng sanh của am Liên Hoa tại Thường Thục

(Năm Dân Quốc 23 - 1934)

Càn là đại phụ, Khôn là đại mẫu, dân là ruột thịt của ta, loài vật giống như ta, đấy chính là chí hướng chủ yếu "coi dân và loài vật giống như nhau" của nhà Nho, nghiêm cấm gây đọa thai, phá trứng, ắt sẽ khiến cho chim, thú, cá, rùa đều được sống yên vui. Đấy chính là lối cai trị bằng đức hòng thắng tàn bạo, trừ khử giết chóc của bậc thánh vương. Đó là vì đức lớn của trời đất là sanh, nỗi khổ lớn của người lẫn vật là giết. Thắng tàn bạo, trừ giết chóc phải từ chuyện nhỏ mà thành lớn, thương người yêu vật phải từ dễ đến khó. Nếu chẳng hàm dưỡng lòng nhân từ, khoan

thứ từ cái gốc ắt sẽ đến nỗi bỏ nhỏ lấy lớn, bỏ dễ lấy khó, hằng ngày tàn sát mà cứ lầm lạc muốn yêu người thương vật, ắt chỉ thành chuyện nói suông, quyết khó thể thực hiện được chuyện ấy!

Vì sao nói thế? Trẻ nhỏ, kẻ bình thường đều có thể thực hiện chuyện yêu thương loài vật thì do làm lâu ngày bụng dạ sẽ đầy ắp nhân từ, mai sau có địa vị, nắm quyền cai trị, sẽ che chở dân đen lớn lao, dẫu ẩn cư trong một làng cũng có thể dùng thân làm gương để thay đổi phong tục. Như vậy thì cái đạo thương dân phải vun bồi từ lòng yêu vật mới có thể viên mãn trọn khắp không điều tệ. Chẳng xuất phát từ lòng yêu thương loài vật thì trong đời này tợ hồ cũng chẳng có chi đáng áy náy, nhưng trong tương lai ắt phải lo nghĩ lớn lao, bởi đã gieo cái nhân tàn sát loài vật sẽ khó thể tránh cái quả tuần hoàn báo đền. Nguyện những ai có lòng thương người hãy suy nghĩ cặn kẽ!

Chuyện phóng sanh vốn nhằm để khơi gợi thiện tâm nơi con người hiện tại và tương lai, ngõ hầu họ sẽ kiêng giết, ăn chay, làm cho khắp các loài hàm thức được sống yên vui, đều trọn hết tuổi thọ. Gần là dứt được cái nhân giết chóc, xa là diệt được sát quả; nhỏ là trọn tấm lòng thuần nhân của ta, lớn là dứt sát kiếp cho cả thế giới. Đừng bảo đấy chẳng phải là chuyện cấp bách, rồi coi thường bỏ qua.

Am Liên Hoa bốn mặt đều là nước, chính giữa nổi lên một bãi bồi, cất am trên ấy, thờ Tây Phương Tam Thánh,

chuyên thỉnh vị tăng có giới đức làm trụ trì. Cảnh sắc thanh u, chẳng bén hồng trần, tu trì nghiêm mật, giới đức lan xa, dùng cừ chặn khúc sông trước mặt am làm ao phóng sanh. Từ đời Minh đến nay, thời gian đã lâu xa. Hiện tại có những vị thân sĩ trong ấp như Cù Lương Sĩ, Bàng Đức Siêu v.v. hết sức muốn chỉnh đốn, và muốn làm sáng tỏ ý nghĩa trọng yếu và lợi ích của việc phóng sanh, cậy tôi soạn bài văn để thưa cùng bậc sáng suốt trong mai sau.

Trộm nghĩ: Phóng sanh vốn nhằm để đề xướng kiêng giết ăn chay, nếu con người ăn chay trọn đời sẽ trở thành không phóng mà hóa ra là phóng sanh lớn lao vậy! Nay sao chép lại bài thơ răn đừng ăn thịt của cư sĩ Hoàng Sơn Cốc để mong mọi người lúc ăn thịt hãy suy nghĩ lại, ắt sẽ chẳng nỡ lòng ăn mà lòng chẳng dám ăn cũng bừng bừng dấy lên! Thơ rằng:

Ngã nhục, chúng sanh nhục,
Danh thù, thể bất thù,
Bổn thị nhất chủng tánh,
Chỉ vi biệt hình khu,
Khổ não tùng tha thụ,
Phì cam vi ngã nhu,
Mạc giao Diêm Quân đoán,
Tự sủy ứng hà như?

(Thịt ta, thịt chúng sanh,
Danh khác, thể vốn đồng,

Vốn cùng một chủng tánh,
Chỉ hình hài khác nhau!
Khổ não chúng hứng chịu,
Béo ngon ta hưởng riêng,
Chớ đợi Diêm-la xử,
Tự suy sẽ biết mà!)

Bài thơ này ý vị làm sao! Trung hậu, khoan thứ sẽ cách đạo chẳng xa, điều gì chẳng mong người khác làm cho chính mình thì chớ gây cho người khác, đấy chính là đại kinh đại pháp thành thủy thành chung để yêu người thương vật vậy. Do vậy, chẳng cần phải nói cặn kẽ về những nghĩa lý sâu xa nhân quả ba đời, luân hồi sáu nẻo. Nguyện những ai thấy nghe đều suy nghĩ sâu xa.

17. Bi ký thuật công đức trùng tu lâu các Di-lặc của Linh Nham Sơn Tự

(Năm Dân Quốc 29 - 1940, cuối Hè năm Canh Thìn)

Di-lặc là đấng giáo chủ của thế giới Sa-bà sẽ giáng sanh trong tương lai, lâu các là phòng ốc nơi đức Di-lặc ở khi Thiện Tài đi về phương Nam tham học. Nhà nhiều tầng là lâu, lầu cao là các. Lâu các này thắng diệu khôn sánh, phàm phu, Nhị thừa, Quyền vị Bồ-tát đều chẳng thể thấy được. Đấy chính là báo cảnh do công đức thắng diệu thượng cầu hạ hóa của đức Di-lặc từ vô lượng kiếp đến nay cảm thành. Thiện Tài đã tham học với hai vị thiện tri thức

là Đức Sanh và Hữu Đức[79] xong, họ lại dạy Thiện Tài đi qua Tỳ-lô-giá-na Trang Nghiêm Tạng Đại Lâu Các trong vườn Đại Trang Nghiêm ở nước Hải Ngạn tại phương Nam thỉnh giáo Di-lặc Bồ-tát: "Vị Bồ-tát ấy ắt sẽ có thể vì ngươi nói diệu pháp khế lý khế cơ rốt ráo, khiến cho ngươi được đại lợi ích." Do vậy, Thiện Tài cực lực đối trị tập khí phiền não, cực lực tu trì đạo giới - định - tuệ, đến trước Tỳ-lô-giá-na Đại Lâu Các ở nước Hải Ngạn, năm vóc mọp sát đất, nguyện thấy đức Di-lặc, nói kệ tán thán, bèn thấy Di-lặc Bồ-tát từ chỗ khác đi tới.

Thiện Tài đảnh lễ, Di-lặc đối trước đại chúng cùng đi với ngài, tán thán Thiện Tài là chân Phật tử, là chân pháp khí. Lại vì Thiện Tài nói đủ mọi công đức của tâm Bồ-đề hòng bồi đắp nền tảng thành Phật, dạy vào trong đại lâu các quan sát trọn khắp sẽ biết rõ cách học hạnh Bồ-tát. Học xong sẽ thành tựu vô lượng công đức. Thiện Tài bạch rằng: "Kính xin Đại Thánh mở cửa lâu các cho con được vào!" Ngài Di-lặc khảy ngón tay ra tiếng, cửa liền mở ra, bảo Thiện Tài vào. Vào xong cửa đóng lại. Thấy lâu các ấy rộng rãi vô lượng giống như hư không. Mặt đất và cung điện, hết thảy vật cúng đều dùng vô lượng các thứ báu để hợp thành. Lại thấy trong ấy có vô lượng trăm ngàn các thứ

79 Đức Sanh đồng tử (Śrī-Sambhava) là vị thứ năm mươi mốt trong số năm mươi ba vị thiện tri thức được Thiện Tài đến tham học. Vị này cùng với Hữu Đức đồng nữ cùng ở tại thành Diệu Ý Hoa Môn, đều đã chứng môn giải thoát của Bồ-tát, do tịnh trí quán sát thấy các thế gian đều là huyễn trụ, đều do nhân duyên sanh cho đến các việc biến hóa điều phục của hết thảy các vị Bồ-tát đều là huyễn trụ, đều do nguyện và trí hợp lại mà thành vậy.

lâu các nhiệm mầu, mỗi mỗi rộng lớn nghiêm trang, đẹp đẽ, đều bằng với hư không, chẳng ngăn ngại nhau, cũng chẳng tạp loạn. Nơi mỗi một chỗ thấy hết thảy chỗ, trong hết thảy chỗ đều thấy như thế.

Khi đó Thiện Tài rạp mình lễ kính, vừa mới mọp đầu đã tự thấy thân mình trọn khắp trong hết thảy các lâu các, lễ khắp hết thảy Phật - pháp - tăng, thấy đủ các thứ cảnh giới tự tại chẳng thể nghĩ bàn, như là: Hoặc thấy đức Di-lặc vừa mới phát tâm Bồ-đề hành đạo Bồ-tát, thân cận vị thiện tri thức nào, chứng tam-muội nào cho đến đích thân chứng được pháp thân, trong mười phương pháp giới, trải qua số kiếp nhiều như số vi trần trong cõi Phật hiện những thân tam thừa lục đạo để giáo hóa, mỗi mỗi đều thấy trọn vẹn và hết thảy chư Phật trong mười phương thế giới từ lúc mới phát tâm cho đến khi thành Phật độ sanh và nhập Niết-bàn, pháp tồn tại lâu - mau cũng đều thấy trọn vẹn. Thiện Tài ở trong lâu các thượng cầu hạ hóa, trải số kiếp nhiều như số vi trần trong cõi Phật siêng năng, chuyên ròng tu trì đủ mọi diệu hạnh mà chẳng mỏi mệt, nhất tâm tiến thẳng đến Vô thượng Bồ-đề.

Khi ấy, Di-lặc Bồ-tát liền thu hồi thần lực, vào trong lâu các, khảy ngón tay ra tiếng, bảo Thiện Tài: "Thiện nam tử! Hãy dậy đi, pháp tánh như vậy đó. Đây chính là trí biết các pháp của Bồ-tát, biết các pháp là tướng được hiện bởi nhân duyên tụ tập. Tự tánh như thế giống như huyễn, như mộng!" Do vậy, đại lâu các ấy chính là pháp giới tạng. Phàm

tất cả những sự vi diệu trong pháp giới không gì chẳng thấy trọn vẹn trong lâu các này. Đó gọi là "mười pháp giới xưa nay, từ đầu đến cuối chẳng lìa một niệm hiện tại; vô biên cõi nước, ta người chẳng cách biệt chừng bằng mảy lông". Nếu không có thần thông đạo lực của Di-lặc, Thiện Tài cạn lòng thành tận lòng kính, làm sao đạt được như vậy?

Đời gần đây, các nơi không nơi nào chẳng thờ tượng Di-lặc nơi tiền điện, chẳng gọi là điện Di-lặc mà lại gọi là điện Thiên Vương, đúng là coi ngài Di-lặc như khách ăn nhờ ở đậu các Thiên Vương, quá mất ý nghĩa tôn kính! Linh Nham tu bổ tiền điện, nhân đấy tôi bèn nói nguyên cớ với giám viện là đại sư Diệu Chân, lại trích lục chương Thiện Tài tham học với ngài Di-lặc từ kinh Hoa Nghiêm để chứng tỏ ngài Di-lặc đức vượt trỗi Thập địa, đạo đã chứng Đẳng giác, từ bi cứu vớt chúng sanh, nếu không phải là Phật sẽ chẳng thể biết được. Do vậy bèn đặt tên cho tiền điện là lâu các Di-lặc để mong sau này ai bước vào đó sẽ đều giống như Thiện Tài hoặc trong đời này hoặc trong đời mai sau, ai nấy đích thân chứng được đạo trong lâu các, để an ủi tấm lòng đại từ bi "luôn dạy cho người đương thời" của ngài Di-lặc.

Hơn nữa, các nơi thờ tượng Di-lặc chính là tượng hòa thượng Bố Đại, do ngài Di-lặc thị hiện vào cuối đời Đường. Nay đã biết là do Di-lặc thị hiện thì cố nhiên hãy nên thờ bổn tượng vi diệu trang nghiêm. Nhằm tỏ rõ ngài đang sống trên trời Đâu-suất nên tạc tượng ngài đội mũ

Ngũ Phật để làm tiêu thức[80]. Lược thuật duyên khởi để bảo cùng người thông sáng mai sau, hiểu tôi hay trách tội tôi, tôi cũng chẳng màng! Chuyện tu bổ điện từ đầu đến cuối, công đức của đàn-na tín chủ được ghi cặn kẽ trong tấm bia khác, nên chẳng ghi lại tường tận ở đây.

Phụ lục: Toa chế thuốc hoàn tiêu đờm chữa ho

Cách chế tạo:

Dùng kinh giới, cát cánh, tử uyển, bách bộ, bạch tiền, trần bì, tang bạch bì, cam thảo[81], mỗi thứ một lạng, đều

---

80 Tiêu thức là những vật dụng nhằm biểu thị hạnh nguyện, phương tiện của một vị Phật hay một vị Bồ-tát, chẳng hạn tiêu thức của ngài Quán Âm là bình cam lộ với nhành dương liễu, tiêu thức của Địa Tạng Bồ-tát là viên minh châu và tích trượng, tiêu thức của Văn-thù Bồ-tát là thanh kiếm trí tuệ v.v.. Trong Mật tông thường tạc tượng Di-lặc Bồ-tát cầm tháp báu (tượng trưng cho Tỳ-lô-giá-na Lâu Các) đội mũ Ngũ Phật và mặc y phục cõi trời, ngồi thõng hai chân (ngụ ý ngài vẫn chưa thành Phật).

81 Kinh giới (schizonepeta tenuifolia) là một loại rau thơm thuộc họ bạc hà, có vị hơi the, thường được dùng như rau thơm ăn chung với rau muống chẻ, nhất là khi ăn bún riêu. Cây này được dùng rất phổ biến trong các bài thuốc Nam để chữa ho, cảm lạnh, xông hơi v.v..

Cát cánh (balloon flower - platycodon grandiflorus) là một loại thân thực vật, hoa màu từ tím đậm đến nhạt, hình như hoa loa kèn, có năm cánh, ta thường gọi là hoa chuông tím, thân có chất nhựa thơm dịu.

Tử uyển (tatarian astert - asteris radix) thuộc họ cúc, thân ngầm. Bộ phận chính để làm thuốc là phần thân ngầm và rễ, có vị ngọt đắng và thơm nhẹ, chủ yếu dùng để trừ đàm trong Đông y.

Bách bộ (stemona root - radix stemonae) là một loại thực vật lá to, bóng mượt nhưng hẹp và dài, mọc rất chậm nên còn gọi là mạn sanh bách bộ, phần để làm thuốc chính là phần thân ngầm của nó.

Bạch tiền (willowleaf swallowwort - cynanchum stauntonii) là một loài thực vật có thân hình trụ dài, cành thường cong quẹo, có màu trắng ngả vàng hoặc vàng nâu, phần để làm thuốc chính là phần thân ngầm và rễ.

Trần bì: vỏ cam hay quýt.

Tang bạch bì: chất vỏ trắng lấy từ rễ cây dâu tằm (mulberry tree).

để tươi nghiền nát thành bột mịn, lại thêm vào hai lạng hạt củ giền[82] tươi để nghiền. Lại dùng một lượng lá tỳ bà[83] nấu nước để lọc nước cốt hạt củ giền, rồi thêm vào hai lạng nước cốt củ giền tươi, hòa [chất bột của những thứ thuốc nói trên] với nước cốt củ giền vò thành hoàn, thêm vào hai hay ba lạng bách luyện mật[84] nữa là được. Mỗi hoàn nặng hai tiền năm phân[85].

Cách uống:

Dùng nước sôi để chiêu thuốc, mỗi lần uống một hoàn, trẻ nhỏ thì giảm xuống một nửa. Mỗi ngày sáng dậy lúc chưa ăn gì và lúc tối sắp đi ngủ, uống mỗi lúc một lần.

- Bài thuốc này vốn trích từ sách Y Học Tâm Ngộ Nghiệm Phương Tân Biên nhưng thiếu trần bì, cam thảo. Hơn nữa mỗi thứ đều sao rồi mới chế thuốc, uống vào sợ

---

82 Nguyên văn "la bặc". Theo từ điển Hán Việt, chữ la bặc thường dịch là củ cải trắng; thế nhưng theo Wikipedia phiên bản tiếng Hán, chúng tôi thấy chữ la bặc được dùng để chỉ ba loại khác nhau: bạch la bặc (củ cải trắng), thanh la bặc (củ su hào) và anh đào la bặc (củ radish, ta thường gọi là củ giền, hay củ la đi). Do trong đoạn dưới ông Nhiếp Vân Đài nói dùng la bặc để giảm tính khô nóng của các vị thuốc nên chúng tôi dịch là củ radish, vì củ cải trắng quá hàn và hạt củ cải trắng lẫn hạt su hào đều có chất độc có thể gây chết người, có lẽ không thích hợp để chữa bệnh ho.

83 Tỳ bà (japanese plum, loquat - eriobotrya japonica), còn gọi là lô quất, thường thấy ở Trung Hoa và Nhật Bản, là một loại cây thân mộc, xanh tươi quanh năm, lá to xanh thẫm, bóng mướt, mặt dưới lá nâu nhạt, thuôn dài như hình dáng giống thân đàn tỳ bà, hoa có mùi thơm ngọt, năm cánh, sắc trắng. Trái có hình bầu dục hoặc thuôn như trái lê, mọc thành chùm, dày đặc, sớ thịt của trái tỳ bà hơi giống thịt trái lê, có vị ngọt nhẹ, hơi chua.

84 Bách luyện mật: Mật ong được đun sôi riu riu cho bốc hơi bớt chất nước, nhằm cô đặc lại.

85 Một tiền 3,73 gram, một tiền gồm 10 phân. Như vậy, hai tiền năm phân là 2,5 x 3,73 gr = 9,325 gram.

rằng gây khô háo[86], nay thêm vào tang bạch bì, và lại dùng lá tỳ bà, hạt củ giền, nước cốt củ giền, vò thành hoàn. Các thứ thuốc đều nghiền tươi. Từ đấy áp dụng không ai chẳng công hiệu, phong - hàn - đàm - nhiệt đều thích hợp. *(Nhiếp Vân Đài ghi)*

- Tôi bị trúng gió ho húng hắng, xin được từ chỗ cư sĩ Vân Đài mười mấy hoàn, uống mấy hoàn liền khỏi bệnh. Những hoàn thuốc còn lại cùng với số xin thêm từ Tam Lạc xã đem gởi tặng cho người khác, họ đều khen là linh nghiệm. Do vậy đặc biệt ghi thêm toa thuốc vào đây. Nguyện người đọc dựa theo toa chế thuốc nhằm tạo tiện lợi cho người khác thì công đức vô lượng. *(Đức Sâm ghi thêm)*

86 Nguyên văn là táo, ý nói người bệnh uống vào cảm thấy nóng, bức rức, uống nhiều nước vẫn thấy khát, ta thường gọi là "khô háo".

IV. TỤNG TÁN

(phụ thêm phần kệ)

1. Phật Bảo Tán

Phật bảo khen ngợi khôn cùng,
Từ trần kiếp[87] trước chứng Đại Hùng,
Thường trụ Tịch quang bi tâm sâu,
Hóa hiện độ quần mông[88],
Thuyết pháp khế cơ cùng khế lý,
Chấn động điếc - đui trong chín cõi,
Linh Sơn pháp hội nguyện tương phùng,
Thọ ký, rạng tông phong.

---

87 Trần kiếp: Gọi đủ là "trần điểm kiếp" hoặc "vi trần số kiếp" tức số kiếp (kalpa) nhiều như số vi trần. Đôi khi còn nói là "Phật sát vi trần số kiếp" (số các kiếp nhiều như số vi trần trong một cõi Phật).

88 Quần mông: Những kẻ tăm tối, chỉ những chúng sanh bị phiền não vô minh che lấp.

2. Pháp Bảo Tán

Ngợi khen pháp bảo khó lường thay!
Không - hữu thể - dụng thảy trọn bày,
Mảy trần chẳng lập muôn đức trội,
Vô trụ tâm quang tỏa rạng ngời,
Chân - tục cùng còn, cùng diệt mất,
Thế nào mới có thể tán dương?
Chứng đến chỗ không gì để được,
Ắt đáng xưng là Pháp Trung Vương.

3. Tăng Bảo Tán

Tăng Bảo thật chẳng thể nghĩ bàn,
Bổn tích thánh phàm há dễ hay!
Ngài Văn-thù thầy bảy đức Phật,
Còn hiện tướng Hàn Sơn si ngây.
Phàm tăng tận lực tu tam học,
Gánh vác đạo Bồ-đề Như Lai.
Do vậy hai khuôn mẫu rộng lớn,
Pháp đạo phàm thánh mãi truyền trì.

4. Tán dương tượng Phật Dược Sư

Mười hai đại nguyện đức khó lường,
Xưng danh liền được thoát khổ ương,
Đến khi nghiệp tận tình không ấy,
Đông - Tây cõi giác vốn chân thường!

5. Dược Sư Phật kệ

Dược Sư Như Lai Lưu Ly Quang,
Thệ nguyện rộng sâu đời khó lường,
Hiển: sanh điều lành, nhóm phước khánh.
Mật: khiến diệt ác, tiêu họa ương.
Dẹp khổ: cốt sao sạch nhị tử[89],
Ban vui: muôn đức ắt phô bày.
Pháp giới thánh - phàm đều quy mạng,
Gội ân mau chứng được chân thường.

6. Tán dương tượng Phật A-di-đà

Bốn mươi tám nguyện độ chúng sanh,
Nghịch ác hướng lòng cũng tiếp nghênh,
Xen trộn đúng sai không chọn lựa,
Vì thương những kẻ Phật chưa thành.

7. Tán dương kinh tháp Phật A-di-đà

Bảo tháp nguy nga tột hư không,
Vô biên pháp tạng chứa vào trong,
Cực Lạc trang nghiêm đều hiện trọn,
Di-đà quang thọ vẹn hình dung,
Sáu phương chư Phật thường ca ngợi,
Chín giới chúng sanh trọn hướng lòng,
Một câu sáu chữ hồng danh gọn,
Quy căn kết đảnh thật mênh mông!

89 Nhị tử: biến dịch sanh tử và phần đoạn sanh tử.

8. Tán dương tượng Tây Phương Tam Thánh

Tam Thánh vô tâm đều đã chứng,
Vô tâm ứng trọn hữu tâm nhân,
Dẫn khắp chúng sanh về Cực Lạc,
Thân tâm trọn không, chẳng dấu hằn.

9. Tán dương tháp Đa Bảo

Đa Bảo Như Lai,
Vì thỏa nguyện xưa,
Hiển trọn thật tế,
Hiện tháp vọt lên.
Hiển bổn để làm khuôn mẫu lớn,
Mọi kẻ thấy nghe lên bến kia.

10. Tán dương tượng Quán Thế Âm Bồ-tát

Khắp trần sát cõi thảy hiện thân,
Thương nhất Sa-bà lũ thế nhân,
Hễ còn ai đó chưa thành Phật,
Tầm thanh cứu khổ chửa nguôi lòng.

11. Kệ tán dương Quán Thế Âm Bồ-tát

Quán Âm thệ nguyện diệu khôn lường,
Cảm ứng tùy cơ há trễ tràng,
Cứu khổ tầm thanh: từ hút sắt[90],

90 Từ hút sắt: Nam châm hút sắt.

Hiện thân thuyết pháp: nước in trăng,
Cứu vớt muôn sự trần sát cõi,
Sa-bà càng nặng tấm lòng từ,
Ân sâu hết kiếp khen sao trọn,
Che chở quần manh khắp xót thương.

Quán Âm thệ nguyện thật mênh mông,
Độ mọi chúng sanh lìa cõi khổ,
Hưng khởi từ bi khắp sát trần,
Phổ Môn mỗi mỗi đều thâu nhiếp,
Nay ứng hiện khắp băm hai thân,
Khiến chúng rốt ráo chứng tâm Phật,
Cung kính thường xưng niệm Quán Âm,
Cát khánh thường hưởng, chướng dứt bặt.

12. Kệ hồi hướng cho thất Quán Âm

Nguyện do công đức trì tụng này,
Liền cảm được Đại sĩ gia bị,
Tiêu trừ ta - người nghiệp xưa nay,
Thiện căn ta - người cùng tăng trưởng,
Bao kiếp giữ mãi Đại sĩ tâm,
Khắp cõi thường hành Đại sĩ sự,
Gây tạo lợi ích tột vị lai,
Khiến mọi hữu tình chẳng họa hại.

Nguyện do công đức này,
Tiêu trừ nghiệp xưa nay,

Tăng trưởng mọi phước tuệ,
Viên thành thắng thiện căn,
Tất cả đao binh kiếp,
Cùng với nạn đói khát,
Đều bị diệt trừ sạch,
Thế giới mãi thanh bình,
Mưa gió thường thuận hòa,
Nhân dân đều an ninh,
Pháp giới các hàm thức,
Cùng chứng vô thượng đạo.

13. Kệ khánh chúc Quán Âm

Đoan tọa Phổ Đà thường nhập định,
Chúng sanh hễ cầu, trọn rủ lòng,
Muốn biết nghĩa cảm ứng huyền diệu,
Xin nhìn trăng rọi khắp muôn sông.

14. Sửa đổi cho đúng bài kệ tán dương đức Quán Âm thường được lưu truyền trong cõi đời

Quán Âm Bồ-tát đức tối ưu,
Chánh Pháp Minh Phật chứng đã lâu,
Ân sâu lồng lộng trùm muôn cõi,
Kim Phật vòi vọi ngự trên đầu,
Nước bình cam lộ gột trần cấu,
Tay phóng hào quang diệt ưu sầu,
Hễ trần sát cảm, trần sát ứng,

Vầng trăng in bóng trọn muôn sông.

15. Tán dương tượng Đại Thế Chí Bồ-tát

Như con nhớ mẹ siêng niệm Phật,
Nhiếp trọn sáu căn tai lắng nghe,
Vâng theo lời Đại sĩ khai thị,
Quả giác ắt khế hợp nhân tâm.

16. Kệ tán dương Đại Thế Chí Bồ-tát

Thế Chí Bồ-tát đức vô biên,
Phù tá Di-đà thả từ thuyền,
Cứu khổ hệt như Quán Tự Tại,
Dẫn dắt về Tây tợ Phổ Hiền.
Tu nhân dùng trọn căn - trần - thức,
Chứng quả đều đạt viên thông thường,
Nhiếp người niệm Phật về Tịnh độ,
Ân này muôn kiếp dễ đâu quên!

Đại Thế Chí lợi sanh sâu rộng,
Chuyên chú trọng pháp môn niệm Phật.
Như con nhớ mẹ nhớ Thế Tôn,
Liền được gội ngay ân đức Phật,
Khế hợp quả giác lẫn nhân tâm,
Lập tức trở về với nguồn cội,
Nhiếp trọn sáu căn diệu khó lường,
Nguyện khắp chín giới thường vâng giữ.

17. Tán dương tượng Địa Tạng Bồ-tát

Cao cả thay Đại sĩ, thệ nguyện rộng sâu, nghĩ thương chúng sanh luân hồi kiếp dài lâu, vận lòng bi đồng thể, khởi lòng từ vô duyên, thường ở trong địa ngục để mong cứu kẻ bị treo ngược[91]. Chúng sanh độ hết mới chứng Bồ-đề, địa ngục chưa trống thề chẳng muốn thành Phật. Do nhân duyên ấy, chư Phật ngợi khen. Huống chi những kẻ đang trong lục đạo há nên chẳng bi luyến? Hư không có cùng tận, nhưng thệ nguyện vô cùng. Muốn báo ân sâu, riêng in tôn kinh. Nguyện kẻ thấy nghe đều cùng sanh tịnh tín, lần lượt lưu truyền, lợi ích vô tận.

18. Kệ tán dương Địa Tạng Bồ-tát

Đại sĩ thệ nguyện há thể lường,
Lòng bi trọn khắp cõi vô ương,
Chúng sanh độ hết mới xong thệ,
Địa ngục trống rồi nguyện mới thôi.
Giáo hóa nhiều người thành Phật đạo,
Tự thân vẫn hiện tướng Thanh văn,
Chúng sanh và Phật tánh vốn một,
Cùng muốn ta người chứng Pháp Vương[92].

---

91 Cứu giúp kẻ bị treo ngược: Chữ "treo ngược" (đảo huyền - ullambana) chỉ những người có tội sau khi đã chết bị đọa trong địa ngục, chịu những hình phạt khổ sở giống như bị treo ngược đầu xuống.

92 Nguyên văn là *Cứu cánh tức*. Trong nguyên bản có ghi thêm một đoạn chú thích như sau: "Ngài Trí Giả thuộc tông Thiên Thai đã dùng khái niệm lục tức để giải thích về Phật. Một là Lý tức Phật, hai là Danh tự tức Phật, ba là Quán hạnh tức Phật, bốn là Tương tự tức Phật, năm là Phần chứng tức Phật, sáu là Cứu cánh tức Phật." Cứu cánh tức

Địa Tạng Bồ-tát đại từ bi,
Thệ nguyện vĩnh viễn chẳng hề hết,
Giáo hóa thành Phật số khôn xiết,
Vẫn hiện oai nghi bậc Thanh văn,
Đến khi địa ngục độ hết sạch,
Mới chịu thị hiện chứng Bồ-đề,
Khẩn nguyện ban ân khắp u - hiển,
Cùng theo hải hội dự liên trì.

19. Kệ tán dương Di-lặc Bồ-tát

Đấng Bổ xứ Từ Vô Năng Thắng[93]
Thường ngự Đâu-suất diễn viên âm,
Hiện thân trần sát nào ai biết?
Tâm cùng pháp giới tự dung thông,
Dốc cạn kho tàng trong đãy vải,
Tươi cười bình đẳng ban thế nhân,
Nguyện cùng Di-đà thương tiếp dẫn,
Khéo trong ba hội[94] chứng nhất chân.

Phật chính là quả Vô thượng chánh đẳng chánh giác, do đức Phật còn được gọi là Pháp Vương nên chúng tôi chuyển dịch chữ *Cứu cánh tức* thành Pháp Vương cho thuận với âm vận của bài kệ.

93 Ngài Di-lặc Bồ-tát họ Di-lặc (Maitreya: lòng từ), tên là A-dật-đa (Ajita - dịch nghĩa là Vô Năng Thắng: không ai hơn được). Vì thế, đôi khi tên ngài được dịch nghĩa là Từ Thị Vô Năng Thắng. Do đó câu này có thể hiểu: Ngài là đấng từ bi không ai hơn được, hoặc chỉ có thể hiểu đơn giản đây là tên họ đầy đủ của ngài.

94 Khi ngài Di-lặc thành Phật, sẽ ba lần chuyển pháp luân (tam chuyển pháp luân), mỗi lần chuyển pháp luân đó được gọi là một hội thuyết pháp (chứ không có nghĩa ngài chỉ thuyết pháp có ba lần), xin xem chi tiết trong kinh Quán Di-lặc Hạ Sanh. Tam chuyển pháp luân là ba giai đoạn giáo hóa của đức Phật, gồm: Căn bản pháp luân, Chi mạt pháp luân, Nhiếp mạt quy bổn pháp luân. *Căn bản pháp luân* tức là những giáo

20. Kệ tán dương Văn-thù Sư Lợi Bồ-tát

Văn-thù Bồ-tát đức khôn lường,
Thành Phật Long Chủng Thượng Pháp Vương,
Do thương chúng sanh mê tự tánh,
Riêng giúp Thích-ca mở đạo mầu,
Thầy bảy vị Phật thể khôn thấu,
Mẹ chư Bồ-tát dụng khôn ngằn,
Thường trụ Tịch quang ứng mọi cảm,
Muôn sông khắp hiện bóng muôn trăng.

(Long Chủng Thượng Phật chính là danh hiệu khi ngài Văn-thù đã thành Phật trong kiếp quá khứ, hãy nên biết là vị Long Chủng Thượng Tôn Phật được nói trong kinh Thủ-lăng-nghiêm Tam-muội là vị khác.)

Văn-thù phù tá Pháp Vương,
Trí tuệ chỉ Phật suy lường được thôi,

---

pháp dạy cho hàng đại Bồ-tát chứng ngộ cảnh giới siêu việt của Phật, tương ứng với thời Hoa Nghiêm. *Chi mạt pháp luân* là những giáo pháp dành cho mọi căn tánh nhằm hướng dẫn họ bước vào Phật đạo, lần lượt dạy từng bậc, từng lớp theo mức độ kiến giải cao dần để dẫn nhập họ từ Tiểu thừa bước vào Đại thừa. Cuối cùng là *Nhiếp mạt quy bổn pháp luân*, tức là nói ra chân tướng sự thật Nhất thừa, gộp ba thừa vào một thừa, khiến mọi căn cơ đều liễu ngộ căn bản pháp luân, tương ứng với thời Pháp Hoa. Do ngài thành Phật dưới cội bồ-đề, những cành nhánh của cây bồ-đề ấy giống như những con rồng đang phun ra những đóa hoa, nên cây bồ-đề ấy được gọi là cây long hoa. Vì thế, kinh sách nhà Phật thường gọi ba hội thuyết pháp của Đương Lai Di-lặc Tôn Phật là "long hoa tam hội". Do không hiểu rõ ý nghĩa chữ long hoa, tam chuyển pháp luân, cũng như sự thị hiện giáng sanh của chư Phật, rất nhiều thứ ngoại đạo mượn danh Phật giáo đã lập lờ đánh lận con đen rao giảng Thượng Đế sai Di-lặc Bồ-tát mở hội Long Hoa để thanh lọc chúng sanh, lập đại hội Vạn Linh. Theo họ, hội Long Hoa đã bắt đầu diễn ra từ năm 1992, thế gian đang bước vào thời Hạ Nguơn (Nguyên), sắp tận thế, phải tu theo đạo của họ thì mới được quần tiên tiếp dẫn sanh về thiên giới.

Chấn hưng Viên Đốn đạo huyền,
Người nghe tình kiến bỗng nhiên mất liền,
Bồ-đề tràng hiểu cội nguồn,
Ân quang nguyện gội giống như Thiện Tài,
Rốt ráo chứng được chân thường.

21. Kệ tán dương Phổ Hiền Bồ-tát

Bồ-tát từ bi khó thuật trần,
Thánh phàm đều được chứng viên nhân,
Nhất tâm chẳng trụ, siêu các vị,
Mười nguyện dẫn về, nối Năng Nhân[95],
Tam thừa đều được khế quả giác,
Quần manh mau được thoát phiền trần,
Khăng khắng tuân lời răn thanh tịnh,
Chắc chắn đời này thấu bổn chân.

Đức Phổ Hiền hạnh nguyện sâu thẳm,
Khuyên người phát Bồ-đề đại tâm,
Dạy cho Tam hiền, Thập địa thánh,
Đều cùng được thấy Di-đà Tôn,

---

95 Năng Nhân (Śākya), còn được phiên âm là Thích-ca, tức họ của đức Phật. Đức Phật Thích-ca là một vị hiền nhân (Muni, còn dịch là Tịch Mặc) xuất thân từ dòng họ Thích-ca nên có hiệu là Thích-ca Mâu-ni. Năng Nhân có nghĩa là "người ban bố, thực hiện lòng nhân". Do vậy, hiểu theo nghĩa hẹp, chữ Năng Nhân chỉ cho Phật Thích-ca; nhưng hiểu theo nghĩa rộng thì đây là danh xưng chung để tán dương các đức Phật. Riêng đối với danh hiệu Thích-ca Mâu-ni Phật, tổ Ấn Quang còn giảng thêm: "Năng Nhân nghĩa là rộng độ chúng sanh; Tịch Mặc là triệt chứng tự tánh" (xin xem trong bài Duyên khởi của thư viện Phật học Phước Châu trong phần "Những bài viết khác" của Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, quyển 3).

Mười đại nguyện vương nếu tuân giữ,
Lợi ích chỉ Phật kham tuyên bày,
Quả giác, nhân tâm cùng lặng bặt,
Pháp thân thanh tịnh chứng lên ngay.

22. Kệ tán dương Trí Tích Bồ-tát

Lâu xa hầu Đa Bảo,
Đến lễ Thích-ca Tôn[96],
Dạo khắp sát trần Phật quốc độ,
Riêng thương chúng sanh cõi Sa-bà,
Tượng vẽ hiện oai thần.
Xiển dương Phật hóa đời Lương,
Muốn cho tể tướng triều Đường kính tin.
Hiện thân sư trị bệnh người,
Đại điện được bóng tháp ngời rợp che,
Bí tạng của đức Như Lai,
Ai lên nơi đó tức thời hiểu ra,
Giếng đào trên đỉnh non xa,
Uống vào Bát-nhã đạo huyền đều thông.
Tranh ngài vẽ tướng đang ngồi,
Dợm mình như thể sắp dời chân đi.
Tay cầm gậy giữ thẳng,
Trực chỉ pháp bất nhị,

96 Theo phẩm Hiện Bảo Tháp của kinh Pháp Hoa, khi đức Thích-ca Mâu-ni Phật đang giảng kinh Pháp Hoa, từ dưới đất vọt lên tháp báu chứa toàn thân xá-lợi của Phật Đa Bảo, tán thán và chứng minh cho pháp hội Pháp Hoa. Trí Tích Bồ-tát là một trong số những vị thượng thủ theo hầu Phật Đa Bảo đến dự hội Pháp Hoa, đàm luận Phật pháp với Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát, tôn giả Xá-lợi-phất và Long nữ (con gái của vua rồng Ta-kiệt-la).

Tuy chẳng phải đích tổ[97],
Truyền tâm chùa Linh Nham,
Quả thật là khách quý,
Trong biển khổ độ sanh.

23. Tán dương Trí Tích Bồ-tát

(Năm Dân Quốc 23 - 1934)

Xét nghĩ Bồ-tát, bi trí rộng sâu, ở phương dưới thường hầu Đa Bảo Phật, thị hiện dấu tích khắp trần sát, hiện thân nơi tượng vẽ, Linh Nham đạo trường tồn.

24. Tán dương tổ đường Tịnh độ

(Năm Dân Quốc 27 - 1938)

Một tông Tịnh độ khởi nguồn từ đức Phổ Hiền, Viễn công nối tiếp nguồn pháp ở Chấn Đán, trong ngoài rộng lưu truyền, khiến cho khắp mọi phàm thánh chứng Niết-bàn ngay trong đời này.

25. Tán dương tượng đại sư Viễn công

(Năm Dân Quốc 24 - 1935)

Xét nghĩ Viễn công, thừa nguyện tái lai, sáng lập Liên tông, thỏa Phật bổn hoài, khiến các phàm thánh nhớ niệm

---

97 Chữ "đích tổ" ở đây được dùng với ý nghĩa là vị tổ khai sáng một ngôi chùa. Trí Tích Bồ-tát chỉ là một vị tăng nhập chúng tại Linh Nham Sơn Tự thời Lương, chứ không phải là tổ sư khai sáng ngôi chùa, nên không phải là đích tổ của Linh Nham.

Phật danh, cậy Phật từ lực mang nghiệp vãng sanh. Bậc đã đoạn hoặc liền chứng Vô sanh. Bậc chứng Vô sanh mau tròn Phật quả. Dùng quả địa giác làm nhân địa tâm, cảm ứng đạo giao lợi ích thật sâu. Chưa thấy kinh Niết-bàn đã tuyên giảng Phật tánh thường trụ, chưa đọc phẩm Hạnh Nguyện đã khuyên khắp mọi người về Tây, lập ra được pháp ngầm hợp ý kinh. Bậc hộ pháp Bồ-tát thể hiện sự đại giác của chính mình. La-thập dâng kinh càng thêm tán thán sâu đậm. Tăng sĩ Tây Vực sanh lòng ngưỡng mộ, tâm hương liền dâng. Hơn ngàn năm qua, chẳng được nghe viên âm. May còn di giáo để hòng noi theo. Kính nguyện thầy ta, sẽ lại thị hiện giáng sanh, dẫn khắp quần luân cùng lên cõi Ngũ Thanh[98]. In di cảo của ngài để mô tả chân dung đạo pháp của ngài, hòng kẻ thông sáng mai sau sẽ bắt chước theo.

26. Tán tụng mười hai vị tổ của Liên tông

1. Sơ tổ Đông Lâm Lô Sơn Huệ Viễn đại sư đời Tấn

Dùng pháp đặc biệt vĩnh viễn làm khuôn phép cho đời, ý chỉ ngầm hợp với phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, lưu thông khắp trong ngoài nước, khiến cho kẻ tầm thường lẫn bậc cao nhã giải quyết đại sự xong xuôi ngay trong đời này.

Mở nguồn Liên tông khiến Trung Hoa được phước, thỏa thích bổn hoài của Phật, lập phương tiện, viên âm vừa được xiển dương, sĩ phu đều về với Lô Sơn, đại pháp sắp

98 Ngũ Thanh: Tên gọi khác của Cực Lạc, do cõi ấy không có năm thứ nhơ uế (ngũ trược) nên gọi là Ngũ Thanh.

hoằng khai, [sơn thần hiển thần thông chuyển vật liệu xây dựng] điện Thần Vận, hết thảy pháp môn lưu xuất từ đây, hết thảy hạnh môn được thực hiện từ đây, khiến cho các tông đều quy hướng, muôn sông đổ về biển, nương theo hạnh nguyện.

2. Nhị tổ Trường An Quang Minh Thiện Đạo đại sư đời Đường

Sư sống vào đầu đời Đường, các tông đều hưng thịnh, đề xướng Tịnh độ thỏa lòng mọi người, Phật lực ai dám sánh bằng? Nếu chịu gieo lòng thành, Tây Phương quyết định vãng sanh.

Đời truyền tụng sư là Phật A-di-đà thị hiện, đề xướng giáo nghĩa niệm Phật trọn vẹn, phong phú, thiết tha răn người học phải khiêm nhường, cũng như phải cực lực ưa - chán[99]; về mặt giải phải thông thạo hết thảy pháp, nhưng về hạnh chỉ chọn lấy một pháp vừa khế cơ khế lý. Niệm Phật tỏa hào quang khích lệ đại chúng, hãy nên xem lời ngài như do chính đức Phật nói.

3. Tam tổ Nam Nhạc Ban Châu Thừa Viễn đại sư đời Đường

Thân gầy mặt bẩn, hầu bên Di-đà. Thần thức ngài Pháp Chiếu du hành [đến cõi Cực Lạc] vãng cảnh[100], Phật

99 Ưa mến Cực Lạc, nhàm chán cõi Sa-bà.

100 Theo Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, ngài Pháp Chiếu nhập định, thần thức đến cõi Cực Lạc, thấy bên cạnh Phật Di-đà có một vị tăng gầy gò đứng hầu, mặt nám đen, mặc áo rách, bèn hỏi thì được biết đó là ngài Thừa Viễn ở Nam Nhạc. Do tổ Thừa Viễn không

chỉ ngôi đình ghi danh ngài [Thừa Viễn], môn đình từ đấy được kế tục, tâm pháp vĩnh viễn truyền dương.

Ban-chu[101] khổ hạnh đời khó thể chịu đựng được, nhịn cơm dùng bùn đất làm món ăn, thường đem những điều trọng yếu trong kinh và danh hiệu Phật ghi khắp trên các lối ngõ, đá núi. Niệm Phật, Phật dạy pháp đặc biệt, kẻ đến học dùng pháp ấy để an cái tâm, thiên tử nghe tên hướng về Nam vọng bái, vì thế đạo phong lưu truyền bốn biển.

4. Tứ tổ Ngũ Đài Trúc Lâm Pháp Chiếu đại sư đời Đường

Xét nghĩ Tứ tổ đức cao đẹp đáng khâm phục, được Phật, thầy chỉ dạy cõi Cực Lạc, đức Văn-thù dạy túc nhân, khiến cho khắp mọi người thấu đạt bổn chân ngay trong đời này.

Tại Hành Châu[102] thấy được thánh cảnh trong bát,

---

muốn mất thời gian hóa duyên để chuyên dành trọn thời gian tu trì, nên ẩn cư trong rừng sâu, thường móc bùn đất ăn thay cơm đỡ đói hòng chuyên tu tập. Do vậy ngài gầy nhom, mặt nám đen, quần áo rách rưới.

101 Ban-chu gọi đủ là ban-chu tam-muội (pratyutpanna-samādhi), đôi khi còn đọc là bát-chu tam-muội, là một trong các phép tu định. Phép này còn được dịch là thường hành tam-muội, ban-chu định, chư Phật hiện tiền tam-muội hoặc Phật lập tam-muội. Căn cứ theo những điều được dạy trong kinh Ban-chu Tam-muội (Pratyutpanna Buddha Sammukhāvasthita Samādhi Sūtra) do ngài Chi-lâu-ca-sấm dịch vào năm Quang Hòa thứ hai (179) đời Hán Linh Đế thì để tu pháp này, trong vòng 49 ngày, ngoại trừ lúc ăn uống ra, hành giả đều phải luôn kinh hành, mỗi bước đều niệm A-di-đà Phật, ý quán tưởng Phật, tam nghiệp tương ứng, cho nên cách tu này được gọi chung là "tam nghiệp vô gián". Theo sử truyện, tại Lô Sơn, tổ Huệ Viễn đã đề xướng cách tu này đầu tiên. Các vị Thiện Đạo, Trí Khải, Huệ Nhật, Thừa Viễn, Pháp Chiếu đều tiếp tục hoằng dương cách này, vì nếu người dụng công khẩn thiết, chí thành, trong định sẽ thấy được Phật.

102 Hành Châu nay là thành phố Hành Dương thuộc tỉnh Hồ Nam, khác với Hàng

mỗi điều đều đích thân tạo dựng nơi non Ngũ Đài. Nơi Tịnh độ được thấy sư Thừa Viễn. Tại Trúc Lâm[103] cung kính nhận lãnh lời ngài Văn-thù dạy dỗ. Tiếng niệm Phật vang khắp ngả đường Tinh Châu. Đường Đại Tông sai sứ dâng chiếu thỉnh: "Niệm Phật rốt ráo mầu nhiệm như thế nào?" Sư đáp: "Khiến được mau thành đạo Bồ-đề."

5. Ngũ tổ Tân Định Ô Long Thiếu Khang đại sư đời Đường

Tránh bàn đến thế đế, nên đã bảy tuổi vẫn chưa nói. Thốt lời bèn kinh động trời người. Rộng kết duyên Tịnh độ, cho tiền trẻ nhỏ, ai nấy đều gieo chín phẩm sen.

Lên bảy tuổi trọn chẳng thốt một lời, thốt lời liền xưng danh hiệu Thế Tôn. Vừa đọc bài Tây Phương Văn của ngài Thiện Đạo liền biết Tịnh độ là nơi đáng nương tựa, đem tiền dụ trẻ niệm Di-đà, chưa lâu sau tiếng niệm Phật

---

Châu thuộc tỉnh Giang Tô.

103 Thoạt đầu tổ đã hâm mộ di phong của tổ Huệ Viễn, tu niệm Phật tam-muội, trong định thấy chính mình qua cõi Cực Lạc gặp được tổ Thừa Viễn thân gầy áo rách đứng hầu bên Phật Di-đà, khi xuất định bèn sang Nam Nhạc y chỉ với ngài Thừa Viễn. Khi tổ ngụ tại chùa Vân Phong ở Hành Châu đã thấy thánh cảnh Ngũ Đài hiện trong bát cháo. Khi được biết đó là thánh cảnh Ngũ Đài, tháng 4 năm sau, tổ lên Ngũ Đài triều bái, đến chùa Phật Quang, chợt thấy có hai đồng tử đến đón, dẫn vào chùa Trúc Lâm, được hai vị Bồ-tát Văn-thù và Phổ Hiền dạy cho pháp yếu Niệm Phật cũng như dạy phương pháp Ngũ Hội Niệm Phật (tức niệm Phật gồm năm đoạn với tiết tấu khác nhau), rồi hai vị Bồ-tát bảo tổ lui ra. Trong lúc theo đồng tử trở ra, tổ ngầm bẻ cây đánh dấu để sau này có dịp trở lại, nhưng lúc ngoảnh lại, đã thấy tất cả đều biến thành đồng hoang núi vắng, hai đồng tử cũng mất dạng. Bi thương khôn xiết, tổ lập chùa Trúc Lâm Đại Thánh tại đó để kỷ niệm pháp duyên hy hữu ấy. Nhạc phổ Ngũ Hội Niệm Phật hiện đã thất truyền, khúc Ngũ Hội Niệm Phật đang lưu hành hiện thời do người đời sau soạn ra, chứ không phải là nguyên khúc do Bồ-tát truyền dạy cho tổ Pháp Chiếu. Người đương thời thường cho rằng tổ là hóa thân của ngài Thiện Đạo (theo Ngũ Đài Sơn Linh Tích, không rõ tác giả, Hòa Tục Xuất Bản Xã, Đài Loan, ấn hành năm 1995).

vang khắp nẻo đường. Niệm Phật, tượng Phật từ miệng bay ra, có ai thấy nghe chẳng tuân theo lời dạy?

6. Lục tổ Hàng Châu Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư đời Tống

Một bộ Pháp Hoa, một trăm lẻ tám Phật sự, bốn thứ liệu giản lợi lạc kẻ ngu lẫn người thông sáng, muôn điều thiện xét suy, mong siêu bạt trọn khắp, vãng sanh cõi Cực Lạc.

Thấy các chúng sanh đều là Phật, chỉ nghĩ cứu sanh mạng quên luật nước. Bị giải ra chợ hành hình tâm vui vẻ[104], sắc mặt chẳng đổi, được xá tội liền thỏa nguyện xuất gia. Công khóa mỗi ngày là "một trăm lẻ tám Phật sự, tụng một bộ Pháp Hoa, niệm Phật mười vạn tiếng". Nếu chẳng phải là bậc đại quyền thị hiện trong thế gian, ai có thể dựng được pháp tràng như thế?

---

104 Ngài Vĩnh Minh Diên Thọ vừa là tổ thứ sáu của Tịnh độ, vừa là tổ thứ ba của Pháp Nhãn tông bên Thiền. Theo Tống Cao Tăng Truyện và Cảnh Đức Lục, tổ họ Vương, tự là Xung Huyền, hiệu Bão Nhất Tử, nguyên quán tại Đan Dương, sau dời qua Dư Hàng. Từ bé tổ từ năm sáu tuổi đã ngưỡng mộ Phật giáo, không ăn mặn. Đến tuổi trưởng thành, mỗi ngày chỉ ăn một bữa, thường tụng kinh Pháp Hoa, làm chức quan coi kho cho Tiền Văn Mục Vương xứ Ngô Việt, rồi đến năm 28 tuổi, ngài được thăng lên chức Hoa đình trấn sứ, trông kho quân nhu. Ngài thường lấy tiền trong kho để mua cá, tôm đem phóng sanh đến nỗi tiền trong kho bị thiếu hụt. Sự việc vỡ lỡ, Tiền Văn Mục Vương hạ lệnh giải ngài ra chợ chém. Tiền Văn Mục Vương sai người theo dõi xem ngài phản ứng ra sao, thấy ngài trong khi ngửa cổ đợi đao phủ xuống tay, nét mặt thật vui sướng, hân hoan. Giám trảm quan hỏi duyên cớ, tổ đáp: *"Ta dùng tiền trong kho để phóng sanh, chứ chẳng dùng riêng cho mình một đồng nào nên tâm không thẹn thùng."* Do vậy, Tiền Văn Mục Vương bèn hạ lệnh tha, tổ bèn đi xuất gia với thiền sư Thúy Nham tại chùa Long Sách.

7. Thất tổ Hàng Châu Chiêu Khánh Tỉnh Thường đại sư đời Tống

Hâm mộ đạo Lô Sơn, nối gót liên xã, trích máu biên chép phẩm Tịnh Hạnh, tể tướng [Vương Đán] theo về dưới tòa. Một trăm hai mươi vị chí hướng lớn lao, cao nhã, nguyện phỏng theo các ngài Long - Mã (Long Thọ, Mã Minh) vãng sanh.

Hâm mộ đạo phong Lô Sơn lập tịnh xã, do vì đời sau ít người thực hành, liền tùy theo sự việc mà phát thệ một trăm bốn mươi mốt nguyện để ai nấy đều được an trụ nơi Bồ-đề. Tể tướng Vương Đán đã quy y, công khanh một trăm hai mươi người được un đúc. Tuy trong Diêm-phù phò tá cơ đồ nhà vua, vẫn chẳng bằng vãng sanh cõi Cực Lạc hưởng phước nhà Phật.

8. Bát tổ Hàng Châu Vân Thê Châu Hoằng đại sư đời Minh

Vừa trụ tại Vân Thê đã chấm dứt được nạn hổ. Lúc hạn hán, dân chúng cầu thỉnh, sư niệm Phật mưa liền tuôn xuống thỏa lòng dân mong mỏi. Thôn dân đều cảm thán, sắm gỗ lo liệu, đạo tràng được trùng hưng.

Thuở nhỏ nghe niệm Phật ý đã quyết, về sau răn môn đồ đừng làm trò quái gở[105], hạnh là khuôn mẫu cho thế

---

105 Một môn nhân của tổ Liên Trì ẩn cư trên núi thường nhập định dự đoán mưa nắng, nói chuyện hậu vận, tai họa cho người khác. Tổ gởi thư quở trách, khuyên hãy chú tâm tu luyện hầu được giải thoát hơn là phô phang huyền thuật.

gian, lời lẽ là pháp tắc cho cõi đời. Chú trọng Tịnh độ và quy giới. Chống đỡ sóng cuồng thật khế lý, khế cơ. Xiển minh tâm Phật, đuổi ong, rết. Khiến cho khắp mọi phàm phu đầy dẫy triền phược cậy vào Phật từ lực, lên cõi sen.

9. Cửu tổ Bắc Thiên Mục Linh Phong Trí Húc đại sư đời Thanh

Ngay từ nhỏ đã tin Phật, theo mẹ lễ tụng, đến lúc đi học theo đạo Nho liền phóng túng, đọc bộ Trúc Song Tùy Bút[106] bèn tự trách, tận lực hoằng dương Đại thừa, mong cho mọi người cùng thoát khỏi hầm bẫy.

Tông thừa giáo nghĩa thảy dung thông. Sở ngộ giống hệt như Phật chẳng khác biệt. Hoặc nghiệp chưa đoạn thì giống như bát đĩa chưa nung, gặp mưa liền rã, uổng công lao đã tu tập từ trước. Do vậy tận lực tu hạnh Niệm Phật. Quyết muốn trong đời này thoát khỏi bẫy lồng. Rát miệng thiết tha khuyên người học đạo, có sanh về được Tây Phương thì mới có thể kế thừa đấng Đại Hùng.

10. Thập tổ Ngu Sơn Phổ Nhân Hành Sách đại sư đời Thanh

Xiển dương Tịnh độ, khẩn thiết ít ai bằng, dùng lòng tín nguyện sâu để dốc cạn lòng thành tu tập. Tâm và Phật đôi bên khế hợp, muôn niệm đều dứt, quyết định thoát gò khổ.

---

106 Trúc Song Tùy Bút là một tác phẩm của tổ Vân Thê Liên Trì gồm ba quyển được biên soạn vào năm Vạn Lịch 43 (1615), gồm hơn 400 bài viết ngắn trình bày những nhận định của tổ Liên Trì về Thiên Thai, Thiền, Tịnh v.v..

Hám Sơn nguyện xưa chưa làm trọn, nên lại thị hiện giáng sanh làm Triệt Lưu[107], quở trách "kẻ tu phước cõi trời đúng là bọn xiển-đề, chiên-đà-la[108]". Tâm tánh của Phật và ta vốn chẳng khác. Phật là đã thành, ta chưa tu. Muốn được tâm và Phật đều không sai khác, hãy nên cầu nơi "nhớ Phật niệm Phật"!

11. Thập nhất tổ Hàng Châu Phạm Thiên Thật Hiền đại sư đời Thanh

Bốn mươi tám nguyện, kính phỏng theo Di-đà, một trăm lẻ tám bài thơ hay hơn Sở Ca[109], người nghe chán Sa-bà, khiến kẻ chần chừ phấn khởi chứng ba-la-mật-đa.

Thâm nhập kinh tạng rất khó khăn mà ngài đích thân

---

107 Triệt Lưu là pháp tự của tổ Hành Sách.

108 Chiên-đà-la (candāla), còn phiên âm là chiên-trà-la, dịch nghĩa là nghiêm xí (hừng hực dữ dội), bạo lệ (tàn nhẫn dữ dội), chấp ác, hiểm ác, chủ sát nhân, trị cẩu nhân v.v.. Chiên-đà-la vốn là một danh xưng chỉ giai cấp hạ tiện nhất trong hệ thống giai cấp của Ấn Độ thời cổ. Bọn họ chuyên làm những nghề coi ngục, buôn bán, đồ tể, đánh cá, chôn người chết, quét dọn nhà vệ sinh v.v.. Do nghề nghiệp bị coi là nhơ uế và bị xã hội ruồng rẫy, khinh rẻ, đa số rất hung bạo, tham lam và tìm mọi cách bòn rút khi những người thuộc giai cấp trên có việc phải nhờ đến họ. Theo luật Mã Nỗ (Manu) của đạo Bà-la-môn, những người bị xếp vào hạng chiên-đà-la là con của đàn ông thuộc giai cấp thủ-đà-la (sudra) lén ăn nằm với nữ nhân thuộc dòng Bà-la-môn. Bọn họ bị cấm bước vào đền thờ Ấn Độ giáo vì sợ hình bóng của họ sẽ làm ô uế tượng thần. Kinh Phật mượn từ ngữ này để chỉ những kẻ tánh tình bạo ác, hung hăng, không biết nhân từ, lễ nghĩa, chứ không hàm ý miệt thị giai cấp như trong kinh điển Bà-la-môn.

109 Sở Ca là những khúc hát bằng tiếng nước Sở thời Xuân Thu Chiến Quốc. Khi quân Hán của Lưu Bang vây hãm quân Sở của Hạng Vũ tại Cai Hạ (nay thuộc huyện Linh Bích, tỉnh An Huy), Hạng Vũ vẫn còn rất đông quân, Trương Lương bèn bày kế cho người thổi sáo và hát những điệu dân ca nước Sở, quân Hạng Vũ động lòng nhớ nhà, đào ngũ gần hết. Do đó, từ ngữ "Sở Ca" thường được dùng để chỉ những câu hát mang tính chất lay động lòng người, khiến người khác thay đổi chí hướng. 108 bài thơ được nhắc đến ở đây là 108 bài thơ khuyên tu, tán dương Tịnh độ do tổ Thật Hiền đã viết.

chứng được, triệt ngộ tâm rồi tận lực hoằng dương Tịnh tông. Muốn cho người đời biết nguyên do, viết văn làm thơ nêu bày Phật lệnh: "Phát tâm Bồ-đề để dẫn đường, chân tín nguyện hạnh làm đường lối thực hiện. Nếu đầy đủ được những pháp thù thắng ấy, sẽ siêu phàm nhập thánh ngay trong đời này."

12. Thập nhị tổ Hồng Loa Tư Phước Tế Tỉnh đại sư đời Thanh *(tức đại sư Triệt Ngộ)*

Thông trọn kinh sử, mong làm người hướng dẫn cho cõi đời, vừa bị bệnh liền biết [thông thạo kinh sử] chẳng thể nương cậy được, nghiên cứu chỗ uyên áo của các tông, thấy đều khó chứng được, bèn chuyên chú nơi giáo pháp Tịnh độ.

Pháp ngữ dạy đại chúng lợi ích rất nhiều. Kệ niệm Phật thảy bao la. Toàn chân biến thành vọng chỉ do tâm này. Toàn vọng biến thành chân cũng chẳng có gì khác. Bất biến tùy duyên nên tùy tịnh, tùy duyên bất biến chớ thuận theo sai ngoa. Nếu ai nấy y theo nghĩa này để tu trì thì quang thọ sẽ giống như đức Di-đà.

27. Tán dương tượng thiền sư Triệt Ngộ

Bậc tuấn kiệt làng Nho, đấng khôi hùng cửa Phật, sư tử hùng mạnh nơi hang Thiền, rồng thần nơi biển Giáo, nghiên cứu Từ - Hiền[110] nhưng hoằng dương giáo pháp

110 Từ là Từ Ân tông (Duy Thức tông), Hiền là Hiền Thủ tông (Hoa Nghiêm tông).

Thiên Thai, trụ trì chùa Thiền thổi gió sen, chỉ mong khế cơ cùng khế lý, chẳng tính môn đình là dị hay đồng, nêu tỏ ý nghĩa "làm Phật, là Phật", phá sạch sự tối tăm chấp lý phế sự, đang lúc tà thuyết tung hoành trong đời ác này, kẻ nhỏ nhoi, người có địa vị lớn lao không đâu chẳng noi theo!

28. Tán dương tượng tổ sư Đạt-ma

Đặc biệt từ trời Tây đến đây truyền tâm Phật, Đông Độ vốn nhiều kẻ căn cơ Đại thừa. Sau đấy một chiếc dép trở về Tây[111], con cháu khắp cõi rền tiếng huyền diệu.

29. Tán dương tượng thiền sư Tế Công

Nhằm khơi gợi lòng chân tín nguyện cho chúng sanh, nên hiển lộ đủ mọi đại thần thông, chẳng giả khùng điên để che mắt mọi người, làm sao trụ mãi trong cõi đời để đánh động bọn điếc đui?

---

111 Theo truyền thuyết, tổ Bồ-đề-đạt-ma thị tịch vào ngày mồng 5 tháng 10 nhằm năm Đại Thống thứ hai (536) đời Ngụy Văn Đế. Đến ngày 18 tháng Chạp năm ấy, môn nhân đưa pháp thể tới chôn tại núi Hùng Nhĩ (tỉnh Hà Nam), dựng tháp thờ tại chùa Định Lâm. Ba năm sau, Tống Vân được vua Ngụy sai sang sứ Tây Vực, khi trở về đến Thông Lãnh (tức cao nguyên Pamir hiện thời), gặp tổ quảy một chiếc dép phiêu diêu đi một mình, liền hỏi: "Sư đi đâu vậy?" Tổ đáp: "Ta trở về Tây Thiên!" Tống Vân trở về, thuật lại chuyện ấy, môn nhân đào mộ, mở quan tài ra chỉ thấy trong ấy có một chiếc dép. Triều đình bèn sai đem chiếc dép ấy về thờ tại chùa Thiếu Lâm. Về sau, đến năm Khai Nguyên thứ 15 (727) đời Đường, có kẻ trộm lấy đưa về thờ tại chùa Hoa Nghiêm trên Ngũ Đài, đến nay không biết đã thất lạc về đâu.

30. Ca tụng Nam Bình Tông Thừa[112]

Túy Bồ-đề, Bồ-đề túy. Kẻ vô trí chớ theo đuổi. Nếu nhận lầm phương hướng, muôn kiếp thường đọa lạc nê-lê[113]. Nguyện người học khéo phân biệt: Thuận tâm nghịch tích[114] là phương cách tối thượng, nhưng nếu không có mắt

---

112 Núi Nam Bình là một trong mười thắng cảnh vùng Tây Hồ (nằm ở phía Tây Hàng Châu, tỉnh Giang Tây), cảnh núi đẹp đến nỗi họa sĩ Trương Trạch Đoan đời Tống đã vẽ một bức họa rất nổi tiếng với tựa đề Nam Bình Vãn Chung Đồ (Bức họa tiếng chuông chiều tại Nam Bình). Trên núi có rất nhiều ngôi chùa nổi tiếng, nổi tiếng nhất là chùa Hưng Giáo (đại bản doanh của phái Sơn Gia tông Thiên Thai) và Tịnh Từ. Trong bài tụng này, tổ Ấn Quang ca ngợi tông phong của chùa Tịnh Từ. Ngô Việt Vương Tiền Hoằng Thục xây chùa Tịnh Từ tại núi Nam Bình vào năm Hiển Đức nguyên niên (954) đời Hậu Chu, thoạt đầu chùa mang tên Huệ Nhật Vĩnh Minh Tự (đến đời Tống Thái Tông đổi thành chùa Thiên Ninh, rồi thành Tịnh Từ), thỉnh ngài Đạo Tế (tức hòa thượng Tế Điên) đến trụ trì, ngài trở thành tổ khai sơn của chùa. Sư tính đúc tượng 18 vị La-hán, chưa tâu lên, vua đã mộng thấy 18 người khổng lồ đến tìm, bèn giúp cho sư hoàn thành chí nguyện. Khi ngài Đạo Tế thị tịch năm Kiến Long thứ hai (961) đời Tống, vua bèn thỉnh ngài Vĩnh Minh Diên Thọ từ chùa Linh Ẩn về trụ trì, chấn hưng tông phong mạnh mẽ, độ hơn 1.700 đệ tử xuất gia. Tổ hằng ngày làm 108 Phật sự, niệm Phật mười vạn tiếng, tụng hết một bộ Pháp Hoa khiến khắp xa gần đều ngưỡng mộ tông phong chùa Tịnh Từ. Ngài Vĩnh Minh cũng đã soạn bộ Tông Kính Lục (100 quyển) lừng danh tại chùa Tịnh Từ. Túy Bồ-đề là xước hiệu của ngài Tế Điên, vì ngài thường làm ra vẻ điên cuồng, hay uống rượu say sưa, nhưng mỗi lời ngài nói ra không câu nào chẳng hợp thiền cơ, khiến người hữu duyên nghe xong tỉnh ngộ sâu xa.

113 Nê-lê (naraka), còn phiên âm là na-lạc, na-lạc-ca, na-la-kha, hay nại-lạc, dịch nghĩa khổ khí, khổ cụ, chính là địa ngục. Chữ nê-lê bao gồm những ý nghĩa "tối tăm, không đúng, chẳng thể vui sướng". Theo Câu-xá Quang Ký quyển tám, chữ *na-lạc* nghĩa là "người", *ca* nghĩa là "ác". Như vậy na-lạc-ca là người tạo nhiều tội ác, bị đọa vào trong ấy vì thế gọi là na-lạc-ca. Có thuyết giải thích *ca* có nghĩa là "vui sướng", *nại* là "không", *lạc* là "cùng với, tương ứng", như vậy nại-lạc-ca nghĩa là "chẳng tương ứng với vui sướng", hoặc "chẳng thể cứu vớt được".

114 Do ngài Đạo Tế thường thị hiện những hạnh trái nghịch phạm hạnh xuất gia như uống rượu, ăn thịt chó, nhằm ẩn giấu thần thông để hóa độ người hữu duyên, nên có nhiều kẻ tưởng lầm tu thiền đã giải ngộ rồi thì không cần giữ giới luật nữa, cứ phóng túng làm càn, nên tổ Ấn Quang khuyên: "Nếu nhận lầm phương hướng, muôn kiếp thường đọa lạc nê-lê. Nguyện người học khéo phân biệt." Sở dĩ gọi là "thuận tâm nghịch tích" vì ngài Đạo Tế là bậc kim thân La-hán, tâm đã giác ngộ thanh tịnh ("thuận tâm") nhưng thị hiện những hành vi trái với oai nghi của người xuất gia nhằm ẩn giấu thân

chọn lựa pháp chân chánh, chắc chắn sẽ bị tổn hại không lợi ích.

31. Tán dương bài ký "hình Phật hiển hiện trên răng lợn" của ông Lưu Công Lỗ ở Quý Trì

Hết thảy chúng sanh, đều có Phật tánh. Do mê trái nên đánh mất lẽ chánh, khởi tham sân si, tạo giết trộm dâm, ăn thịt kẻ khác để bồi bổ cái thân mình. Sát nghiệp đã kết, trải nhiều kiếp giết lẫn nhau. Đức Như Lai thương xót, bèn làm thuyền từ, khơi mở giáo huấn lớn lao về lòng từ. Người ta vẫn không tin nên Phật bèn đặc biệt hiện hình dáng để mong chúng sanh tùy thuận lời Phật dạy. Vỏ nghêu sò, hông bò, móng dê, răng lợn, yếm rùa, đều có hình Phật ngự trong đó. Có người họ Chức vào đời Tống giết lợn quăng đầu, chó giữ đầu lợn bốn ngày chẳng dám táp. Đuổi chó chẻ xương, trên răng hàm lợn hiện hình Phật. Mắt biếc, búi tóc xoắn ốc, nghiễm nhiên là bậc Đại Giác. Trước khi chưa giết, mọi người đều nói là "súc sanh", đã giết xong mới biết là Phật. Do vậy, biết sát sanh chẳng khác gì giết Phật, dẫu chẳng phải do Phật hiện thì cũng là vị lai Phật. Giết để ăn thịt, tội quá non biển. Hãy gấp đau đáu ngăn dè, hòng được giải thoát!

Anh em họ Triều làm văn tán dương, nghĩa lý uyên thâm, văn từ sáng đẹp, ông Thiên Trì biên chép, các vị đề tựa, viết lời bạt, để làm bài cảnh sách vĩnh viễn nhằm khơi

---

phận, nên gọi là "nghịch tích" (thể hiện hành vi trái nghịch).

gợi hậu giác. Đã hiểu nghĩa này, ai dám giết chóc? Tranh thành giành đất sẽ chấm dứt ngay. Ông Lưu ở Quý Trì, dốc lòng tin tưởng Phật pháp, bảo tồn sách của ông Từ, lời đề tựa, lời bạt đều phù hợp, sai con là Công Lỗ đem đưa cho xem, liền kính viết mấy lời tỏ bày chí hướng của tôi. Nguyện kẻ thấy nghe sẽ ăn chay kiêng giết, chắc chắn trong đời này sẽ về cõi Cực Lạc.

32. Tán dương tượng đại sư Niệm Thành

Nghĩ tới đức lớn của ngài, ước mong khôi phục Linh Nham, sau cơn tai kiếp một mình ở trong lòng tháp, gặp được ông Bành lên chơi núi, hứa tra xét ruộng đất của nhà chùa, dần dần trở thành chốn danh lam.

33. Bài ca tụng nhân dịp cô nhi viện tại Thượng Hải khánh thành nhà mới

Giúp đỡ cô nhi, tài cao chót vót. Nếu chẳng cứu giúp, sống bằng cách nào? Đã được nuôi dạy, chánh khí ắt thành. Hoặc là công, thương, học hành, cày cấy, là hiền, là thiện, tốt lành, thuần thục, chăm giữ đạo nghĩa, tuy hèn vẫn vinh. Huống chi chẳng ít anh tuấn lỗi lạc. Do vậy biết rằng: Nuôi dạy cô nhi, lợi ích sâu rộng, lời ông Tử Dư thật đã nghĩ chín, chỉ nguyện người nhân, cùng sẵn từ bi, nhà viện tuy thành, nhu cầu vẫn thiếu, ai nấy ra tay, giúp cho hoàn thành. Thương con của người, con ta ắt nhờ. Hiền thiện tiếp nối, nêu gương cho đời, lợi người tự lợi, nhân

quả như thế, chớ nên chẳng tin. Lời Phật chẳng dối!

34. Ca tụng pháp môn Tịnh độ thù thắng

(Chỉ do pháp môn này thù thắng mà bà Trí Nghi được vãng sanh)

Pháp môn Tịnh độ dạy dỗ không phân biệt phàm thánh, trí ngu, đều được bình đẳng nhiếp thọ. Hết thảy pháp môn đều cậy vào tự lực, chỉ có mỗi pháp này hoàn toàn cậy vào Phật lực, Phật lực khác biệt tự lực một trời một vực. Tín nguyện ức niệm quyết định sanh về nước Phật. Bao nhiêu người tín niệm, bấy nhiêu người vãng sanh. Phật có lời thệ nguyện, nay đã tỏ lộ dấu hình: Nữ sĩ Trí Nghi tâm niệm Phật tha thiết, niệm chưa được mấy năm đã được Phật đón tiếp. Nguyện người thấy nghe ai nấy chăm chú tu trì, để dự vào hội Liên Trì, vui sướng nào hơn!

35. Ca tụng chuyện sanh Tây của cư sĩ Từ Úy Như

Cao cả thay ông Từ, xưa đã trọn đủ huệ căn, hiếu hữu, nhân từ, tận hết bổn phận, trọn vẹn luân thường, nghiêm cẩn tuân theo lời tổ tiên giáo huấn, dốc lòng tin tưởng Phật pháp, tu hạnh niệm Phật, mong sanh cõi Tịnh. Tuổi trung niên tận lực đảm nhiệm việc khắc in kinh điển để nối tiếp huệ mạng của Phật hòng giúp cho cả Mật lẫn Hiển. Thời cuộc chẳng yên, càng ưa - chán thiết tha, nương nguyện về Tây, đại sự giải quyết xong, được Phật thọ ký, liền trở lại Sa-bà, tiếp dẫn khắp hàm thức cùng thân cận Di-đà.

36. Ca tụng đức cao đẹp của ông Sa Tuyết Phảng

(Năm Dân Quốc 22 - 1933)

Cao cả thay cụ Sa, túc căn rất sâu, hiếu hữu nhân từ, cả làng cùng khâm phục, tuổi đã tám mươi mới tu Tịnh độ, phát trọn ba tâm, mong sanh thượng phẩm, tâm sẵn có, tâm tạo tác, tâm làm, tâm là. Giải lẫn hạnh đều viên dung, lý sự nhất trí. Vì thế, khi lâm chung được an nhiên qua đời, đỉnh đầu ấm, vẻ mặt rạng rỡ, để biểu thị đã thật sự đến được Cực Lạc.

37. Ca tụng chuyện quy Tây của cư sĩ Khuất Tử Kiến

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Phật tâm và chúng sanh tâm, về bản thể vốn chẳng hai. Do nhân duyên mê ngộ nên tâm chẳng khác mà tướng thành sai khác. Nếu chịu trái nghịch trần lao, kiêm trì thánh hiệu Phật, hễ được vãng sanh Tây Phương thì sẽ đích thân đến được bờ giác. Cao đẹp thay ông Tử Kiến! Túc căn thật sâu, thác sanh vào gia đình đời đời thiện lương, giữ tấm lòng trung hậu, khoan dung. Chuộng nghĩa, khinh tài, thân sơ đều bình đẳng quan tâm. Có tư cách lỗi lạc, nhưng chuyên trọng niệm Phật. Tịnh nghiệp đã chín muồi, biết trước lúc nào sẽ đi, quyến thuộc đều nhất tâm niệm Phật tương trợ. Vì thế được nương nhờ Phật lực vãng sanh cõi Cực Lạc. Di tướng[115] càng thêm rạng rỡ, ai nấy đều khen là

115 Chỉ thân xác, vẻ mặt của ông Khuất Tử Kiến sau khi đã mất.

lạ lùng đặc biệt. Các hành nhân đời mạt muốn thoát khỏi bẫy sanh tử, chỉ có một pháp niệm Phật là có thể dự vào bậc thánh trong đời này. Nêu toát yếu đại lược hòng lưu lại vĩnh viễn cho con cháu, mong ai nấy đều noi theo đức của người xưa thân cận Di-đà Thế Tôn.

38. Ca tụng đức cao đẹp của cư sĩ Trương Miện Đường

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Cao đẹp thay ông Miện Đường, thừa nguyện thị hiện giáng sanh. Đang trong lúc kiếp nạn ngập trời này, biển cả, đất liền đầy dẫy cọp, kình, nhân dân bị nuốt cắn, phát tâm dẹp cho yên. Do vậy vào quân ngũ, dùng đức giáo hóa binh lính, lấy nhân nghĩa làm vũ khí, dùng nhân quả làm lũy thành. Phàm đóng quân chỗ nào, tiếng khen ngợi vang rền truyền đến đất Tô. Trừ bạo, an dân lành, hoằng pháp độ hữu tình, ma tà, ngoại đạo đều dẹp yên, Phật nhật được chiếu rạng. Chán nghiệp võ theo nghề văn. Sắt - cầm thường trỗi tiếng. Giảm bớt sự phiền toái trong việc cai trị nên được nhiều lúc rảnh rỗi. Niệm Phật có chương trình nhất định. Dùng móng tay vẽ tượng Tam Thánh, tinh diệu khôn sánh tầy. Phàm có ai thấy nghe, tâm đều hướng về Cực Lạc. "Tâm làm Phật là Phật", Quán kinh nghĩa rộng sâu. Sự thế gian, xuất thế, đều lấy gốc nơi lòng thành, nguyện khắp người mọi giới, nghe phong thái đều dấy lòng hành theo, ngõ hầu từ nay trở đi thiên hạ thường thái bình.

39. Ca tụng hạnh cao đẹp của cụ bà họ Từ, mẹ ông Chu

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Cao đẹp thay Chu mẫu, xưa có huệ căn, thờ mẹ nuôi em, tiếng khen rộn xóm làng. Gả về nhà ông Chu, giúp chồng làm điều nhân, sửa đổi nghề nghiệp trước, lòng từ không ai bằng. Trông nom gia đình, dạy con, buôn bán, làm lành, phàm tính toán những gì đều hợp tình lý, lòng mong lợi lạc, giúp người, tài lẫn pháp cùng thí. Xót thương chỉ dạy, không điều nhỏ nhặt nào chẳng quan tâm đến. Những gì cụ tích tụ [cho riêng mình] suốt cả một đời, chỉ chứa được đầy tráp. Xét về đạo Nho, hạnh của cụ phù hợp với lẽ đại đồng, xét nơi đạo Thích, hạnh cụ khế hợp pháp tứ nhiếp. Phong thái cao đẹp của hai bà Phi, ba bà Thái vẫn chưa mất, cho nên viết đại lược để nêu gương cho người sau.

40. Ca tụng liệt nữ Trương San Trinh

Chánh khí trong trời đất, được con người thực hiện rộng rãi. Nam nữ tuy sai khác, lý này cố nhiên chẳng sai biệt. Do cùng sẵn đủ Phật tánh, tức là cái được gọi là "bỉnh di" (vâng giữ luân thường), nhưng phải khéo mở rộng sự ấy, muốn làm thánh hiền phải lấy đó làm nền tảng. Tiếc thay con người trong thời gần đây, cứ coi điều hay là chuyện tệ. Tận lực trừ cho hết sạch phạm vi giữa nam nữ, gọi luyến ái là cao thượng, coi trinh tiết là tỳ vết! Đúng là muốn cho người trong khắp cõi đời giống hệt như cầm thú. Cao cả

thay cô Trương San Trinh, dẫu chết chí chẳng dời, không được mẹ thông cảm, dùng kéo tự rạch cổ. Tuy là con nhà nông, nhưng đáng là điển hình cho nữ giới. Dùng thân phụ trợ danh giáo[116], đáng gọi là đại trượng phu. Người tuy đã qua đời, trinh đức chẳng hề mất. Tiếc rằng chưa biết Phật pháp, rốt cuộc khó thoát khỏi bẫy phàm. Nếu sanh được lòng tín nguyện, chí tâm niệm A-di-đà, ắt được Phật tiếp dẫn, vãng sanh ao bảy báu. Thấy Phật nghe diệu pháp, tiến dần lên chứng được Bồ-đề. Đến tận cùng kiếp vị lai, thường làm thầy trời người.

41. Ca tụng hạnh đẹp của cư sĩ Trình Chí Bằng ở Vụ Nguyên

(Năm Dân Quốc 22 - 1933)

Sanh trong đời nay mà hành đạo xưa. Nêu gương cho làng ấp. Giữ chí khí, tiết tháo của Liêm Lạc[117]. Tin sâu Phật pháp, chẳng tập tành lỗi lầm "trong lòng tuân phụng ngoài mặt chống trái" [của bọn Trình - Chu]. Nguyện sanh về

---

116 Theo tác phẩm Thiên Hạ Tàn Cuộc (tác giả Đàm Bá Ngưu, nhà xuất bản Đồng Tâm, Hoa Lục, 2006): "Chữ Danh tương đương với 'hình thái ý thức' trong ngôn ngữ hiện thời, tức là vận dụng lịch sử và kinh nghiệm cá nhân, phương pháp lý luận suy diễn từ nguyên nhân đến hậu quả để đề ra một khái niệm, hay một nguyên tắc hòng định khuôn mẫu cho nếp sống. Giáo tức là dạy dỗ, tuyên truyền sao cho mỗi cá nhân đều sống sao cho đạt được những mục đích chuẩn mực đã đặt ra trong danh." Như vậy, danh giáo có thể hiểu đại lược là những chuẩn mực về luân lý, đạo đức được đề cao trong xã hội.

117 Liêm Lạc nói đủ là "Liêm Lạc Quan Mân" là bốn đại học phái Lý học đời Tống, Liêm là phái Lý học của Chu Đôn Di ở Liêm Khê, Lạc là phái Lý học của Trình Di ở Lạc Dương, Quan là phái Lý học của Trương Tải ở Quan Trung, còn Mân là phái Lý học của Chu Hy ở đất Mân Việt (Phước Kiến).

Liên Bang, lúc mất được cảm ứng đạo giao thù thắng. Ôi, con người như vậy là trụ đá giữa dòng chảy, là hướng dẫn tốt lành trong đường mê! Do vậy bèn viết đại lược để bảo với người thông sáng đời mai sau.

42. Bài ca tụng nhân dịp minh thọ[118] trăm tuổi của cụ Tề Dữu Nam và phu nhân Kim

Ông Tề hiếu hữu đức siêu quần, phu nhân càng giúp nêu gương thơm. Chớ bảo bình sinh lo buôn bán, phải biết toàn thân đầy học thức. Học thức ấy thật sự có thể lưu tiếng thơm suốt cả một đời. Tiếc chưa được nghe Phật pháp, ngộ nguồn tâm. May có con cháu vừa hiền vừa hiếu, cầu siêu mong cha mẹ được sanh về cõi trời Cực Lạc. Cực Lạc vui sướng khôn lường, luôn được đích thân chầu hầu bậc cổ Giác Hoàng[119]. Chứng Vô sanh nhẫn nương bi nguyện, riêng đến cõi này làm thuyền từ. Thuyền từ thả trong biển khổ, khiến cho khắp mọi người về Tây bỏ Đông. Đến ngày tự lợi lợi tha đều viên mãn, sẽ trong pháp giới xưng Đại Hùng.

43. Bài ca tụng nêu tỏ những ý nghĩa ẩn kín của việc Tiền Vũ Túc Vương giương nỏ bắn sóng biển

Kính lễ Vũ Túc Vương[120], từ trời thẳm giáng thần,

---

118 Minh thọ là sinh nhật của người đã mất.

119 Giác Hoàng là một danh hiệu tôn xưng đức Phật, ý nghĩa giống như chữ Giác Vương. Do A-di-đà Phật đã thành Phật từ mười kiếp trước nên gọi là "cổ Giác Hoàng".

120 Tiền Vũ Túc Vương tức Ngô Việt Thái Tổ, tên thật là Tiền Liêu (852-932), tự Cụ Mỹ (có sách ghi là Cự Mỹ), người huyện Lâm An, Hàng Châu, tỉnh Chiết Giang, người

nhóm dân lập quân nghĩa dũng, diệt Hoàng Sào, giết Đổng Xương[121], công lao đại nghiệp lớn lao, cổ kim ít sánh bằng. Được phong tại Ngô Việt, giúp nước chẳng tai ương. Tính đắp đê ngăn biển, phát triển nghề nông tang. Sóng to, nền khó vững, tế thần cầu giáng phước, lại sai các tinh binh giương nỏ bắn vệt sóng. Sóng rút, nền đê vững; ruộng nương chẳng bị [sóng biển làm] hại, nên lợi nhiều. Hễ lòng thành ắt có cảm ứng. Bắn sóng chỉ nhằm hư trương thanh thế, vì sợ tâm quần hùng vẫn muốn đến xâm lăng. Bắn sóng, sóng rút đi, nhờ đấy, bọn cọp sói khiếp sợ. Đời loạn

---

sáng lập ra nước Ngô Việt vào thời Ngũ Đại. Vào cuối đời Đường, do theo tướng quân Đổng Xương dẹp yên loạn Hoàng Sào, Tiền Liêu lãnh chức Trấn hải Tiết độ sứ. Sau đó, Tiền Liêu đánh bại Đổng Xương, chiếm cứ mười ba châu huyện thuộc vùng Lưỡng Chiết (nay là toàn bộ tỉnh Chiết Giang, phần Đông Nam của tỉnh Giang Tô và phần Đông Bắc tỉnh Phước Kiến. Những vùng đất này thuộc lãnh thổ nước Ngô và Việt thời Xuân Thu Chiến Quốc, nên khu vực này được gọi chung là Ngô Việt), được phong làm Ngô Việt Vương. Tiền Liêu chú trọng phát triển nông nghiệp vùng Ngô Việt, cho đắp đê trên sông Tiền Đường từ năm 907 đến 932 để ngừa nạn lụt cũng như thiết kế mạng lưới thủy lợi nhằm điều hòa mực sông. Chuyện bắn sóng để buộc thủy triều rút ra xa được tiến hành trong khoảng thời gian này. Nước Ngô Việt tồn tại từ năm 907 đến 978.

121 Đổng Xương (?-896) là người huyện Lâm An, tỉnh Chiết Giang. Năm Càn Phù thứ hai (875) đời Đường Hy Tông, Vương Trình dấy loạn tại Giang Tây, Đổng Xương tự chiêu mộ nghĩa quân chống lại. Sau khi đánh bại Vương Trình, Đổng Xương được phong là Cảnh Trấn tướng quân. Năm Càn Phù thứ sáu (879), Đổng Xương được sự phù tá của Tiền Liêu, đánh bại loạn quân Hoàng Sào, giữ yên được Hàng Châu, được thăng làm Thứ sử. Năm 883, Đổng Xương thừa cơ đoạt binh quyền của Tiết độ sứ Châu Bảo, trở thành một tay quân phiệt đáng gờm ở vùng Chiết Giang. Năm 886, Đổng Xương đem quân vượt sông Tiền Đường, đánh bại Quan sát sứ vùng Chiết Đông là Lưu Hán Hoằng, chiếm trọn Việt Châu. Do đút lót với triều đình, họ Đổng được phong làm Thái úy, Đổng trung thư môn hạ bình chương sự, tước Lũng Tây Quận Vương. Năm Càn Ninh thứ hai (895) đời Đường Chiêu Tông, do triều đình không phong cho họ Đổng làm vua vùng Ngô Việt, y bèn làm phản, tự xưng là hoàng đế, đặt quốc hiệu là Đại Việt La Bình Quốc, lấy niên hiệu là Thuận Thiên. Đổng Xương phong Tiền Liêu làm Chỉ huy sứ, không ngờ Tiền Liêu khuyên họ Đổng nên bỏ đế hiệu. Đổng Xương không nghe liền bị Tiền Liêu trở giáo làm phản đánh bại, rồi trúng kế giả chiêu hàng của Tiền Liêu, bị giết chết tại đô thành Việt Châu.

mấy chục năm, riêng cõi Ngô Việt ca tụng thái bình, yên ổn. Lo tính cho mọi người, ý niệm thật sâu dài. Vào thời Ngũ Đại[122] cuối đời Đường, không xứ nào yên ổn. Nho và Phật giáo ở Ngô Việt được xiển dương từ đời Thịnh Đường. Lúc ấy, nếu không có xứ Ngô Việt, cương thường đều diệt mất. Bậc trung nghĩa xưa nay, không một ai chẳng tỏ lộ, ban đức sâu xa đầy tràn cho dân, dân cả nước ngưỡng vọng. Gã Vĩnh Thục[123] tánh quái quỷ, báng Phật, giữ môn tường đạo Nho, dốc chí tu chỉnh hai bộ sử, tính làm kế ngăn ngừa muôn đời. Gạt bỏ hết những lời đệ tử Phật, vu báng, miệt thị vua Ngô Việt, đến nỗi kẻ trung nghĩa ai nấy đều ôm lòng cảm thương. Xem bài biểu Lang Cương[124] của ông ta, đức của cha mẹ thật huy hoàng. Mặc tình riêng tư sửa sử, thật chẳng hổ thẹn quá sức. Cương lãnh của sách Đại Học là "minh minh đức, cách vật trí tri", trong lòng

---

122 Cuối đời Đường, chính quyền trung ương suy vong, các tướng lãnh quân phiệt nổi lên cát cứ, tự lập quốc xưng vương. Năm vương triều kế tục nhà Đường trong thời gian trước khi Triệu Khuông Dẫn thống nhất Trung Hoa lập ra nhà Tống, được gọi chung là Ngũ Đại, gồm: Hậu Lương (907-923), Hậu Đường (923-936) Hậu Tấn (936-947), Hậu Hán (947-951) và Hậu Chu (951-960). Thịnh Đường là thời gian Đường thi được sáng tác phong phú, tuyệt diệu nhất trong đời Đường, tức khoảng từ niên hiệu Khai Nguyên cho đến hết niên hiệu Đại Lịch (713-779), chứ không phải là thời gian nhà Đường hưng thịnh nhất. Trong thời Thịnh Đường, tuy văn chương thi phú rất hưng thịnh, chính sự lại rất rối ren, điển hình là loạn An Lộc Sơn xảy ra vào cuối niên hiệu Khai Nguyên của Đường Huyền Tông (Đường Minh Hoàng).

123 Vĩnh Thục là tên tự của Âu Dương Tu. Ông này rất nổi tiếng về những bài văn đả kích, xuyên tạc Phật giáo. Hai bộ Tân Đường Thư và Tân Ngũ Đại Sử của ông ta có rất nhiều câu miệt thị những vua chúa tôn sùng Phật giáo là mê tín, hủ bại, giả nhân giả nghĩa, cũng như thẳng tay gạt bỏ những nhân vật và sự kiện thuộc giới Phật giáo đã chép trong hai bộ Cựu Đường Thư và Tân Ngũ Đại Sử.

124 Bài Lang Cương Biểu do Âu Dương Tu viết vào năm 64 tuổi để truy điệu cha, lời lẽ rất cảm động, hết lời đề cao cha mẹ như những con người nhân đức, ưa làm lành.

ôm tư dục, khó được kết quả tốt. Kính khuyên các văn sĩ, khiêm tốn, kiềm chế, tự suy lường, chớ kiêu căng, lập dị, phải thuận theo lẽ trời. Khắc niệm cuồng thành thánh, mất niệm thánh thành cuồng. Thông minh khắc chế được ý niệm, lưu tiếng thơm muôn đời.

Lời bạt

(Một ngày mùa thu năm Canh Thìn, Quảng Đức Tiền Văn Tuyển, Sĩ Thanh Phủ soạn tại chỗ cư ngụ ở Thượng Hải, lúc ấy tuổi đã sáu mươi bảy)

Pháp sư Ấn Quang soạn bài tụng nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín của việc Vũ Túc Vương bắn sóng, chỉ bày nguyên do thuở trước: Do Vũ Túc Vương bắn sóng mà sóng lùi ra xa, ấy là vì Thủy Thần cảm mộ đức hạnh bảo vệ dân chúng của Vương, chứ hoàn toàn chẳng phải vì sợ oai thế giương nỏ của Vương. Đời sau không có đức như Vương, toan bắt chước Vương giương oai, chưa thể nào đạt được như vậy. Trong tương lai in lại Văn Tập, hãy nên đem ý này nêu cho rõ ràng mọi lẽ. Pháp sư xiển minh những chân lý này, muôn đời chẳng mòn. Lại đọc ba điều quan trọng để cầu con do pháp sư dạy, chỗ nào cũng là lập luận từ trên căn bản, thật là lời văn có công đối với thế đạo. Thế nào là ba điều trọng yếu? Một là tiết dục để làm căn cơ cho nòi giống mạnh mẽ. Hai, tích đức là đạo trọng yếu để phát khởi phước. Ba là khéo dạy loài người tiến hóa. Nếu như người trong nước thiết thực phụng hành, dù đạt đến thái bình thịnh trị cũng chẳng khó. Có kẻ cho rằng Phật giáo phần nhiều chỉ cốt

tốt đẹp cho riêng thân mình, lấy vãng sanh Tây Phương về Tịnh độ làm điều gắng sức, dường như tiêu cực, hoàn toàn chẳng phải là tích cực. Nếu nhìn từ bài văn này và bộ Văn Sao của pháp sư, quả thật Phật giáo là tích cực, chẳng phải là tiêu cực. Người đời nay chẳng suy xét, thường cho Phật giáo là trống rỗng, hư dối, đến nỗi Phật học chưa thể xiển dương rộng lớn, rạng rỡ. Do vậy thế đạo suy vi, giang sơn mỗi ngày một đi xuống, thật đáng cảm khái! Thử nhìn thuở Phật học được xương minh, chính là lúc nhân loại thái bình. Nhìn ngược lại thời Ngũ Đại, thiên hạ đại loạn, kẻ giết người nhiều như mè, nhưng xứ Ngô Việt trong cả trăm năm nhân dân sống tới già chẳng biết đến chiến tranh, quả thật là do đạo nào mà đạt được như vậy?

Nếu nói "bởi Tiền Vũ Túc Vương đắp đê ngăn biển, phát triển nghề nông tang, khơi sông ngòi, mở mang thủy lợi khiến cho nhân dân giàu có, cho nên được như vậy"; cố nhiên là như thế, nhưng đạo căn bản vẫn chẳng nằm ở đó. Đương thời, nhân dân chẳng biết đến chiến tranh, quả thật là do công bảo vệ bờ cõi, giữ yên dân chúng của Vũ Túc Vương. Bảo vệ bờ cõi, giữ yên nhân dân chính là chẳng muốn so gươm chọi giáo, rộng mở sự kiêng giết. Muốn giảm thiểu sự tàn sát nhân loại, thì phải tôn sùng nguyên lý Phật giáo. Do một niệm chân thành ấy nên chẳng có cái tâm tự đại của Tử Dương[125], mà có điều răn tri túc của nhà

125 Tử Dương là tên tự của Công Tôn Thuật (?-36), người xứ Mậu Lăng (nay là huyện Hưng Bình, tỉnh Thiểm Tây) là một chính trị gia thời Hán. Thoạt đầu được phong làm huyện trưởng huyện Thanh Thủy (tỉnh Cam Túc), giữ yên một phương thái bình, nên

Phật. Vũ Túc Vương được nguyên lý Phật giáo un đúc, nên có thiện niệm bảo vệ bờ cõi, giữ yên dân chúng ấy. Đấy là do tinh thần thường ngày hoằng dương, tuyên thuyết sự giáo hóa của Phật mà ra. Do vậy, La Ẩn khuyên vua đánh nước Lương (tức [nước Hậu Lương của] Chu Ôn), nói: "Nếu không thành công, vẫn có thể lui về giữ được Hàng Việt, tự xưng Đông Đế Vương", Vương vẫn chẳng nghe theo lời đó. Ấy là vì sợ một mai dấy binh chinh phạt phương Bắc, dân chúng sẽ gặp cảnh lầm than. Để một nhà, một họ được vinh hiển cao sang, khiến cho người trong cả thiên hạ đều chịu thảm họa nước sôi lửa bỏng, lẽ nào đành nỡ? Tâm nào đành yên?

Đến khi Tống Thái Tổ thống nhất cả nước, Trung Ý Vương[126] liền vâng theo di huấn của Vũ Túc Vương nạp đất cho triều đình, xem bỏ nước như nhường lại nhà, trọn chẳng khiến dân vùng Ngô Việt phải chịu họa can qua. Đức của Vũ Túc Vương chẳng thấm nhuần riêng gì dân

---

Công Tôn Thuật rất kiêu ngạo, cho là mình tài năng không ai hơn. Đến khi Vương Mãng soán đoạt ngôi vua từ tay nhà Tây Hán, Công Tôn Thuật quy phục, được phong làm châu mục Ích Châu. Khi Quang Vũ trùng hưng nhà Hán vào năm 25, Công Tôn Thuật bèn tự xưng đế, đặt quốc hiệu là Thành Gia, niên hiệu là Long Hưng. Năm Kiến Vũ 12 (36 Tây Lịch), Đại Tư Mã Ngô Hán tấn công Thành Đô, giết sạch cả nhà họ Công Tôn, nước Thành Gia diệt vong. Trong Hán Thư quyển 5, truyện Mã Viện, có chép Mã Viện từng chê: "Tử Dương (Công Tôn Thuật) là hạng ếch ngồi đáy giếng mà vẫn lầm lạc tự tôn tự đại"; do đó mới có điển tích "Tử Dương tự đại chi tâm".

126 Trung Ý Vương (929-988) tên thật là Tiền Thục, cháu gọi Vũ Túc Vương Tiền Liêu bằng ông, là vua thứ năm của nước Ngô Việt. Năm Thái Bình Hưng Quốc thứ hai (978) đời Tống, khi Tống Thái Tông thôn tính các nước chư hầu, Tiền Thục yếu thế, phải đến Biện Kinh. Để tránh cảnh tàn sát vô ích, Tiền Thục bằng lòng quy thuộc nhà Tống. Trung Ý Vương là thụy hiệu được Tống Thái Tông phong tặng sau khi ông mất.

Ngô Việt thời ấy, mà phong thái tiếng vang truyền mãi hơn ngàn năm. Đến nay Hàng Châu vẫn còn mang danh xưng là Phật quốc, phong tục thuần hậu, con người lắm thiện căn, vốn do lẽ này. Vũ Túc Vương tin Phật, nhất tâm làm lành, nên tích đức cho con cháu, liên tục dằng dặc, quấn quít chẳng suy, bao đời tế lễ trọng thể, được thờ phụng ngàn thu. Đây thật là quả báo do tin Phật. Càng vào đời loạn, càng phải đề cao Phật học khiến cho nhân loại đều có mỹ đức nhường nhịn lẫn nhau, không có dã tâm tranh đoạt, để tránh khỏi cái họa sát nhân, còn mong có ngày thái bình. Nay lúc khí phận trời Âu đang hừng hực, mưa Mỹ sắp ào tới, tương lai chết vì đại bác, máy bay, chẳng biết mấy ngàn trăm vạn người! Nếu nhân sĩ Âu Mỹ triệt ngộ được Phật lý Trung Hoa, buông dao đồ tể, há chẳng thể thành Phật ư? Kiếp vận này toàn do con người tạo ra. Nếu có thể như Vũ Túc Vương tin Phật kiêng giết, một dạ vì dân dụng tâm, thì đại chiến bên Âu Mỹ sẽ ngừng, cái họa giết chóc sẽ tiêu. Chớ nói Phật giáo thuộc về tiêu cực, chưa thể cứu đời! Chuyện cũ của Vũ Túc Vương có thể lấy làm chứng cớ rành rành; do nhìn từ chỗ này, Phật học quả thật là mấu chốt để nhân loại hướng lành đổi lỗi. Nói: "Đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành", nào phải cốt riêng tốt đẹp cho thân mình, mà là thật sự làm cho khắp thiên hạ đều cùng được tốt lành. Công lao của Phật lý, há có thể nói sơ sài mà tường tận được hết ư?

44. Bài tụng hồi hướng cho khắp mọi người trong hiện tại ấn tống và vĩnh viễn lưu truyền Văn Sao

(Năm Dân Quốc 16 - 1927)

Pháp môn Tịnh độ là pháp giới tạng, khế cơ và khế lý, thật là vô thượng. Bậc Đẳng giác đại thánh, kẻ nghịch ác tiểu phàm, Luật - Giáo - Thiền - Mật, đều khắp bao hàm. Mười phương chư Phật hết kiếp tuyên dương vẫn khó nói trọn diệu nghĩa, công huân lạ lùng. Huống chi tôi là kẻ tầm thường phàm tục, ngẫu nhiên nêu tỏ được một hạt bụi trong cõi đất, một giọt nước trong biển cả, thật quá nhỏ nhoi! Tự lượng kém hèn, nếu chẳng phải đức Phật sẽ không thể độ được, cũng có những người cùng chí hướng chỉ chuyên chú nơi chuyện này, do vậy mới có đủ mọi thứ lời lẽ hủ bại. Giãi bày lòng ngu thành, chứ nào phải hoằng dương Tịnh độ! Do các cư sĩ nghĩ những lời lẽ ấy có lợi cho hàng sơ cơ, ấn hành nhiều lượt để mong hàng sơ cơ có chỗ nương tựa. Có ông Diệp Đức Quảng bỏ ra ba ngàn đồng, tính để làm ấn phí mong sách được lưu truyền rộng rãi. Trong tháng 8, thành Thiểm Tây bị vây hãm, tình thế rất đáng buồn, cầu cứu giải vây, liền dùng hết số tiền ấy để cứu đói. Phàm có các thiện sĩ tùy ý quyên góp giúp đỡ, ấn tống năm ba ngàn bộ, vẫn gom thành đủ số. Nguyện những người bỏ tiền và những ai đọc tụng đều tiêu trừ nghiệp chướng, tăng cao nền phước, cửa nhà yên vui, thân tâm bình yên, mạnh khỏe, sống dự vào bậc thánh, thác về Tây Phương. Tổ tiên đã khuất, oán thân bao đời, đều nhờ lòng

từ của Phật mà chứng được diệu tâm vốn có. Can qua vĩnh viễn chấm dứt, lễ nghĩa nhân nhượng thịnh hành, nhân dân yên vui, thiên hạ thái bình, trọn báo tứ ân, giúp đều ba cõi, pháp giới chúng sanh cùng chứng Bồ-đề.

Phụ lục: Toa thuốc thần hiệu bạch phàn cứu mạng

(Bạch phàn[127] còn gọi là minh phàn hoặc phàn thạch)

Phàm ăn nhầm hà đồn[128] hoặc hết thảy những món độc khác, hoặc do sự việc trái ngang bức bách, ý muốn coi rẻ mạng sống, toan tự tận, nuốt nha phiến, tỳ sương, đẳng hoàng[129], hết thảy những thứ có thể hủy hoại tạng phủ con

---

127 Bạch phàn (alumen) thường được gọi là phèn trắng, hay phèn chua, thường có màu trong suốt hoặc trắng ngả vàng, có công thức hóa học là $KAl(SO_4)_2{\cdot}12H_2O$. Đông y thường dùng bạch phàn để giải độc sát trùng, chữa ghẻ, hoặc uống để cầm máu, chữa thổ tả, trừ phong đàm.

128 Hà đồn (globefish, puffer fish), có tên khoa học takifugu rubripes, là một loại cá rất độc, hình dáng giống cá nóc bên ta, thân hình tròn ung ủng, đuôi và vây ngắn củn, trông giống như quả cầu nhỏ bị thổi phình lên nên còn có tên là *khí cổ ngư* (cá trông như cái trống bơm căng) hoặc *xuy đỗ ngư* (cá thổi phình bụng). Do thịt loại cá này ăn rất ngon, nên người Hoa xếp nó vào *Trường Giang tam tiễn* (ba món tươi ngon của sông Trường Giang), tức hà đồn, đao ngư và thời ngư (cá cháy), nhưng trong mình hà đồn nó chứa một lượng chất độc có thể giết chết được 30 người trưởng thành (theo Wikipedia). Nếu không biết cách khử chất độc trên da cá, ăn vào sẽ bị trúng độc. Người Nhật gọi loại cá này là fugu và chế biến thành một món sushi rất đắt tiền, người đầu bếp làm món này khi được mướn phải trình cho nhà hàng văn bằng chứng nhận anh ta đã được huấn luyện cách chế biến đúng mức. Tuy thế, mỗi năm tại Nhật vẫn có cả trăm trường hợp chết vì trúng độc do ăn món cá này.

129 Tỳ sương (arsenic trioxide) còn gọi là thạch tín, chất độc không giết chết người ngay nếu uống với liều lượng nhỏ. Trong thế kỷ 18-19, do chưa hiểu biết về độc tánh của chất này, Âu Tây vẫn dùng một loại thuốc chứa chất thạch tín mang tên arsphenamine để chữa bệnh.

Đẳng hoàng (garcinia morella) là chất nhựa trích từ một loài cây leo thuộc họ đẳng hoàng (clusiaceae) thường có hoa đơn màu vàng, mọc thành chùm, trổ từ kẽ lá, lá hình trứng. Chất keo đẳng hoàng thường được dùng trong Đông y để cầm máu, sát trùng, chữa bệnh phù thũng. Do họ đẳng hoàng có nhiều loại cây hình dạng tương tự

người khiến cho con người mất mạng, tức những thứ được đặt tên là độc vật và uống lầm những loại thuốc độc v.v. đều có thể dùng một cục bạch phàn nghiền nát, dùng nước sôi hòa tan, hòa thêm chừng mấy chén nước lạnh, cốt sao nước phèn vẫn giữ được tánh chất, mùi vị chua rít đậm đặc là được. Liền bảo người bị nạn uống mấy chén nước phèn ấy, chưa đầy một khắc đồng hồ, sẽ ói hết sạch những thứ độc vật đã ăn vào, liền bảo toàn được tánh mạng.

Nếu như ăn phải chất độc thời gian quá lâu, đổ nhiều nước phèn cho lọt vào bụng cũng vẫn có thể cứu chữa được! Dẫu cho tạng phủ đã bị hư hoại, cứu vãn không kịp, cũng không có hại gì. Xét ra, bạch phàn tánh mát, vị chua rít, giải được các chất độc, vì thế rất thích hợp. Cũng có thể dùng bài thuốc này để chữa trị chứng hoắc loạn (bệnh dịch tả). Bài thuốc này do y sĩ Phùng Văn Phù ở Thiên Tân trải hơn mười năm kinh nghiệm, áp dụng trăm lần đều công hiệu, nhiều lần chứng kiến hiệu quả thần kỳ. In toa thuốc lưu truyền rộng rãi ngõ hầu cứu giúp rộng khắp quả thật là dụng tâm của người nhân từ, quân tử. Hơn nữa, bạch phàn ở chỗ nào cũng mua được, giá lại phải chăng. Nguyện người đọc lưu tâm [dùng bài thuốc này] làm phương tiện cứu người, công đức sẽ chẳng thể nghĩ bàn. Liền đem công đức cứu người ấy hồi hướng Tây Phương thì cũng có thể dùng làm duyên tăng thượng thù thắng.

---

nên khi thu thập chế biến rất dễ hái lầm loại có chất độc.

V. NHỮNG BÀI VIẾT KHÁC

1. Lâm chung tam đại yếu *(ba điều quan trọng nhất lúc lâm chung)*

(Năm Dân Quốc 19 - 1930)

Điều bi thảm nhất trong thế gian không chi bằng cái chết, nhưng người trong khắp cả cõi đời, không một ai may mắn thoát được! Vì vậy, người có tâm muốn lợi mình lợi người chẳng thể không sớm lo liệu. Thật ra, một chữ "chết" vốn chỉ là giả danh, do kỳ hạn của quả báo chiêu cảm từ các nhân đời trước đã hết nên bỏ tấm thân này rồi lại thọ cái thân khác vậy. Kẻ chẳng biết Phật pháp thì đúng là không tìm được cách gì, chỉ đành mặc cho nghiệp xoay chuyển. Nay đã được nghe pháp môn Tịnh độ phổ độ chúng sanh của đức Như Lai thì phải nên tín nguyện niệm Phật, sắp

đặt sẵn tư lương vãng sanh, hầu mong thoát được nỗi khổ luân hồi sanh tử giả huyễn, chứng sự vui Niết-bàn thường trụ chân thật.

Nếu ai có cha mẹ, anh em và các quyến thuộc mắc phải bệnh nặng, bệnh tình khó bề thuyên giảm thì hãy nên phát tâm hiếu thuận, từ bi, khuyên họ niệm Phật cầu sanh Tây phương và trợ niệm cho họ để mong người bệnh nhờ đó sau khi chết liền được sanh về Tịnh độ. Sự lợi ích như thế làm sao diễn tả được? Nay tôi nêu lên ba điều trọng yếu để làm căn cứ hòng thành tựu sự vãng sanh cho người lâm chung; lời lẽ tuy thô vụng, quê kệch, nhưng ý vốn lấy từ kinh Phật. Gặp được nhân duyên này đều nên làm theo. Ba điều trọng yếu vừa nói đó chính là:

- Một là khéo chỉ dạy, an ủi, khiến người sắp mất sanh chánh tín.
- Hai là mọi người thay phiên niệm Phật để giúp tịnh niệm cho người sắp mất.
- Ba là hết sức tránh dời động, khóc lóc, kẻo làm hỏng việc.

Nếu có thể tuân theo ba pháp này để hành thì chắc chắn sẽ tiêu trừ được túc nghiệp, tăng trưởng tịnh nhân (cái nhân để vãng sanh Tịnh độ), được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây phương. Hễ đã được vãng sanh thì sẽ siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, dần dần tấn tu ắt sẽ đạt tới viên thành Phật quả mới thôi. Sự lợi ích như vậy hoàn toàn nhờ vào sức trợ niệm của quyến thuộc. Có thể làm được

như thế mới là chân hiếu đối với cha mẹ, mới thật là chân đễ[130] đối với anh em trai, chị em gái, mới thật là chân từ đối với con cái, mới thật là chân nghĩa, chân tuệ đối với bằng hữu và đối với mọi người; dùng những điều ấy để vun bồi cái nhân Tịnh độ của chính mình, khơi gợi lòng tin tưởng của những đồng nhân, lâu ngày chầy tháng nào có khó gì mà chẳng tập thành lề thói được. Nay tôi sẽ trình bày từng điều một để chẳng đến nỗi có những điều không thích đáng lúc lâm chung vậy.

Thứ nhất là khéo chỉ dạy, an ủi, khiến cho người sắp mất sanh chánh tín

Thiết tha khuyên người bệnh buông xuống hết thảy, chỉ nhất tâm niệm Phật. Nếu như cần phải giao phó việc gì thì phải mau giao phó. Giao phó xong thì chẳng đếm xỉa đến nữa, chỉ nghĩ ta nay sắp theo Phật vãng sanh cõi Phật; tất cả sự giàu sang, vui sướng, quyến thuộc thế gian, các thứ trần cảnh đều là chướng ngại, thậm chí khiến ta mắc hại. Vì thế chẳng nên sanh một niệm quyến luyến vướng mắc. Phải biết rằng một niệm chân tánh của chính mình vốn chẳng có chết, sự chết vừa mới nói đó chỉ là xả thân này để lại thọ cái thân khác mà thôi! Nếu chẳng niệm Phật thì sẽ phải thuận theo nghiệp lực thiện, ác để lại thọ sanh trong nẻo lành, đường dữ (đường lành là trời người; đường ác là súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục; a-tu-la vừa gọi là đường lành vừa gọi là đường ác vì họ tu nhân cảm quả đều

130 Chân đễ: Tình thương yêu, hòa thuận thật sự đối với anh em.

là thiện ác xen tạp). Nếu như trong lúc lâm chung, nhất tâm niệm Nam-mô A-di-đà Phật thì do tâm niệm Phật chí thành ấy, ắt quyết định cảm được Phật dấy lòng từ bi lớn lao, đích thân tiếp dẫn khiến cho ta được vãng sanh.

Thêm nữa, đừng nghi rằng: Ta là nghiệp lực phàm phu, chỉ do niệm Phật trong một thời gian ngắn sao lại có thể thoát khỏi sanh tử, vãng sanh Tây phương? Nên biết rằng: Vì đức Phật đại từ bi nên dẫu là kẻ tội nhân ngũ nghịch thập ác rất nặng, lúc lâm chung tướng địa ngục đã hiện ra, mà nếu có thiện tri thức dạy cho niệm Phật bèn niệm mười tiếng hoặc chỉ một tiếng thì cũng được Phật tiếp dẫn, vãng sanh Tây phương. Hạng người ấy chỉ niệm mấy câu còn được vãng sanh, sao còn cho rằng ta nghiệp lực nặng nề, niệm Phật ít ỏi rồi sanh lòng nghi ư? Phải biết rằng chân tánh vốn sẵn có của chúng ta và chân tánh của Phật chẳng hai, chỉ vì ta hoặc nghiệp sâu nặng nên chẳng thọ dụng được. Nay đã quy mạng nơi Phật như con nương về với cha, chính là trở về với quê nhà ta vốn sẵn có, chứ nào có phải là điều gì ra ngoài khả năng của ta đâu. Hơn nữa, xưa kia đức Phật đã phát nguyện: "Nếu có chúng sanh nghe danh hiệu của ta mà chí tâm tin ưa, dẫu chỉ mười niệm mà nếu chẳng được vãng sanh thì chẳng lấy ngôi Chánh giác." Vì thế hết thảy chúng sanh lúc lâm chung phát tâm chí thành niệm Phật cầu sanh về Tây phương thì không một ai là chẳng được ngài rủ lòng từ tiếp dẫn. Ngàn vạn phần chẳng được hoài nghi nữa, hoài nghi tức là tự mình lầm lạc, họa ấy chẳng nhỏ đâu!

Huống hồ lìa khỏi thế giới khổ não này sanh về thế giới vui vẻ kia là chuyện hết sức sung sướng, hãy nên sanh tâm hoan hỷ, ngàn vạn phần chẳng được sợ chết! Dẫu sợ chết vẫn chẳng thể không chết, lại còn đâm ra mất phần vãng sanh Tây phương nữa, vì tâm mình trái với tâm Phật rồi. Dẫu Phật sẵn lòng đại từ bi cũng không làm thế nào được đối với chúng sanh chẳng nương theo lời dạy của Phật. Vạn đức hồng danh của Phật A-di-đà giống như lò luyện lớn lao, tội nghiệp trong nhiều kiếp của chúng ta như một mảnh tuyết trong hư không. Nghiệp lực phàm phu do bởi niệm Phật nên nghiệp liền tiêu diệt, giống như mảnh tuyết ở gần bên lò lửa lớn liền bị tiêu hết chẳng còn gì nữa. Vả lại, huống chi nghiệp lực đã tiêu thì bao nhiêu thiện căn sẽ tự nhiên tăng trưởng thù thắng, sao lại còn ngờ chẳng được vãng sanh và Phật chẳng đến tiếp dẫn nữa ư?

Mềm mỏng, uyển chuyển chỉ dạy, an ủi như thế thì người bệnh sẽ có thể tự sanh tâm chánh tín. Đấy chính là những điều chỉ dạy cho người bệnh. Còn như những việc chí thành, tận hiếu mà ta phải nên làm thì cũng chỉ chú trọng ở những điểm ấy, chớ nên thuận theo thói tục van cầu thần thánh, tìm thầy chạy thuốc. Mạng lớn đã sắp hết thì làm sao quỷ thần, thuốc men giữ cho người ấy khỏi chết được. Nếu đã nhọc lòng vì những sự vô ích như thế thì lòng thành khẩn đối với một sự niệm Phật sẽ bị xen tạp, không cách gì cảm thông đức Phật được. Nhiều kẻ lúc cha mẹ lâm chung chẳng tiếc tiền của, mời khá nhiều thầy thuốc đến khám. Đấy gọi là mua tiếng hiếu, muốn được

người đời khen ta tận hiếu đối với cha mẹ; nào hay trời đất, quỷ thần thật sự xét soi tường tận nỗi lòng. Vì vậy đối với những sự thuộc về chuyện tống táng cha mẹ mà quá sức phô trương thì nếu chẳng mắc thiên tai ắt cũng bị nhân họa. Kẻ làm con chỉ nên chú trọng những gì thần thức của cha mẹ đạt được. Lời xưng tụng của người đời cố nhiên chẳng đáng cho kẻ sáng mắt nhếch mép cười, lẽ đâu lại dốc lòng mong mỏi, thật chỉ khiến cho ta mắc phải cái lỗi bất hiếu to lớn mà thôi!

Thứ hai là mọi người thay phiên niệm Phật để giúp tịnh niệm cho người chết

Trước đó đã chỉ dạy người bệnh khiến cho kẻ ấy sanh chánh tín, nhưng vì người bệnh tâm lực yếu ớt, đừng nói chi hạng người lúc còn khỏe mạnh chưa bao giờ niệm Phật, chẳng dễ gì niệm liên tục lâu dài được, ngay cả người chuyên trọng niệm Phật đến lúc ấy cũng hoàn toàn nhờ vào người khác trợ niệm thì mới có thể hữu hiệu. Vì vậy, quyến thuộc trong nhà hãy nên cùng nhau phát tâm hiếu thuận, từ bi, vì người ấy trợ niệm Phật hiệu. Nếu bệnh tình còn chưa đến nỗi sắp chết vào bất cứ lúc nào thì nên chia ban niệm Phật. Nên chia thành ba ban, mỗi ban hạn định mấy người. Ban đầu tiên niệm Phật ra tiếng, ban thứ hai và thứ ba niệm thầm. Niệm một tiếng đồng hồ thì ban thứ hai niệm tiếp; ban thứ nhất, ban thứ ba niệm thầm. Nếu có chuyện nhỏ thì nên lo liệu trong lúc niệm thầm, còn trong lúc trực ban trọn chẳng nên bỏ đi. Ban thứ hai niệm xong,

ban thứ ba niệm tiếp. Xong rồi liền trở lại từ đầu. Niệm một tiếng, nghỉ hai tiếng, như vậy thì niệm suốt cả ngày đêm thì cũng không mệt nhọc lắm.

Phải biết: Chịu giúp người đạt được tịnh niệm vãng sanh thì cũng sẽ được hưởng quả báo có người trợ niệm. Chớ có nói "chỉ vì cha mẹ nên mới phải tận hiếu như vậy", đối với người dưng cũng nên vun bồi ruộng phước của chính mình, trưởng dưỡng thiện căn của chính mình thì mới đúng là cái đạo tự lợi, chứ chẳng phải chỉ vì người khác mà thôi! Thành tựu một người được vãng sanh Tịnh độ chính là thành tựu một chúng sanh làm Phật. Công đức như thế há thể nghĩ lường được ư?

Ba ban liên tục, tiếng niệm Phật chẳng ngớt. Nếu sức bệnh nhân niệm được thì nương theo đó niệm nho nhỏ theo. Chẳng thể niệm nổi thì lắng tai nghe kỹ, tâm không có niệm gì khác thì tự có thể tương ứng với Phật vậy. Tiếng niệm Phật chẳng nên quá to, niệm to sẽ hao hơi, khó niệm lâu được; cũng chẳng thể quá nhỏ khiến cho bệnh nhân nghe chẳng rõ. Chẳng nên niệm quá mau, cũng chẳng nên quá chậm. Quá mau bệnh nhân niệm theo chẳng nổi, dẫu có lắng nghe tiếng niệm cũng khó nghe rõ. Quá chậm thì chẳng tiếp hơi nổi nên cũng khó có ích. Nên niệm chẳng lớn tiếng, chẳng nhỏ tiếng, chẳng rề rà, chẳng gấp gáp; từng chữ phân minh, từng câu rành mạch khiến cho từng chữ, từng câu lọt tai thấu dạ bệnh nhân, như vậy thì dễ có sức niệm theo. Đối với pháp khí dùng để niệm Phật, chỉ nên

dùng dẫn khánh, hết thảy các thứ khác nhất loạt chẳng nên dùng. Tiếng dẫn khánh trong trẻo khiến tấm lòng người nghe thanh tịnh. Tiếng mõ trầm đục chẳng thích hợp cho việc trợ niệm khi lâm chung.

Lại nữa, nên niệm Phật hiệu gồm bốn chữ. Lúc bắt đầu thì niệm vài câu sáu chữ, rồi sau đó chuyên niệm bốn chữ A-di-đà Phật, chẳng niệm Nam-mô. Do ít chữ dễ niệm nên bệnh nhân sẽ niệm theo được hoặc nhiếp tâm lắng nghe, đều đỡ tốn tâm lực. Quyến thuộc trong nhà niệm như vậy mà thỉnh thiện hữu bên ngoài đến thì cũng niệm như vậy. Dù nhiều người hay ít người đều phải niệm như thế, chẳng nên niệm một chốc lại ngưng nghỉ, rồi lại niệm khiến cho bệnh nhân niệm Phật gián đoạn. Nếu gặp lúc ăn cơm thì nên ăn vào lúc thay phiên, đừng ngớt tiếng niệm Phật. Nếu như lúc bệnh nhân sắp tắt hơi thì cả ba ban nên cùng niệm cho đến tận sau khi đã tắt hơi hẳn rồi mới lại chia ba ban niệm suốt ba tiếng đồng hồ nữa. Sau đấy mới ngưng niệm để lo liệu, sắp đặt mọi việc.

Trong lúc niệm Phật, chẳng để cho bè bạn đến trước bệnh nhân thăm hỏi, vỗ về. Đã có lòng đến thăm thì hãy theo đại chúng niệm Phật mấy thời. Ấy mới là tấm lòng yêu mến chân thật, có ích cho bệnh nhân. Còn nếu cứ theo thói tục thường tình thì chính là đã xô người ta xuống biển. Tình ấy tuy đáng cảm, nhưng để xảy ra sự ấy thật đáng đau đớn. Toàn là cậy vào người chủ chốt hiểu rõ đạo lý, bảo trước với người đến thăm để khỏi tổn thương tình cảm, lại

khỏi gây hại cho bệnh nhân bị phân tâm chẳng được vãng sanh vậy.

Thứ ba là kiêng dè dời động, khóc lóc để khỏi làm hỏng đại sự

Lúc người bệnh sắp chết chính là lúc phân biệt giữa thánh, phàm, người, quỷ, tình trạng khác nào ngàn cân treo sợi tóc, quan trọng cùng cực! Chỉ nên dùng Phật hiệu để chỉ dạy thần thức của người ấy, trọn chẳng nên tắm rửa, thay áo, hoặc dời chỗ nằm. Mặc kệ người ấy nằm - ngồi như thế nào, cứ để yên người đó trong tư thế ấy, chẳng nên dời động chút nào. Cũng chẳng nên đối trước người ấy mà lộ vẻ buồn bã, thương xót, hoặc đến nỗi khóc lóc. Vì khi đó người sắp chết, thân chẳng tự chủ được, hễ lay động là toàn thân lẫn chân tay đều bị đau đớn như bị bẻ, chặt, giằng xé. Hễ đau đớn thì sanh tâm sân hận nên tâm niệm Phật bị ngưng dứt. Mang tâm sân hận ra đi, phần nhiều bị đọa vào độc loại (những loài vật hung dữ, độc địa như rắn, bò cạp, rết v.v.), đáng sợ hãi quá sức! Nếu người sắp chết thấy thân quyến đau đớn, khóc lóc thì tâm mến luyến phát sanh nên tâm niệm Phật cũng bị ngừng nghỉ. Vì mang tâm ái luyến mà ra đi nên đến nỗi đời đời kiếp kiếp chẳng được giải thoát.

Lúc ấy có lợi nhất thì không gì bằng nhất tâm niệm Phật, điều gây hại nhất không chi bằng vọng động, khóc than. Nếu như vọng động, khóc than đến nỗi người chết

sanh lòng sân hận hay mến luyến thì dẫu có muốn sanh Tây phương, cả vạn trường hợp cũng chẳng được một!

Thêm nữa, người sắp chết hơi nóng rút từ dưới rút lên trên là tướng siêu thăng, còn hơi nóng từ trên rút xuống dưới là tướng đọa lạc. Vì vậy có thuyết:

Đảnh thánh, nhãn thiên sanh
Nhân tâm, ngạ quỷ phúc
Súc sanh tất cái ly
Địa ngục cước bản xuất.

(Đảnh thánh, mắt sanh thiên
Tim người, ngạ quỷ bụng
Súc sanh đầu gối lìa
Địa ngục bàn chân thoát.)

Nhưng nếu mọi người chí thành trợ niệm thì người chết ắt tự có thể sanh thẳng về Tây phương; chẳng nên thăm dò nhiều lượt khiến cho khi thần thức người chết chưa rời khỏi xác, có thể sẽ do bị kích thích như vậy mà tâm sanh phiền đau nên chẳng được vãng sanh, lỗi lầm ấy thật là vô lượng vô biên. Xin các thân hữu ai nấy đều khẩn thiết niệm Phật, chẳng cần thăm dò hơi nóng cuối cùng bị lạnh đi ở chỗ nào. Kẻ làm con hãy nên lưu tâm điều này mới là hiếu thật sự. Nếu cứ thuận theo các tình cảm thông tục trong thế gian thì chính là xô người thân xuống biển khổ chẳng thương xót, mong một lũ vô tri vô thức xúm lại khen ngợi ta đã tận hiếu. Hiếu như vậy thì có khác chi là

tình yêu của la-sát nữ!

Kinh dạy: "La-sát nữ ăn thịt người, bảo: Vì ta yêu ngươi nên ăn thịt ngươi!" Kẻ vô tri kia thể hiện lòng hiếu khiến cho người thân mất vui bị khổ, há chẳng phải là giống hệt cái tình yêu người của la-sát nữ hay sao? Tôi nói ra lời này, chẳng phải là không đếm xỉa tình người, chỉ là muốn cho ai nấy đều xét rõ sự thực, cốt sao người chết vãng sanh, kẻ còn sống được phước, để thỏa tấm lòng thành sắt son của con hiền cháu thảo thương yêu người thân, chẳng ngờ lời lẽ dường như quá khích. Người thương yêu cha mẹ thật sự ắt sẽ lượng thứ cho!

Thuyết: *Đảnh thánh, nhãn sanh thiên...* là nói về khi người đã tắt hơi, toàn thân đã lạnh, chỉ còn đảnh đầu ấm thì ắt là siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. *Nhãn sanh thiên* là nếu mắt và trán còn nóng thì sanh trong thiên đạo. Riêng chỗ ngực còn ấm thì sanh vào nhân đạo. Riêng bụng còn nóng thì sanh trong ngạ quỷ đạo. Riêng đầu gối còn nóng thì sanh trong súc sanh đạo. Riêng bàn chân còn nóng thì sanh địa ngục đạo. Đấy là do hai nghiệp thiện ác đã tạo của người ấy lúc còn sống đến giờ đây cảm hiện như thế, chứ chẳng thể dựa vào thế lực nào để làm giả ra như vậy được. Khi đó nếu bệnh nhân có thể chí thành niệm Phật, lại thêm sức của quyến thuộc và bạn lành trợ niệm chắc chắn có thể mang nghiệp vãng sanh, siêu phàm nhập thánh vậy. Chẳng cần phải để ý thử sờ xét nghiệm, đến nỗi làm hỏng việc. Mong mỏi lắm thay!

2. Tịnh Độ Chỉ Yếu *(chỉ bày những điều trọng yếu trong pháp môn Tịnh độ)*

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Pháp môn Tịnh độ chính là pháp môn đặc biệt trong giáo pháp suốt cả một đời đức Như Lai, thích hợp khắp ba căn, thâu nhiếp trọn vẹn lợi căn lẫn độn căn. Bậc Đẳng giác Bồ-tát chẳng thể vượt ra ngoài được, tội nhân nghịch ác cũng có thể dự vào trong ấy. Chẳng đoạn hoặc nghiệp mà thoát khỏi luân hồi, ngay trong một đời này quyết định lên cõi Phật. Chúng sanh đời mạt căn cơ kém hèn, bỏ pháp môn này làm sao yên được? Phàm những ai tu tịnh nghiệp thì điều thứ nhất là phải giữ tịnh giới nghiêm ngặt, điều thứ hai là phải phát tâm Bồ-đề, điều thứ ba là phải đầy đủ lòng tín nguyện chân thật.

Giới là cơ sở, nền tảng của mọi pháp, tâm Bồ-đề là chủ soái của tu đạo, tín nguyện nhằm dẫn đường cho việc vãng sanh. Pháp môn Tịnh độ lấy ba pháp tín - nguyện - hạnh làm tông: Không tin sao có thể phát nguyện cho được? Không có nguyện làm sao khởi hạnh? Không có diệu hạnh trì danh thì làm sao chứng điều đã tin, mãn điều đã nguyện cho được? Được vãng sanh hay không hoàn toàn là do có tín nguyện hay không, phẩm vị cao hay thấp hoàn toàn do trì danh sâu hay cạn! Tín - nguyện - hạnh như ba chân của cái đỉnh, thiếu một sẽ đổ nhào.

Nếu chẳng chú trọng tín nguyện, chỉ mong trì danh

cho đạt được nhất tâm, dẫu đạt được nhất tâm sâu xa cũng khó thể liễu sanh thoát tử. Vì sao vậy? Do phiền hoặc chưa hết sạch, chẳng thể cậy vào tự lực để liễu sanh tử được. Tín nguyện đã không có, chẳng thể cậy vào Phật lực để liễu sanh tử. Đời có kẻ ham cao chuộng xa, thường phô phang tự lực, miệt thị Phật lực; chẳng biết từ sống đến chết không chuyện gì chẳng cậy vào sức người khác nhưng chẳng lấy đó làm thẹn, sao riêng đối với đại sự liễu sanh tử và Phật lực lại chẳng muốn tiếp nhận, chắc là mất trí điên khùng nên mới đến nỗi như vậy! Hành giả Tịnh tông hãy nên thống thiết răn dè.

Đối với pháp tắc tu trì hãy nên thường như con nhớ mẹ, đi đứng nằm ngồi, nói năng, im lặng, qua lại, một câu Phật hiệu miên miên mật mật. Dẫu gặp bất cứ sự duyên nào cũng chẳng để cho gián đoạn, nhiếp trọn sáu căn tịnh niệm tiếp nối. Người làm được như thế chắc chắn vãng sanh! Lại phải nên tâm niệm nhân từ, rộng lượng, tánh khí khiêm nhường, thuận thảo, nhẫn được những điều người khác chẳng thể nhẫn, hành được những điều người khác chẳng thể hành, chịu cực nhọc thế cho người khác, thành tựu điều tốt đẹp cho người ta. Thường nghĩ mình sai quấy, đừng bàn lỗi của kẻ khác. Bậc Đẳng giác Bồ-tát trong mười hai thời lễ mười phương Phật để sám trừ túc nghiệp, huống là kẻ còn đang trong địa vị phàm phu. Hãy nên thường hổ thẹn, nào dám ỷ y! Nếu ỷ y, dẫu có tu trì thảy đều thuộc về ma nghiệp. Con người như thế chớ nên thân cận, để khỏi

đến nỗi lâu ngày đều bị biến đổi giống như họ.

Phải vâng giữ chắc tông chỉ, chẳng bị xoay chuyển bởi kinh giáo và lời lẽ của thiện tri thức rồi bỏ pháp này tu pháp khác. Pháp môn này chính là pháp môn tổng trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo dưới hóa độ chúng sanh. Hết thảy pháp môn không pháp nào chẳng từ pháp giới này lưu xuất, hết thảy hạnh môn không môn nào chẳng trở về pháp giới này. Vì thế pháp này được chín giới cùng hướng về, mười phương chung khen ngợi, ngàn kinh đều xiển dương, muôn luận cùng tuyên nói. Bọn ta là hạng mạt học sao lại lập dị, tự chuốc lấy tội khiên tự lầm, lầm người ư? Nguyện hãy suy nghĩ sâu xa, xin hãy suy nghĩ sâu xa!

3. Trình bày ý nghĩa ẩn kín nơi cuốn Hành Dư Nhật Khóa của Lâm Văn Trung Công

(Năm Dân Quốc 23 - 1934)

Xem cặn kẽ khắp những bậc đại trung đại hiếu thuở xưa, lập đại công, dựng đại nghiệp, đạo che trùm thời ấy, đức thấu đến hậu thế, hạo khí lấp trời đất, lòng tinh trung mờ nhật nguyệt đều do học Phật đắc lực mà ra. Những nhà Nho trong cõi đời chẳng biết gốc đạo, chỉ thấy được dấu vết đã bộc lộ, chẳng biết đến cội nguồn của cái tâm, khiến cho cái gốc bị ẩn kín chẳng hiển lộ, tiềm tàng chẳng tỏ rõ. Do những Nho sĩ câu nệ thường đố kỵ Phật, nên những vị danh nhân phần nhiều chú trọng tiềm tu mật

chứng, chẳng tự bộc lộ. Nếu xét kỹ hành vi của bọn họ ắt sẽ có những điểm chẳng thể giấu được. Nếu con cháu chẳng đầy đủ chánh tri kiến ắt chỉ sợ bị kẻ tục Nho chê cười, nên cũng chẳng chịu xiển dương. Do nhân duyên này, khiến cho tiềm đức u quang[131] ẩn mất không được nghe đến nhiều lắm! Trong bộ Cựu Đường Thư[132], phàm những sự tích về Phật pháp và ngôn luận trao đổi giữa các bậc sĩ đại phu và cao tăng đều được chọn lọc những điều trọng yếu để ghi chép lại. Âu Dương Tu soạn bộ Tân Đường Thư[133]

---

131 Tiềm đức u quang: Những đức hạnh tốt đẹp ngầm kín, không bộc lộ.

132 Cựu Đường Thư được biên soạn dưới đời Hậu Tấn. Năm Thiên Phúc thứ sáu (941), Tấn Cao Tổ (Thạch Kính Đường) sai bọn văn thần Trương Chiêu Viễn, Giả Vĩ… soạn bộ sử về triều Đường do tể tướng Triệu Oánh làm Tổng giám tu (Chief Editor). Đến năm Khai Vận thứ hai (845) sách mới hoàn thành. Lúc ấy Lưu Hú đã thay Triệu Oánh làm Tể tướng nên sách ghi tên vị Tổng giám tu là tể tướng Lưu Hú. Thoạt đầu sách mang tên là Đường Thư, đến đời Tống khi nhóm các văn thần do Âu Dương Tu cầm đầu biên soạn bộ sử mới về nhà Đường, liền đổi tên tác phẩm này thành Cựu Đường Thư. Bộ Cựu Đường Thư dày đến 200 quyển, chép những sự kiện lịch sử từ năm Vũ Đức nguyên niên (618) đời Đường Cao Tổ đến năm Thiên Hựu thứ tư (907) đời Đường Ai Đế.

133 Bộ Tân Đường Thư do các văn thần Âu Dương Tu, Tống Kỳ, Phạm Trấn, Lã Hạ Khanh cùng biên soạn, tổng cộng gồm 225 quyển. Do Tống Nhân Tông chê bộ Đường Thư biên chép lộn xộn, nhiều chi tiết thừa thãi, văn phong không rõ ràng, nên năm Khánh Lịch thứ tư (1044) xuống chiếu sai Âu Dương Tu, Phạm Kỳ v.v. sửa chữa, tu đính bộ Đường Thư tạo thành bộ sử mới. Bộ sử mới biên soạn trong suốt 17 năm mới xong. So với bộ Cựu Đường Thư, văn phong Tân Đường Thư tao nhã hơn, những bài viết dài hơn, hoa mỹ hơn, nhưng nội dung, dữ liệu chỉ bằng 7/10 bộ sử cũ. Tư Mã Quang khi soạn bộ Tư Trị Thông Giám chỉ sử dụng dữ liệu từ bộ Cựu Đường Thư; ông chê Tân Đường Thư chỉ có ưu điểm văn phong tao nhã, chứ đã tùy tiện lược bớt quá nhiều những sự kiện lịch sử, nhất là những dữ kiện về mối quan hệ ngoại giao giữa Đại Đường và các nước lân cận, lược bỏ truyện ký của những nhân vật có ảnh hưởng mạnh mẽ đến tư tưởng học thuật thời ấy như các ngài Huyền Trang và Nhất Hạnh (vì các vị đó là cao tăng nhà Phật), cũng như thiếu hẳn khí thế bi tráng khi mô tả sự kiện như trong bộ Cựu Đường Thư, nhiều sự kiện bị họ Âu tùy tiện sửa đổi theo thiên kiến nên không đáng được coi như một sử liệu khả tín. Sau này Ngô Chẩn đã viết cuốn Tân Đường Thư Củ Mậu (uốn nắn những sai lầm trong bộ Tân Đường Thư) để nêu lên 460 điều sai lầm trong bộ Tân Đường Thư, đồng thời phê phán rất nặng: *"Không biết cách san định những*

đã gạt bỏ hơn hai ngàn điều. Bộ Ngũ Đại Sử[134] cũng vậy. Ấy là do chỉ sợ thiên hạ đời sau biết Phật pháp hữu ích cho thân tâm tánh mạng, cho nền chánh trị của nước nhà, rồi sẽ học theo. Những sử quan khác đa phần thuộc loại tri kiến hẹp hòi câu nệ ấy. Vì vậy, sự tiềm tu mật chứng của những bậc đại nhân xưa kia đều chẳng được biết đến.

Văn Trung Công Lâm Tắc Từ học vấn, trí thức, chí

điểm trọng yếu, chỉ biết tuân theo những gì mình ưa thích!" Học giả Vương Hân Phu còn chê thẳng thừng: *"Bọn Âu Dương Tu chỉ biết viết văn, coi thường khảo chứng!"*

134 Ngũ Đại Sử gồm hai bộ Cựu và Tân. Cựu Ngũ Đại Sử vốn có tên là Lương Đường Tấn Hán Chu Thư, nên thường được gọi tắt là Ngũ Đại Sử, được biên soạn từ tháng 4 năm Khai Bảo thứ sáu (973) đến tháng 10 năm Khai Bảo thứ bảy (974) theo lệnh của Tống Thái Tổ, do Tiết Cư Chánh cầm đầu một nhóm văn thần chấp bút. Bộ sử này chép những sự kiện lịch sử từ năm Khai Bình nguyên niên (907) đời Hậu Lương đến năm Hiển Đức thứ bảy (960) đời Chu Thế Tông (tức năm nhà Hậu Chu bị Bắc Tống diệt), gồm 150 quyển. Về sau, Âu Dương Tu tự biên soạn tu chỉnh bộ Ngũ Đại Sử, đặt tên là Ngũ Đại Sử Ký (đến thời Càn Long được gọi là Tân Ngũ Đại Sử), bộ sử mới được hoàn tất vào năm Hoàng Hựu thứ năm (1053), nhưng chỉ cất giữ tại tư gia, không phổ biến. Đến khi Âu Dương Tu mất, người nhà dâng lên triều đình, được phê chuẩn lưu hành. Khi bộ này được lưu hành, bộ Cựu Ngũ Đại Sử dần dần biến mất. Theo những sử quan thời cổ như Tư Mã Quang nhận định, khi biên soạn Tân Ngũ Đại Sử, Âu Dương Tu đã tùy tiện cắt xén những dữ liệu lịch sử theo thiên kiến yêu ghét cá nhân, thiếu hẳn tính công bình, cẩn trọng cần có nơi một sử quan. Do vậy đến thời Càn Long, dựa vào những phần được bảo tồn trong bộ Vĩnh Lạc Đại Điển đời Minh và 20 bộ sách giá trị khác như Sách Phủ Nguyên Giám, Thái Bình Ngự Lãm, Tư Trị Thông Giám Khảo Dị, Cẩm Tú Vạn Hoa Cốc, Thiên Trung Ký, Cổ Kim Tánh Thị Thư Biện Chứng v.v.. Thanh triều đã cố gắng phục hồi diện mạo của bộ Cựu Ngũ Đại Sử, quy định bộ Cựu Ngũ Đại Sử là chánh sử, còn Tân Ngũ Đại Sử chỉ được coi như một tác phẩm văn chương. Ngô Chẩn (một học giả đời Thanh) đã biên soạn cuốn Ngũ Đại Sử Toản Ngộ (tập hợp những sai lầm trong bộ Ngũ Đại Sử) ba quyển để nêu lên những điều sai lầm nặng nề trong bộ Tân Ngũ Đại Sử. Sau đấy Ngô Lan Đình đời Thanh cũng soạn bộ Ngũ Đại Sử Ký Toản Ngộ Phụ gồm sáu quyển để nêu tiếp những sai lầm trong bộ sử của Âu Dương Tu mà Ngô Chẩn chưa nhắc đến. Các sĩ phu nổi tiếng đời Thanh như Cố Viêm Vũ, Tiền Đại Hân cũng chê Âu Dương Tu luôn tự phụ đã viết sử theo phong cách kinh Xuân Thu, nhưng hoàn toàn chẳng hiểu thấu đáo cách viết sử của kinh Xuân Thu cũng như không phân biệt được sự khác biệt giữa viết sử và viết văn.

khí, tiết tháo, trung nghĩa đều ít thấy trong đời Thanh trước kia. Tuy bận bịu việc nước, ông chẳng hề gián đoạn việc tu trì tịnh nghiệp chút nào, vì học Phật chính là căn bản của học vấn, chí khí, tiết tháo, trung nghĩa vậy. Đã có được căn bản này thì ứng xử đều thích đáng, xử sự đều hợp lẽ. Đấy chính là nguyên do vì sao bậc đại nhân đời xưa vượt trỗi những hạng tầm thường. Một bữa nọ, chắt của Văn Trung Công là ông Tường, tự là Bích Dư, đưa cho tôi xem cuốn kinh gồm các bài kinh chú Di-đà, Kim Cang, Tâm Kinh, Đại Bi do Văn Trung Công đã đích thân viết, trang bìa ghi "Tịnh độ Tư Lương". Trên mặt cái hộp đựng sách đề Hành Dư Nhật Khóa (khóa tụng hằng ngày trong lúc ngồi xe).

Đủ biết Văn Trung Công ngầm tu pháp môn Tịnh độ, tuy ra vào, đi lại vẫn chẳng chịu bỏ phế. Do dùng để trì tụng lúc đi xe, cuốn kinh ấy chỉ dài khoảng bốn tấc, rộng ba tấc. Chữ viết cung kính, mực thước, không một nét bút nào cẩu thả, đủ thấy lòng cung kính chí thành của ông, chẳng dám coi thường, chểnh mảng chút nào! Bản kinh ấy mỗi trang gồm sáu hàng, mỗi hàng gồm mười hai chữ.

Bích Dư sợ thủ bút của tiên nhân lâu ngày bị mất đi, liền cho sắp xếp thành sách in theo lối thạch bản để mong được lưu truyền trong nhân sĩ các giới, ngõ hầu mọi người đều biết Văn Trung Công suốt đời tu trì, cốt sao ai nấy gặp việc nhân chẳng nhường, thấy người hiền mong được bằng. Do vậy sẽ cùng mong vượt ngũ trược lên chín phẩm. Ông Bích Dư sai Quang lược thuật nguyên ủy, Quang từ

bé đã nghe danh ngưỡng vọng Văn Trung Công, nay biết ông tu trì nghiêm mật như thế, thật có thể nói là bậc thừa nguyện tái lai, hiện thân tể quan để thuyết pháp. Nguyện những người thấy nghe sẽ nhất trí tiến hành, cùng noi theo vết chân thì quốc gia may mắn lắm, mà nhân dân cũng may mắn lắm thay.

4. Nêu tỏ ý nghĩa giáo dục trong gia đình là căn bản khiến cho thiên hạ thái bình

(Năm Dân Quốc 27 - 1938)

Đời đã loạn đến cùng cực rồi, ai nấy đều mong mỏi bình trị nhưng chẳng biết cội gốc thì có mong cầu cũng uổng công. Hãy nên gấp biết cái gốc nằm ở đâu! Sự dạy dỗ của người mẹ trong gia đình chính là căn bản khiến cho hiền tài được dấy lên đông đảo, thiên hạ thái bình. Chẳng chú trọng nơi ấy thì làm sao đạt được bình trị?

Mẹ dạy dỗ thì thứ nhất là thai giáo, thai giáo chính là dạy dỗ về bẩm tánh, phẩm chất từ thuở đầu. Phàm nữ nhân sau khi có thai, hãy chú trọng suy nghĩ, tưởng niệm, xử sự sao cho chỉ một bề chân thành, cẩn trọng, nhất cử nhất động chẳng trái lẽ chánh. Nhất là phải nên vĩnh viễn dứt trừ những món tanh tưởi, hằng ngày thường niệm Phật khiến cho thai nhi được bẩm thụ chánh khí của mẹ, thì lúc sanh nở ắt được yên vui không khổ sở, sanh được đứa con tướng mạo đoan nghiêm, tánh tình từ thiện, thiên tư thông minh.

Đến lúc con bắt đầu hiểu biết, liền nói cho nó nghe về đạo lý làm người, như hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ v.v. và tội phước nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo chuyển biến, khiến cho trong tâm nó thường luôn có những điều kiêng sợ, có những điều mong mỏi, hâm mộ. Lại dạy nó niệm Phật, niệm Quán Thế Âm để mong tăng phước tăng thọ, tránh tai tránh nạn. Chẳng cho phép nó nói lời dối trá, nói lời thị phi, đánh người, chửi người, chẳng cho nó giẫm đạp giấy có viết chữ, giẫm đạp ngũ cốc, giẫm đạp hết thảy các món đồ vật. Chẳng cho nó ăn uống bừa bãi, chẳng cho nó tụ tập chơi giỡn cùng bọn trẻ cùng xóm. Hơi lớn lên bèn dạy nó đọc thuộc sách Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, Văn Xương Âm Chất Văn, Quan Đế Giác Thế Kinh, để cho nó biết có khuôn pháp để noi theo, có những điều ngăn cấm. Đối với mỗi điều đều nói sơ lược đại ý để làm phương tiện hướng dẫn hòng mai sau nó học hành sẽ được lợi ích.

Lúc bé như thế, càng học hành sẽ càng hiền thiện, lo gì nó chẳng đạt đến địa vị thánh hiền, rạng mày nở mặt tổ tông. Nếu không, cứ mặc cho nó quen thói kiêu căng, nuôi thành phường bại hoại, dẫu có thiên tư cũng chẳng biết học hành là để học làm thánh hiền nên càng học càng thêm tồi bại. Những kẻ đại gian đại ác xưa nay đều là những kẻ có thiên tư tốt đẹp, có bản lãnh lớn lao, chỉ vì cha mẹ, thầy giáo của chúng đều chẳng biết dạy chúng học thành thánh hiền, tận lực thực hiện, chỉ dạy bọn chúng học văn tự để làm căn cứ hòng đối phó với đời, mưu cầu lợi lộc, trí thức hèn tệ đến tột cùng, đến nỗi những thảm kịch phế

kinh điển, phế luân thường, tranh thành giành đất, tàn sát lẫn nhau ồ ạt diễn ra. Mối họa loạn ấy đều do cha mẹ, thầy giáo chẳng biết phương cách dạy dỗ con em mà ra. Dù chính họ chẳng làm điều ác lớn lao nào, nhưng cái tội hoại loạn thế đạo nhân tâm cũng sẽ khiến cho họ đời đời kiếp kiếp cùng chịu ác báo giống như con em!

Vì thế tôi nói: "Dạy con là căn bản khiến thiên hạ thái bình, nhưng dạy con gái càng quan trọng hơn nữa", do con người thuở thơ ấu chuyên cậy vào mẹ dạy dỗ. Cha chẳng thể thường ở trong nhà, còn mẹ thường chẳng rời con. Nếu mẹ hiền lương, có trí tuệ thì hành vi lời lẽ đều đáng làm gương, con cái thấy nghe quen mắt, trong tâm đã thành nề nếp, lại do thường xuyên răn dạy, đã tập quen thành tánh như vàng lỏng đúc thành đồ dùng, nếu cái khuôn đúc tốt đẹp, chắc chắn chẳng đến nỗi đúc ra vật xấu xí. Vì thế dạy dỗ con gái so ra càng khẩn yếu hơn dạy con trai. Bởi lẽ hiền mẫu do hiền nữ mà có, nếu không có hiền nữ thì làm sao có hiền mẫu cho được? Không có hiền mẫu thì lại làm sao có được con cái hiền lương cho được?

Đạo lý cực bình thường ấy ai cũng đều có thể làm được. Điều đáng đau tiếc là quá ít người đề xướng khiến cho những kẻ làm mẹ chỉ biết nuông chiều mù quáng, những kẻ làm cha cũng chẳng khéo dạy. Đến khi con vào trường học hành, kẻ làm thầy cũng do thuở bé chẳng nghe được nghĩa lý này, vì thế cũng trọn chẳng biết học hành là để học làm thánh hiền, chẳng dạy học trò tận tụy thực

hành đạo do thánh hiền đã nói, chỉ học văn tự hòng mưu cầu lợi lộc, chẳng hề biết học làm thánh hiền có lợi ích không chi lớn hơn, chính bản thân mình và con cháu đời đời kiếp kiếp hưởng dùng chẳng hết. Còn mưu cầu lợi lộc, nếu mưu cầu một cách tốt đẹp thì chẳng qua đạt được phú quý nhỏ nhoi trong đời này mà thôi; nếu mưu cầu xấu xa, trong đời này những kẻ thân bại danh liệt, con chết yểu, cháu tuyệt diệt đâu đâu cũng có!

Con người cùng trời đất được gọi là tam tài là vì có công năng "dùng tiên giác để giác ngộ kẻ hậu giác, kế tục bậc thánh đời trước, mở lối cho người học đời sau"; do vậy mới được tôn xưng như thế. Nếu chẳng chú trọng học làm thánh hiền sẽ là thây đi thịt chạy, chỉ biết niềm vui ăn uống, trai gái, còn khác gì cầm thú nữa đâu? Một chữ "người" còn là mạo danh, há còn có thể cùng với trời đất xưng là tam tài nữa ư? Nhưng con người tánh vốn lành, ai nấy đều có thể làm Nghiêu - Thuấn, ai cũng đều có thể thành Phật, nhưng kẻ chẳng thể làm Nghiêu - Thuấn, chẳng thể thành Phật thì chỉ có tánh đức, trọn chẳng có tu đức "đánh đổ lòng ham muốn xằng bậy để khôi phục lễ nghĩa, dứt lòng tà, giữ lòng thành và tu giới định tuệ, đoạn tham sân si". Tu đức ấy lúc ban đầu là do cha mẹ hiền, sư trưởng khơi gợi vậy, kế tiếp là do chính mình khăng khăng nỗ lực tu trì. Dẫu chưa thể đạt đến địa vị Nghiêu - Thuấn hay địa vị Phật, nhưng đã khác hẳn một trời một vực với kẻ hạ ngu hằng ngày chôn vùi trong nhân dục rồi.

Kinh Thư chép: *"Duy thánh võng niệm tác cuồng, duy cuồng khắc niệm tác thánh"* (Chỉ vì thánh đánh mất niệm mà thành cuồng, chỉ vì kẻ cuồng khắc chế được ý niệm mà thành thánh). Kinh dạy: "Hễ mê thì Phật chính là chúng sanh, ngộ rồi thì chúng sanh chính là Phật." Ta may mắn có căn cơ làm Nghiêu - Thuấn, thành Phật, là trang nam tử hào hùng, há chịu bỏ mặc cho tánh đức này bị vùi lấp trong nhân dục, vĩnh viễn làm chúng sanh hạ ngu trầm luân trong biển khổ ư? Nguyện những người làm cha mẹ, làm sư trưởng, làm con cái, làm học trò trong cõi đời ai nấy đều gắng sức thì nước ta thật may mắn mà toàn cầu cũng may mắn lắm thay!

5. Nêu tỏ ý nghĩa ẩn tàng của phân xã Phật Quang tại Xung Điền, Vụ Nguyên

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Phật quang là tâm quang, tâm quang ấy chúng sanh và Phật đều cùng có, bình đẳng giống hệt như nhau, nơi Phật chẳng tăng thêm, nơi chúng sanh chẳng giảm bớt. Vì thế lúc mới thành Chánh giác, đức Thế Tôn than thở sâu xa: "Hết thảy chúng sanh đều đầy đủ trí tuệ đức tướng của Như Lai, nhưng vì chưa ngộ nên chẳng tránh khỏi biến trí tuệ đức tướng ấy thành vô minh nghiệp thức, mê tâm đuổi theo cảnh, trái giác hiệp trần, ví như đi mãi trong đêm dài, chẳng thấy được đường chánh, chẳng va tường đụng vách thì cũng đọa hầm sụp hố, luân hồi lục đạo, trọn chẳng có

thuở thoát ra!" Đức Như Lai thương xót, thị hiện giáng sanh trong thế gian, thành Đẳng chánh giác, tùy thuận cơ nghi, diễn nói các pháp, chỉ dạy thể tướng của nhất tâm, nói ra nhân quả ba đời, pháp thế gian lẫn xuất thế gian không gì chẳng trọn khắp.

Lại muốn lợi lạc khắp ba căn nên đặc biệt mở ra một môn Tịnh độ, ngõ hầu hết thảy dù thánh hay phàm đều cùng trong đời này cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương hòng siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, đích thân chứng được tâm quang mà Phật và chúng sanh đều cùng có, cũng như chứng được tánh thể vô lượng quang thọ. Lại còn rủ lòng từ tiếp dẫn đến tột cùng đời vị lai, ngõ hầu pháp giới chúng sanh đều được đẫm Phật quang, cùng chứng tâm quang. Quang quang chiếu sáng lẫn nhau, thành một thế giới Thường tịch quang mới thôi. Đấy chính là cội nguồn của việc cư sĩ Dịch Viên lập ra Phật Quang xã.

Còn những gì được đề xướng trong liên xã thì trọn chẳng lập ra cách thức sai khác, tức là ai nấy đều dốc tâm thực hiện ngay trong những cư xử thường ngày của chúng ta, có nghĩa là "cha từ, con hiếu, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành", mỗi mỗi đều nghiêm túc trọn hết bổn phận. Như thế thì chính là người lành "chẳng làm các điều ác, vâng làm các điều lành". Hơn nữa, trong khi đi lại, nói năng, làm lụng, đi đứng nằm ngồi luôn luôn chấp trì một câu thánh hiệu A-di-đà Phật,

dùng vạn đức hồng danh của Phật để hun đúc nghiệp thức vô minh của chính mình, hun đúc lâu ngày thì vô minh nghiệp thức ấy sẽ biến thành trí tuệ đức tướng. Quốc sư Thanh Lương nói: "Phàm phu cắm cúi niệm Phật, niệm đến cùng cực sẽ có thể ngầm thông trí Phật, thầm hợp đạo mầu", chính là nói về điều này vậy. Huống chi dùng lòng tin sâu đậm, nguyện thiết tha để cảm Phật, Phật sẽ dùng thệ nguyện từ bi nhiếp thọ, do đó được cảm ứng đạo giao, vạn người tu vạn người về. Lòng từ của đức Như Lai, sự nhiệm mầu của pháp môn không chi hơn được, nếu không có túc căn sẽ chẳng thể gặp gỡ!

Cư sĩ Giang Dịch Viên đã đạt được lợi ích sâu xa, lại còn khuyên dạy người trong ấp cùng tu pháp này. Do vậy, người do nghiệp tiêu trí rạng mà vãng sanh và những người cậy vào Phật từ lực mang nghiệp vãng sanh kể sao cho xiết! Vì thế các vị thiện sĩ ở Xung Điền nghe tiếng tăm dấy lòng noi theo, lập riêng phân xã để mong cư dân lân cận sẽ cùng được đẫm Phật quang, cùng sanh về Cực Lạc, đủ thấy con người có cùng một tâm này, tâm cùng một lý này, đã gieo thiện căn sâu xa trong nhiều đời nhiều kiếp vậy.

Phải biết rằng Phật pháp vốn là tâm pháp, là gốc của hết thảy các pháp thế gian. Nếu biết Phật pháp thì đạo "cách vật, trí tri, chánh tâm, thành ý, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ" của thế gian đều được viên mãn rốt ráo. Nếu không, chỉ là bày biện nơi cành nhánh, chứ trọn chẳng được lợi ích thật sự nơi căn bản. Vì cái thân mưu

tính sẽ chẳng thể vượt ra ngoài thân xác, vì đất nước mưu tính sẽ chẳng thể khiến cho phong thái đại đồng được thông suốt. Bậc thượng mà còn như thế thì bậc hạ cần chi phải nói nữa! Ngu phu ngu phụ nếu y theo pháp môn Tịnh độ do đức Phật đã nói để tu trì thì khi còn sống sẽ tận hết bổn phận, trọn hết tình nghĩa để trở thành hiền thiện, mất đi sẽ cao đăng chín phẩm sen liễu sanh thoát tử. Bậc hạ mà còn được như thế huống gì là bậc thượng! Nguyện những thiện tín tham dự liên xã và những ai thấy nghe trong hiện tại, tương lai đều cùng nhờ vào tâm quang để đề cao Phật quang thì xã hội may mắn lắm, mà thiên hạ cũng may mắn lắm thay!

6. Nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín của việc thành lập phân xã Phật Quang tại nội thành Vụ Nguyên

(Năm Dân Quốc 22 - 1933)

Phật quang là tâm quang, tâm quang ấy nơi phàm chẳng giảm, tại thánh không tăng. Chỉ vì chúng sanh chưa ngộ nên chẳng thể thụ dụng được, lại ngược ngạo nương vào sức tâm quang ấy để khởi hoặc tạo nghiệp, luân hồi lục đạo trọn chẳng ngừng nghỉ. Vì thế đức Phật tùy thuận căn cơ của chúng sanh, vì họ nói nhân quả của các pháp môn tứ đế, thập nhị nhân duyên, lục độ v.v. và lý tánh sâu mầu trạm tịch viên dung thường - lạc - ngã - tịnh để chúng sanh y theo đó tu tập, sẽ có ngày tự viên mãn Bồ-đề, rốt ráo đích thân chứng được tâm quang ấy chiếu khắp pháp giới.

Nho giáo cũng hết sức chú trọng pháp nhân quả, vì thế Khổng tử khen ngợi Chu Dịch, vừa mở đầu liền nói: *"Tích thiện chi gia tất hữu dư khánh, tích bất thiện chi gia tất hữu dư ương"* (Nhà tích thiện niềm vui có thừa, nhà tích điều bất thiện tai ương có thừa). Cuối cùng ngài nói: "Một âm, một dương gọi là đạo." Phàm tích thiện hay tích bất thiện, đó là nhân; dư khánh, dư ương chính là quả. Đức Phật nói nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo chính là nêu bày nhân quả đến rốt ráo vậy.

Có người bảo nhân quả là Tiểu thừa, chẳng chịu đề xướng, đấy đều là hạng chuyên bàn suông, chẳng tu thật đức! Đức Như Lai thành Chánh giác, chúng sanh đọa ác đạo đều chẳng ra ngoài nhân quả, sao lại riêng coi là Tiểu thừa ư? Như Khổng tử nói "một âm một dương gọi là đạo", vậy cái đạo vừa nói ấy thật sự là đạo gì? Chẳng phải là đạo thành và minh hợp nhất đó ư? Thành chính là minh đức, tức diệu tánh bất sanh bất diệt vốn sẵn có trong tâm chúng ta, đấy chính là tánh đức. Do không có công phu khắc phục phiền não nên chẳng thể hiển hiện được, vì thế gọi nó là âm. Minh chính là như chữ *minh* thứ nhất trong câu *"minh minh đức"* (làm sáng tỏ đức sáng), tức là công phu "triêu càn tịch dịch[135], gắng sức tu trì", tức tu đức. Do những sự

---

135 "Triêu càn tịch dịch" vốn là một thành ngữ phát xuất từ một câu nói trong sách Chu Dịch: *"Quân tử chung nhật càn càn, tịch dịch nhược lệ, vô cữu"* (Quân tử suốt ngày từ sáng đến tối cẩn thận dè dặt, không có chút coi thường, chểnh mảng nào, nên không lầm lỗi). Do vậy, "triêu càn tịch dịch" có thể hiểu là luôn cố gắng cẩn thận, giữ gìn, không coi thường, buông lung ý niệm.

thuộc về tu đức hiển hiện rõ ràng nên gọi là dương. Dốc công tu đức đến cùng cực thì tánh đức sẽ tỏ lộ trọn vẹn, thành và minh hợp nhất, tức là cái thường được gọi là *"minh minh đức, chỉ ư chí thiện"* (làm sáng minh đức, đạt đến chí thiện). Công phu phía trước điều này (tức những phương cách tu tập để đạt đến "minh minh đức, chỉ ư chí thiện") là cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, còn sự nghiệp phía sau điều này (tức những diệu dụng được thể hiện sau khi đã đạt đến "minh minh đức, chỉ ư chí thiện") là tề gia, trị quốc, bình thiên hạ.

Nhưng nếu chỉ dùng những công phu tu tập thành và minh hợp nhất "minh minh đức, chỉ ư chí thiện" này để đạt tới "tề gia, trị quốc, bình thiên hạ" thì chưa thể nào đạt như vậy được, cho nên mới cần phải có những điều khiến cho chính ta không thể không làm như vậy được (tức là những điều khiến cho chúng ta phải gắng sức cách vật, trí tri, chánh tâm, thành ý). Thế nào là "những điều khiến cho chính ta không thể không làm như vậy được"? Chính là nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo! Kẻ tuy chí ngu quyết cũng chẳng chuộng hung ghét lành, vui mừng vì bị tai họa. Nghe "chất chứa điều thiện ắt sự vui có thừa, chất chứa điều bất thiện ắt tai ương có thừa" thì người hiền ắt sẽ càng thêm siêng tu, kẻ không ra gì cũng phải gắng sức làm lành. Cố gắng lâu ngày, nghiệp sẽ tiêu, trí sẽ rạng, không có lầm lỗi, đức được sáng tỏ, xưa kia là kẻ chẳng ra gì, nay là bậc đại hiền.

Do vậy biết đối với việc tự tu thì đạo thành - minh đã đủ rồi, nhưng để dạy người khác, nếu chẳng dùng nhân quả để giúp vào thì cũng khó khiến cho trọn hết mọi người đều tuân theo được. Kết hợp hai pháp nhân quả và thành - minh thì mới là đạo kế thiên lập cực[136] nêu gương mẫu cho muôn đời của thánh nhân, đấy cũng chính là ánh sáng sẵn có trong tự tâm và Phật quang phổ chiếu pháp giới vậy.

Bất Huệ thường nói: "Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lẫn xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh." Muốn vãn hồi kiếp vận, cứu chữa nhân tâm nhưng chẳng chú ý điều này thì giống như tìm cá trên cây. Bọn Tống Nho khí lượng hẹp hòi, trộm cắp những nghĩa trọng yếu trong kinh Phật để phát huy tâm pháp của thánh nhân Nho giáo đời trước, muốn cho kẻ học đời sau chẳng nghe tới Phật pháp nên âm thầm sùng phụng, bề ngoài chống trái, càng ra sức bài bác Phật pháp, cho là thật sự chẳng hề có những chuyện nhân quả luân hồi như đức Phật đã nói, ngài chỉ nhờ vào đó để gạt gẫm hàng ngu phu ngu phụ tuân phụng giáo pháp của ngài mà thôi! Do báng Phật nên tuy là nhân quả do thánh nhân đã nói cũng như những sự tích luân hồi sanh tử được chép trong các bộ Sử Ký, Hán Thư họ đều chẳng buồn nhắc tới, chỉ lấy "trọn hết tình nghĩa, trọn hết bổn phận, chánh tâm, thành ý" để làm

---

136 "Kế thiên lập cực" là một thành ngữ hiểu theo nghĩa đen là kế thừa ngôi vua, do vua được xưng tụng là thiên tử (con trời), ngôi vị cao nhất trong vạn dân, nên gọi là "kế thiên lập cực". Hiểu theo nghĩa rộng, "kế thiên lập cực" là kế thừa đạo trời, dự vào ngôi vị cao cả, tức ngôi vị thánh nhân, thuận theo mạng trời, được vạn dân ngưỡng vọng.

căn bản trị mình, trị người, trị nước mà thôi.

Họ lại còn nói con người chết rồi, hình hài đã mục nát, thần thức cũng phiêu tán, dẫu có chém, chặt, xay, giã thì lấy gì để thực hiện? Hơn nữa thần thức đã phiêu tán, còn ai để thác sanh? Kẻ nói như vậy chẳng những phản bác Phật pháp mà còn hết sức phản bác những sự tích về thác sanh, biến hóa được chép trong Tứ Thư, Ngũ Kinh, Sử Ký, Hán Thư, riêng muốn dùng những cách ngăn lấp hậu học ấy khiến cho hàng hậu học đời đời chẳng được nghe Phật pháp để không ai biết những gì chính họ (tức bọn Tống Nho) đã đạt được là do đâu mà có, và nhờ đó Nho giáo cũng sẽ hưng thịnh. Họ chẳng biết cội gốc đã bị tổn thương thì cành nhánh làm sao tươi tốt cho được.

Từ đấy trở đi, phương cách để duy trì thế đạo nhân tâm chỉ là "trọn hết tình nghĩa, trọn hết bổn phận, chánh tâm, thành ý" mà thôi, hoàn toàn phế bỏ sự lý nhân quả thiện ác là cái thúc đẩy người khác chẳng thể không trọn hết tình nghĩa, trọn hết bổn phận, chánh tâm, thành ý. Cõi đời bậc đại hiền thì ít, kẻ căn cơ trung hạ lại nhiều, nếu coi nhân quả là hư vô, con người chết đi sẽ vĩnh viễn diệt mất thì chính là lấp mất con đường gắng sức làm lành của kẻ trung hạ, mở tung đầu mối cho kẻ cuồng vọng phóng túng chẳng kiêng dè. Đến khi gió Âu vừa thổi qua, bồng bột ngả theo, lại bị biến đổi dữ dội đến tận gốc, rốt cuộc đến nỗi phế kinh điển, phế luân thường, bỏ lòng hiếu, vứt lòng thẹn, mà vẫn khoe khoang, chẳng biết hổ thẹn. Nếu như

lý nhân quả chẳng bị bài xích, đả phá, có ai chịu xướng lên những vở tuồng xấu ác ấy để chuốc lấy quả báo vĩnh viễn đọa trong ác đạo ư? Các vị tiên sinh bên Nho giáo chỉ biết dùng kiểu đó để bảo vệ đạo Nho, chẳng ngờ do đấy mà đạo Nho bị diệt! Học thuyết gây lầm lạc cho người khác, còn quá nước lũ, mãnh thú, chẳng đáng sợ hay sao?

Gần đây phong hóa trong cõi đời ngày một đi xuống, những người hữu tâm ai nấy đều đề xướng học Phật. Tại Vụ Nguyên kể từ khi được cư sĩ Giang Dịch Viên đề xướng đến nay, nhân sĩ cả một vùng đua nhau phụ họa, đã có nhiều nơi lập phân xã. Ấy là vì mong được nhờ từ quang của đức Phật để từ đó bỏ ác tu thiện, tiêu tai lành bệnh, giặc cướp nhiều phen chẳng kéo đến, tật dịch nhiều phen không xảy ra, hễ mưa nắng trái thời thì niệm Phật cầu đảo bèn được ứng nghiệm. Người cả một vùng khâm phục lời lẽ của Dịch Viên giống như 70 người khâm phục Khổng tử[137] vậy.

Nay tại huyện thành cũng lập phân xã, trước khi mở cửa, cư sĩ Tề Dụng Tu xin Bất Huệ lược thuật những nét chánh yếu dù ẩn hoặc hiển về Phật quang, cho nên tôi

---

137 Theo Pháp Ngôn Nghĩa Sớ của Dương Hùng, chữ "thất thập tử" phát xuất từ một câu nói của Khổng tử: *"Tốc tai, thất thập tử chi tiếu Trọng Ni"* (Nhanh chóng thay, 70 người có thể giống như Trọng Ni vậy). Tiếp đó, Dương Hùng đã dẫn các lời chú giải như sau: "Nhan Sư Cổ chú thích: Thất thập tử nghĩa là trong số 72 người đệ tử thấu đạt đạo của thầy, chỉ nêu số người đã học thành cái đạo của thầy nên nói là 70." Ở đây, tổ Ấn Quang đã mượn thành ngữ này để khen ngợi ông Giang Dịch Viên cũng như khen ngợi những người do khâm phục ông Giang đã tự đề xướng tu trì tịnh nghiệp tại các nơi giống như học trò Khổng tử đã truyền bá cái đạo của thầy vậy.

trình bày những chuyện trong hơn tám chín trăm năm qua để bậc thông sáng mai sau có cái để soi xét. Còn đối với những người ắt dốc sức thực hành thì hãy nên giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, vâng giữ tám đức "hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ", thực hiện tám sự "cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ", lại còn phát tâm Bồ-đề, tín nguyện niệm Phật, tự hành dạy người cùng sanh về Tây Phương, cùng chứng vô lượng thọ, vô lượng quang để tâm quang của mỗi người cùng với Phật quang thường tịch và tâm quang từ Hạnh Đàn[138] Tứ Thủy chiếu rọi lẫn nhau, vậy thì quốc gia may mắn lắm mà pháp đạo cũng may mắn lắm!

7. Trình bày ý nghĩa ẩn kín của chữ nhân (人)

(Năm Dân Quốc 27 - 1938, giảng cho một đệ tử)

Con người là một sinh vật trần trụi, thân bất quá mấy thước, tuổi thọ chẳng quá mấy chục năm, lại cùng với trời cao đất dày dài lâu không lường xưng là tam tài, nghĩa ấy như thế nào? Phải biết: "Tài" là danh xưng của đức năng, trời có đức năng che phủ trọn khắp, sanh thành trưởng dưỡng muôn vật; đất có đức năng chuyên chở trọn khắp, hàm dưỡng, bồi đắp muôn vật; con người lấy việc "phụ trợ

138 Hạnh Đàn là tên gọi ngôi nhà nơi Khổng tử dạy học tại huyện Tứ Thủy thuộc nước Lỗ xưa kia (nay thuộc địa phận tỉnh Sơn Đông). Hạnh Đàn tại Khổng Miếu hiện thời là một công trình được xây dựng từ đời Kim trên nền cũ của ngôi trường ấy.

quyền sanh thành, dưỡng dục của trời đất, kế tục bậc thánh đời trước, khơi lối cho người học đời sau" làm đức năng. Nếu không có đức năng của con người bổ trợ thì đức năng của trời đất vẫn còn thiếu sót. Do được đức năng "giúp đỡ, kế thừa, khơi lối" của con người bù đắp mà đức năng của trời đất được viên mãn đầy đủ, theo chiều dọc cùng khắp ba đời, theo chiều ngang trọn khắp mười phương. Con người cùng với trời đất được xưng là tam tài là vì lẽ đó! Đức năng của con người nói tổng quát có bốn điều:

1. Nhân (人 - con người) tức là nhân (仁), tức lòng nhân từ trắc ẩn, tự lợi lợi tha, vì thế gọi là nhân.

2. Nhân là nhẫn (忍), chịu thương chịu khó, đảm đương nhiệm vụ chống trời đỡ đất, vì thế gọi là nhân.

3. Nhân là nhiệm (任), tận lực đảm nhiệm tám đức "hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ" sao cho không bị khiếm khuyết. Vì thế gọi là nhân (Tám sự này thất phu thất phụ cũng đều làm được. Đấy chính là đại sự "giúp đỡ quyền sanh thành, trưởng dưỡng của trời đất, kế tiếp bậc thánh đời trước, khơi lối cho người học đời sau, chống đỡ trời đất" vậy. Nếu coi thường hoặc quên mất một hai sự, hoặc cả tám sự đều quên, sẽ trở thành kẻ giả dối mạo danh con người, chứ không phải là con người thật sự sánh cùng trời đất xưng là tam tài. Nếu suy gẫm như thế thì mong thành thánh thành hiền, học làm Phật làm tổ ắt sẽ dư dùng).

4. Nhân là tận (盡), tận hết đạo luân thường của Nho giáo để giữ vẹn luân thường, tận hết đạo tâm tánh của Phật giáo để chứng tâm, vì thế gọi là nhân.

Ý nghĩa của chữ nhân lớn lao thay! Nguyện hết thảy những người cùng hàng ai nấy gánh vác bốn nghĩa của chữ nhân thì nào phải chỉ mình nước ta may mắn, mà thật ra muôn nước trong thiên hạ đều hưởng may mắn sâu xa. Nếu nói: "Ông nói như thế, ông có thực hiện được mỗi một điều ấy không thiếu sót hay chăng?" Thưa rằng: "Con chim sắp chết tiếng kêu cũng bi thương, con người sắp chết cũng nói lời phải. Tôi xót cho tôi mỗi điều đều thiếu sót, chỉ mong sao hết thảy những người cùng hàng điều nào cũng chẳng thiếu sót, để mỗi một người cùng hàng lúc tuổi thọ đã hết sẽ khỏi phải xót xa sâu đậm giống như tôi vậy! Ông chẳng thấy trong kinh Vị Tằng Hữu Nhân Duyên con dã can[139] thuyết pháp, trời Đế Thích vái lạy mà nghe đó ư? Nếu người trong khắp cõi đất đều là trời Đế Thích thì cũng chẳng đến nỗi con dã can phải mở miệng, sao ông lại cố chấp tướng nhân ngã để rồi trách móc tôi vậy? Tôi biết lỗi rồi, từ rày chẳng dám nói nữa!"

---

139 Theo Phật Quang Từ Điển, dã can (śrgāla) được phiên âm là tất-già-la, là một loại cáo nhỏ. Nhưng trong Nhất Thiết Kinh Âm Nghĩa, ngài Huyền Trang lại giảng: "Dã can, tiếng Phạn là tất-già-la, sắc vàng lẫn xanh, giống như con chó, sống thành bầy, tối đến tru lên giống như tiếng sói tru. Chữ dã can đôi khi được viết thành *xạ can*." Như vậy, có lẽ dã can là một loài sói hay chó rừng thì đúng hơn, không biết đây có phải là một loài chó rừng mà người Anh - Mỹ thường gọi là jackal hay không?

8. Nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín của việc học nghề y

(Năm Dân Quốc 27 - 1938,
nói với đệ tử là Chu Thanh Thái)

Phật là Đại Y Vương trị khắp những bệnh thân tâm sanh tử cho chúng sanh, nhưng đại bệnh sanh tử do tâm khởi, nên trước hết phải lấy trị tâm bệnh làm điều kiện tiên khởi. Nếu có thể tu trì theo đúng pháp thì thân bệnh cũng sẽ nhờ đó mà được trị lành. Thân bệnh có ba thứ: một là túc nghiệp, hai là nội thương, ba là ngoại cảm. Trong ba thứ bệnh này chỉ có túc nghiệp là khó trị. Nếu có thể dốc lòng thành, cạn lòng kính, phát tâm đại Bồ-đề tự lợi lợi tha niệm thánh hiệu "Nam-mô A-di-đà Phật" và "Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát" để siêu độ những oan gia đối đầu đã bị người bệnh hãm hại trong những đời trước. Nếu họ (tức những oan gia đối đầu ấy) lìa khổ được vui thì người bệnh sẽ tiêu nghiệp, lành bệnh; họ chẳng những không còn quấy phá mà trái lại còn cảm cái ơn siêu độ nên sẽ âm thầm phù hộ. Phàm những ai mắc bệnh này và những người chữa trị bệnh ấy đều không thể không biết đến nghĩa này.

Hai là nội thương, hoặc do dụng tâm quá độ, hoặc do rượu chè, sắc dục, tiền bạc, hút sách, đối với mỗi thứ đều tham ưa. Nếu có thể giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành và dùng thuốc chữa trị ắt sẽ dễ lành bệnh. Nếu chẳng chú ý nơi căn bản, chỉ cậy vào thuốc

men, cũng khó thấy được hiệu quả. Dù có hiệu quả thì vẫn khó giữ cho vĩnh viễn không bị tái phát.

Ba là ngoại cảm, chỉ cần làm theo như cách đã nói trong phần nội thương trên đây. Dẫu có bị trúng phải gió, lạnh, nắng, mưa bên ngoài cũng hết sức dễ chữa. Nếu chẳng chú ý ngăn ngừa giận dữ, gạt bỏ ham muốn, dứt lòng tà, giữ lòng thành thì tuy là bệnh ngoại cảm vẫn chẳng dễ gì chữa trị, vì bị tổn thương từ căn bản mà chỉ trị nơi cành nhánh, thật khó được lợi ích! Do vậy thánh nhân giữ yên đất nước khi chưa loạn, bảo vệ thân khi chưa bệnh, tuy không có kỳ tích bình trị, bảo vệ, nhưng sự bình trị, bảo vệ cũng lớn lắm.

Tôi hoàn toàn chẳng biết gì về thuốc men, nhưng rất mong cho người đời đều không bệnh tật, hằng ngày trì chú Đại Bi gia trì vào nước sạch, có người mắc bệnh ngặt lâu ngày, thầy thuốc Bắc, thuốc Tây đều chẳng chữa được, [tôi cho người ấy uống nước đã được trì chú Đại Bi], dạy người ấy kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, ăn chay, niệm Phật và niệm Quán Âm, nếu thật sự chí thành sẽ lập tức xoay chuyển được tình thế, không lâu sau tự lành bệnh. Dẫu chẳng thể lành ngay, quyết cũng chẳng lẽ nào bị bệnh nặng thêm, lại còn có thể tiêu trừ ác nghiệp, tăng trưởng thiện căn, lại chẳng tốn kém chi.

Ông muốn học y, tuy chú trọng nơi châm cứu, dược phẩm, nhưng cần phải phát tâm đại Bồ-đề, thường dùng

thánh hiệu của Phật, Bồ-tát và chú Đại Bi khắp vì ta người trì tụng, để mong đôi bên cùng được thân tâm an lạc trong đời này, lâm chung quyết định vãng sanh Tây Phương thì chẳng uổng là đệ tử Phật, tùy phần tùy sức thực hiện đạo lợi khắp ta người. Nếu giống như những gã thầy thuốc tầm thường trong cõi đời chỉ cầu lợi, chẳng coi trọng chuyện cứu chữa người bệnh, dẫu cho giàu nứt đố đổ vách cũng chỉ được kết quả là chính mình vĩnh viễn đọa trong ác đạo, con cháu hoặc thành phường bại hoại, hoặc rốt cuộc bị tuyệt diệt. Uổng có cơ hội tự lợi lợi tha mà lại ngược ngạo biến thành cái quả tự hại hại người, chẳng đáng thương sao? Chẳng đáng sợ sao? Sách Cảm Ứng Thiên có câu: "Họa phước không cửa, chỉ do con người tự chuốc lấy", người thông minh trong cõi đời phần nhiều đều muốn hưởng phước lạc, đâm ra chuốc lấy họa ương. Nếu ông chẳng thuận theo thói đó ắt sẽ được "danh xứng với thật", là bậc đại quốc thủ. Nếu không, chỉ trở thành kẻ giặc cho dân mà thôi. Lấy bỏ thế nào, mong ông hãy tự chọn lựa!

9. Pháp ngữ dạy thầy Hoa Quyền đang bị bệnh

(Năm Dân Quốc 21 - 1932)

Con người sống trong thế gian ai cũng chẳng thể nào tránh khỏi nỗi khổ tật bệnh, chết chóc! Trong khi những sự khổ như vậy xảy ra thì chỉ nên buông xuống muôn duyên, nhất tâm niệm "Nam-mô A-di-đà Phật". Nếu hơi thở ngắn thì chỉ niệm bốn chữ A-di-đà Phật, nhất tâm cầu Phật từ bi

tiếp dẫn ông vãng sanh Tây Phương. Trừ một niệm ấy ra, trong tâm chẳng được khởi lên mảy may tưởng niệm khác biệt nào, cũng đừng mong bệnh chóng lành, cũng chớ có tưởng niệm cầu thần cầu trời giáng phước. Hễ có những thứ tưởng niệm ấy, tâm ông sẽ bị cách ngăn với tâm đức A-di-đà Phật, do vậy sẽ chẳng hưởng được sức gia bị do lòng từ của Phật.

Ông phải hiểu rằng, trời đất cha mẹ đều chẳng thể làm cho ông thoát luân hồi sanh tử được, chỉ có đức A-di-đà Phật là có thể làm cho ông thoát luân hồi sanh tử. Giả sử ông chịu buông xuống hết thảy, nhất tâm niệm Phật thì nếu tuổi thọ chưa hết sẽ được chóng lành, nếu tuổi thọ đã hết liền vãng sanh Tây Phương; nhưng chớ nên cầu bệnh chóng lành, chỉ nên cầu mau được vãng sanh. Nếu tuổi thọ đã hết mà cầu lành bệnh sẽ chẳng được vãng sanh, còn cầu vãng sanh thì nếu tuổi thọ chưa hết sẽ mau được lành bệnh. Vãng sanh Tây Phương có những điều hay chẳng thể nói trọn, so với những kẻ sanh lên cõi trời làm thiên đế, thiên vương vẫn cao cả hơn vô số vô lượng vạn vạn vạn vạn lần.

Ông đừng có si tâm vọng tưởng sợ chết, có cái tâm sợ chết sẽ chẳng thể vãng sanh được! Chúng ta sống trong thế gian giống như loài giòi trong hầm phân, tù nhân trong lao ngục, khổ chẳng chịu đựng được. Vãng sanh Tây Phương như thoát khỏi hầm phân, lao ngục, đến quê nhà thanh tịnh an lạc tiêu dao tự tại, há nên sợ chết? Nếu có tâm niệm

sợ chết thì sẽ vĩnh viễn chịu khổ trong sanh tử luân hồi, vĩnh viễn chẳng có thuở thoát khổ. Nếu ông niệm ra tiếng được thì cũng nên niệm nhỏ tiếng, chẳng thể niệm ra tiếng nổi thì niệm thầm trong tâm, tai nghe người khác niệm, trong tâm cũng niệm như thế. Mắt lại dõi nhìn A-di-đà Phật (tức đức Phật được thờ trong thất), trong tâm tưởng đến A-di-đà Phật. Hễ có những niệm khác khởi lên, hãy nên tự trách: "Ta muốn cậy vào Phật lực vãng sanh Tây Phương, sao lại khởi lên những thứ ý niệm này làm hỏng đại sự của ta?"

Nếu ông chịu niệm theo như lời tôi nói, chắc chắn được vãng sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, bao kiếp vĩnh viễn thường hưởng khoái lạc, trọn chẳng phải thấy nghe mảy may sự khổ gì, há còn có những thứ khổ não tật bệnh như thế này hay sao? Nếu gặp lúc trong tâm dấy lên phiền não, phải hiểu rằng đấy chính là do ác nghiệp trong đời trước xui khiến, muốn phá hoại đạo vãng sanh Tây Phương của ta, muốn khiến cho ta vĩnh viễn bị khổ vì sanh tử luân hồi, ta nay hiểu được nó muốn hại ta, ta chẳng để cho nó xoay chuyển, trừ chuyện niệm Phật ra, chẳng nghĩ đến chuyện gì khác. Như vậy thì tâm tâm tương ứng với Phật, được Phật tiếp dẫn, sẽ liền vãng sanh. Hãy nhớ kỹ lời tôi thì sẽ tự mau được lợi ích không chi lớn hơn được!

10. Pháp ngữ dạy mẹ con ông Ân Đức Tăng (hai bài)

(Năm Dân Quốc 25 - 1936)

1. Hai chữ "nhân quả" gồm trọn hết thảy các pháp thế gian lẫn xuất thế gian, trọn hết không bỏ sót gì. Do vậy, chẳng riêng gì Phật giáo đề cao nhân quả, mà pháp thế gian cũng chẳng bỏ qua nhân quả. Trong sách Nho đã sớm để lại giáo huấn rõ ràng, kinh Dịch chép: *"Tích thiện dư khánh, tích bất thiện dư ương"* (Tích chứa điều thiện niềm vui có thừa, tích chứa điều bất thiện tai ương có thừa), kinh Thư ghi: *"Tác thiện giáng tường, tác bất thiện giáng ương"* (Làm lành thì điều tốt lành sẽ giáng xuống, làm điều chẳng lành thì tai ương sẽ giáng xuống), đây chẳng phải là nói về nhân quả hay sao? Nhưng hết thảy những chuyện kỳ kỳ quái quái, thiện thiện ác ác được biên chép trong bộ Xuân Thu Tả Truyện đều là những ghi chép thật sự về nhân quả. Nếu người đời sau đọc bộ sách ấy, xét nghĩ những chuyện ấy sẽ thấy rành rành họa phước vô thường, báo ứng chẳng sai vậy.

Do có quỷ thần nên dè dặt kinh sợ, bậc thượng trí sẽ mạnh mẽ dấy lên chí hướng ưu thời mẫn thế, gắng tu đức của chính mình; kẻ hạ ngu cũng biết nể sợ, chẳng dám làm ác. Vì thế nhân quả thật sự là sự phòng ngừa lớn lao để ràng buộc lòng người, đáng để phụ trợ cho những chỗ mà sự cai trị của nhà vua chưa được thấu tới, mà cũng là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lẫn xuất thế

gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh, và cũng là mấu chốt khiến cho đất nước yên ổn hay loạn lạc, hưng thịnh hay suy vi từ xưa đến nay vậy.

Hiện thời thế đạo ngày một suy vi, lòng người chìm đắm, sở dĩ tệ hại đến cùng cực như thế này đều là vì chẳng hiểu rõ lý nhân quả báo ứng mà ra. Lý nhân quả chẳng được sáng tỏ thì tuy cái nhân gần là do bị ảnh hưởng bởi những học thuyết mới, nhưng thật ra cái nhân xa là do Tống Nho bác Phật đã ươm thành. Ấy là vì từ khi học thuyết Tống Nho được xướng suất mạnh mẽ: "Quỷ thần chỉ là lương năng của hai khí (âm dương), con người chết đi thần hồn cũng phiêu tán, dẫu có chém, chặt, xay, giã sẽ thực hiện vào đâu, quân tử có làm gì để làm lành thì chuyện làm lành ấy cũng chẳng thật, cần gì phải bàn đến nhân quả?" Phàm "không làm gì mà là làm lành" chỉ để nói với bậc thượng trí, chứ đối với hạng người từ bậc trung trở xuống, ắt phải nhờ vào khuyên bảo "hãy có làm"[140] thì mới là lành. Nay nói "chẳng làm gì mà là làm" sẽ ngăn trở con đường hướng thiện của người khác.

Thánh nhân dùng thần đạo để lập giáo, ngầm khen ngợi thần minh, từ kết quả truy ngược về cội nguồn nên biết được lẽ sanh tử. Tinh khí là vật, du hồn biến chuyển, do

---

140 Ý nói: Phải tích cực làm lành (tức là có thực hiện điều thiện thì mới là làm lành), chứ không phải như bọn Lý học rêu rao "hễ có làm gì để làm lành thì là ác". Các nhà Lý học không hiểu thánh hiền đạo Nho dạy "không có gì để làm mới là làm lành" chính là làm lành nhưng không chấp trước vào việc làm lành, làm lành với tâm không phân biệt, tự nhiên làm lành như đói cần ăn, khát cần uống, nên làm lành mà cũng như không làm lành.

vậy biết được tình trạng của quỷ thần. Nay coi quỷ thần là hư vô, hoang đường, tức là đã phế trừ giáo huấn của các bậc tiên vương. Nếu chết đi đã thành đoạn diệt, không nhân quả, không báo ứng thì hết thảy hạnh nghịch ác hễ tỏ được cái chí thì đâu cần kiêng sợ gì mà không làm cơ chứ? Loạn thiên hạ, gây họa cho nhân loại, ắt đều bắt nguồn từ đây!

Bọn Trình - Chu chỉ biết cổ vũ "quân tử không làm gì chính là làm lành", chẳng thèm lo tới chuyện "bọn tiểu nhân không kiêng sợ nên cứ làm ác" hay sao? Trong thiên hạ, bậc quân tử thì ít mà tiểu nhân lại nhiều, lời lẽ của bọn Trình - Chu lợi thiên hạ thì ít mà hại thiên hạ cũng nhiều, chẳng đáng đau xót ư? Nhưng cái thuyết Lý học của bọn Trình - Chu phần nhiều lấy từ các nghĩa lý trong kinh Phật, nhưng họ lại toan dùng đó để tự khoe tài, đã học được từ người ta lại ngược ngạo bảo người ta chẳng bằng mình, bịt tai trộm linh, trong lòng sùng phụng, mặt ngoài chống trái, thậm chí chẳng tiếc công đàn áp.

Thật sự là vì đâu mà lại như thế? Đáp: Do tri kiến môn đình và muốn được phối hưởng[141] trong Văn Miếu mà thôi! Bọn họ chỉ vì tri kiến môn đình, gây họa hoạn vô cùng cho hậu thế. Đấy cũng là điều bọn Trình - Chu chẳng lường tới, nhưng những người có lòng lo cho đời đều đau đớn sâu đậm! Trình - Chu từng là những bậc đại Nho một thời dưới

141 Văn Miếu là nơi thờ Khổng tử và 72 môn đệ (Thất Thập Nhị Hiền). Tại Văn Chỉ (một hình thức thu gọn của Văn Miếu tại mỗi làng), những người có chí khí, danh tiết cao đẹp trong làng cũng được thờ trong gian bên cạnh hoặc nơi bàn thờ phụ, gọi là "thờ phối hưởng".

đời Tống, công duy trì nhân luân kỷ cương của họ đâu thể không tính kể tới, nhưng lập luận của họ chẳng tránh khỏi trái nghịch tiên thánh, gây lầm lạc cho đời sau. Bọn ta đọc sách để học đòi cổ nhân, há chẳng suy xét sâu xa ư?

2. Hiện nay muốn xương minh sự lý nhân quả và phương pháp thực hành điều đó thì trước hết phải thực hiện bằng sự giáo dục trong gia đình; nhưng giáo dục trong gia đình lại phải lấy phụ nữ làm chủ thể, bởi lẽ đời có mẹ hiền thì mới có con hiền. Noi theo bậc hiền mẫu thời cổ, thực hiện thai giáo: un đúc bẩm chất từ lúc ban đầu, nuôi nấng dạy dỗ từ khi chưa sanh ra ngõ hầu con sẽ tập quen thành tánh. Như ba bà Thái đời Chu (Thái Khương, Thái Nhậm, Thái Tự) ngầm giúp đỡ chồng, dạy con từ lúc nó còn nằm trong thai, đều là bậc thánh nhân trong nữ giới, quả thật họ đã lập nên nền tảng mở mang vương nghiệp nhà Chu. Tôi thường nói: "Quyền trị quốc bình thiên hạ hàng nữ nhân nắm quá nửa." Lại nói: "Dạy con gái là cái gốc để tề gia, trị quốc", tức là nói đến chuyện "trọn hết đạo làm vợ, giúp chồng dạy con". Nữ giới ngày nay phần nhiều chẳng hiểu nghĩa này, lầm lạc muốn tham gia chánh trị nắm quyền, tính làm đại sự, bỏ mặc đạo căn bản là vun bồi gia đình. Điều này quả thật gom sắt của muôn nước chín châu cũng chẳng đúc được cái lỗi lầm lớn lao ấy[142],

142 Câu nói này vốn dựa theo ý một câu nói của La Thiệu Uy vào cuối đời Đường. Theo Tư Trị Thông Giám, nguyên văn câu nói của La Thiệu Uy là: *"Hợp lục châu tứ thập tam huyện thiết bất năng chú thử thác"* (Gộp sắt của bốn mươi ba huyện trong sáu châu cũng không đúc được lỗi lầm này). Nguyên lai, vào cuối đời Đường các phiên trấn

thật đáng cảm khái sâu xa! Thế nào là đạo căn bản để vun bồi gia đình? Chính là hễ dạy dỗ con cái, ắt phải khi con đang còn trong độ tuổi măng sữa, trước hết phải làm cho nó biết về thuyết nhân quả báo ứng thì đối với hết thảy những hành vi nghịch ác nó sẽ tự kiêng sợ chẳng dám làm. Giảng giải sách nhân quả không chi hay bằng Cảm Ứng Thiên[143] và Âm Chất Văn[144], hai cuốn sách này phải thường

---

(những tướng lãnh nắm giữ binh quyền tại các địa phương) thế lực rất lớn. Khi Điền Thừa Tự giữ chức Tiết độ sứ vùng Ngụy Bác (bao gồm sáu châu Ngụy, Bác, Tương, Vệ, Bối, Đàn, nay thuộc vùng duyên hải của Bột Hải thuộc phía Bắc Hoàng Hà) đã tuyển lựa những quân sĩ thân tín, chu cấp hậu hĩnh, huấn luyện kỹ càng, tổ chức thành một đội quân tự vệ, gọi là Nha Quân. Đến khi La Thiệu Uy làm Tiết độ sứ vùng Ngụy Bác, do thấy Nha Quân thế lực quá lớn, kiêu binh tung hoành không thể kiềm chế được, thậm chí đôi khi còn làm loạn, giết cả Tiết độ sứ. Năm Thiên Hựu thứ hai đời Đường Chiêu Tông, một viên chỉ huy của Nha Quân là Lý Công Toàn gây binh biến, La Thiệu Uy bèn cầu cứu viên Tiết độ sứ có thế lực mạnh nhất thời ấy là Vũ Châu Ôn (ông này làm Tiết độ sứ vùng Tuyên Vũ, nay thuộc huyện Khai Phong, tỉnh Hà Nam). Châu Ôn liền phái bảy vạn nhân mã tiến vào Ngụy Bác, giết được tám ngàn Nha Quân, dần dần dẹp tan sự đối kháng của Nha Quân. Để cung cấp cho quân đội của Châu Ôn, La Thiệu Uy đã phải tốn hơn nửa ức tiền, giết đến gần bảy chục vạn trâu dê cho quân Châu Ôn ăn trong nửa năm, tốn kém lương thảo vô số. Lúc quân Châu Ôn rút đi, lại còn phải biếu tặng cả trăm vạn quan tiền. Từ đấy vùng Ngụy Bác suy sụp, kiệt quệ, hoàn toàn không còn sức đối kháng ngoại địch. Như vậy, tuy La Thiệu Uy trừ được mối lo do Nha Quân gây ra, nhưng cũng đồng thời tự diệt sạch lực lượng chính bảo vệ vùng Ngụy Bác, hoàn toàn chịu sự chi phối của Châu Ôn. Do đó La Thiệu Uy mới hối hận thốt lên thời than thở như vậy. Từ câu nói ấy đã phát sanh thành ngữ 'chú thành đại thác' vốn thường được dùng để chỉ lỗi lầm chết người do ham mối lợi nhỏ trước mắt mà ra.

143 Theo thiên Nghệ Văn Chí trong Tống Sử và sách Quận Trai Độc Thư Phụ Chí, ẩn sĩ Lý Xương Linh đời Tống đã biên soạn cuốn Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, thác danh Thái Thượng Lão Quân giáng cơ. Tuy thế, các nhà nghiên cứu vẫn chưa đồng ý ai thật sự là tác giả của cuốn sách này. Do nội dung sách này khuyến thiện làm lành rất tích cực, nó được người Trung Hoa rất ngưỡng mộ, cũng như được rất nhiều người viết lời chú giải. Sách càng được nổi tiếng lưu hành mạnh mẽ hơn khi được học giả Huệ Đống đời Thanh chú giải tường tận, cho đến hiện thời cuốn sách này vẫn được lưu hành rất rộng và được Phật môn Trung Hoa rất coi trọng.

144 Âm Chất Văn tên gọi đầy đủ là Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn, chưa rõ ai là tác giả. Chu Khuê đời Thanh khi giảo chánh cuốn Âm Chất Văn Chú đã nhận định: "Âm

giảng nói, ắt sẽ tự có lợi ích không chi lớn bằng! Bởi lẽ, trẻ thơ thiên tánh chưa xấu xa, lời lành dễ tiếp nhận, tập quen từ bé, lâu ngày sẽ thành bản tánh, đến khi lớn lên sẽ chẳng thay đổi được! Gốc chánh nguồn trong được bắt nguồn từ đấy! Vì thế, kinh Dịch chép: *"Mông dĩ dưỡng chánh, thánh công dã"* (Dạy cho trẻ thơ điều đúng đắn, có công như thánh nhân vậy).

Ngày nay thiên hạ sở dĩ đại loạn đều là do cha mẹ chẳng hiểu nguyên lý giáo dục đã ươm thành vậy. Bởi lẽ đã chẳng thể dùng thai giáo để dạy dỗ điều lành từ đầu, lại còn chẳng thể dùng nhân quả để răn nhắc lúc sau. Căn bản đã hỏng thì sẽ bừa bãi, tràn lan chẳng thể nào thu thập được. Do vậy mới xướng lên những thuyết bất hiếu, không cần cha mẹ, mới bàn đến chuyện cách mạng gia đình không kiêng dè chi!

Chất Văn nói những chuyện liên quan đến đời Tống, ắt phải do người đời Tống biên soạn." Học giả Tửu Tỉnh Trung Phu của Nhật lại cho rằng tác phẩm này phải được hình thành vào cuối đời Minh, nhưng không đưa bằng chứng đủ tính thuyết phục nào. Dưới ảnh hưởng mạnh mẽ của Âm Chất Văn, các đạo sĩ đã biên soạn Văn Đế Cứu Kiếp Kinh và Văn Đế Diên Tự Kinh để tiếp tục xiển dương tư tưởng khuyến thiện trừng ác trong Âm Chất Văn. Âm Chất Văn thác danh Văn Xương Đế Quân giáng cơ. Văn Xương Đế Quân vốn còn gọi là Tử Đồng Đế Quân, theo truyền thuyết vốn là Trương Á Tử, làm quan đời Tấn, chết trận, được dân chúng lập miếu thờ, rất hiển linh. Do các đạo sĩ đời Tống - Nguyên viết truyện nói ông Trương được Thượng Đế sắc phong làm Tử Đồng Đế Quân và đã nhiều lần giáng thế, được thiên đình giao cho nhiệm vụ chưởng quản phủ Văn Xương chuyên coi về việc học hành, thi cử, quan chức của thế gian nên còn có tên là Văn Xương Đế Quân. Do vậy, năm Diên Hựu thứ ba (1316) đời Nguyên, vua đã sắc phong cho Văn Xương Đế Quân một tước hiệu thật dài "Tử Đồng Thần Vi Phụ Nguyên Khai Hóa Văn Xương Tư Lộc Hoằng Nhân Đế Quân". Chữ *âm chất* phát xuất từ thiên Hồng Phạm sách Thượng Thư: "Duy thiên âm chất hạ dân", thường được giải thích là "trời ngấm ngầm bảo vệ, che chở muôn dân". Từ đó, âm chất được hiểu là làm những việc công đức ngấm ngầm, không khoe khoang, rêu rao cho người khác biết. Đặc điểm của Âm Chất Văn là dung thông những quan điểm của tam giáo, đặc biệt đề cao nhân quả, luân hồi, báo ứng, nên rất được Phật môn Trung Hoa coi trọng.

Dẫn đến [tình cảnh] bạn bè chơi với nhau vì lợi lộc hòng bán chác, vợ chồng hợp lại hay chia tay nhau giống như cầm thú, chôn vùi đạo nghĩa liêm sỉ, thiên lý tuyệt diệt [như] nước lũ cuồn cuộn tận trời chẳng biết khi nào ngừng. Dẫu Khổng tử, Thích-ca sống trong thời buổi này cũng không có cách gì cứu giúp được, nguy ngập vậy thay!

Làm như thế nào đây? Đáp: Đường lối để cứu vãn chỉ có cách chú trọng giáo dục gia đình sao cho ai nấy giảng rõ sự lý nhân quả cho con cái hòng vun bồi căn bản mà thôi! Đã gieo thiện nhân ắt gặt thiện quả, mới hòng có hy vọng trong tương lai lòng người biến đổi tốt đẹp, phong tục dần dần thuần lương, thiên hạ nước nhà thái bình vậy.

11. Trả lời những câu hỏi của cư sĩ Khúc Thiên Tường (hai mươi bảy câu)

(Năm Dân Quốc 21 - 1932)

1) *Hỏi:* Nguyên nhân khiến đệ tử tin Phật bắt nguồn từ việc nghiên cứu thuật thôi miên. Xưa kia con đã nghe tục ngữ có câu: "Chín lần tu làm thiên tử, mười lần tu làm Phật", nghĩ rằng tu mười đời mới thành tựu được, thường sợ bỏ dở giữa đường, phí sạch hết công lao tu tập từ trước. Nếu sớm biết sẽ thành tựu ngay trong đời này thì đã sớm niệm Phật rồi. Tuổi con đã hai mươi bảy, rất hối hận đã phát tâm trễ tràng.

Đáp: "Chín lần tu làm thiên tử, mười lần tu làm Phật"

chính là lời nói nhảm của kẻ chẳng biết gì về Phật pháp. Người biết Phật sẽ trọn chẳng nói câu đó. Pháp môn Tịnh độ chính là cậy vào Phật lực để liễu sanh tử, đều phải có đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, quyết định mong cầu đến lúc lâm chung vãng sanh Tây Phương. Nếu chẳng cậy vào Phật lực mà muốn liễu sanh tử thì ngàn đời vạn kiếp chẳng thể liễu thoát rất nhiều!

2) *Hỏi:* Con tin tưởng tịnh tâm sẽ thành Phật, giống như trong thuật thôi miên ắt phải trầm tĩnh rồi sau đấy mới có hiện tượng chẳng thể nghĩ bàn.

Đáp: Tịnh tâm niệm Phật quán Phật sẽ dễ tương ứng với Phật. Nếu có lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, chắc chắn được vãng sanh, rồi sẽ dần dần tấn tu, ắt sẽ thành Phật. Đừng nên nói "hiện tại tịnh tâm sẽ được thành Phật"!

3) *Hỏi:* Con tin tưởng nhờ cậy vào Phật lực, như trong thuật thôi miên tự thôi miên chính mình sẽ khó hơn bị người khác thôi miên. Vì thế biết là tự lực chẳng bằng tha lực.

Đáp: Hết thảy pháp môn đều phải cậy vào tự lực để đoạn hoặc chứng chân hầu liễu sanh thoát tử, như người thọt chân tự đi, một ngày khó đi được trăm dặm. Pháp môn Tịnh độ nương vào sức từ của Phật sẽ có thể mang nghiệp vãng sanh, giống như kẻ thọt chân ngồi trên bánh xe báu của Chuyển Luân Thánh Vương, trong một ngày

đến khắp bốn châu, làm sao có thể lấy chuyện thôi miên để chứng minh cho được!

4) *Hỏi:* Miệng niệm Phật, tâm tưởng Phật, vậy thì đức Phật được tưởng ấy có giống như đức Phật được tưởng trong phép quán thứ 8[145] của Quán kinh hay không?

Đáp: Quán tưởng phải bắt đầu tu tập từ phép quán thứ 13[146]. Nếu không, cảnh tế tâm thô, khó thể thành tựu, hoặc nếu như dụng tâm không thích đáng sẽ dấy lên ma sự.

5) *Hỏi:* Như khi gặp nguy hiểm, lâm vào tình thế chẳng thể cùng một lúc kiêm tụng các chú thì hãy nên ứng dụng như thế nào?

Đáp: Gặp phải tai nạn cực nguy hiểm, chỉ nên niệm thánh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát là đỡ tốn tâm lực nhất, lại có cảm ứng nhiều nhất.

---

145 Phép quán thứ 8 là tổng quán Tây Phương Tam Thánh cùng với cảnh giới trang nghiêm của cõi Cực Lạc, kinh dạy: "Muốn quán Phật Vô Lượng Thọ trước phải tưởng hình tượng làm sao cho khi nhắm mắt, mở mắt đều thấy một tượng báu như sắc vàng diêm-phù-đàn, ngồi trên tòa sen kia. Lúc thấy Phật tượng rồi, tâm nhãn tự được mở mang rõ ràng sáng suốt. Bấy giờ hành giả thấy cõi Cực Lạc bảy báu trang nghiêm, như: đất báu, ao báu, hàng cây báu, trên cây có mành báu của chư thiên che phủ, các lưới báu giăng khắp giữa hư không. Khi đã thấy được cảnh tướng rất rõ ràng như nhìn vào bàn tay rồi, lại tưởng hai hoa sen lớn, một ở bên trái, một ở bên phải của Phật, cả hai đều giống như tòa sen trước. Xong lại tưởng hình tượng Quán Thế Âm Bồ-tát ngồi tòa sen bên trái, tượng Đại Thế Chí Bồ-tát ngồi tòa sen bên mặt, thân tướng đều rực rỡ như sắc vàng diêm-phù-đàn…"

146 Phép quán thứ 13 chỉ quán thân Phật cao một trượng sáu đứng bên ao thất bảo, thân của hai vị Bồ-tát cũng đồng phân lượng, đồng thời giảm bớt rất nhiều chi tiết cho phàm phu dễ quán, chẳng hạn chỉ quán hai vị Bồ-tát khác nhau ở chỗ đức Quán Âm có hóa Phật đứng trên đảnh đầu, còn Đại Thế Chí là bảo bình trên nhục kế.

6) *Hỏi:* Nếu chuyên tụng Phật hiệu, hiệu lực so với thần chú như thế nào?

Đáp: Phật hiệu và thần chú có công đức giống hệt như nhau, chỉ do lòng chí thành thì mới có cảm ứng. Nếu trong tâm trước hết đã khởi lên ý niệm coi thường Phật hiệu thì sẽ chẳng có lợi ích gì, vì đã không chí thành lại còn ngờ vực nên chẳng được lợi ích chân thật.

7) *Hỏi:* "Duy tâm Tịnh độ, tự tánh Di-đà" với "Tịnh độ và đức Phật ở Tây Phương" là một nhưng mà hai, là hai nhưng mà một phải không?

Đáp: Có duy tâm Tịnh độ thì mới sanh về Tây Phương Tịnh Độ. Nếu tự tâm chẳng tịnh, làm sao vãng sanh được? Dẫu là kẻ tội nhân nghịch ác nhưng do niệm Phật mười tiếng bèn được vãng sanh là vì tịnh tâm niệm Phật mà cảm được quả báo vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ. Trong đời lắm kẻ tưởng "duy tâm là không có cõi nước", trở thành tri kiến của tà ma, ngoại đạo! Loại tà kiến tựa hồ là đúng nhưng thật ra là sai ấy chiếm hơn quá nửa, đến nỗi người niệm Phật chẳng được lợi ích thật sự mà vẫn tưởng mình là cao minh, chẳng biết đấy là tà kiến "chấp lý phế sự, tự lầm lầm người". Do tự tánh Di-đà nên phải niệm đức Di-đà ở Tây Phương để cầu vãng sanh hòng tấn tu dần dần để có đích thân chứng được Di-đà nơi tự tánh. Nếu chỉ chấp vào tự tánh Di-đà, chẳng niệm đức Di-đà ở Tây Phương, dẫu có ngộ thật sự vẫn không thể liễu sanh tử được. Huống chi những kẻ nói lời ấy toàn là bọn chấp chặt một bề, toàn là

phường nói suông. "Là một nhưng hai" là chuyện trước khi thành Phật, "tuy hai nhưng một" là chuyện sau khi đã thành Phật.

8) *Hỏi:* "Sanh thì quyết định sanh, đi thì chẳng thật sự đi", sanh và đi đều chỉ cho điều gì?

Đáp: "Sanh thì quyết định sanh" là nói theo mặt sự, "đi chẳng thật sự đi" là nói theo mặt lý. Chẳng biết cội nguồn của sự - lý thì tốt hơn là hãy chất phác niệm Phật theo sự tướng. Nếu không ắt sẽ trở thành bọn tà ma ngoại đạo chấp lý phế sự.

9) *Hỏi:* Người tên X… nọ khi mạng chung chợt nói: "Tịnh độ ngay trong góc sân", vậy cõi đất này là Tịnh độ ư?

Đáp: Đấy chính là nghĩa lý "duy tâm Tịnh độ" phát hiện. "Duy tâm Tịnh độ" chính là cảnh của một mình người đó, ngoài ra đều là duy tâm uế độ. Há có nên dựa theo cái thấy của người ấy để phán đoán ư?

10) *Hỏi:* Tụng kinh có phải là để làm cho chính mình sanh tâm hoan hỷ, chán lìa, hay là còn có tác dụng chi khác?

Đáp: Ông tụng kinh chỉ biết cầu hoan hỷ cho chính mình, đáng tiếc là vô biên diệu nghĩa bị ông xem chẳng đáng một đồng!

11) *Hỏi:* Hiểu *đệ nhất nghĩa* là như thế nào?

Đáp: Hiểu đệ nhất nghĩa tức là triệt ngộ diệu lý thật tướng, duy tâm tự tánh.

12) *Hỏi:* Cái tánh còn lại sau khi chết, cái tánh đi vãng sanh và Phật tánh có những điểm giống nhau, khác nhau như thế nào?

Đáp: Cái tánh của hết thảy chúng sanh trước khi sanh ra sau khi chết đi, cái tánh vãng sanh và Phật tánh, ba tánh ấy đồng nhưng bất đồng, bất đồng nhưng đồng. Gọi là đồng vì bản thể của tâm tánh không hai, nói là bất đồng vì do mê hay ngộ nên sai khác vời vợi một trời một vực. Do có nghĩa này nên dạy người đoạn hoặc chứng chân để mong đích thân chứng được tâm tánh vốn đồng ấy. Chỉ có *thể* là đồng, nhưng do mê chưa chứng nên bày ra đủ mọi pháp khiến cho họ bỏ vọng về với chân, trái trần hiệp giác hòng đích thân chứng được. Cách tu rất nhiều, chỉ có niệm Phật cầu sanh Tây Phương là dễ thực hiện nhất, dễ thành tựu nhất.

13) *Hỏi:* Phật dạy tu quán chính là vì chúng sanh đời sau ác trược chẳng lành bị năm thứ khổ bức bách mà lập giáo. Nếu dùng thôi miên để bộc lộ *thiên nhãn thông* ngõ hầu nói ra để chứng minh thì hiển hiện cõi nước Cực Lạc cũng chẳng phải là chuyện khó. Huống chi rất cần chứng minh cho việc niệm Phật, sao không khuyên người tu quán mà lại bảo đó là chuyện khó khăn?

Đáp: Thôi miên là do sức huyễn thuật, há phải là thật sự có thiên nhãn thông ư? Người thật sự có thiên nhãn thông há chịu để cho người khác thôi miên! Ông nay đã học Phật, hãy nên chuyên chí học Phật. Muốn hiện cõi Cực

Lạc, chỉ dùng tịnh tâm mà niệm cho chuyên nhất thì sẽ làm được. Ví như mài gương, mài đến cùng cực thì gương tự nhiên tỏa sáng. Dùng thuật thôi miên để hiện thì trước hết tâm đã chẳng tịnh, niệm cũng chẳng chuyên nhất, ví như dùng bột trắng xoa lên gương mà cứ mong gương tỏa sáng, chẳng biết là đã phủ lấp tấm gương càng dày vậy!

14) *Hỏi:* Tu quán có phải là cậy vào Phật lực hay không? Trong phép quán thứ 13 của Quán kinh có nói: "Vô Lượng Thọ Phật thân lượng vô biên, tâm lực của phàm phu chẳng thể thấu hiểu được, nhưng do sức túc nguyện của đức Như Lai ấy nên có kẻ ức tưởng ắt được thành tựu." Điểm khác biệt giữa phép quán này và tham thiền là gì? So với tham thiền có dễ hơn hay không?

Đáp: Tham thiền chỉ cốt suy cứu tự tâm, niệm Phật kiêm cậy vào Phật lực. Hai pháp đạt đến rốt ráo viên thành thì hoàn toàn giống như nhau, nhưng dụng công trong lúc tu trì thì rất khác biệt. Ví như đi đường ngồi thuyền hay ngồi xe khác nhau, nhưng về đến nhà thì giống như nhau.

15) *Hỏi:* Tu quán là tưởng hay là quán, hay dùng cả quán lẫn tưởng? Lấy gần hay lấy xa?

Đáp: Hai chữ "quán tưởng" há nên chia ra làm đôi! Nhiếp tâm để tưởng chính là quán. Ông nghĩ là hai tức là trở thành chỉ biết mười bằng một nhân với mười, chẳng biết con số mười ấy nó cũng là hai lần năm. Hơn nữa, quán tưởng sao có thể chia ra thành gần hay xa cho được!

16) *Hỏi:* Mỗi phép quán phải cần tu tập tối thiểu bao nhiêu ngày?

Đáp: Ông cho rằng tu một phép quán này mấy ngày, rồi sẽ tu pháp quán khác đó ư? Chẳng biết đức Phật tuy nói 16 phép quán nhưng thoạt đầu hãy nên thực hành phép quán thứ 13 thì mới là tu khế lý khế cơ.

17) *Hỏi:* Thoạt đầu là tưởng tượng thì chẳng phải là lan man ư?

Đáp: Đã biết như trên đã nói thì cứ dựa theo đó mà suy.

18) *Hỏi:* Phép quán đầu tiên là nhất tâm tưởng mặt trời, hay là phải ngầm trì danh hiệu?

Đáp: Quán và trì danh vốn là một chuyện, ông cho rằng khi quán thì chẳng thể trì danh, chẳng được trì danh hay sao?

19) *Hỏi:* Khi ngồi thì tu quán, những lúc khác thì trì danh, so với chuyên trì một thứ thì là hơn hay kém?

Đáp: Có cái tâm trầm tĩnh, kín đáo, thuần túy thì tu quán cũng tốt mà trì danh cũng hay. Nếu không, so ra trì danh ổn thỏa hơn, bởi tâm chí sôi động, hời hợt, vọng động mà tu quán thì sẽ bị nhiều ma sự.

20) *Hỏi:* Quán thấy cõi nước Cực Lạc thì đấy có phải là Tịnh độ thật sự hay là tướng giả hiện?

Đáp: Quán thấy Cực Lạc chính là do duy tâm biến

hiện, bảo đó là giả thì trở thành gã đứng ngoài cửa mất rồi!

21) *Hỏi:* Quán thấy cõi Cực Lạc và được nghe pháp thì có phải là thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông hay không?

Đáp: Đấy chính là do sức quán tạo nên. Nếu là thiên nhãn, thiên nhĩ thì không cần quán cũng vẫn thấy nghe được.

22) *Hỏi:* Có người nói thấy Phật chính là thấy vị Phật ở trong tâm chứ không phải là thấy vị Phật ở Tây Phương. Nếu đúng như vậy thì khi vãng sanh, vị Phật trong tâm có hiện ra hay không? Hay là A-di-đà Phật đến tiếp dẫn?

Đáp: Lâm chung thấy Phật chính là đức Phật do tự tâm cảm thành, chớ nên quy hết về tự tâm rồi nói rằng "không có chuyện Phật đến đón"!

23) *Hỏi:* Còn như khi tu phép quán thứ 13, lúc ấy có thể tùy ý vãng sanh hay không? Hay phải đợi đến khi lâm chung mới có thể vãng sanh?

Đáp: Nghiệp báo chưa tận, làm sao vãng sanh ngay được? Xưa kia cũng có người làm được như vậy, nhưng không thể áp dụng cho hết thảy mọi người được.

24) *Hỏi:* Quán đến khi thấy Phật nghe pháp rồi, mỗi ngày lại quán có cần phải bắt đầu quán từ phép quán đầu tiên hay không?

Đáp: Quán tưởng thì chỉ cần quán sao cho đắc lực, cần gì phải từ đầu đến đuôi, hằng ngày tập đi tập lại. Phật

nói ra 16 phép quán thì những phép quán đầu nhằm khiến cho con người biết đến sự trang nghiêm của Cực Lạc, các phép quán về chín phẩm vãng sanh ở phần sau nhằm làm cho con người biết nhân quả của phép được tu. Mỗi phép quán đã biết thì qua một phép quán Phật sẽ có thể quán trọn vẹn các phép quán kia.

25) *Hỏi:* Từ phép quán thứ 14 trở đi chính là quán các phẩm vãng sanh. Đã không có cảnh để hiện mà dạy quán, nghĩa là làm sao?

Đáp: Nghĩa này đã nói rồi, hãy xem những điều đã nói ở phần trên.

26) *Hỏi:* Những người vãng sanh trên đây dường như chẳng phải là những vị do tu quán mà vãng sanh, chẳng biết nên tưởng sự vãng sanh của người tu quán như thế nào?

Đáp: Phẩm vị của người vãng sanh muôn sai ngàn khác, trong kinh chỉ dùng chín phẩm để nói tóm gọn, sao ông biết những người vãng sanh trên đây chẳng do tu quán mà được vãng sanh? Phải biết: Căn tánh con người bất đồng, dẫu chỉ cùng là một pháp mà vẫn có cao thấp rất khác nhau, há nên câu nệ nơi pháp được tu ư? Ấy là do khả năng trong tâm địa của mỗi người, ông cho rằng các vị như Văn-thù, Phổ Hiền v.v. chẳng tu quán ư?

27) *Hỏi*: Nhớ số niệm Phật: hít vào niệm sáu câu, thở ra niệm bốn câu là như thế nào? Tâm đã nhớ số lại niệm Phật, rồi lại phải tưởng Phật nữa ư?

Đáp: Niệm Phật nhớ số là từ một đến ba, từ bốn đến sáu, từ bảy đến mười, sao lại hạn định trong hơi thở? Ông là kẻ học luyện đan vận khí nên mới thấy một hai chữ hơi tương tự, liền nói đó là công phu của họ. Cách niệm Phật nhớ số là vì kẻ vọng tâm khó chế ngự mà đặt ra. Niệm được như thế, ghi nhớ như thế, lắng nghe như thế, chắc chắn tâm sẽ dần dần điều phục. Ở đây có ai dạy ông thêm vào hai chữ "tưởng Phật" đâu? Ở đây là tùy tiện niệm, nào phải bận tâm thở ra hay hít vào? Nếu hít thở như thế lâu ngày sẽ bị tổn khí mắc bệnh, chẳng thể không biết điều này!

12. Pháp ngữ dạy nữ cư sĩ Chu Dư Chí Liên

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Bà đã ngoài 70 tuổi rồi, chẳng bao lâu nữa sẽ phải chết. Hiện thời phải nhanh chóng thu xếp hết thảy mọi việc cho tốt đẹp, trong tâm ngoại trừ niệm Phật ra, không để vướng mắc bất cứ chuyện gì khác thì khi lâm chung mới có thể không vướng mắc, không ngăn ngại. Nếu bây giờ cứ vẫn chuyện gì cũng không buông xuống được như thế, vẫn nhìn không thông suốt, khi lâm chung tất cả những tâm tham luyến y phục, đồ trang sức trên đầu, nhà cửa, con cháu sẽ đều hiện ra hết, như thế thì làm sao có thể vãng sanh Tây Phương cho được? Đã không thể vãng sanh được thì bà một đời thủ tiết niệm Phật và làm đủ mọi chuyện hữu ích sẽ hoàn toàn trở thành phước báo!

Hiện thời bà vẫn chưa có trí tuệ, tuy thường tinh tấn niệm Phật, trong tâm vẫn chưa quyết định cầu sanh Tây Phương, đến đời sau trong lúc hưởng phước chắc chắn bị phước mê hoặc, sẽ tạo các ác nghiệp. Đã tạo ác nghiệp, chắc chắn phải đọa trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh chịu khổ! Nỗi khổ lớn lao ấy đều là do đời này niệm Phật chẳng biết quyết định cầu sanh Tây Phương chiêu cảm. Quang thương xót bà, sợ bà mai sau có thể lâm vào tình huống ấy cho nên lập sẵn cách cho bà. Nếu bà chịu nghe theo lời tôi thì sẽ chẳng do phước mà mắc họa.

Hiện thời tuy bà rất mạnh khỏe nhưng phải nghĩ mình sắp chết. Bây giờ cần mặc những thứ quần áo nào thì giữ lại để mặc, phàm những thứ y phục quý trọng như lượt, là, áo da v.v. đều chia cho cháu, cho dâu. Những thứ cài đầu, xuyến đeo tay, hoa tai, vàng, bạc, phỉ thúy[147] v.v. đều dùng để cứu giúp dân chúng bị tai nạn. Dùng công đức ấy để hồi hướng vãng sanh. Nếu trong tâm thấy biết nhỏ nhoi, chẳng thể đem cứu vớt tai nạn thì cũng nên chia cho con gái, cháu dâu, cháu gái v.v.. Bên thân mình quyết chẳng được giữ lại những thứ khiến cho con người dấy lòng tham luyến ấy. Tất cả những khoản tiền dành dụm để phòng khi dưỡng già cũng nên giao hết cho con cháu, dù là khế ước, sổ sách ruộng đất v.v. đi nữa cũng nên giao hết sạch cho

147 Phỉ thúy (jadeite) là một loại ngọc quý, còn được gọi bằng những danh xưng ngọc thúy, ngọc ngạnh, ngọc Miến Điện, màu xanh lục đậm hơi biếc giống như màu lông chim phỉ thúy (chim bói cá, chim trả) nên mới có tên như vậy. Ở Trung Hoa không có loại ngọc này, phải nhập từ Miến Điện về nên rất quý và mắc tiền.

người khác. Trong tâm bà trừ chuyện niệm Phật, chẳng để cho có một chút ý niệm nào khác! Ngay cả cái thân của bà cũng chẳng tính toán sẵn sau khi chết đi sẽ nên an bài ra sao. Ngay cả với cháu chắt cũng đều nên coi như người không quen biết, mặc kệ chúng nó hay dở ra sao, ta chỉ quan tâm niệm đức Phật của ta, nhất tâm mong chờ đức Phật đến tiếp dẫn ta vãng sanh Tây Phương.

Bà làm theo đúng như lời tôi nói, hết thảy mọi sự đều buông xuống hết, đến lúc lâm chung tự nhiên cảm được Phật đích thân rủ lòng tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Nếu vẫn cứ tham luyến hết thảy những vật tốt đẹp, tiền bạc, ruộng đất, nhà cửa, đồ cài đầu, quần áo và con cái, cháu chắt v.v. y như cũ thì vàn muôn phần chẳng thể vãng sanh Tây Phương được. Đã không sanh về Tây Phương được thì đời sau chắc chắn có si phước để hưởng, do hưởng phước sẽ tạo nghiệp, chắc chắn khi một hơi thở ra không hít vào được nữa sẽ đọa lạc trong tam đồ vì ác nghiệp ngăn lấp vậy. Tâm thức chẳng rõ, dẫu có một vị Phật sống đến cứu bà cũng chẳng cứu được, há chẳng đáng thương đáng xót lắm ư? Xin bà hãy tin lời tôi nói thì thật là may mắn không chi hơn được!

13. Pháp ngữ khai thị cho cư sĩ Phùng Hữu Thư lúc lâm chung

Bệnh ông đã nặng, chỉ nên nhất tâm niệm Phật cầu Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Nếu tâm ấy chân

thành, ắt sẽ được mãn nguyện. Còn đối với tất cả tội nghiệp, chớ nên lấy đó làm điều lo lắng. Vì nếu có thể cực lực chí tâm cầu sanh Tây Phương thì sẽ có thể cậy vào từ lực của đức Phật để mang nghiệp vãng sanh. Ví như tảng đá to bỏ lên thuyền liền có thể từ bờ biển này sang được bờ kia. Cần biết rằng: Phật lực chẳng thể nghĩ bàn, pháp lực chẳng thể nghĩ bàn, tự tánh công đức lực chẳng thể nghĩ bàn. Ba thứ chẳng thể nghĩ bàn ấy nếu không có cái tâm chí thành tín nguyện niệm Phật sẽ không có cách gì hiển hiện được. Có lòng chí thành cầu sanh Tây Phương thì ba thứ thần lực oai đức lớn lao chẳng thể nghĩ bàn ấy sẽ liền được hiển hiện. Như ngồi trên chiếc tàu thủy lớn lại được xuôi gió, chẳng lìa ý niệm trong hiện tại đây mà liền sanh về Tây Phương. Ông chỉ nên tin tưởng sâu xa lời tôi, tự nhiên ông sẽ được mãn nguyện. Nay tôi đặt pháp danh cho ông là Huệ Thoát, nghĩa là dùng trí tuệ, tín nguyện niệm Phật liền được vãng sanh Tây Phương, thoát ly sanh tử vậy.

14. Lời thông cáo nhún nhường của hội Phật giáo huyện Ngô tỉnh Giang Tô dành cho tăng chúng các tự viện

(Năm Dân Quốc 23 - 1934)

Đức Đại Giác Thế Tôn nương theo bi nguyện thị hiện giáng sanh, vốn thuận theo tâm con người mà lập giáo để kẻ mê nhận lầm hình bóng cái đầu sẽ đích thân thấy được bản lai diện mục, kẻ ôm của báu mà chịu cùng quẫn sẽ mau chóng có được của cải trân bảo sẵn có trong nhà. Vì

thế tam thừa chóng chứng Bồ-đề, lục phàm cùng lên bờ giác. Đấy chính là nguyên do khiến đạo này được truyền rộng rãi khắp trên trời dưới đất, giáo pháp lan truyền khắp cõi tam thiên đại thiên. Ấy là vì Phật pháp là tâm pháp. Tâm pháp ấy chúng sanh và Phật đều cùng có, phàm thánh giống hệt như nhau, nơi phàm chẳng giảm, tại thánh không tăng. Phật do ngộ chứng rốt ráo nên phước lẫn tuệ đều cùng trọn đủ, phiền hoặc vĩnh viễn mất, hưởng pháp lạc chân thường, thí đại giáo tùy thuận căn cơ. Chúng sanh do triệt để mê trái nên phiền hoặc vĩnh viễn hừng hực, luân hồi chẳng ngơi, như chạm phải của báu trong nhà tối, đâm ra lại bị tổn thương. Các giáo trong thế gian đều là nói quyền biến, chỉ có mình Phật giáo khế lý lẫn khế cơ. Vì thế, từ đời Hán đến nay, khi giáo pháp được truyền sang Đông Độ, bao đời đều khâm kính, cả cõi đời thảy tôn sùng.

Nếu Phật pháp không tỏ rõ nhân để chỉ quả khiến cho người đời giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận hòng giúp cho đạo cai trị, hiểu tâm thấu gốc khiến cho người học đoạn hoặc chứng chân để dự vào dòng thánh thì làm sao có thể kéo dài đến tận ngày nay mà mối đạo vẫn chẳng bị suy sụp cho được? Huống chi từng bị ba vua Vũ[148] bạo ngược, bọn Nho sĩ câu nệ như Hàn Dũ, Âu Dương Tu và lũ Trình - Chu trong lòng sùng phụng, bề ngoài chống trái bài xích mà vẫn được chấn hưng, tiếp tục tồn tại trong

148 Tức Thái Võ Đế nhà Bắc Ngụy, Vũ Đế đời Bắc Chu, Vũ Tông đời Đường. Ba ông vua này nghe lời bọn đạo sĩ sàm tấu, toan phá hủy sạch mọi chùa chiền, hủy diệt Phật giáo.

cõi đời, là do được hàng vua quan có thế lực lớn lao hộ vệ, do bậc đại đức cao tăng hoằng dương. Cuối đời Thanh, phong hóa cõi đời ngày một đi xuống, nước nhà không rảnh rỗi để đề xướng, tăng chúng phần nhiều biếng nhác tu trì, đến nỗi kẻ không có chánh tri kiến ai nấy đều ôm giữ ý niệm "đuổi tăng, chiếm đoạt tài sản". Nhưng do cõi đời ngày càng loạn đến cùng cực, những người có lòng liền đua nhau dấy lên học Phật, cho nên cõi đời vẫn chưa đến nỗi bị khốn khổ ách nạn lớn lao.

Những người cùng sắc áo với tôi hãy thường nghĩ "ta là đệ tử Phật phải nên hoằng dương sự giáo hóa của đức Phật, giáo hóa chúng sanh để làm cầu bến cho cõi đời, báo ân đức của Phật". Nếu chính mình vẫn chẳng tự gắng sức thì hóa ra đã tạo căn cứ cho những kẻ đuổi tăng chiếm đoạt tài sản [biện minh cho hành động của chúng], bị kẻ tại gia chuyên ròng tu hành coi thường, há chẳng phải là tự mình chuốc lấy nỗi lo hay sao? Con người ai mà không mong được người khác tung hô, nếu chẳng gắng sức tu trì thì chính là tự chuốc lấy sự chán ghét. Phật pháp chẳng thể bị bại hoại bởi thiên ma, ngoại đạo, mà chỉ bị bại hoại bởi tăng sĩ chẳng tuân phụng giáo pháp, giới luật của đức Phật, ví như trùng trên thân sư tử tự ăn thịt sư tử. Chỉ vì thánh mất niệm thành cuồng, cuồng khắc chế được ý niệm bèn thành thánh, con người ai cũng có thể là Nghiêu - Thuấn, ai cũng có thể thành Phật, điều đáng quý là tự gắng sức vậy!

Cuối đời Minh, đại sư Ngẫu Ích là con nhà họ Chung

ở Mộc Độc, thiên tư thông minh, mẫn tiệp, lúc nhỏ theo mẹ ăn chay lễ tụng, lên 7 tuổi đi học, coi thánh học (Nho học) là trách nhiệm của chính mình, thề diệt Thích - Lão, bắt đầu ăn mặn, uống rượu, viết mấy chục bài luận báng Phật. Năm 17 tuổi đọc bài tựa cho cuốn Tự Tri Lục của đại sư Liên Trì và Trúc Song Tùy Bút bèn chẳng báng Phật. Sau đấy bèn cực lực nghiên cứu, năm 24 tuổi bèn xuất gia, triệt ngộ tự tâm, thâm nhập kinh tạng, một đời trước thuật mấy chục tác phẩm đều là những thứ xưa nay hiếm thấy.

Hiện thời có ông Đặng Trịnh Khôn ở Tứ Xuyên là sinh viên tốt nghiệp trường Pháp Luật Chánh Trị hết sức cuồng ngạo, chống đối. Đầu thời Dân Quốc, ông ta chuyên môn hủy hoại Phật giáo, bất luận miếu thờ thần hay chùa thờ Phật đều suất lãnh đồ đảng phá hủy. Sau đấy chợt biết là sai, tận lực cải hối, đến Phổ Đà xin quy y, ở Cư sĩ lâm Thượng Hải tám năm, tinh tấn tu trì. Năm trước, chiến tranh nổ ra tại đất Hỗ (Thượng Hải), ông ta ở trong Cư sĩ lâm chẳng kinh sợ, chẳng dời động, trước - sau - trái - phải Cư sĩ lâm đều biến thành vùng đất tan hoang, bom đạn lớn nhỏ rớt vào trong Lâm nhưng chẳng nổ một trái nào. Đủ thấy con người sửa lỗi hướng thiện, Phật Bồ-tát liền ban thưởng trọng hậu, che chở cho. Dẫu chúng ta chẳng được như ngài Ngẫu Ích, há cũng chẳng bằng được ông Trịnh Khôn ư? Trịnh Khôn là người mang tội ác cực lớn lao còn được cảm ứng như thế, chúng ta há nên lần khân cho qua ngày, chẳng thêm gắng sức, giống như lên núi báu mà trở về tay không ư?

Gần đây chánh phủ thường ra lệnh rõ ràng cho tổng hội Phật giáo Trung Quốc, buộc hội phải nhắc nhở răn đe tăng-già ai nấy tận lực giữ thanh quy. Phải biết rằng, tăng-già là bậc thầy khuôn mẫu cho trời người, chánh phủ ban lệnh đốc thúc tức là tăng-già đã mất thể thống. Nếu vẫn cứ như đang nằm mộng thì sợ rằng sau này khó tránh được nạn tăng sĩ bị xua đuổi, tài sản bị chiếm đoạt! Hiện thời hội Phật giáo của huyện nhà đã được thành lập, mọi người đều nên nhất trí tiến hành duy trì đại cuộc cho Phật giáo, chớ nên chỉ mong tu tập cho riêng mình. Nếu hội Phật giáo không có cách gì để duy trì thì muốn tự tu tập cũng chẳng thể tu tập được đâu. Vì thế, ai nấy đều phải nghiêm túc tu trì, tự tôn trọng lấy mình. Hiện thời cư sĩ tại gia ai nấy đều chuyên chú tu tập tinh ròng và nghiên cứu, nỡ nào đường đường là một bậc tỳ-kheo lại đâm ra thua kém hàng cư sĩ ư? Người có hào khí hãy nên phát khởi mạnh mẽ, cũng như ai nấy đều nên góp phần tài lực để hỗ trợ cho công việc của hội. Công việc của hội có liên quan đến sự an nguy của chính mình, ví như hai tay hai chân sử dụng lẫn cho nhau, thứ này chẳng giúp đỡ thứ kia sẽ khó thể sống được. Quang là một ông tăng tầm thường chỉ biết cơm cháo, đang đợi chết, sống uổng phí cả một đời, hổ thẹn sám hối còn chẳng kịp, sao dám khoe xấu trước mặt những vị thiện tri thức các chùa. Do chủ tịch là hòa thượng Đạo Hằng thấy Quang già cả, nói ra chắc người ta sẽ nghe theo, bèn cậy tôi soạn lời tuyên cáo. Tuy biết mình thiếu đạo đức để khiến người khác cảm phục, nhưng một phen

giãi lòng thành tính toán lo liệu cho pháp môn ắt sẽ có người đồng ý. Do vậy, đem tình hình Phật giáo đã trải qua và tình hình trong thời gần đây trình bày đại lược. Phàm những vị cùng một sắc áo với tôi, ai nấy hãy mạnh mẽ phát khởi đại tâm để mong trên là tiếp nối huệ mạng của Phật của tổ, dưới làm phước điền cho chúng sanh, ngõ hầu Phật pháp được hưng thịnh trở lại trong buổi nguy ngập suy vong, nhân dân đều được hưởng lợi ích pháp hóa thì may mắn chi hơn?

15. Đôi lời đề tựa cho cuốn kinh A-di-đà của nữ sĩ Vương Tông Ý

(Năm Dân Quốc 24 - 1935)

Các pháp thế gian và xuất thế gian không gì chẳng lấy lòng thành làm gốc, những người tu hành càng phải nên chí thành. Hễ có lòng thành thì nghiệp chướng tiêu trừ, thiện căn tăng trưởng. Phàm lúc tụng kinh ắt phải dứt bặt lo nghĩ, vọng duyên, nhất tâm tịnh niệm như đối trước thánh dung, đích thân nghe viên âm, chẳng dám manh nha chút niệm lười nhác, coi thường! Lâu ngày chầy tháng sẽ tự ngầm thông trí Phật, thầm hợp đạo mầu. Ví như ánh nắng xuân vừa chiếu đến, băng cứng tự tiêu tan. Lòng thành đến mức cùng cực sẽ hoát nhiên thông suốt. Đấy chính là cách hay nhất để xem kinh, niệm Phật. Bà có thể suốt đời hành theo cách này thì lợi ích sẽ chẳng thể nào diễn tả được, Tông Ý hãy ghi nhớ nhé!

16. Lời răn dạy khích lệ các học trò ghi sau cuốn Quy Ước của cô nhi viện Phật giáo chùa Pháp Vân

(Năm Dân Quốc 21 - 1932)

Chuyện trong thiên hạ đều lấy lòng thành làm căn bản, lòng thành đến mức cùng cực thì sắt đá cũng phải cảm động. Thành tích, hiệu quả thật sự đều cậy vào lòng thành. Cô nhi viện từ thuở được đề xướng, thành lập đến nay, các vị quản trị đều thật lòng cứu người nghèo, giúp đỡ trẻ mồ côi, cạn hết tinh lực để lo toan khiến cho cô nhi nghèo khổ đều thành tựu chánh khí, thành gia lập nghiệp, vận dụng phong thái đại đồng bác ái rộng lớn hòng cứu vãn thế đạo nhân tâm đang trong lúc ai nấy đối xử với nhau bằng thái độ khinh dễ, tranh chấp mới thôi. Các vị quản trị đều có tấm lòng thành ấy, vì thế cảm được viện trưởng Lưu chẳng quản già yếu, đích thân lo liệu việc trong viện, mỗi một việc dù to lớn hay nhỏ nhặt đều lo liệu thích nghi. Do vậy các vị giáo viên đều cùng hết lòng dạy dỗ.

Các trò trong viện được ăn no mặc ấm, sống yên nơi đây, ắt phải chú trọng dấy lòng cảm kích, nỗ lực học chữ học nghề, ngõ hầu khỏi phụ một phen hết lòng của viện trưởng, giáo viên, quản trị và những vị thiện sĩ đã giúp đỡ tiền bạc. Nếu có được cái tâm ấy thì gốc đã lập, đạo sẽ sanh, sau này thành gia lập nghiệp, phẩm cao hạnh trỗi, được xã hội khâm phục ngưỡng mộ sẽ là điều có thể đoán trước được. Nhưng muốn mai sau được thành tựu thì phải lập chí hành sự từ ngay bây giờ, cần phải trung

hậu, siêng năng, cẩn thận, khiêm cung, hòa thuận, tâm và miệng như một, những gì biểu lộ ra ngoài và những gì ẩn kín trong lòng chẳng hai, thường giữ lòng hổ thẹn, đừng tự kiêu căng, sáng tối chí thành niệm Phật để mong tiêu trừ túc nghiệp, tăng trưởng thiện căn, chuyện gì cũng lấy lòng thành làm gốc, niệm niệm thường tự soi xét tự tâm thì sự thành tựu của các trò đều chẳng thể lường được. Vì sao vậy? Do có căn bản vậy! Nếu hiện tại chẳng dấy lòng thành cảm kích, hổ thẹn, sốt sắng, dũng mãnh siêng học, chỉ mong cho xong việc sao cho qua ngày đoạn tháng thì hóa ra đã cô phụ tấm lòng thiết tha của viện trưởng và các vị ân nhân. Do không có lòng thành nên dẫu chẳng bị tổn phước giảm thọ, chết yểu, thì cũng là thây đi thịt chạy, là hạng người cả cõi đời đều chán ghét, vứt bỏ. Các trò phải biết tốt xấu, ai nấy gắng sức lên thì may mắn lắm thay!

17. Khuyên khắp mọi người kính tiếc giấy có chữ và tôn kính kinh sách

(Năm Dân Quốc 24 - 1935)

Con người sống trong thế gian được thành tài đạt đức, dựng công lập nghiệp, cho đến có được một tài một nghề để nuôi bản thân lẫn gia đình đều nhờ vào sức chủ trì của văn tự. Chữ là thứ quý báu nhất trong thế gian, có thể khiến cho kẻ phàm trở thành thánh, kẻ ngu thành trí, kẻ bần tiện trở thành phú quý, kẻ tật bệnh trở thành mạnh khỏe, đạo mạch thánh hiền được lưu truyền muôn đời, lo toan cho bản thân

gia đình, truyền lại cho con cháu, không gì chẳng cậy vào sức văn tự. Nếu cõi đời không có chữ thì hết thảy mọi sự lý đều chẳng thành lập được, con người khác gì cầm thú đâu! Đã có công sức như thế, cố nhiên phải nên trân trọng, mến tiếc.

Trộm thấy người thời nay mặc tình khinh nhờn, làm nhơ bẩn, đúng là coi vật quý báu nhất hệt như phân đất vậy, há chẳng khỏi đời này tổn phước giảm thọ, đời sau vô tri vô thức ư?

Hơn nữa, không chỉ chẳng nên khinh nhờn, làm dơ, vứt bỏ chữ hữu hình mà đối với chữ vô hình lại càng chẳng nên khinh nhờn, làm bẩn, vứt bỏ! Nếu chẳng tận lực thực hiện "hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ" tức là đã quên mất tám chữ vậy. Đã quên tám chữ ấy thì sống là loài cầm thú đội mũ mặc áo, chết đọa trong tam đồ ác đạo, chẳng đáng buồn ư?

Chữ là thứ quý báu nhất trong thế gian; vàng, bạc, châu ngọc, tước vị chẳng thể sánh bằng, vì vàng, bạc, châu ngọc, tước vị đều do chữ mà có. Nếu thế gian không có chữ thì vàng, bạc, châu ngọc, tước vị cũng không có cách gì để đạt được cả! Ân đức của chữ nói chẳng thể tận.

Kính tiếc chữ viết phước báo rất lớn. Cha của ông Vương Văn Chánh đời Tống hết sức kính tiếc giấy có chữ, về sau mộng thấy Khổng phu tử dùng tay xoa lưng bảo: "Ông dốc lòng tiếc chữ của ta như thế nên ta sẽ sai Tăng Sâm sanh vào nhà ông hòng làm rạng rỡ môn hộ." Do vậy,

về sau sanh con bèn đặt tên là Vương Tăng[149], đỗ đầu liên tiếp ba kỳ thi, được phong làm Tể tướng, khi mất được đặt thụy hiệu là Văn Chánh Công, tước phong Nghi Quốc Công. Hậu duệ đỗ đạt liên miên, con cháu hiền thiện đều do đời trước kính trọng sách vở và giấy có viết chữ mà ra.

Gần đây gió Âu dần dần thổi sang phương Đông, chẳng những kẻ bình dân chẳng biết kính tiếc sách vở, giấy có chữ, ngay cả Nho sĩ đọc sách cũng chẳng cung kính sách vở và giấy có chữ, hoặc bỏ sách trên sập ngồi, hoặc dùng sách để gối đầu, hoặc giận dữ bèn quăng sách xuống đất, hoặc đi tiêu tiểu vẫn xem thi thư. Chẳng những đại tiểu tiện xong nhất loạt chẳng rửa tay, mà ngay cả đêm nằm ngủ với vợ, sáng dậy đọc sách cũng chẳng rửa tay. Thường dùng giấy có chữ viết để lau chùi đồ đạc, rồi vẫn giả vờ giữ tiếng là kính trọng giấy có chữ bèn đốt [những mảnh giấy đã dùng để lau chùi đồ đạc ấy]. Vì thế khiến cho những kẻ bình dân không có gì để học theo, nên trong thùng rác, trong nhà tiêu, đầu đường cuối ngõ, không đâu chẳng là giấy có chữ la liệt khắp đất. Người đi tàu, ngồi xe thường dùng giấy báo để lót chỗ ngồi, phụ nữ đi ra ngoài đều dùng

149 Vương Tăng (997-1038), tự Hiếu Tiên, người xứ Thanh Châu, đỗ trạng nguyên trong niên hiệu Hàm Bình đời Tống Chân Tông. Khi khảo quan Dương Ức chấm bài thi Đình của Vương Tăng đã kinh ngạc thốt lên: "Đúng là văn chương của một nhân tài phù tá triều chánh!" Ông nổi tiếng là người cương trực, dám can gián thẳng thừng không e ngại nên rất được Tống Chân Tông và Tể tướng Khấu Chuẩn coi trọng. Đến thời Tống Nhân Tông, ông làm Thừa tướng, ra sức cải tổ triều chánh, cực lực thẳng tay gạt bỏ những kẻ do chạy vạy hay nhờ quyền thế mà được nắm giữ những chức vụ to tát. Khi ông mất, Tống Nhân Tông rất thương tiếc và đích thân đề bốn chữ "Tinh Hiền chi bi" (bia của bậc hiền nhân tinh ròng) trên bia mộ, đổi tên làng quê của ông thành làng Tập Hiền.

giấy báo để bọc giày, vớ. Đủ mọi nỗi khinh nhờn chẳng thể nêu trọn.

Vì thế, thiên tai nhân họa liên tiếp giáng xuống đều là vì khinh nhờn vật quý báu nhất trong trời đất mà ra. Chẳng biết trong những tờ giấy có chữ ấy đều có những chữ "thiên, địa, nhật, nguyệt", có những câu văn trích từ kinh sách của thánh hiền. Coi vật trân bảo tôn quý tột bậc ấy như phân, như đất, há lẽ nào chẳng giảm phước tổn thọ, hiện tại gánh lấy tai ương, gây nên quả báo con cháu ngu hèn ư?

Bài văn ở phía trên của thầy ta đã bao quát những nét chánh yếu, nhưng tôi vẫn sợ "nêu ra một điều chưa chắc người đọc đã suy nghĩ đến ba", cho nên tôi lại chọn lựa những điều con người dễ coi thường để nhắc thêm, ngõ hầu người có lòng lo cho thế đạo nhân tâm sẽ xoay vần khuyên chỉ, để ai nấy đều cùng mến tiếc giấy có chữ viết, vậy thì sẽ giàu, thọ, mạnh khỏe, bình yên, thân hiện tại được hưởng năm điều phước như Cơ Tử đã luận, thông minh sáng suốt, hậu duệ sẽ nhận lãnh trăm điều tốt lành như trong bài giáo huấn của Y Doãn *(Trần Tiên Thiện viết)*

18. Luận về tên gọi của Tam Dư Đức đường

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Ông Ninh Đức Tấn xin khai thị về tên gọi *Tam Dư đường* của chính mình, mong sao đối với pháp thế gian liền

hiểu thông suốt Phật pháp, ngõ hầu con cháu đời sau ai nấy đều vâng giữ đạo "trọn vẹn luân thường, tu tâm" hòng làm chuyện lợi mình lợi người. Tôi nói: Hai chữ Tam Dư[150] bất quá để khuyên răn siêng năng, tận lực học hành, đừng bỏ phí thời gian, một khắc ngàn vàng, hễ đã mất không cách nào tìm lại được. Hãy nên thêm vào một chữ Đức thì ý nghĩa sẽ sâu xa hơn.

Dư là như câu "tích thiện dư khánh, tích bất thiện dư ương" trong kinh Dịch, mang ý nghĩa dài lâu chẳng ngơi, lưu truyền mãi mãi chẳng hư nát vậy. Không một pháp thế gian nào thường còn mãi, chỉ riêng có người lập đức, lập công, lập ngôn thì mới có thể vĩnh viễn truyền lại cho đời sau và thường còn lâu dài; nhưng tạo lập được đức nghiệp ấy, nói dễ dàng sao? Nay dạy cho ông cách thực hiện dễ mà thành công cao, dùng sức ít mà được hiệu quả nhanh chóng, dẫu chẳng có bản lãnh tạo dựng ấy nhưng lợi ích sẽ lớn lao hơn nhiều.

Ấy chính là dốc lòng tu "giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, mến tiếc sanh mạng loài vật, rộng hành phương tiện, tạo

---

150 Tam Dư vốn là một điển cố xuất phát từ câu nói của Đổng Ngộ thời Tam Quốc diễn tả chuyện khéo dùng thời gian dư thừa để học hành, tức *"Đông giả, tuế chi dư; dạ giả, nhật chi dư; âm vũ giả, tình chi dư dã"* (Mùa đông là thời gian thừa của một năm; ban đêm là thời gian thừa của một ngày. Lúc mưa dầm tối tăm là thời gian thừa của lúc quang tạnh). Ông Ninh Đức Tấn dùng chữ Tam Dư đặt tên cho nhà học để khích lệ con cháu quý tiếc thời gian, chăm chỉ học hành, nhưng tổ Ấn Quang đã thêm vào chữ Đức với ý nghĩa khuyên răn con cháu ông Ninh không chỉ lo học hành mà còn vun bồi điều lành để hòng đạt được ba đức của Phật tánh là pháp thân, giải thoát và bát-nhã.

lợi ích cho hết thảy, thật sự vì sanh tử phát tâm Bồ-đề, dùng tín nguyện sâu, trì danh hiệu Phật, quyết định cầu sanh thế giới Cực Lạc". Dùng điều này để tự hành, lại còn dùng đó để dạy người. Phàm trong là cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, ngoài là làng nước, xóm giềng, thân thích, bạn bè, đều lấy chuyện giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận và niệm Phật cầu vãng sanh để khuyên lơn sao cho bọn họ đều cùng trong đời này vượt trỗi, dự vào bậc thánh hiền, đến khi lâm chung cao đăng cõi Cực Lạc.

Luận về phương diện sự nghiệp, thành tích thì những người kia (tức những người lập đức, lập công, lập ngôn) to lớn hơn những người này nhiều lắm, nhưng luận về lợi ích thì những người này trội hơn những người kia thật sâu. Ấy là vì một đằng thì chuyên chú vào pháp thế gian, một đằng còn chú trọng thêm nơi pháp xuất thế. Một đằng chỉ hữu ích cho sắc thân, một đằng thì kèm thêm lợi ích cho huệ mạng nữa. Đấy chính là ba dư đức cho pháp thế gian lẫn pháp xuất thế gian. Đến khi vãng sanh Tây Phương thấy Phật nghe pháp, ngộ Vô sanh nhẫn thì tam đức bí tạng pháp thân, bát-nhã, giải thoát sẽ từ phần chứng mà đạt đến chỗ viên chứng rốt ráo, thì mới là rốt ráo ba dư đức vậy! Ba đức ấy theo chiều dọc cùng tột ba đời, theo chiều ngang trọn khắp mười phương, hằng cổ hằng kim, chẳng dời chẳng biến, nơi phàm chẳng giảm, tại thánh không tăng, nhưng do mê chưa ngộ nên chẳng thể thụ dụng được.

"Pháp thân đức" chính là bản tánh bất sanh bất diệt

của chúng ta, "bát-nhã đức" chính là chánh trí lìa niệm thường hiểu biết của chúng ta, "giải thoát đức" chính là tịnh hạnh trong sạch không tỳ vết của chúng ta. Ba đức ấy chẳng tách rời nhau, ước trên mặt nghĩa lý thì chia thành ba, chứ thật ra thì một còn chẳng lập, huống là có ba! Vì thế gọi là "ba dư đức rốt ráo". Nếu không gieo thiện căn trong đời trước, dẫu hết kiếp cũng chẳng nghe được nghĩa này. Dùng ngay những pháp thế gian như luân thường, hiếu, đễ v.v. để tu Phật pháp, dùng ngay pháp xuất thế liễu sanh tử để hướng dẫn những pháp luân thường, hiếu đễ v.v., khác nào dựng tháp trên đỉnh núi và đào giếng nơi đất thấp, tuy cùng đạt được những cái giống nhau, nhưng dụng công có hình tướng khó dễ khác biệt vô cùng. Nếu có thể y theo đó để tu thì lợi ích lớn lao thay!

19. Luận về cái tên Tông Đạo

(Năm Dân Quốc 19 - 1930)

Đứa con chưa sanh ra có pháp danh là Tông Đạo, cái tên ấy dùng để xưng hô suốt cả một đời, chẳng cần phải đặt ra nhũ danh, quan danh, tự và hiệu[151]. Vì sao vậy? Muốn cho nó thấy cái tên mà nghĩ đến ý nghĩa để tự giữ bản thân cho tốt lành lại còn nêu gương cho hết thảy nữa. Tông là

151 Nhũ danh là tên thật được đặt khi còn nhỏ. Khi đến tuổi trưởng thành, lúc làm lễ nhược quan (đội mũ) cha mẹ hoặc người bề trên đặt cho một cái tên khác nhằm gởi gắm kỳ vọng hoặc cầu chúc, tên ấy được gọi là quan danh. Khi đi học thường chọn thêm một cái tên nữa gọi là tự (nhằm biểu lộ chí hướng). Hiệu là tên dùng khi trước tác, hoặc tự xưng nhằm tự trào hoặc bày tỏ chí hướng.

gốc, là chủ; đạo là cái tánh bọn ta đều cùng sẵn có và là pháp phải nên trọn hết, phải nên hành vậy. Tánh tức là Phật tánh, do mê chưa ngộ bèn thành chúng sanh. Nay lấy tánh ấy làm tông tức là giành được quyền làm chủ, tất cả những vọng niệm tham sân si sẽ chẳng tới mức tự buông lung, ào ạt đến nỗi lấn chủ gây họa. Những pháp "phải nên trọn vẹn hết, phải nên hành" chính là "cha từ, con hiếu, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành". Tám điều ấy tuy thuộc vào tám đối tượng, nhưng thật ra không một ai chẳng đều trọn đủ tám vai trò ấy. Hễ đã có chức trách thì phải tận hết bổn phận, ắt sẽ chẳng phải lo gia đình không yên vui, con cái không được dạy dỗ. Lại cần phải "ngăn giận, chặn dục, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện", vậy sẽ làm gương cho làng xóm, khiến cho ai nấy đều dõi theo nhau, bắt chước nhau mà làm lành. Lại còn phải chí thành niệm Phật cầu sanh Tây Phương, tự hành dạy người cùng sanh về Tịnh độ, đích thân chứng được Phật tánh vốn có thì cái tên Tông Đạo mới có thực chất. Xin hãy thường dùng những điều này để dạy bảo nó.

20. Sớ quyên mộ nạo vét ao hoa sen chùa Phổ Tế núi Phổ Đà

(Năm Dân Quốc 20 - 1931, viết thay)

Phổ Đà danh sơn chính là cuộc đất thù thắng thị hiện dấu tích của Đại sĩ, Phổ Tế Thiền Tự quả thật là đạo tràng cầu

phước cho quốc dân. Do vậy các triều đại khâm kính, cả cõi đời tôn sùng. Phật điện, lầu kinh chót vót tận trời thẳm, lời văn của hoàng đế, bia ngự huy hoàng trong chốn biển Đông. Thiện tín vì gội ân toan báo đức mà chẳng sợ trèo núi vượt biển nhọc nhằn, những bậc mong thành chánh giác, mong chứng chân trong ngoài nước ai nấy đều muốn giãi bày tấm lòng kiệt thành tận kính. Nhưng do điện vũ rộng lớn, mà tài sản nhà chùa đạm bạc, hằng năm cần phải chi tiêu rất nhiều, lương thực cho tăng chúng tốn kém rất lớn, chỉ chuyên lo đối phó với chuyện ấy, nên chưa rảnh rang để lo đến ao sen. Ao chính giữa sen còn mọc đầy, nhưng bùn sâu nước cạn, cũng khó thể là kế lâu dài được! Ao ở phía Tây đã từng là vườn rau, rồi lại đào thành ao. Ao ở phía Đông lớn nhất, ước chừng mười mẫu, bùn lầy tràn ngập, khác nào chằm cỏ.

Bất Huệ thay mặt vị trụ trì, thẹn thiếu tài đức, trộm nghĩ tiền nhân đào ao đâu phải chỉ nhằm mục đích mỹ quan, mà chính là vì muốn biểu thị cảnh tượng Tây Phương ngõ hầu những người tạm đến đây hoặc thường trụ khi đi kinh hành bên bờ ao hoa sen, thần thức sẽ dạo chơi Cực Lạc. Nếu có thể tịnh niệm tiếp nối, chắc chắn lâm chung sẽ vãng sanh. Quả thật là duyên trợ đạo thù thắng, thực sự là nhiệm vụ cấp bách để hoằng pháp, tính cho khơi vét cả hai ao chánh giữa và ao phía Đông, dùng đá be bờ ao phía Đông, phía trên xây lan can bằng xi-măng để bảo vệ và tạo vẻ mỹ quan. Như vậy thì cái ao vuông mười mẫu mênh mông như tấm gương, có được nguồn nước lưu chuyển sẽ soi bóng mây và ánh sáng mặt trời khiến cho bậc thượng

sĩ Nam tham, bậc cao nhân Đông thỉnh[152] kinh hành trên những tầng cấp ở bốn phía sẽ khế ngộ "nhất niệm tịnh tâm". Mối quan hệ ấy há nông cạn, nhỏ nhoi ư? Nhưng bát rỗng tuếch như chiếc khánh treo cậy tay người đẽo gọt, khẩn cầu các vị đại hộ pháp cùng phát thâm tâm thành tựu sự tốt đẹp, ai nấy quyên ra của báu tốt đẹp vô tận để do tài thí mà thành pháp thí, chỉ làm một chuyện mà được lợi ích đôi bề, công đức ấy há thể diễn tả được ư?

21. Sớ thuật bày duyên khởi trùng hưng chùa Thọ Lượng tại Cám Châu (tỉnh Giang Tây)

(Năm Dân Quốc 22 - 1933)

Thật tế lý địa trải trần kiếp chẳng biến chẳng dời, nhưng trên phương diện Phật sự thì theo nhân duyên mà có hưng vượng hay suy bại. Tuy "bỉ cực thái lai" vốn thuộc vận trời, nhưng sửa cũ dựng mới quả thật phải nhờ vào con người thực hiện. Xưa kia khi đức Thế Tôn sắp nhập Niết-bàn đã đem pháp đạo phó chúc cho quốc vương đại thần, dạy họ hộ trì lưu thông. Ấy vì ngài đã thấy trước đời sau pháp yếu ma mạnh, nếu không cậy vào hạng vĩ nhân có quyền lực bảo vệ bình yên, ngăn chặn kẻ khinh lấn, thì tròng mắt của trời người, huệ mạng của Như Lai chắc sẽ gần như bị diệt mất.

---

152 "Nam tham" xuất phát từ câu chuyện Thiện Tài đồng tử đi về phương Nam tham học với các vị thiện tri thức trong phẩm Nhập Pháp Giới kinh Hoa Nghiêm. "Đông thỉnh" là từ ngữ chỉ các vị cao tăng từ Thiên Trúc, Quy Tư v.v. tận trời Tây nhận lời thỉnh của vua chúa Trung Hoa, chống tích trượng sang phương Đông hoằng pháp.

Chùa Thọ Lượng là một đạo tràng cổ đã lâu 1.500 năm của Cám Châu. Nhằm thời Tiêu Lương[153], Phòng ngự sứ[154] là Lô Quang Đảo vì sư Đạo Thành mà dựng chùa này. Thoạt đầu đặt tên là Lô Hưng Diên Thọ, rồi đổi thành Thánh Thọ, đến niên hiệu Tường Phù đời Tống, vua Chân Tông đặc biệt sắc tứ cho chùa cái tên hiện thời. Trong những đời Nguyên, Minh, Thanh, đời nào cũng hưng vượng, đến thời Quang Tự nhà Thanh đột nhiên bị suy vi. Năm Dân Quốc thứ 4 (1915), lại bị lụt lớn, đến nỗi ngôi chùa Phật trang nghiêm trọn thành gò hoang, chỉ có mình tượng Quán Âm cao một trượng sáu đúc bằng sắt là còn nguyên vẹn không bị hư hại. Những vị thân sĩ trong vùng thỉnh hòa thượng Đại Xuân chùa Quang Hiếu kiêm nhiệm trụ trì. Hòa thượng bèn cùng với đại sư Đức Sâm - là vị tăng trụ ở đấy, cạn sức lo liệu, dựng Quán Âm Điện.

Sau này cụ Đại Xuân qua đời, thầy Đức Sâm rời đất Cám, tìm người kế nhiệm trụ trì không ra, đến nỗi tòa thị chánh coi là đất bỏ hoang, tính sửa thành chợ rau, mở đường sá. Những hàng tăng tục trong vùng báo cho thầy Đức Sâm biết, do vậy thầy bèn gởi thư đến những bậc tai to mặt lớn các giới lần lượt khẩn cầu bảo vệ.

---

153 Tiêu Lương tức là Nam Lương (502-557), tức một triều đại vào thời Nam Bắc Triều ở Trung Hoa, được sáng lập bởi Tiêu Diễn (Lương Cao Tổ Vũ Đế) sau khi diệt nhà Nam Tề, xưng đế đóng đô tại Kiến Khang (nay là Nam Kinh). Do vậy, sử thường gọi triều đại này là nhà Tiêu Lương để phân biệt với những triều Lương khác.

154 Phòng ngự sứ là một chức quan võ được lập ra từ thời Đường nhằm trông coi việc binh tại những huyện trấn trọng yếu. Qua những đời quyền hạn của chức quan này bị giảm dần, chỉ nhằm trông coi việc huấn luyện và phòng thủ địa phương, chứ không có toàn quyền về binh bị như những đời trước.

May sao được Ủy viên trưởng Tưởng thuộc Quân sự Uỷ viên hội và Tổng tư lệnh Trần tỉnh Quảng Đông cùng Quân trưởng Từ đều đánh điện cho vị Sư trưởng đang đóng quân ở đất Cám là tiên sinh Lý Toàn Không lập cách bảo vệ. Hội Phật giáo Trung Quốc cũng lại gởi thư, đánh điện cầu xin Sư trưởng Lý duy trì cũng như tuyển lựa người thích hợp qua lại phụ trách, quy hoạch, chỉnh lý. Ông Lý bèn hạ lệnh bãi bỏ đề nghị trước kia, lại còn bằng lòng duy trì cho nhà chùa mau được khôi phục. Những vị quan viên, thân sĩ trong vùng như ông Lưu Cấp Phủ v.v. tận lực đảm nhiệm vai trò trung gian và nguyện làm hậu thuẫn giúp cho ngôi chùa được khôi phục. Ấy là vì pháp đạo được hưng thịnh đều do có nhân duyên, chẳng qua cơn sóng gió này thì ngôi chùa này sẽ gần như biến mất.

Chỉ vì hiện thời đang nhằm thuở mạt pháp, con người căn tánh kém hèn, nếu không cậy sức đại thệ nguyện của Phật Di-đà để vãng sanh Tây Phương thì ai có thể đoạn sạch phiền hoặc, liễu sanh thoát tử ngay trong đời này? Do vậy, khôi phục lần này sẽ chuyên tu pháp môn Tịnh độ và lập thêm Cư sĩ lâm, lưu thông xứ (phòng phát hành kinh sách), để các nhân sĩ trong vùng đều biết đạo trọng yếu hòng thoát ngũ trược lên chín phẩm, và biết khuôn mẫu tốt lành để giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, biết nhân quả, tu trì cẩn thận. Như thế thì do liên xã được mở mang mà tông phong chấn hưng, lễ giáo hưng khởi, vận nước tốt đẹp, sáng sủa, ngõ hầu xứng với ý nghĩa lập chùa

đặt tên của cổ nhân, cũng như để an ủi một phen nhiệt tâm bảo vệ duy trì của các vị.

Nhưng do nhà chùa không có hằng sản, tăng không tích trữ, bèn cậy Bất Huệ viết lời sớ dẫn giải hòng khẩn cầu các vị đại hộ pháp và các thiện tín phát tâm Bồ-đề hành phương tiện sự, chở vàng chở gạo, xoay vần khuyên bảo quyên mộ, khiến cho điện báu thênh thang sớm có ngày thành công, mãn nguyệt kim dung thường trụ suốt kiếp. Tịnh tông được thịnh hành, con người đều biết đạo thoát khổ, nhân quả phô tỏ rõ ràng, mọi người cùng nhau đi theo con đường mong trở thành thánh, sẽ thấy Phật, trời bảo vệ như mây nhóm, tốt lành mừng vui đua nhau đưa đến, cửa nhà yên vui, quyến thuộc bình an, giàu, thọ, khỏe mạnh, bình yên, thân hiện tại được hưởng ngũ phước như Cơ Tử đã luận, lan quế[155] ngào ngạt, hậu duệ nhận lãnh trăm điều tốt lành như đã nói trong bài giáo huấn của Y Doãn, chỉ mong ai nấy đều phát lòng tùy hỷ, đều cùng được tiếng thơm.

---

155 Lan quế: Ý nói con cháu hiển đạt. Đây là hai điển tích được ghép chung lại. Một người tiểu thiếp của Trịnh Văn Công thời Đông Chu nằm mộng thấy có người xưng là tổ tiên họ Trịnh trao cho nhánh lan, tỉnh dậy liền biết đã thọ thai, do đó đứa con sinh ra được đặt tên là Lan. Về sau Trịnh Lan trở thành Trịnh Mục Công, là một ông vua hiền sáng suốt khiến nước Trịnh tuy nhỏ lại làm bá chủ chư hầu một thời. Do vậy, người ta hay dùng điển tích "mộng lan" để chỉ người phụ nữ có thai sanh con quý hiển.

Chữ quế phát xuất từ điển tích Đậu Yên Sơn (tên thật là Đậu Vũ Quân) sống vào đời Hậu Tấn thời Ngũ Đại. Ông này có năm người con trai đều đỗ đạt, đức cao trọng vọng, được người đời khen ngợi là *Yên Sơn Đậu thị ngũ long* (năm con rồng họ Đậu đất Yên Sơn). Phùng Đạo làm thơ mừng Vũ Quân có câu: *"Linh xuân nhất châu lão, đan quế ngũ chi phương"* (Linh xuân một gốc thọ, đan quế năm cành thơm). Do vậy người đời sau thường khen ngợi nhà có con cháu hiển đạt, hiển đức là "lan quế chi gia".

22. Sớ quyên mộ tu bổ điện vũ và thánh tượng chùa Quán Âm ở thôn Triệu Gia thuộc Đông Hương, huyện Cáp Dương

(Năm Dân Quốc 24 - 1935)

Đại sĩ Quán Âm thệ nguyện rộng sâu, pháp giới chúng sanh đều được bình đẳng nhiếp thọ, khiến cho kẻ thiện căn chưa gieo, chưa chín muồi, chưa được độ thoát liền gieo, liền chín muồi, liền độ thoát. Đối với kẻ nên dùng thân nào để độ được bèn hiện thân ấy để thuyết pháp.

Ấy là vì Đại sĩ vô tâm, lấy tâm của chúng sanh làm tâm của chính mình; Đại sĩ không có cảnh, lấy cảnh của chúng sanh làm cảnh của chính mình, nên gặp kẻ mê muội tự tâm bèn nói những lời pháp ngữ mềm mỏng khiến cho kẻ ấy khai ngộ, gặp kẻ mắc phải các hiểm nạn bèn hiện thành cầu bến hay nhân sĩ khiến cho kẻ ấy được thoát lìa. Do Đại sĩ thành Phật đạo đã lâu, bi nguyện vô tận, nên giống như vầng trăng rạng ngời in bóng ngàn sông, dường như ánh nắng xuân sanh thành muôn cây cỏ, chẳng mong tưởng mà được như vậy. Do vậy, ai nấy đều cảm mộ hồng ân bảo vệ, phù trợ, cho nên nơi nào cũng lập miếu để thờ phụng ngài.

Chùa Quán Âm thuộc thôn Triệu Gia tại Ấp Đông, vốn tên là viện Quán Âm, điều này thấy ghi trong bi ký do một sinh viên[156] trong ấp là Lô Tường Hưng soạn vào

156 Sinh viên chính là danh xưng của học vị tú tài vào thời Minh - Thanh, tức là người đã trúng tuyển kỳ thi tổ chức tại một huyện.

năm Thiên Khải thứ hai (1622) đời nhà Minh. Người đời sau dựng thêm Phật điện ở đằng trước, đổi tên viện thành chùa Nho Đông, nhưng do hai chữ này đối với pháp đạo chẳng biểu lộ được ý nghĩa sâu xa nào, mà kẻ thấy nghe cũng khó thể gieo thiện căn. Huống chi đang trong lúc luôn gặp phải tai họa này, nếu chẳng đề xuất thánh hiệu Quán Âm khiến cho nhân dân xưng danh thoát khổ thì chẳng những cô phụ lòng từ mênh mông của Đại sĩ mà còn cô phụ sâu xa thâm tâm của người kiến lập viện Quán Âm thuở ấy. Vì thế đổi tên là chùa Quán Âm.

Kiến trúc của chùa là một tòa cửa tam quan, bên trong ấy thờ hai vị Kim Cang; một tòa Phật điện thờ ba vị Phật Thích-ca, Dược Sư, Di-đà, có Ca-diếp, A-nan đứng hầu bên cạnh; sau Phật điện là một tòa điện Vi-đà[157], hai bên là hai tòa phối điện[158], phía Đông thờ Quan Đế, phía Tây thờ già-lam[159]. Chính giữa là một tòa điện Quán Âm,

157 Vi-đà (Skanda), còn gọi là Kiện-đà thiên, Vi-đà thiên, Vi Tướng Quân, Vi Thiên Tướng Quân, vốn là một vị Bồ-tát thị hiện dưới thân phận một vị thần có danh xưng là Kārttikeya (người 6 mặt), hoặc Kumāra (Đồng Tử), 6 đầu, 12 tay, tay cầm cung tên, cỡi chim công, tức là một trong 8 vị đại tướng quân của Nam phương Tăng Trưởng thiên vương, đứng đầu 32 tướng quân của trời Đế Thích. Ngài nhận lãnh lời phó chúc của đức Phật bảo vệ ba châu Đông, Nam và Tây. Sau khi luật sư Đạo Tuyên nằm mộng thấy Vi-đà Bồ-tát hiện thân phát thệ bảo vệ chốn tùng lâm, Vi-đà Bồ-tát được coi là một vị hộ pháp chuyên bảo vệ chốn già-lam, thủ hộ tăng chúng. Tại các nước chịu ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa, ngài thường được tạc tượng như một vị võ tướng tươi trẻ, dung mạo đoan nghiêm, thân mặc kim giáp, tay chống kiếm báu, hoặc cầm kim cang giản.

158 Phối điện: Tòa điện thờ phụ thêm vào công trình chính.

159 Già-lam ở đây chính là thần già-lam, tức 18 vị thiện thần thủ hộ chốn tùng lâm. Hiểu theo nghĩa rộng, chữ thần già-lam là chỉ tất cả chư thiên thiện thần bảo vệ chốn chùa chiền. Theo Thất Phật Bổ-tát Sở Thuyết Đại Đà-la-ni Thần Chú Kinh quyển bốn, danh xưng của 18 vị thần già-lam như sau: Mỹ Âm, Phạm Âm, Thiên Cổ, Xảo Diệu, Thán Mỹ, Quảng Diệu, Lôi Âm, Sư Tử Âm, Diệu Mỹ, Phạm Hưởng, Nhân Âm, Phật Nỏ,

bên trong thờ đức Quán Âm, đứng hầu hai bên là Thiện Tài, Long Nữ. Hai bên vách là thập bát La-hán[160]. Dựa theo hình thế ấy, đủ biết Phật điện là do sau này xây dựng thêm vào.

Thán Đức, Quảng Mục, Diệu Nhãn, Triệt Thính, Triệt Thị, Biến Quán. Tuy thế, trong rất nhiều tùng lâm Trung Hoa, Quan Công được coi là Bồ-tát Già-lam và được thờ đại diện cho 18 vị thần già-lam kể trên.

160 Thập bát La-hán: Đúng ra chỉ có 16 vị La-hán. Theo tôn giả Khánh Hữu viết trong tác phẩm Pháp Trụ Ký, lúc đức Phật sắp nhập Niết-bàn đã phó chúc cho 16 vị La-hán trụ thế lâu dài cho đến khi Phật Di-lặc ra đời để hoằng dương Phật pháp. Một số nhà nghiên cứu cho rằng người Trung Hoa coi số 9 là con số cát tường nên đã tự động thêm vào hai vị nữa cho đủ con số 18, nhưng những người chủ trương thuyết này không đưa ra được bằng chứng thuyết phục nào. Ngoài 16 vị La-hán được ghi tên trong Pháp Trụ Ký, danh tánh của hai vị được thêm vào này bị biến đổi theo nhiều thời đại, chẳng hạn sách Phật Tổ Thống Ký ghi hai vị La-hán cuối cùng là tôn giả Ca-diếp và tôn giả Quân-đồ-bát-thán. Truyền thống Tây Tạng cũng kể tên 16 vị La-hán giống như sách Pháp Trụ Ký và thêm vào hai vị nữa là tôn giả Đạt-ma và hòa thượng Bố Đại. Vua Càn Long sau khi tham khảo ý kiến các bậc đại đức đương thời, đã xuống chiếu khâm định danh tánh 18 vị La-hán như sau: Tân-độ-la-bạt-la-đọa-xà (Pindolabharadvaja), Ca-nặc-ca-phạt-tha (Kanakavatsa), Ca-nặc-ca-bạt-la-đọa-xà (Kanaka-bharadvaja), Tô-tần-đà (Suvinda), Nặc-củ-la (Nakula), Bạt-đà-la (Bhadra), Ca-lý-ca (Karika), Phạt-xà-la-phất-đa-la (Vajraputra), Thú-bác-ca (Svaka), Bán-thác-ca (Panthaka), La-hỗ-la (Rahula), Na-già-tê-na (Nagasena), Nhân-yết-đà (Ingata), Phạt-na-bà-tư (Vanavasin), A-thị-đa (Ajita), Chú-đồ-bán-thác-ca (Cudapanthaka), Hạ-sa-nhã-ba (tôn giả Ca-diếp) và Nạp-đáp-mật-đáp-lạt (tôn giả Di-lặc).

Trong dân gian lại thường gọi tên 18 vị La-hán theo tư thế hay hình dạng được tạc tượng như sau: La-hán Phục Long (La-hán hàng phục rồng - Khánh Hữu), La-hán Tọa Lộc (La-hán ngồi trên con nai - Tân-đầu-lô-phả-la-đọa), La-hán Cử Bát (La-hán nâng bát - Ca-nặc-ca-bạt-ly-đọa-xà), La-hán Quá Giang (La-hán vượt sông - Bạt-đà-la), La-hán Phục Hổ (La-hán hàng phục cọp - Tần-đầu-lô), La-hán Tịnh Tọa (La-hán tịnh tọa - Nặc-củ-la), La-hán Trường Mi (La-hán lông mày dài - A-thị-đa), La-hán Bố Đại (La-hán cầm túi vải - Nhân-yết-đà), La-hán Khán Môn (La-hán nhìn cửa - Chú-đồ-bán-thác-ca), La-hán Thám Thủ (La-hán sờ bàn tay - Bán-thác-ca), La-hán Trầm Tư (La-hán trầm tư - La-hỗ-la), La-hán Kỵ Tượng (La-hán cưỡi voi - Ca-lý-ca), La-hán Hoan Hỷ (La-hán vui vẻ - Ca-nặc-ca-phạt-tha), La-hán Tiếu Sư (La-hán cưỡi sư tử, mỉm cười - La-phất-đa, tức tên ngài Vajraputra được gọi tắt), La-hán Khai Tâm (La-hán phạch ngực - Thú-bác-ca), La-hán Thác Tháp (La-hán cầm tháp - Tô-tần-đà), La-hán Ba Tiêu (La-hán cầm quạt Ba Tiêu - Phạt-na-bà-tư) và La-hán Oát Nhĩ (La-hán ngoáy tai - Na-già-tê-na). Như vậy, trong cách gọi dân gian, tôn giả Tân-đầu-lô được nhắc lại hai lần và tên ngài Khánh Hữu được thêm vào danh sách này.

Người trong ấp tôi từ sau thời Càn Long - Gia Khánh, Phật học bặt tiếng vang, ngoại đạo cũng không có. Gần đây nạn đói kém dồn dập xảy ra, quân binh, giặc cướp nhiều lượt quấy nhiễu, nhân dân khổ sở cùng cực, mong yên vui nhưng chẳng được. Các thứ ngoại đạo thừa cơ kéo đến, môn đình tuy khác nhau, nhưng nói chung là dùng luyện tinh - khí - thần để cầu thành tiên làm bầy tôi của Thiên Đế mà thôi. Thoạt đầu ông Lý Tiên Đào lên Thượng Hải buôn bán nghe pháp quy y. Đến khi quay về, thỉnh một số kinh sách để tặng cho những bạn tri giao có học thức tại các huyện Cáp, Trừng, Triều. Do vậy mới biết pháp môn Tịnh độ là pháp môn đặc biệt trong Phật pháp, thực hiện dễ, thành công cao, dùng sức ít, hiệu quả nhanh chóng, cậy vào Phật từ lực liền có thể liễu sanh thoát tử ngay trong đời này, so với những kẻ cậy vào tự lực để liễu sanh tử thì khó dễ khác biệt vời vợi hệt như một trời một vực.

Mùa hạ năm nay, ông Lý từ Cam Túc trở về làng, ngày mồng 8 tháng 4 đến chùa Quán Âm lễ Phật, thấy điện vũ điêu tàn, thánh tượng long lở, sứt mẻ, muốn tu bổ đôi chút, nhưng tiếc rằng sức chẳng thể kham nổi, đến đất Tô cậy Quang viết sớ để hô hào người khác giúp tay. Quang nói: "Đang trong lúc tai họa liên tiếp xảy ra, nhân dân khốn khổ này, chỉ sợ chẳng có mấy người chịu thí xả, nhưng đem tờ sớ của tôi cho mọi người xem, dẫu người ta chẳng bỏ ra một đồng nào cũng đã gieo được thiện căn liễu thoát ngay trong đời này cho người ấy, huống chi nghĩ đến ân Đại sĩ ắt sẽ có người tùy phận tùy sức giúp đỡ. Khoản tiền quyên

được nếu nhiều sẽ tu bổ lớn, nếu nhỏ sẽ sửa chữa nhỏ. Dẫu chẳng được một đồng nào thì tôi vẫn không uổng công soạn tờ sớ, ông vẫn có công quyên mộ lớn lao! Vì sao vậy? Do người ta đọc tờ sớ này sẽ biết hồng ân độ chúng sanh của đức Quán Âm và đại pháp niệm Phật để liễu sanh tử, sẽ thấy sau này những kẻ nối tiếp nhau khởi lên nhiều không thể kể xiết. Cớ gì cứ phải chấp nhặt một thời một chỗ mới là báo ân hoằng pháp hay sao?"

23. Sớ quyên mộ xây dựng đại điện của tịnh xá Liên Tu tại đập Dương Thiện, huyện Giang Đô, Dương Châu

(Năm Dân Quốc 23 - 1934)

Pháp môn Tịnh độ thích hợp khắp ba căn, thâu nhiếp trọn vẹn lợi căn lẫn độn căn, thực hiện dễ mà thành công cao, dùng sức ít mà hiệu quả nhanh chóng, chẳng đoạn hoặc nghiệp mà được dự vào địa vị Nhất sanh bổ xứ, ngay trong đời hiện tại chắc chắn thoát khỏi luân hồi lục đạo. Do pháp này là chỗ quy túc của hết thảy các pháp Thiền, Giáo, Luật, Mật, là đạo trọng yếu để ba đời chư Phật viên mãn Bồ-đề vậy.

Vào cuối đời Minh, hòa thượng Giác Căn mở một đạo tràng Tịnh độ tại đập Dương Thiện thuộc Giang Đô, chuyên tu niệm Phật tam-muội. Từ đấy về sau luôn có cao nhân trụ trì, vì thế pháp đạo tồn tại lâu dài chẳng suy vi. Trong thời Hàm Phong - Đồng Trị nhà Thanh, sau cơn binh hỏa, hòa thượng Tịch Sơn phái người trông coi, gần

đây giao cho đồ đệ là Trí Định làm trụ trì, nghiêm túc tuân theo quy củ xưa, chẳng dính đến ngoại duyên. Năm ngoái bị gặp trận lụt lớn, điện đường, liêu xá đều bị cuốn ra biển Đông, tường vách đại điện chẳng còn sót gì. Lúc dựng đại điện đã dùng ba cây gỗ lớn để chống đỡ khám thờ Phật, cũng bị trôi đi mất. Khám thờ Phật bị nước lũ xoáy vỡ, cũng bị cuốn đi.

Nước ngập đến gối tượng Phật, kim thân của bộ tượng Tây Phương Tam Thánh cao tám thước đều tạc bằng gỗ hương chương[161] kể cả tòa sen gặp cơn vùi dập này chẳng bị tổn hoại mảy may. Đủ thấy nước lũ do ác nghiệp của chúng sanh chiêu cảm, tượng Phật gặp phải trận tấn công dữ dội này vẫn nghiễm nhiên như cũ. Ấy là vì muốn thị hiện cho khắp mọi chúng sanh được thấy để họ quy mạng, gieo tấm lòng thành cầu được vãng sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh. Sau khi nước rút, trước hết sư Trí Định dựng một lều tranh để tượng Phật chẳng bị nắng hun mưa xối, nhưng chuyện tu bổ đại điện thì chỉ biết than vãn suông chẳng biết làm sao hơn! May có huyện trưởng huyện Giang Đô là ông Dương, Cục trưởng Cục Tài chánh là ông Diệp, Cục trưởng Cục Công an là

161 Hương chương, còn được gọi là bổn chương, điểu chương, lão chương, hoặc chương tử, là một loài cây thân mộc, không rụng lá vào mùa đông, thuộc họ long não, có tên khoa học là cinnamomum camphora, thường mọc nhiều ở các tỉnh miền Đông Trung Hoa cũng như phân bố rải rác tại Việt Nam, Nhật Bản, Lưu Cầu, sớ gỗ trắng nhạt hơi ngả nâu, có mùi thơm nhẹ. Người Trung Hoa tin rằng những cây gỗ chương này có thần nhân nương gá nên không dám chặt đẽo làm vật dụng, chỉ dùng để tạc tượng Phật, tượng thần.

ông Trần, Cục trưởng Cục Kiến thiết là ông Lý và những vị thân sĩ, cao niên vùng Giang Đô ai nấy thấy chuyện kỳ lạ như thế đều bỏ tiền ra giúp đỡ hòng khôi phục ngôi cổ đạo tràng làm chỗ cho người địa phương cầu phước, do vậy sư Trí Định xin tôi viết bài sớ giãi bày nguyên ủy để khẩn cầu mười phương đàn-việt (phần dưới lược đi).

24. Sớ quyên mộ tu bổ đại điện và các điện đường, liêu xá chùa Nam Thiên Trúc Diễn Phước tại Hàng Châu

(Năm Dân Quốc 18 - 1929)

Quán Thế Âm Bồ-tát trong vô lượng kiếp trước đã sớm thành Phật đạo, hiệu là Chánh Pháp Minh, nhưng do tâm từ bi tha thiết, lòng độ sanh ân cần nên lại chẳng lìa cõi Tịch quang, hiện hình trong chín giới, tùy loại hiện thân tầm thanh cứu khổ, đủ mọi phương tiện độ thoát chúng sanh. Tức là khiến cho kẻ chưa gieo thiện căn, chưa chín muồi, chưa độ thoát sẽ liền gieo, liền chín muồi, liền độ thoát, nên dùng thân nào để độ được bèn hiện thân ấy thuyết pháp. Do vậy nơi nơi đều lập đạo tràng, nhưng Thiên Trúc là nơi thấy rõ nhất, vì Hàng Châu thường được xưng là Phật quốc, nhân dân thiện căn sâu dày, nên Bồ-tát linh cảm dị thường.

Chùa Nam Thiên Trúc Diễn Phước là do ông Trần Trọng Bảo xây dựng vào năm Khai Hoàng 15 (595) đời Tùy, thỉnh pháp sư Chân Quán khai sơn. Pháp sư vốn thuộc dòng họ Phạm danh giá ở Tiền Đường, đã thoát khỏi bẫy lồng từ

bé, trí tuệ thiên bẩm thâm nhập kinh tạng, triệt ngộ tự tâm. Thoạt đầu đến yết kiến đại sư Thiên Thai Trí Giả, được đại sư dùng lễ đồng môn để đối đãi thì có thể hình dung được mức độ cao sâu nơi đạo đức và sự ngộ chứng của sư. Đến khi trụ tại chùa này, sư thường giảng kinh Pháp Hoa, pháp đạo hưng thịnh ít ai sánh bằng. Vì thế người đương thời nói: "Thiên Trúc có Chân Quán là bằng nửa thiên hạ rồi." Từ đấy về sau bể dâu biến đổi, hưng phế không nhất định.

Đến năm Thuần Hựu thứ tám (1248) đời Tống Lý Tông, chùa lại được trùng hưng, vua ban biển ngạch là Sùng Ân Diễn Phước Tự, cho mãi đến đời Nguyên, thời nào cũng có cao nhân, nhưng được pháp sư Nhuận trụ trì 6 năm hoằng dương lớn lao giáo nghĩa Thiên Thai và Liên tông. Pháp sư lễ tụng siêng gắng, cõi đời ít ai sánh bằng. Lúc mới xuất gia, sư lễ thần già-lam, tượng bèn hư đổ, nếu chẳng có cội gốc sâu xa, làm sao được như vậy? Đến cuối đời Minh, gặp cơn binh hỏa, chùa biến thành gò hoang, dân phụ cận chiếm cứ làm của riêng đã hơn 200 năm.

Năm Dân Quốc thứ 5 (1916), hòa thượng Hổ Bão Pháp Luân nhân đọc sách vở mới biết nguyên do, muốn bảo tồn cổ tích, chí mong khôi phục, hỏi những bậc cao niên tìm được nền chùa cũ, đem ba ngàn đồng chuộc lại được hơn mười mấy mẫu, liền dựng một am tranh, phái người chăm sóc, để đợi cơ duyên. Đến năm Dân Quốc 12 (1923), đại sư Phật Duyên mới tiếp nhận trông nom, sáng chiều lễ tụng, mong có người nương theo đại nguyện luân

sẽ trải vàng[162] trùng hưng đạo tràng Tịnh độ hoành siêu (phần sau lược đi).

25. Sớ quyên mộ tổ chức pháp hội cầu đảo hằng năm để lợi lạc rộng khắp

(Năm Dân Quốc 18 - 1929. Viết thay cho nhóm cư sĩ Vương Nhất Đình, về sau do thầy Minh Giác qua đời nên chưa tiến hành được)

Trộm nghĩ thế giới vốn bình yên, do tình kiến khác biệt mà thành rối loạn; lòng trời vốn từ thiện, do sự ác của chúng sanh chiêu cảm nên tai ương thường giáng xuống. Do vậy mấy năm gần đây đao binh, lụt lội, hạn hán, đói kém, tật dịch liên tiếp xảy ra, dân không lẽ sống; nhưng đã cùng sống trong khoảng trời đất, há chẳng ôm lòng "dân là người ruột thịt, loài vật giống như ta" ư? Vì vậy, những người cùng hàng hèn kém như chúng tôi trong nhiều năm qua, hễ các thứ tai ương, hoạn nạn xảy ra ở các nơi đều tận hết sức mọn để cứu giúp. Ấy chính là thương xót cho nỗi khổ sở đắng cay trong đời này mà lập phương cách. Thêm nữa, hồn người đã khuất không chỗ quay về, lâu ngày biến

---

162 Trải vàng (bố kim): Khi Cấp Cô Độc Tu-đạt-đa tính mua ngôi vườn của thái tử Kỳ-đà (Jeta) để xây dựng tịnh xá cho Phật và tăng đoàn tại Xá-vệ, thái tử không muốn bán liền nói giỡn: "Nếu ông đem vàng đến lót hết mặt đất thì tôi sẽ bán cho." Nào ngờ, ông Cấp Cô Độc chở vàng đến lót khắp mặt đất. Xúc động trước tấm lòng mộ đạo của Cấp Cô Độc, thái tử nguyện dâng cúng những cây trong vườn cho tăng đoàn, do đó ngôi vườn này được gọi là vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc. Về sau, các sách vở nhà Phật thường dùng chữ "bố kim" để chỉ hành động sẵn lòng cúng dường hộ trì Phật pháp của hàng Phật tử tại gia.

thành vong linh dữ dằn, nếu chẳng lập cách siêu độ thì làm sao an ủi được những loại cô hồn ấy dưới suối vàng cho được? Vì thế mỗi năm phải đặc biệt lập đạo tràng để cứu vớt cô hồn, cầu chúc thái bình. Đấy chính là nhiệm vụ cấp bách để ngăn dứt tai ương trong tương lai vậy! Từ trước đến giờ, việc cầu đảo chưa quyết định tại chỗ nào, cứ tùy ý cử hành tế độ cô hồn.

Trộm nghĩ Đại sĩ Quán Âm thệ nguyện rộng sâu, danh sơn Phổ Đà là nơi ngài ứng hóa. Hòa thượng Minh Giác lại là vị tăng chân thật tiến hành chuyện công ích, do vậy tính giao phó cho ngài thực hiện pháp hội này ngay tại am của ngài. Vào dịp Thanh Minh[163] trong tháng 3 [âm lịch] sẽ niệm thánh hiệu Quán Thế Âm bảy ngày, vào ngày viên mãn sẽ đặc biệt làm lễ thí thực. Vào tháng 7 bèn niệm thánh hiệu đức Địa Tạng bảy ngày, thí thực bảy hội. Tiết Đông Chí sẽ niệm thánh hiệu Phật Di-đà bảy ngày, đến ngày viên mãn sẽ thí thực một hội. Mỗi lần đều thỉnh 48 vị tăng.

Dùng công đức ấy để siêu độ hết thảy những cô hồn chết vì đao binh, lũ lụt, hạn hán, đói kém, tật dịch để họ đều được sanh vào đường lành, ngõ hầu chẳng đến nỗi biến thành oán quỷ gây ra chuyện hung ác. Từ đấy nhân dân yên

---

163 Thanh Minh là một trong 24 tiết khí của âm lịch. Tiết khí này thường rơi vào ba tuần cuối của tháng 4 dương Lịch. Bộ Lịch Thư quy định: "Ngày Rằm sau tiết Xuân Phân khi sao Bắc Đẩu chỉ về hướng Đinh là tiết Thanh Minh. Do thời tiết trong sáng, thanh khiết nên gọi là Thanh Minh." Thời cổ, hoàng đế thường đi tảo mộ tổ tiên vào tiết Thanh Minh nên dân gian bắt chước theo. Do tiết khí này nhằm vào đầu xuân, khí trời ấm áp, cỏ cây xanh tốt nên còn gọi là "hội Đạp Thanh" (đạp lên cỏ xanh), tức là dịp cho nam thanh nữ tú vừa đi tảo mộ, vừa có dịp gặp gỡ nhau.

vui, lòng trời hòa thuận vui sướng, mưa nắng do vậy sẽ đúng thời, sâu rầy do vậy chẳng sanh sôi thì vật mạnh, dân yên, thiên hạ thái bình vậy! Lại nguyện quân, dân, trưởng quan, ai nấy phước thọ đều tăng cao, chuyện tốt lành xảy đến, hưởng đủ năm thứ phước như Cơ Tử đã luận, cùng nhận lãnh trăm điều tốt lành như đã nói trong bài giáo huấn của Y Doãn. Dùng phước đức này vỗ về chăm bẵm dân ta, phong thái đại đồng sẽ lại được thấy trong ngày nay. Phàm những ai cùng hàng với tôi xin hãy giúp đỡ, tán thành!

26. Sớ lễ niệm Quán Thế Âm Bồ-tát cầu con

(Năm Dân Quốc 29 -1940.
Soạn vào cuối xuân năm Canh Thìn)

Ngưỡng vọng Đại sĩ Quán Âm thệ nguyện sâu xa mênh mông, bình đẳng nhiếp thọ pháp giới hữu tình, khiến cho kẻ chưa gieo thiện căn, chưa chín muồi, chưa độ thoát sẽ liền gieo, liền chín muồi, liền độ thoát, nên dùng thân nào để độ được bèn hiện thân ấy thuyết pháp. Ấy là vì Đại sĩ vô tâm dùng tâm của chúng sanh để làm tâm, Đại sĩ vô niệm, dùng niệm của chúng sanh làm niệm. Vì thế khởi lòng từ vô duyên, vận lòng bi đồng thể, như vầng trăng vằng vặc in bóng khắp ngàn sông, như ánh nắng xuân khiến cho khắp muôn loài cỏ cây sanh sôi, khắp các cõi nước nhiều như bụi trần cảm thì ngài sẽ ứng trong khắp các cõi nước nhiều như bụi trần. Không điều mong cầu nào chẳng được toại ý, có nguyện gì đều được vừa lòng.

Đệ tử… và vợ là… đau xót trước cảnh thế đạo nguy ngập, thương cho lòng người chìm đắm ngày càng thêm xuống dốc, trọn chẳng ngưng dứt. Ngưỡng mong Đại sĩ ban cho chúng con một đứa con phước đức trí tuệ để trong tương lai nếu nó nghèo cùng thì sẽ riêng mình nó thiện hòng xướng suất, hướng dẫn một làng; hễ hiển đạt thì khiến cho người khác cũng được tốt lành, đẩy lùi con sóng cuồng nghiêng ngửa.

Riêng lập ra ba điều ước định để làm điều kiện tiên khởi. Thứ nhất là giữ thân tiết dục, thứ hai là giữ vẹn luân thường, tích đức, thứ ba là khéo dạy từ lúc còn nằm trong thai và khi còn thơ ấu. Gắng sức hành ba điều này để mong khỏi phụ tấm lòng từ mênh mông của Đại sĩ. Lại mong hết thảy đồng nhân trong ngoài bốn biển đều dứt ác tâm, đều phát thiện niệm, đều sanh con phước đức trí tuệ, đều thấu hiểu lòng nhân che khắp chở đều, coi nước láng giềng như chân tay, xem thiên hạ như một nhà, duy trì lẫn nhau, chẳng xâm lăng, ngược đãi nhau, để mong trên là an ủi được ơn lớn mênh mông của cha trời mẹ đất, dưới xứng danh con người cùng với trời đất xưng là tam tài, chuyển đại loạn thành đại trị, khắp nơi cùng vui sướng, sự giáo hóa của đức Phật được tỏ suốt hai nơi, muôn nước đều yên ổn. Kính nguyện Bồ-tát phổ thí sự không sợ hãi, thương xót tấm lòng ngu thành của con, cho con được mãn nguyện. Ngày… tháng… năm… đệ tử… trăm lạy trình lên.

*** Ba điều trọng yếu để cầu con**

Thứ nhất giữ thân tiết dục để vun bồi *tiên thiên*[164]. Thứ hai là giữ vẹn luân thường, tích đức để lập nền phước, thứ ba là khéo dạy từ khi còn trong thai và khi con còn thơ ấu để con khỏi học theo thói phàm. Ba chuyện trọng yếu này phải chú tâm thực hành. Ngoài ra lại còn dùng lòng chí thành lễ niệm đức Quán Thế Âm, cầu ngài ban cho đứa con phước đức trí tuệ, rạng danh tổ tiên, vẻ vang đất nước, ắt sẽ được như lòng mong cầu, chẳng phụ thánh ân vậy!

Thứ nhất, giữ thân tiết dục để vun bồi tiên thiên

Nếu chẳng tiết dục thì tinh khí bạc nhược ắt khó thọ thai được. Dẫu có thọ thai ắt khó thành người! Dẫu được thành người, nhưng vì tiên thiên chẳng đủ, chắc chắn sẽ bấy bớt, đã không có thân lực mạnh mẽ, dũng mãnh, khỏe khoắn, mà cũng chẳng có tâm lực thông minh, mẫn tiệp, nhớ dai, chưa già đã suy, chẳng làm nên cơm cháo gì. Cầu được đứa con như thế dù Bồ-tát có thỏa nguyện thì thật ra người cầu con cũng đã phụ ân Bồ-tát rất sâu vậy.

Thứ hai, giữ vẹn luân thường, tích đức để lập nền phước

Muốn sanh được đứa con phước đức trí tuệ, rạng danh tổ tiên, vẻ vang đất nước, ắt phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, hiếu thuận cha mẹ, kính trọng người bề

---

164 Trong Đông y, tiên thiên chỉ cho những gì được bẩm thụ từ lúc mới thụ thai, tức cơ sở vật chất hình thành một cá nhân, còn hậu thiên là những gì được bồi đắp, trưởng dưỡng sau khi sanh ra.

trên, đối đãi tốt đẹp với quyến thuộc, thương xót giúp đỡ tôi tớ, đấy là những điều phải làm trong gia đình. Còn đối với xóm giềng, bạn bè đều phải nên hòa mục, khuyên dạy, khiến cho người già khéo dạy con cái, trẻ nhỏ khéo phụng sự cha mẹ, người bề trên, thường dùng những thuyết "giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, ăn chay, niệm Phật, nguyện sanh Tây Phương, vĩnh viễn thoát khỏi khổ luân" để khẩn thiết diễn nói với khắp mọi người cùng hàng khiến họ bồi đắp cái nhân xuất thế thù thắng, đều thành dân lành giữ đạo. Người làm được như thế thì nhất cử nhất động đều có ích cho mình lẫn người, mỗi lời nói, mỗi hành vi đều đáng làm khuôn phép, đứa con sanh ra ắt sẽ siêu quần bạt tụy, có thành tựu lớn lao. Cố nhiên Bồ-tát khiến cho con người được mãn nguyện mà con người cũng an ủi tấm lòng Bồ-tát vậy.

Thứ ba, khéo dạy từ khi còn trong thai và khi con còn thơ ấu để con khỏi học theo thói phàm

Những bậc thánh nhân thuở trước đều do cha mẹ hiền khéo dạy mà thành, huống chi phàm nhân? Nếu người cầu con chịu dùng cách thai giáo, đứa con nhất định hiền thiện. Sau khi cấn thai rồi, [người mẹ phải giữ sao cho] hình dung đoan trang, chân thành, thanh tĩnh, lời lẽ phải trung hậu, hòa bình, cư xử phải hiếu hữu, cung kính, hòa thuận. Đi, đứng, nằm, ngồi thường niệm thánh hiệu Quán Âm. Bất luận niệm ra tiếng hay niệm thầm đều phải lắng tai nghe. Hễ nghe thì tâm quy về một mối, công đức

càng lớn. Nếu áo mũ tề chỉnh, rửa tay, súc miệng sạch sẽ thì niệm ra tiếng hay niệm thầm đều được. Nếu chưa tắm gội, súc miệng, đi đến nơi không sạch sẽ và lúc ngủ nghỉ, hãy đều nên niệm thầm.

Công đức niệm thầm giống hệt niệm ra tiếng, chứ những lúc ấy mà niệm ra tiếng thì không hợp nghi thức cung kính. Nhưng đến khi sanh nở chớ nên niệm thầm, vì lúc sanh nở phải dùng sức để đẩy đứa con ra. Nếu ngậm miệng niệm, ắt sẽ bị bệnh tắc khí. Sản phụ tự niệm, gia quyến đều trợ niệm, chắc chắn chẳng bị khó sanh, cũng không bị những điều nguy hiểm sau khi sanh nở. Nếu có thể cẩn thận thân miệng ý như thế, kiền thành niệm Quán Âm mong cho thai nhi được hưởng chánh khí thuần thiện ấy thì đứa con sanh ra chắc chắn chẳng phải là hạng tầm thường.

Đến khi con hiểu biết, liền nói với nó về nhân quả báo ứng, lợi người lợi vật ắt tốt lành, hại người hại vật ắt tiêu vong! Phải biết: Lợi người lợi vật thật sự là lợi mình, hại người hại vật còn quá hơn hại mình, làm lành ắt có thiện báo, tạo ác ắt bị ác báo. Lại còn nói làm người ắt phải tuân hành tám đức "hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ" thì mới chẳng thẹn làm người. Nếu không, tuy mang hình dáng con người, tâm hệt như cầm thú vậy! Chẳng được nói dối, chẳng được bừa bãi, cuồng ngạo, chẳng được chiếm đoạt đồ vật của người khác, chẳng được đánh chửi người ta, chẳng được giẫm đạp trùng kiến, giấy có chữ, ngũ cốc, đồ vật. Cử động hành vi ắt phải có ích cho cha mẹ, cho

chính mình, không gây tổn hại đến người đến vật.

Ngoài ra, hãy nên dạy nó thường niệm thánh hiệu Quán Âm để mong tiêu trừ ác nghiệp, tăng trưởng thiện căn. Tập quen từ thơ ấu, lớn lên sẽ là người thuần thành, chuyên dốc, chẳng đến nỗi tự kiêu khinh người, thành phường cuồng vọng. Khéo dạy như thế thì đối với tổ tông là đại hiếu, đối với con cái là đại từ, đối với nước nhà xã hội là đại trung. Tôi thường nói "quyền trị quốc bình thiên hạ hàng nữ nhân nắm quá nửa" là vì lẽ này. Đức cao đẹp ấy có thể nối gót ba bà Thái đời Chu ngõ hầu chẳng phụ danh xưng Thái Thái. Nguyện những người cầu con hãy đều nên lấy những điều trên đây làm khuôn phép thì nước nhà sẽ may mắn lắm thay!

*** Ghi thêm những chuyện cấm kỵ để tránh họa hại**

Phàm người cầu con thì vợ chồng phải ước định đoạn dục nửa năm để bồi đắp tiên thiên cho đứa con. Đợi khi người vợ sạch kinh nguyệt bèn chung đụng ắt sẽ thọ thai. Chưa sạch kinh nguyệt chớ nên ân ái, ân ái ắt sẽ bị bặt kinh, gây ra bệnh bạch đới rất nguy hiểm. Lại phải nhằm ngày lành tháng tốt, khí trời trong trẻo; lúc mưa to gió lớn, sấm chớp sét lòa phải hết sức kiêng kỵ. Trong thiên Nguyệt Lệnh sách Lễ Ký có chép: *"Quý xuân, tiên lôi tam nhật, tù nhân dĩ mộc đạc tuần vu đạo lộ, viết: "Lôi tương phát thanh, hữu bất giới kỳ dung chỉ giả, sanh tử bất bị, tất hữu hung tai"* (Cuối xuân, trước khi sấm động ba ngày, viên quan truyền lệnh dùng linh gỗ đi khắp các nẻo đường truyền

lệnh: 'Sắp có sấm động, kẻ nào chẳng kiêng ăn nằm thì sanh con chẳng toàn vẹn, ắt sẽ bị tai nạn hung hiểm'). Bậc vua thánh thời cổ đau đáu nghĩ đến cuộc sống người dân, đặc biệt phái quan đi tuyên bố lệnh ấy, lại còn cho chép vào kinh điển, chẳng phải là tấm lòng của trời đất cha mẹ ư? "Tù nhân" là ông quan tuyên bố mệnh lệnh, "mộc đạc" chính là cái linh, rung linh cho dân chúng đều nghe thấy, "tuần" là đi, "đạo lộ" bao gồm đường nẻo trong thành thị và làng quê, "dung chỉ" là ăn nằm, "bất bị" là ngũ quan, tứ chi không trọn vẹn hoặc sanh ra quái vật, "hung tai" là vợ chồng hoặc bị bệnh ngặt, hoặc bị tử vong.

Đã cấn thai rồi, vĩnh viễn thôi ăn nằm thì chắc chắn sanh được đứa con thân tâm mạnh khỏe, phước thọ sâu dày. Có thai rồi chung đụng một lần thì thai bị trúng độc một lần, lớp bọc thai nhi dày thêm một lần, sản nạn tăng thêm một tầng. Nếu có thai lâu ngày rồi giao phối, có thể bị sẩy thai hoặc gây tổn thương cho thai. Những điều này là do cư sĩ Trương Đức Điền ở huyện Vĩnh Gia, tỉnh Chiết Giang nghĩ thương cho thế đạo nhân tâm ngày càng đi xuống nên vào mùa thu năm ngoái bèn gởi thơ xin Quang viết bài sớ lễ niệm Quán Âm cầu con và nói lên cách giữ gìn thân thể, tích đức, dạy dỗ khéo léo v.v. để mong sanh ra những đứa con đều là hiền thiện, ngõ hầu đất nước dần dần đạt đến thái bình. Quang nhiều lần nại cớ già cả để từ chối, ông ta vẫn nhiều lần khẩn cầu, khó lòng khước từ mãi, bèn soạn bài sớ đơn giản cùng với ba điều trọng yếu cho xong trách nhiệm.

27. Lời bạt cho cuốn Liên Tông Chánh Truyền

(Năm Dân Quốc 18 - 1929)

Cuốn sách Pháp Vũ Quyên Trích Lục (Giọt nước Pháp Vũ) đã trình bày khá rõ ràng về những lẽ lợi hại do trợ niệm khi lâm chung và phá hoại chánh niệm của việc tắm rửa, thay quần áo, khóc lóc v.v.. Mẹ ông Chu Sư Đạo may nhờ sức trợ niệm mà được chánh niệm rỡ ràng, hiện các tướng lành qua đời. Do vậy anh em ông ta đem in cuốn sách ấy theo lối thạch bản mấy trăm bản để tặng những người hữu duyên xa gần.

Nay lại dùng số tiền do mẹ để lại để in một vạn cuốn Liên Tông Chánh Truyền nhằm kết tịnh duyên mong cho mẹ chưa vãng sanh sẽ được vãng sanh, đã vãng sanh sẽ tăng cao phẩm vị. Do vậy đem cuốn Pháp Vũ Quyên Trích Lục in kèm vào sau cuốn sách này ngõ hầu hết thảy mọi người đều biết lẽ lợi hại do trợ niệm và phá hoại chánh niệm để chẳng đến nỗi vì yêu thương cha mẹ và yêu thương anh em, vợ con, quyến thuộc mà làm chuyện trái đạo, do cái tâm yêu thương làm chuyện tổn hại, mà vẫn tưởng chính mình đã hết lòng vì người chết. Nhưng do phàm phu hiểu biết kém hèn, chưa nghe Phật pháp, nào ai biết được bao nhiêu chuyện tổn hại hay hữu ích.

Sách này lưu truyền xa gần để cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc của hết thảy những ai chánh tín niệm Phật khi còn sống gieo thiện căn sâu xa, mất đi thì thần

thức siêu thăng Tịnh độ. Phương pháp này do hòa thượng Thiện Đạo đời Đường đã phát minh ra, cho rằng người thường ngày chẳng niệm Phật mà nương theo trợ niệm cũng có thể vãng sanh. Hòa thượng Thiện Đạo là hóa thân của Phật Di-đà; do vậy biết pháp ấy lợi ích sâu rộng, nguyện khắp những người thấy nghe đều sanh chánh tín, khuyên dạy lẫn nhau công đức vô lượng, đến khi chính mình lâm chung chắc chắn có người trợ niệm. Vì sao vậy? Do nhân như vậy sẽ cảm được quả như vậy, nhân lẫn quả đều phù hợp nhau.

28. Lời bạt ấn tống Tịnh Độ Ngũ Kinh

(Năm Dân Quốc 26 - 1937)

Kinh Phạm Võng chép: "Ngươi là Phật sẽ thành, ta là Phật đã thành, thường tin được như vậy thì giới phẩm đã đầy đủ." Kinh Hoa Nghiêm dạy: "Hết thảy chúng sanh sẵn đủ trí tuệ, đức tướng của Như Lai, nhưng do vọng tưởng, chấp trước nên chẳng thể chứng đắc. Nếu lìa vọng tưởng, [chấp trước] thì nhất thiết trí, tự nhiên trí, vô ngại trí đều được hiện tiền." Do vậy biết tâm tánh chúng sanh và tâm Phật vốn đồng, ba pháp "tâm, Phật, chúng sanh" không sai biệt, chỉ vì mê hay ngộ mà phân biệt vậy! Hiềm rằng khi chúng sanh còn mê chưa giác, dẫu sẵn đủ Phật tánh viên mãn rộng lớn theo chiều dọc cùng tột ba đời, theo chiều ngang trọn khắp mười phương, nhưng tánh ấy hoàn toàn bị vùi lấp trong trần lao, ngược ngạo nương theo sức

công đức của Phật tánh ấy để khởi hoặc tạo nghiệp, hủy báng tam bảo, tự hại hại người. Thật giống như dòng suối chảy ngầm dưới đất, hoàn toàn chẳng hay biết, ắt phải đợi thời tiết nhân duyên khơi mở mới dần dần tỏ lộ được. Vì thế xưa nay nhiều bậc vĩ nhân có quyền lực thuở bé mê muội, chuyên lo hủy báng Phật pháp, đến khi sự lịch duyệt đã dần dần sâu hơn, gặp cảnh chạm duyên đột nhiên giác ngộ, bèn quy y tam bảo, tận lực phụng hành cũng chẳng thể kể xiết. Đủ chứng tỏ Phật pháp rộng lớn, quả thật là tâm pháp vốn sẵn có của hết thảy chúng sanh vậy.

Cư sĩ Ngô Nam Phủ ở Cát An, tỉnh Giang Tây túc căn sâu dày, từ nhỏ buôn bán ở bến Thượng Hải, giữ tấm lòng từ thiện, hiềm rằng hoàn toàn chẳng biết đến Phật pháp, ngược ngạo coi chuyện tin Phật là mê tín, vợ ông ta là Trương Thị tuy sẵn đủ tín tâm, nhưng lại chẳng biết phân biệt tà chánh, dẫu có khuyên can cũng khó thể khơi gợi được. Năm Dân Quốc 20 (1931), [ông Ngô Nam Phủ] bị cướp bắt trói dẫn về sào huyệt, sầu khổ chen lẫn, suy nghĩ không ra cách nào, sực nhớ lời Trương Thị khuyên nên tin tưởng Phật pháp. Do vậy bèn mong Phật từ bi cứu giúp hòng thoát sào huyệt bọn cướp. Nào ngờ Phật pháp chẳng thể nghĩ bàn, lòng từ của Phật như mẹ nhớ con, cảm ứng đạo giao nhanh chóng như dùi vừa chạm mặt trống liền vang ra tiếng, chợt có cảnh sát vì cứu người khác mà chạy lầm đến nơi đó, liền cứu ông ta ra, chẳng tốn một phân tiền mà an nhiên thoát hiểm. Ông ta mới biết Phật pháp linh ứng, hơi dấy lòng tin, bèn đến

những nơi như Phổ Đà v.v. dâng hương lễ Phật.

Năm Dân Quốc 22 (1933), cùng với vợ là Trương Thị, dẫn theo một đứa con, ngồi xe hơi, chạy đến chỗ đường cong giữa đường, chợt một thiếu nữ phương Tây từ bên đường băng ngang, va ngay vào xe, bị xe chẹt ngang, ngã sóng soài dưới xe. Ba người cha con bọn họ sợ đến nỗi hồn muốn lìa khỏi xác, mồ hôi đẫm lưng, cho là cô gái ấy đã thành ba đoạn rồi, cấp tốc niệm Quán Thế Âm Bồ-tát để mong Phật rủ lòng từ gia bị giải cứu. Đến khi ngừng xe lại coi chỉ thấy cô gái phương Tây ấy nằm ngửa dưới gầm xe, lọt thỏm giữa bốn bánh, bị xe lôi đi mấy chục bước. Cùng lúc, tuần cảnh, dân phố xúm lại đông nghẹt, cha cô gái ấy cũng tìm tới, đỡ cô ta lên, chỉ thấy khắp mặt cô ta đỏ bừng, trọn chẳng bị sây sát gì! Trải qua kiểm nghiệm, cô ta trọn chẳng bị tổn thương mảy may gì, cô ta liền theo cha bỏ đi.

Cư sĩ trải qua hai trận nguy hiểm, lòng tin rộng mở. Năm Dân Quốc 23 (1934), đặc biệt xin được quy y với Quang, bèn đặt cho pháp danh là Huệ Vân, Trương Thị có pháp danh là Huệ Hiền, tiếp đó lại thọ ngũ giới. Từ đấy tín tâm chân thật thiết tha, tinh tấn tu trì, lại tạo công đức rộng rãi tại các chỗ như Linh Nham.

Thêm nữa, mấy người con trai ông ta sanh liên tiếp mấy đứa cháu gái, khó thể có được cháu trai. Đến năm Dân Quốc 24 (1935), đúng dịp cư sĩ mừng thọ sáu mươi, cô dâu cả sanh được một đứa con trai, các thân hữu xúm lại chúc mừng. Do cư sĩ đã trường trai thờ Phật, trong tiệc

thọ của chính mình và lễ đầy tháng cho cháu nội đều dùng cỗ chay, trọn chẳng dùng mảy may món mặn nào để nhằm đề xướng kiêng giết, ăn chay. Nay lại dùng một ngàn đồng để in Tịnh Độ Ngũ Kinh hòng biếu tặng kết duyên, thỉnh Quang viết lời bạt lược thuật nhân duyên tin Phật của ông ta. Nguyện khắp những ai chưa phát lòng tin, do thấy nghe chuyện này sẽ khởi tín tâm, người đã phát tín tâm thì sẽ do vậy mà lòng tin được tăng trưởng, ngõ hầu người người tin Phật cùng sanh Tây Phương, cùng viên chủng trí, để an ủi bổn hoài phổ độ chúng sanh của chư Phật vậy.

29. Lời tựa cho bài Sám Hối Văn của ông Thành Phục Sơ

(Năm Dân Quốc 25 - 1936)

Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân bình trị thiên hạ, Phật độ chúng sanh. Nếu ai nấy đều biết nhân quả sẽ tự trừ khử nhân dục, noi theo thiên lý để khôi phục lương tri sẵn có thì chuyện thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ đều do điều này mà được hiển lộ rộng rãi. Phật pháp là căn bản của các pháp thế gian lẫn xuất thế gian. Từ khi Phật pháp được truyền vào Trung Quốc dưới đời Hậu Hán, hơn 1.800 năm do được vua thánh, tôi hiền, những vị thông suốt thấu đạt hộ trì, đề xướng, nên được truyền bá khắp trong ngoài nước. Trong thời gian ấy, tuy bị đôi ba tên vua hung bạo và những nhà Nho câu nệ bài xích, hủy trừ, nhưng bọn chúng đều là hạng

ngửa mặt nhổ lên trời, đương nhiên tự bị nhơ bẩn.

Bọn Trình - Chu đời Tống đọc kinh điển Đại thừa nhà Phật, thân cận tri thức Thiền tông để mong trộm lấy ý nghĩa hòng tự khoe khoang, do chưa đọc trọn khắp các kinh, chưa tham học rộng khắp với tri thức các tông, bèn trộm lấy ý nghĩa "toàn sự chính là lý" trong kinh Phật và "pháp gì, chuyện gì cũng đều quy về tự tâm" trong Tông môn để giải thích kinh đạo Nho, rốt cuộc trở thành tà kiến chấp lý phế sự, như nói: "Trời chính là lý, nào thật sự có vị vua đội mão xử đoán đâu? Quỷ thần là lương năng của hai khí (âm và dương). Con người sau khi chết đi hình hài đã mục nát, thần thức cũng phiêu tán, dẫu có chém, chặt, xay, giã sẽ thi thố vào đâu? Hơn nữa, thần hồn đã phiêu tán rồi, lấy ai để thác sanh?" Thoạt đầu do chấp lý mà phế sự, kế đến trở thành đoạn diệt, ngoan không[165]. Do vậy hết sức phô trương ý kiến của chính mình, báng Phật pháp sâu xa, bảo sự lý nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo do đức Phật đã nói chính là căn cứ để phỉnh phờ ngu phu ngu phụ tuân phụng giáo pháp của đức Phật, chứ thật ra không có chuyện ấy.

Từ đấy, phàm những kẻ theo Lý học đều lén lút xem kinh Phật nhưng đều cật lực báng bổ Phật pháp, chẳng suy xét căn bản của đạo, chỉ chấp chặt vào tri kiến môn đình.

---

165 Ngoan không, còn gọi là *thiên không*, tức là một loại tà kiến cho không được nói trong Phật pháp là cái không trống rỗng, không có gì hết, rồi quy kết Phật giáo là một thứ hư vô chủ nghĩa (nihilism), không biết đến nghĩa chân không diệu hữu của nhà Phật.

Từ đấy cách trị tâm, trị thân, trị quốc, trị thế chỉ còn bề ngoài, trọn chẳng có căn bản. Vừa bị Âu hóa liền ngả rạp theo gió, rốt cuộc biến thành hiện tượng phế kinh điển, phế luân thường, tranh thành giành đất, thê thảm chẳng nỡ nghe, trở thành cuộc loạn lạc lớn nhất kể từ khi có con người đến nay. Xét đến căn nguyên đều là do học thuyết bài xích nhân quả luân hồi ươm thành.

Từ sau Trình - Chu trở đi, người học hễ thiên tư thông minh thì không ai chẳng trúng phải chất độc do bọn Chu - Trình truyền lại này, tất cả đều tự khoe là bảo vệ đạo pháp, chứ chẳng biết đã trái nghịch đạo cũng lớn lắm. Đối với đại đa số con người, suốt một đời không cách gì được nghe đến đạo, nhưng cũng có người lúc đầu bị hãm vào lối xe đổ, về sau thống thiết cải hối, thương mình xót người, muốn đem sự mê chấp của chính mình để làm tấm gương cảnh tỉnh cho hết thảy mọi người giống như ông Thành Phục Sơ ở huyện Tần An tỉnh Cam Túc nào có hạn lượng?

Dựa theo lời con ông ta là Tịnh Niệm đã viết thì: "Gia nghiêm từ thuở 16, 17 tuổi liền trúng phải chất độc do bọn Trình - Chu để lại, tự lấy chuyện bài xích Phật - Lão làm trách nhiệm của chính mình, tiếc cho một bề chống trái, thiên kiến, nhưng kinh Phật rất khó được thấy, lại không có bậc cao tăng hoằng pháp hay bậc thông đạt lỗi lạc để thân cận, bèn coi lời lẽ của Trình - Chu là lời bàn quyết định ngàn đời chẳng xê xích được, liền y theo những gì bọn họ nói để bài xích Phật - Lão, chứ thật ra trọn chẳng

biết cội nguồn Phật - Lão ra sao! Do lầm lạc bài xích Phật - Lão và chỉ coi những điều mình sùng phụng là tông chỉ chân chánh của Nho giáo nên càng thêm mê muội."

May sao đời trước đã gieo thiện căn, trời xét soi tấm lòng ngu thành, khiến cho cụ bệnh nặng mấy năm hòng tự phản tỉnh. Thoạt đầu cụ vẫn nói "thiên đạo vô tri", rồi đại ngộ chính mình thấy hiểu lầm lạc, trái nghịch. Từ đấy thống thiết sửa đổi lỗi trước, tận lực tu tịnh hạnh, bắt chước ông Liễu Phàm lập mạng, học đòi ông Tịnh Ý sửa đổi cái tâm. Tuy được tâm địa quang minh, mắt vẫn lòa như cũ (năm Dân Quốc 16 (1927), mắt phải kéo màng, chẳng thể thấy mọi vật. Đến năm Dân Quốc 20 (1931), mắt trái cũng thế, bèn cùng với con cực lực sám hối. Người con trích máu vẽ hình Phật, dùng chất son hòa máu chép kinh. Ông ta tự soạn bài văn thú lỗi, mắt bèn thấy được mọi vật), mới biết chẳng bộc lộ lỗi mình, trọn khó thể tiêu nghiệp được, nếu phơi bày lỗi xưa thì còn làm lợi cho người khác. Do vậy bèn soạn bài văn sám hối in ra gởi cho những người cùng hàng, đem sự mê ngộ của chính mình để làm khuôn phép răn dè cho kẻ thông sáng mai sau, cậy Quang viết lời bạt mong được lưu truyền rộng rãi. Do vậy, tôi lược thuật nguyên ủy mắc bệnh [của ông Thành Phục Sơ] để mong những người có lòng lo cho thế đạo nhân tâm cùng đẩy lùi phong thái suy đồi, cùng giữ vẹn hạnh Nho, cùng tu tịnh nghiệp, cùng được gội ân Phật, cùng trừ khử món vật nhân dục huyễn vọng, cùng đạt được lương tri sẵn có, ngõ hầu có thể "sáng tỏ minh đức" nhằm "an trụ nơi chí thiện", trì Phật hiệu để

sanh Tây Phương. Mất niệm biến thành cuồng, khắc chế được ý niệm sẽ thành thánh, lấy thân làm gương, phổ độ quần mê đều là do những điều đã được nói ở đây vậy.

30. Duyên khởi của Tịnh nghiệp xã chùa Tiên Khánh tại Tam Giang Khẩu, Hàm Giang

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Một pháp niệm Phật là pháp môn tổng trì trong Phật pháp, thích hợp khắp ba căn, thâu nhiếp trọn vẹn lợi căn lẫn độn căn, trên từ bậc Đẳng giác Bồ-tát chẳng thể vượt ra ngoài pháp này, dưới là phàm phu nghịch ác cũng có thể dự vào trong ấy. Nói nông cạn thì đàn bà, trẻ nít đều có thể tu trì, nói sâu xa thì bậc thánh triết cũng chẳng thể hiểu trọn.

Đã thế, đối với hàng thiện tín tại gia, pháp này thích hợp căn cơ nhất. Do đức Như Lai gọi "hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu thập thiện nghiệp" là "chánh nhân tịnh nghiệp của ba đời chư Phật", nên hễ là người niệm Phật thì đối với gia đình, luân thường đều phải trọn hết bổn phận. Tức là cha từ, con hiếu, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành vậy. Lại còn phải ngăn giận, dứt ham muốn, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành; nhưng tu thiện trừ ác thì rất cần phải tích cực phản tỉnh xem xét tại nơi khởi tâm động niệm, dốc lòng thực hiện rộng rãi để trừ khử [những thói hư tật xấu,

phiền não, ác niệm]. Dè dặt kiêng sợ, đừng coi thường thì mới là người lành. Người lành niệm Phật mới có thể được hưởng lợi ích chân thật nơi niệm Phật. Ví như nền tảng vững vàng chắc chắn thì mới có thể tùy ý xây dựng lầu cao muôn trượng được.

Hiện nay thế đạo nhân tâm chìm đắm đến cùng cực, nói chung là vì chẳng nói đến đạo "trọn hết tình nghĩa, tận hết bổn phận" và lý "phước thiện, họa dâm". Đối với chuyện luân hồi lục đạo và pháp niệm Phật vãng sanh thì càng không có cách gì nghe tới được! Do tâm chẳng chú trọng đạo đức nhân nghĩa, nhân quả báo ứng, dẫu có nghe cũng chẳng thể sanh lòng tin. Bởi những lẽ đó nên đã ươm thành đại kiếp, thiên tai nhân họa liên tiếp giáng xuống, cơ duyên giết chóc ngập tràn, dân không lẽ sống. Những người có lòng lo cho cõi đời muốn cứu vãn đều đề xướng Phật học và tu pháp môn niệm Phật, bởi pháp này thật sự là pháp dễ tu trì, dễ thành tựu nhất trong Phật pháp, như người tập bắn lấy mặt đất làm đích, bắn không phát nào chẳng trúng.

Pháp này cậy vào Phật từ lực, nếu chịu tuân theo lời dạy tu trì thì không một ai chẳng thành tựu. Do vậy ai nấy hãy nên quy y tam bảo, thọ trì ngũ giới, tuân hành thập thiện, dùng ba nghiệp thân khẩu ý thanh tịnh, sanh lòng tin phát nguyện niệm thánh hiệu Phật cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc để mong liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh. Người như thế sống là bậc thánh bậc

hiền, thác lên cõi Cực Lạc. Khuyên dạy lẫn nhau, nhìn nhau bắt chước làm lành, khó gì chẳng dứt tai tiêu họa, tu đức sẽ hưởng phước, giữ vẹn cái gốc, trọng luân thường, thay đổi phong tục để đạt đến thiên hạ thái bình, nhân dân yên vui. Do vậy nói rằng "một pháp niệm Phật há chẳng là căn bản pháp luân để chấn hưng sức dân, phụ trợ chánh trị, giáo hóa, chẳng nắm giữ địa vị mà dạy dỗ dân, chẳng nhờ đến hình phạt mà dứt được chuyện ác ư?" Nguyện những vị mang lòng vãn hồi kiếp vận đều cùng dự vào Tịnh nghiệp xã.

Những người ở xa xôi hoặc thân mang chức vụ bận bịu, hoặc thanh niên, phụ nữ chẳng tiện đến Tịnh nghiệp xã thì đều có thể nhiếp tâm tịnh niệm ở nhà. Lập ra Tịnh nghiệp xã chẳng qua chỉ nhằm tạo một tổ chức để đề xướng diễn thuyết mà thôi. Hằng ngày niệm Phật cố nhiên là chuyện tu trì tại gia, chẳng thể không biết điều này. Tịnh nghiệp xã được lập tại chùa Tiên Khánh, vào ngày nào đó mỗi tháng xã hữu cùng đến niệm Phật. Niệm xong, mời vị nào thông hiểu văn từ lý lẽ giảng diễn chương trình lẫn lợi ích do niệm Phật cũng như quy củ lẫn lợi ích của việc giáo dục con cái trong gia đình. Lại còn sắm sửa những sách giảng về niệm Phật tu thiện đơn giản gần gũi, ai muốn xem thì cứ trả tiền theo giá vốn để thỉnh về xem, chẳng tốn nhiều tiền lắm. Lại dùng khoản tiền ấy để thỉnh đầy đủ sách đọc. Nếu mọi người có thể đua nhau thực hiện chuyện này mạnh mẽ thì thế đạo nhân tâm sẽ tự nhiên thuần thiện, thiên tai

nhân họa không cách chi xảy ra được. Đây quả thật là sách lược tối thượng vì nước, vì dân, vì xã hội, vì gia đình vậy. Nguyện những người thấy nghe đều cùng khởi lòng.

31. Duyên khởi của Trợ Niệm Vãng Sanh xã tại trấn Cấp Tân, Hải Môn

(Năm Dân Quốc 20 -1931)

Mỗi một tài, một nghề trong thế gian đều phải do mọi người giúp đỡ thì mới có thành tựu. Vì thế nói: *"Bách công cư tứ dĩ thành kỳ sự, quân tử học dĩ trí kỳ đạo"* (Trăm thợ sống ở xưởng thợ để nghề nghiệp được thành, quân tử học để thấu hiểu đạo[166]). Pháp thế gian còn như thế, sao riêng pháp xuất thế gian lại chẳng giống như vậy cho được? Phải biết "tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh độ" chính là pháp môn đặc biệt trong Phật pháp, thích hợp khắp ba căn, thâu nhiếp trọn vẹn lợi căn lẫn độn căn, Đẳng giác Bồ-tát chẳng thể vượt ra ngoài, mà phàm phu nghịch ác cũng có thể dự vào trong ấy. Hết thảy pháp môn chẳng đạt đến mức "nghiệp tận tình không" sẽ chẳng thể liễu sanh thoát tử được, vì chỉ cậy vào tự lực, cho nên khó khăn.

Pháp môn niệm Phật nếu đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha sẽ liền có thể siêu phàm nhập thánh, bởi chuyên cậy vào Phật lực, cho nên dễ dàng. Hễ được vãng

166 Chúng tôi dịch câu nói này của Tử Hạ theo cách diễn giải của sách Luận Ngữ Tường Giải.

sanh thì sẽ đạt được lợi ích cao siêu hơn những người "nghiệp tận tình không" nhiều lắm. Pháp môn này bất luận già trẻ, trai gái, sang hèn, trí ngu, sĩ nông công thương, tại gia, xuất gia đều nên tu trì, chẳng những không trở ngại hết thảy nghề nghiệp mà còn có thể giúp cho hết thảy nghề nghiệp dễ thành tựu.

Phàm là người niệm Phật ắt phải chăm chú giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, thật sự vì sanh tử phát tâm Bồ-đề, dùng tín nguyện kiên quyết cầu sanh Tây Phương. Dùng những điều ấy để tự hành, lại còn đem dạy người khác, trong là gia đình, quyến thuộc, ngoài là xóm giềng, bầu bạn đều cùng tu pháp này, cùng cầu vãng sanh. Công đức ấy há thể diễn tả được ư? Vì thế, ông Thành Huệ Dân và các cư sĩ tổ chức Trợ Niệm Vãng Sanh xã tại miếu Vũ Thánh[167] trong trấn của họ, mỗi tháng đúng kỳ đến đấy niệm Phật. Niệm xong, giảng nói lợi ích của pháp môn niệm Phật và cách thức tu trì, cũng như biện pháp trợ niệm lúc lâm chung. Phàm những ai tham dự Trợ Niệm xã đều nên hành theo đó. Hễ có xã hữu hoặc không phải xã hữu thỉnh đến nhà trợ niệm đều nên vận dụng tâm đại Bồ-đề vốn có, khai thị, hướng dẫn bệnh nhân và quyến

---

167 Miếu Vũ Thánh là miếu thờ Quan Công. Do người Trung Hoa tôn xưng Quan Công là Vũ Thánh, Khổng tử là Văn Thánh, nên các miếu thờ Quan Công thường hay gọi là miếu Vũ Thánh. Trong miếu Vũ Thánh thường thờ tượng Quan Công, hai bên là tượng Quan Bình và Chu Thương đứng hầu. Tuy vậy, ngoài bàn thờ chính thờ Quan Công ra, có những nơi còn thờ xen lẫn đủ thứ thần tượng của Đạo giáo, kể cả tượng Quán Âm.

thuộc của người ấy để ai nấy đều y theo Phật pháp, đừng thuận theo thói phàm. Khai thị xong, mọi người cùng nhất tâm niệm Phật để mong cho người mất vãng sanh về thẳng Tây Phương mới thôi. Thành tựu người khác vãng sanh thì đến khi chính mình lâm chung ắt sẽ có người khác thành tựu sự vãng sanh cho chính mình, đừng cho chuyện ấy là không quan hệ rồi coi thường!

Đối với những đạo hữu niệm Phật cùng một Trợ Niệm xã, trong lúc bình thường hãy nên nói với người trong nhà về lợi ích do trợ niệm khi lâm chung cũng như những họa hại do tắm rửa, thay áo sẵn, hoặc đối trước người sắp mất khóc lóc. Hãy nên thỉnh một cuốn Sức Chung Tân Lương cho họ đọc để họ biết tường tận. Để rồi đến khi cha mẹ hoặc các quyến thuộc khác sắp mạng chung, quyến thuộc trong nhà sẽ cùng nhau vì người ấy niệm Phật, khiến cho tâm người sắp mất ấy giữ được chánh niệm, theo Phật vãng sanh, cũng như thỉnh xã hữu trợ niệm cho người sắp mất ấy. Lúc ấy là lúc ngàn cân treo sợi tóc, quan hệ rất lớn. Hãy nên đem những chi phí ma chay cúng tế rỗng tuếch, hoa mỹ dùng vào lúc ấy, hãy biến tấm lòng buồn đau, tận hiếu chân thành trở thành cái tâm vì cha mẹ niệm Phật. Lại còn bảo quyến thuộc đều nghe theo lời chỉ dạy của xã hữu, đừng khư khư theo tập tục kẻo làm hỏng đại sự.

Mạnh tử nói: "Dưỡng sanh giả bất túc dĩ đương đại sự, duy tống tử khả dĩ đương đại sự"[168], huống chi lúc lâm

168 Câu nói này trích từ thiên Ly Lũ sách Mạnh Tử, Triệu Kỳ đời Hán giảng như sau:

chung dùng niệm Phật để tương trợ thì chánh niệm rạng rỡ, theo Phật vãng sanh. Thành tựu cho cha mẹ được vãng sanh tức là thành tựu cho cha mẹ thành Phật, phàm thành Phật sẽ độ vô lượng vô biên chúng sanh. Chuyện tận hiếu trong thế gian há có lớn hơn điều này được chăng? Do vậy hãy nên cạn kiệt tấm lòng thành của ta mà tận lực giúp đỡ.

Nếu cứ khư khư theo tập tục chẳng coi trọng việc thành tựu chánh niệm, hoặc tắm rửa, thay quần áo sẵn, do bị đụng chạm, tâm người sắp mất bị nhiễu động có thể bị đau đớn, ắt sanh lòng giận bực. Nếu khóc lóc, người ấy ắt sanh lòng bi luyến. Đã loạn động thì chánh niệm bị mất, không cách gì vãng sanh được! Hễ nóng giận sẽ có thể đọa trong các loài độc trùng; mà mến luyến cũng thuộc về căn bản sanh tử. Con người nếu không bị bệnh cuồng, ai nỡ vì trọn hết lòng ngu thành tận hiếu mà phá hoại chánh niệm của cha mẹ khiến cho họ đánh mất lợi ích lớn lao "liễu sanh thoát tử hòng được thành Phật", đến nỗi chịu sự khổ lớn lao "đọa lạc trong tam đồ ác đạo, thường bị luân hồi nhiều kiếp" ư? Thực hiện lòng hiếu kiểu đó khác gì la-sát nữ yêu người đâu? La-sát nữ bảo người bị nó ăn thịt: "Ta yêu ngươi nên ăn thịt ngươi!" Nguyện hết thảy những người con hiếu cháu hiền và những quyến thuộc nhân từ hãy cùng tùy thuận cái tâm độ chúng sanh của đức Phật, đừng yêu thương giống như la-sát nữ thì người thác lẫn kẻ sống đều được lợi ích lớn lao vậy!

"Người con hiếu tận hết sức hiếu dưỡng cha mẹ, vẫn chưa đáng coi đó là giữ được chuyện lớn, mà đến lúc mất, tống táng đúng lễ thì mới đáng coi là giữ được chuyện lớn vậy."

32. Duyên khởi của liên xã Xí Lô

(Năm Dân Quốc 24 - 1935)

Đức Đại Giác Thế Tôn thương xót chúng sanh do mê muội diệu tâm vốn có mà luân hồi sanh tử, bèn thị hiện giáng sanh trong thế gian thành Đẳng chánh giác, tùy thuận căn cơ của chúng sanh, nói đủ mọi pháp. Tuy Đại, Tiểu, Thiên, Viên bất đồng, Quyền, Thật, Đốn, Tiệm mỗi pháp mỗi khác, nhưng đều nhằm làm cho chúng sanh khai - thị - ngộ - nhập tri kiến của Phật, rốt ráo thành Phật mà thôi. Nhưng chúng sanh căn cơ có lớn hoặc nhỏ, mê có cạn hoặc sâu, nên chẳng thể thỏa thích bổn hoài của Phật được ngay. Lại do chúng sanh đời mạt nghiệp chướng sâu dày, trí tuệ cạn mỏng, thọ mạng ngắn ngủi, tri thức hiếm hoi, nếu không cậy vào Phật lực quyết khó thể liễu thoát trong đời này. Do vậy đặc biệt mở ra một pháp môn Tịnh độ nhiếp trọn sơ - trung - hậu, độ khắp ba căn cơ thượng - trung - hạ để những vị đã chứng pháp thân sẽ mau thành Phật đạo, kẻ chưa đoạn phiền hoặc cũng thoát luân hồi, lợi ích ấy vượt trỗi hết thảy giáo pháp trong cả một đời, bởi lẽ một đằng chuyên cậy vào tự lực, một đằng kiêm nương vào Phật lực.

Ví như gã thọt suốt ngày chỉ đi được mấy dặm, nếu cưỡi luân bảo của Chuyển Luân Thánh Vương sẽ trong một ngày đến khắp bốn châu. Vì thế pháp này được chín giới cùng hướng về, mười phương cùng khen ngợi, ngàn kinh đều xiển dương, muôn luận đều tuyên nói, bởi pháp

này là pháp môn tổng trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Xét từ khi đại giáo được truyền sang phương Đông, Viễn công mở liên xã đầu tiên, khi ấy bậc cao tăng đại nho dự vào hội cả 123 người. Từ đấy về sau đời nào cũng có cao nhân tục diệm truyền đăng, truyền khắp trong ngoài nước. Đại pháp của đức Như Lai có năm thứ là Luật, Giáo, Tông, Mật, Tịnh, nhưng chỉ có một pháp Tịnh độ là tu trì dễ dàng nhất, thành tựu dễ dàng nhất, là chỗ quy túc của Luật, Giáo, Tông, Mật. Vì thế các vị thiện tri thức Luật, Giáo, Tông, Mật xưa nay đều chăm chú ngầm tu, rất nhiều vị cực lực hoằng dương công khai. Pháp này chân tục viên dung, vừa khế cơ vừa khế lý, chẳng những vì người học đạo lập ra một môn mầu nhiệm để thoát luân hồi, mà thật ra còn là đạo trọng yếu để người cai trị đất nước ngồi hưởng thái bình. Do đó vãng thánh tiền hiền, bậc thông suốt, người trí sáng đều cùng tu trì như mọi ngôi sao chầu về Bắc Đẩu, như các dòng nước xuôi về biển Đông.

Gần đây lòng người thua kém thuở xưa, bỏ gốc chạy theo ngọn, gió Âu dần dần thổi sang phương Đông, con người đua nhau chuộng duy tân, tranh thành giành đất, tàn sát lẫn nhau, thiên tai nhân họa liên tiếp giáng xuống, vận nước nguy ngập, dân không lẽ sống. Những người có tâm lo cho thế đạo nhân tâm thấy hiện tượng ấy, sợ đạo làm người gần như diệt mất, đua nhau lập cách vãn hồi. Do vậy các nơi đều lập Tịnh nghiệp xã, Cư sĩ lâm đề xướng

Phật học hòng nêu tỏ nhân quả ba đời, chỉ ra sự luân hồi trong sáu nẻo, tỏ lộ Phật tánh chân thường, tán dương Tịnh độ cao siêu thù thắng, khiến cho hết thảy mọi người vâng giữ tám đức "hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ", hành tám sự "cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ", đều phải ngăn lòng giận, dứt lòng ham muốn, giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành để làm người hiền, người lành trong thế gian, phát tâm Bồ-đề, tự hành, dạy người "tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương", để đến khi lâm chung Phật và thánh chúng đích thân đến tiếp dẫn cho người ấy được vãng sanh, hòng thành bậc thượng thiện nhân xuất thế gian. Đấy chính là đại ý các nơi thành lập Tịnh nghiệp xã, mở Cư sĩ lâm vậy.

Tô Châu vốn là xứ Phật giáo hưng thịnh từ xưa đến nay, cố nhiên có nhiều người túc căn sâu dày, dù bị ngoại đạo lung lạc, bước lầm vào ngõ rẽ, chẳng mấy chốc lại quay về đường chánh. Cư sĩ Tào Tung Kiều sáng lập hội Ẩn Bần để chu cấp, cứu giúp dân nghèo chính là ban bố lòng từ trên phương diện sắc thân. Nay lại lôi kéo hai cư sĩ Trần Y Nhân và Chu Lương Tế mở liên xã Xí Lô nhằm đề xướng niệm Phật cầu sanh Tây Phương, ngõ hầu kẻ mê trái quê cũ trọn chẳng có tư lương để trở về sẽ đều được đầy đủ tư lương, đấy chính là lo lắng cho phương diện huệ mạng vậy. Nhưng đạo của Lô Sơn ai có thể nối tiếp dấu tích được, chỉ đành ngưỡng mộ dõi theo mà thôi thì cũng chẳng thẹn

là đồ đệ của Lô Sơn, vì thế đặt tên là liên xã Xí Lô (ngóng theo Lô Sơn)! Họ cậy Quang viết duyên khởi để phô tỏ ý nghĩa ẩn kín, vì thế mới dài dòng một phen, mong sao người thấy nghe và các xã viên biết rõ ý nghĩa "đạo sẵn có ngay nơi tự tâm, pháp để tu chân trong cõi tục, dùng niệm Phật để hộ quốc, ngầm tu mà giúp đời" vậy.

33. Duyên khởi của thư viện Phật học Phước Châu

(Năm Dân Quốc 27 - 1938)

Phật là giác; tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn thì mới gọi là Phật, tức là hết sạch phiền hoặc, phước tuệ trọn đủ, ngũ uẩn đều không, chứng triệt để ba đức, là danh hiệu cao đẹp của bậc "thánh trong các thánh, trời trong các trời", là danh hiệu chung của mười phương ba đời hết thảy chư Phật. Thích-ca Mâu-ni chính là tên riêng của đấng giáo chủ cõi Sa-bà. Tiếng Phạn "Thích-ca Mâu-ni", cõi này dịch là Năng Nhân Tịch Mặc. Năng Nhân nghĩa là rộng độ chúng sanh; Tịch Mặc là triệt chứng tự tánh. "Học" là bắt chước theo, tức là tùy phần tùy sức tu hành theo lời dạy. Đã tu hành theo lời dạy, sao lại nói "tùy phần, tùy sức"? Là vì đức Phật thuyết pháp tùy theo căn tánh của chúng sanh. Do căn tánh chẳng chỉ có một nên tùy theo sự hiểu biết, khả năng của họ mà nói pháp thích hợp.

Tùy theo căn cơ ban bố giáo pháp, đối bệnh cho thuốc, sao cho giáo pháp phù hợp căn cơ, khiến cho ai nấy đều được lợi ích. Dạy chúng sanh chìm đắm trong biển khổ

sanh tử quy y tam bảo Phật - pháp - tăng để làm chỗ nương tựa, dạy họ giữ năm giới "chẳng sát sanh, chẳng trộm cắp, chẳng tà dâm, chẳng nói dối, chẳng uống rượu", dạy họ tu thập thiện, đối với ba điều nơi thân, bốn điều nơi miệng, ba điều nơi ý đều dạy dứt ác làm lành. Tức là thân chẳng làm chuyện giết trộm dâm, miệng chẳng nói dối, nói thêu dệt, nói đôi chiều, nói ác độc, ý chẳng khởi ý niệm tham dục, nóng giận, ngu si. "Ngu si" nghĩa là không tin nhân quả, nói ra những lời tà kiến như "làm lành làm ác chẳng có báo ứng, con người chết đi thần hồn diệt mất, không có đời sau v.v.". Lại còn gặp cha nói từ, gặp con nói hiếu, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, khuyên bạn bè hướng thiện sửa lỗi, chủ giữ lòng nhân, tớ giữ lòng trung, mỗi mỗi đều giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành. Đấy chính là pháp Nhân thừa, tu theo pháp này sẽ đời đời làm người. Nhân thừa là căn bản của Thiên thừa, Thanh văn thừa, Duyên giác thừa và Bồ-tát thừa, như đắp nền đất vững vàng, có thể tùy ý xây dựng lầu cao.

- Thiên thừa thì ngoài ngũ giới thập thiện ra, còn tu thêm các thứ thiền định để sanh vào các cõi trời Lục dục, Tứ thiền, Tứ không v.v.. Nhân thừa lẫn Thiên thừa đều chẳng phải là pháp liễu sanh tử.

- Thanh văn thừa thì y theo giới định tuệ, tu pháp tứ đế để liễu sanh tử.

- Duyên giác thừa thì y theo giới định tuệ, quán sát hai môn lưu chuyển và hoàn diệt[169] của thập nhị nhân duyên hòng liễu sanh tử.

- Bồ-tát thừa thì y theo giới định tuệ tu lục độ vạn hạnh, dưới hóa độ chúng sanh để mong trên là thành Phật đạo.

Nhưng pháp ba thừa này đều thuộc vào pháp phổ thông cậy vào tự lực, người tối thượng thượng căn mới có thể liễu sanh tử ngay trong đời này, dẫu khi Phật đang còn tại thế cũng là trăm người mới có được một. Nếu như hiện thời thì e rằng cả thế giới cũng không có được một hai người!

Nhưng do tâm đại từ bi, đức Phật biết trước chúng sanh đời sau không có kẻ nào cậy vào tự lực để liễu sanh tử ngay trong đời này được, bèn mở riêng một pháp môn đặc biệt là tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương, bất luận già trẻ, trai gái, sang hèn, trí ngu, sĩ, nông, công, thương, công chức, quân nhân, giới giáo dục học thuật, tại gia, xuất gia, thượng thánh, hạ phàm đều trong đời này cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Phàm phu sát đất mang nghiệp vãng sanh. Đã vãng sanh Tây Phương, ba thứ hoặc - nghiệp - khổ thảy đều tiêu diệt. Ví như mảnh tuyết

---

169 Lưu Chuyển (Pravrtti) ngụ ý sanh tử tiếp nối không ngừng, xoay lăn trong tam giới, luân hồi trong lục đạo. Quán Thập Nhị Nhân Duyên theo chiều thuận, tức là quán từ vô minh cho đến lão - tử thì gọi là Lưu Chuyển Môn hoặc Thuận Quán.

Hoàn Diệt có nghĩa từ mê trở về với lẽ chân, diệt hết phiền não, tiến nhập Niết-bàn. Quán Thập Nhị Nhân Duyên theo chiều nghịch, từ lão - tử quán ngược lại cho đến cội nguồn của mọi đau khổ là vô minh, sẽ phá được vô minh nên gọi là Hoàn Diệt hoặc Nghịch Quán.

rớt vào lò to, chưa đến nơi đã tan mất. Hàng nhị thừa đã liễu sanh tử và Quyền vị Bồ-tát vãng sanh sẽ mau chứng Vô sanh pháp nhẫn. Bậc Pháp thân đại sĩ đã chứng Vô sanh mà vãng sanh sẽ mau chứng Phật quả.

Hết thảy các pháp Đại thừa, Tiểu thừa do đức Thế Tôn đã nói trong cả một đời đều cậy vào tự lực, cho nên khó khăn; chỉ có một pháp này hoàn toàn cậy vào sức từ bi thệ nguyện nhiếp thọ của A-di-đà Phật và sức tín nguyện thành khẩn ức niệm của hành nhân nên được cảm ứng đạo giao, giải quyết xong xuôi ngay trong một đời này. Nhưng đã muốn vãng sanh Tây Phương thì phải nghĩ hết thảy chúng sanh đều là cha mẹ trong quá khứ, là chư Phật trong vị lai, nghĩ báo ân ấy sẽ càng thêm mến tiếc, che chở, chẳng dám giết ăn, thấy hết thảy những người cùng hàng và các quỷ thần cùng với chim thú, côn trùng đều tâm niệm miệng nói, dạy bọn họ niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Nếu như ba nghiệp thanh tịnh, giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, đem pháp môn Tịnh độ khuyên lơn thì người ta sẽ nhìn theo bắt chước nhau làm lành, ắt sẽ có hy vọng thay đổi cảm hóa ngấm ngầm, khiến cho phong tục tốt đẹp thuần hậu.

Người đời chưa đọc kinh Phật, chẳng biết Phật suy tính sâu xa để hóa độ chúng sanh, thấy bọn Hàn - Âu - Trình - Chu báng Phật, liền tự mình gánh lấy trách nhiệm "đề cao điều chánh, quở trách thói tà", người ta nói sao mình cũng bảo vậy, thốt lời khinh miệt, phỉ báng cho sướng

miệng, chẳng biết bọn Hàn - Âu hoàn toàn chưa từng đọc kinh Phật. Lý luận về đạo Phật của họ Hàn vốn chỉ có hai chữ *tịch diệt* là từ ngữ trong Phật pháp, còn những từ ngữ khác đều là lời lẽ của Lão tử, Trang tử. Về sau do thiền sư Đại Điên khơi gợi, hướng dẫn, Hàn Dũ mới không báng Phật nữa. Họ Âu chỉ đề cao họ Hàn, căn cứ để ông ta báng Phật là "do sự cai trị của nhà vua đã suy vi, đạo nhân nghĩa không ai đề xướng, nên Phật thừa cơ xâm nhập". Nếu như ông ta hiểu biết đạo giúp đời độ sanh do đức Phật tùy thuận cơ nghi mà lập như đã nói trong phần trước, ắt chẳng đến nỗi coi Phật là họa hoạn của Trung Quốc để rồi muốn xua quét đi. Họ Âu đề xướng như thế, kẻ học đạo Nho coi họ Âu như tông sư, đều bắt chước bài bác Phật giống như vậy. Đại sư Minh Giáo[170] muốn cứu vãn thói tệ ấy, soạn Phụ Giáo Biên dâng lên hoàng đế Tống Nhân Tông. Nhân Tông đưa cho Hàn Ngụy Công[171] xem, ông Hàn đưa cho họ Âu

---

170 Đại sư Minh Giáo chính là ngài Khế Tung (1007-1072), một vị cao tăng thuộc tông Vân Môn sống vào đời Tống, quê ở Đàm Tân, Đằng Châu (nay là huyện Đằng tỉnh Quảng Tây), tự Trọng Linh, hiệu Tiềm Tử. Sư xuất gia năm 7 tuổi, 13 tuổi được thế phát, thọ giới, 19 tuổi đi tham học khắp nơi, đầu thường đội tượng Quán Âm, mỗi ngày trì danh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát mười vạn câu. Về sau sư đắc pháp nơi thiền sư Hiểu Tông thuộc tông Tào Động. Sư đọc trọn khắp các kinh điển, sách vở, rất giỏi văn chương, thường nhấn mạnh thuyết "Nho Phật nhất trí". Ngoài bộ luận Phụ Giáo Biên nổi tiếng ra, sư còn trước tác những cuốn Truyền Pháp Chánh Tông Định Tổ Đồ, Truyền Pháp Chánh Tông Ký v.v.. Những trước tác của sư được Tống Nhân Tông hết sức ngưỡng mộ, hạ lệnh đưa vào Đại tạng, ban tặng cho sư ca-sa tía và ban hiệu là đại sư Minh Giáo. Sau khi sư thị tịch tại chùa Linh Ẩn vào năm Hy Ninh thứ năm (1072), môn nhân thu thập những ngữ lục của sư soạn thành bộ Đàm Tân Văn Tập, 20 quyển.

171 Hàn Ngụy Công chính là Hàn Kỳ (1008-1075), tự Trĩ Khuê, quê ở An Dương, Tương Châu (tỉnh Hà Nam), là một văn quan đời Tống, cùng với Phạm Trọng Yêm là những văn quan thống lãnh quân phòng ngự biên giới phía Tây, chuyên kháng cự quân Tây Hạ xâm lăng Đại Tống. Về sau, họ Hàn làm Tể tướng vào năm Gia Hựu thứ ba

xem, họ Âu kinh ngạc nói: "Chẳng ngờ trong tăng chúng lại có người như vậy? Sáng mai sẽ gặp mặt một phen!" Ngày hôm sau, ông Hàn đưa Minh Giáo đến gặp, bàn luận thông suốt trọn một ngày, từ đấy họ Âu chẳng còn báng Phật nữa. Hàng môn hạ của Âu Dương Tu tiếp nhận giáo huấn của ngài Minh Giáo, đa số đều cực lực học Phật.

Họ Trình, họ Chu đọc kinh Đại thừa nhà Phật, thân cận thiện tri thức Thiền tông, biết được những nghĩa "toàn sự chính là lý" trong kinh và "pháp gì, chuyện gì cũng quy về tự tâm" của Tông môn, liền tưởng mình đã lãnh hội lớn lao, chứ thật ra chưa hề đọc trọn các kinh Đại thừa, Tiểu thừa và thân cận tri thức các tông, bèn chấp lý phế sự, bác không nhân quả, bảo đức Phật nói ra nhân quả ba đời, luân hồi sáu đường để làm căn cứ gạt gẫm ngu phu ngu phụ sùng phụng giáo pháp của ngài, chứ thật ra chẳng có chuyện ấy. Lại còn nói: "Con người chết đi, hình hài đã mục nát thì thần hồn cũng phiêu tán, dẫu có chém, chặt, xay, giã sẽ thi thố vào đâu? Thần hồn đã phiêu tán, lấy ai để thác sanh?" Do vậy kẻ ác mặc lòng tạo nghiệp, người lành cũng khó gắng sức làm lành.

Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân trị thiên hạ, để Như Lai độ chúng sanh mà họ bảo là "không có thật" khiến cho những kẻ học đời sau đều chẳng dám nói đến nhân quả, chỉ lấy chánh tâm, thành ý để làm gốc cho tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ; nhưng nhân quả chính là

(1058), rồi được Tống Anh Tông phong cho tước Ngụy Quốc Công.

cái khiến cho người lành chẳng thể không chánh tâm thành ý, kẻ ác chẳng dám không chánh tâm thành ý. Đã không nói đến nhân quả thì pháp trị quốc, trị gia, trị thân, trị tâm chỉ là lời suông, chẳng có lợi ích thật sự. Mấy trăm năm qua vẫn còn duy trì được là nhờ phong thái lẫn sự cai trị tốt đẹp của bậc đại nhân thời cổ còn chưa bị hoàn toàn diệt mất.

Gần đây những kẻ phế bỏ đường lối cũ đua nhau đề cao duy tân, tranh thành giành đất, tàn sát lẫn nhau, cậy mạnh nuốt yếu, ươm thành đại kiếp đều là do Nho sĩ trong cả nước chẳng dám nói đến nhân quả, sợ bị người khác công kích mình đã trái nghịch tiên hiền. Hơn nữa, nếu kẻ nào có chút thành tựu sẽ được dự vào Văn Miếu, nếu nói đến nhân quả sẽ bị người khác coi là nịnh Phật rồi ngăn trở, nên coi việc nói đến nhân quả là điều phải tránh né. Do vậy bèn phát sanh đại loạn từ xưa đến nay chưa hề có! Nếu gia đình, nhà trường, xã hội đều giảng nhân quả, chắc chắn chẳng đến nỗi loạn lạc cùng cực như thế. Vào thuở ấy, Trình - Chu sợ Phật giáo hưng thịnh thì Nho giáo sẽ suy tàn, nên mới bài báng bằng cái tâm mê muội trái lý ấy hòng bảo vệ Nho giáo. Thảm trạng tranh chấp, tàn sát lẫn nhau nhiều năm không dứt quả thật chưa hề thấy. Đó gọi là *"nhân vô viễn lự, tất hữu cận ưu"* (người không lo xa, ắt có buồn gần).

Bọn họ sợ rằng nếu không báng Phật, Nho sĩ sẽ đều học theo Phật hết, chẳng biết nếu nhà Nho học Phật thì Nho giáo sẽ càng thêm hưng thịnh. Nghĩa lý này đã được trình bày tường tận trong bài viết nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín qua

cuốn Hành Dư Nhật Khóa của Lâm Văn Trung Công, bài viết ấy sẽ được sao chép riêng để những nhà Nho nơi quý địa được mở rộng tầm mắt, có chỗ nương theo. Đời đã loạn đến cùng cực, những vị nghĩ đến phương cách bình trị đều cùng đề xướng Phật học để sao cho ai nấy đều hiểu rõ nhân quả, biết tội phước, hồi tâm hướng thiện, vãn hồi kiếp vận để dân được sống yên. Các vị cư sĩ như La Khanh Đoan v.v. tính lập ra thư viện Phật học, cậy tôi viết lời trần thuật duyên khởi hòng nêu tỏ chỉ thú giúp đời độ sanh của Phật giáo, do vậy tôi bèn viết bài này cho xong trách nhiệm.

34. Duyên khởi quyên mộ tu bổ tháp Báo Ân chùa Báo Ân, Tô Châu

Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều sẽ thành Phật. Đó gọi là chánh nhân, thuộc về tánh đức, cũng còn gọi là bổn giác. Tuy có chánh nhân, nhưng nếu chẳng nghe Phật pháp sẽ như đồ báu trong kho, như viên châu buộc trong chéo áo, do không biết nên phải oan uổng chịu bần cùng. Đã được nghe Phật pháp, biết "Phật là vị Phật đã thành, ta và hết thảy chúng sanh đều là những vị Phật chưa thành", từ đấy tu giới định tuệ, đoạn tham sân si, bỏ vọng về với chân, trái trần hiệp giác. Đấy gọi là duyên nhân, thuộc về tu đức, cũng gọi là thỉ giác vậy. Công tu đức sâu thì tánh đức hiển lộ, mới biết từ xưa đến nay đã nương theo sức của chánh nhân Phật tánh ấy để làm đủ mọi chuyện trái nghịch tánh, chịu đủ mọi nỗi khổ huyễn vọng, giống như trong nhà tối đụng phải của báu, đâm ra bị tổn thương.

Nay đã đích thân thấy được Phật tánh sẵn có thì cái gốc cũ chẳng mất, mà Phật tánh mới giác ngộ hiện thời cũng chẳng được[172], toàn vọng chính là chân, toàn tu chính là tánh. Đấy gọi là liễu nhân, chính là tánh và tu dung hợp, thỉ bổn hợp nhất vậy.

Phàm hết thảy những pháp môn Đại - Tiểu - Quyền - Thật do đức Phật đã nói, không môn nào chẳng nhằm làm cho chúng sanh đích thân chứng được điều này mà thôi. Nhưng căn cơ chúng sanh có lợi độn, chức phận có thân sơ, nên khó thể tạo lợi ích rộng khắp được. Vì thế dùng chuyện tạo dựng tháp miếu, pháp tướng trang nghiêm, gõ chuông, đánh khánh, giơ nắm tay, dựng đứng cây phất trần để tạo duyên phát khởi, giúp cho người khác nhập đạo. Ở mỗi chỗ cư dân đông đảo, cổ nhân xây dựng đại tháp miếu cốt sao người thấy nghe sẽ gieo được hạt giống Phật vào trong tám thức điền, sau này ắt sẽ đích thân chứng được giác đạo, chứ không phải chỉ để tạo cảnh tráng lệ hòng nhìn ngắm cho sướng mắt.

Chùa Báo Ân ở Tô Châu do vua nước Ngô thời Tam Quốc là Tôn Quyền xây dựng để báo ân mẹ, vốn có tên là chùa Thông Huyền. Đến năm Đại Thông thứ tư (530) đời Lương Vũ Đế, chùa được trùng tu, vị tăng tên Chánh Huệ lập tháp báu mười một tầng, hết sức trang nghiêm. Khi Tùy Văn Đế thay nhà Trần làm chủ giang sơn, chùa bị

---

172 Do luôn thường hằng sẵn có, nên nói "chẳng mất mà cũng chẳng được", chỉ là thấy được Phật tánh hay không mà thôi!

huyện lệnh đất Ngô là Tôn Khoan phế bỏ. Đầu đời Đường vị tăng tên Huệ Quân xây dựng lại. Năm Khai Nguyên 26 (738) đời Đường Huyền Tông, vua xuống chiếu mỗi châu quận trong thiên hạ lập một ngôi chùa lớn đề tên là Khai Nguyên; chùa bèn được đổi tên là chùa Khai Nguyên, trong chùa có tượng Huyền Tông bằng đồng thếp vàng. Trong niên hiệu Đại Thuận (890-891) thời Đường Chiêu Tông, chùa bị tên giặc ở Hoài Tây là Tôn Nho[173] đốt cháy rụi. Năm Đồng Quang thứ ba (925) nhà Hậu Đường, Ngô Việt Vương Tiền Liêu dựng chùa Khai Nguyên khác ở bên cạnh chùa Thụy Quang phía trong Bàn Môn, vì trong năm Kiến Hưng nguyên niên (313) đời Tấn Mẫn Đế, hai tượng Phật bằng đá từ biển trôi tấp vào, được xây điện thờ bằng gạch không có rui kèo để thờ. Từ đời Đường Hy Tông, Ngô Việt Vương Tiền Liêu đã chinh phạt Hoàng Sào[174], dẹp

---

173 Tôn Nho chính là bộ tướng của Tần Tông Quyền (một trong các tướng cướp đầu hàng Hoàng Sào). Sau khi Hoàng Sào chết, Tần Tông Quyền xưng đế, sai Tôn Nho đánh Lạc Dương, Trịnh Châu v.v.. Khi bị Chu Ôn đánh bại, Tần Tông Quyền gọi em là Tần Tông Xung và Tôn Nho về tiếp cứu, Tôn Nho bèn giết Tông Xung, tự xưng vương, chiếm cứ một giải các quận huyện dọc miền Dương Châu. Nhà Đường khi ấy quá suy yếu, phải phong cho hắn làm Hoài Nam Tiết Độ Sứ. Tôn Nho đánh nhau liên tiếp với Dương Hành Mật để giành quyền làm chủ vùng Hoài Nam. Cho đến năm 892, Tôn Nho đem quân sang đánh Dương Hành Mật tại Tuyên Châu, bị họ Dương dùng kế tiêu thổ kháng chiến vây hãm. Cuối cùng quân lương hết, Tôn Nho bị họ Dương xử tử. Một bộ tướng của Tôn Nho là Mã Ân chạy thoát chiếm cứ miền Hồ Nam, xưng đế, lập quốc, sử gọi là nước Mã Sở.

174 Hoàng Sào vốn là con một người buôn muối, thi rớt tiến sĩ, phẫn chí bèn cùng với con là Hoàng Quỹ và cháu là Hoàng Ân Nghiệp tập hợp những tay du thủ du thực, dựng cờ khởi nghĩa tại Oan Cú (nay thuộc thành phố Hà Trạch, tỉnh Sơn Đông) với chiêu bài "thế thiên hành đạo, cứu khổ dân nghèo" để lật đổ nhà Đường vào năm Càn Phù thứ hai (875). Thế lực của Hoàng Sào phát triển nhanh chóng, chiếm lĩnh một vùng đất rộng lớn từ Sơn Đông đến các tỉnh Hồ Bắc, An Huy, chiếm được cả kinh đô Trường An của nhà Đường, xưng đế, lấy quốc hiệu là Đại Tề, niên hiệu là Kim Thống. Nhờ sự phản bội

tan Đổng Xương, tận trung với nhà Đường, được phong vương vào thời Chiêu Tông, cai quản xứ Ngô Việt, đạo pháp hưng thịnh lớn lao. Thời Ngũ Đại, chỉ có xứ Ngô Việt là yên ổn nhất do mấy đời vua đều tin Phật, trọn không cai trị hà khắc.

Đến năm Thái Bình Hưng Quốc thứ ba đời Tống Thái Tông, Ngô Việt Vương hiến hết khu vực cai quản cho nhà Tống. Trong tám chín chục năm ấy, đối với Phật hay đối với Nho đều có quan hệ lớn lao không gì hơn được. Trong niên hiệu Hiển Đức (954-960) nhà Chu thời Ngũ Đại, tại nền cũ của chùa Khai Nguyên, Tiền vương đã xây lại chùa, dời biển ngạch của chùa Báo Ân từ núi Chi Hình về đấy, đấy là nguồn gốc của tên chùa Báo Ân vậy.

Đến niên hiệu Nguyên Phong (1078-1085) đời Tống Thần Tông, trùng tu chùa tháp, Tô Đông Pha bỏ ra con rùa đồng để chứa xá-lợi, từ đấy có lúc hưng, lúc suy lắm phen. Đầu đời Vạn Lịch nhà Minh, chùa tháp lại bị cháy rụi, do vị tăng là Tánh Nguyệt đảm nhiệm trùng hưng. Đến khi vị tăng tên Như Kim đến đây, sư Tánh Nguyệt liền giao phó lại cho Như Kim. Sư Như Kim nói rộng về nhân quả, hiển hiện đại thần lực khiến cho đàn-việt tín thí tụ tập như mây nhóm, dốc hết công sức suốt chín năm trời. Năm Khang Hy thứ năm (1666) đời Thanh, pháp sư Nhất Nguyên

---

một đại tướng của Hoàng Sào là Chu Ôn và đội quân dũng mãnh của tướng quân Lý Khắc Dụng người tộc Sa Đà, quân của Đường Hy Tông mới có thể phản công, tái chiếm lại Trường An. Đôi bên đánh nhau dằng dai mãi đến ngày 13 tháng 7 năm 884 Hoàng Sào bị bộ hạ là Lâm Ngôn ám sát, cuộc phản loạn mới được dẹp yên.

muốn trùng tu, gặp đúng dịp Thái phó[175] Kim Văn Thông Công cáo lão hồi hưu, do vậy bèn khuyên dụ, đề xướng trùng tu khiến cho chùa có quy mô lớn hơn trước. Năm Đạo Quang 16 (1836), vị thân sĩ trong ấp là Phan Mai Khê tự mình bỏ ra một khoản tiền lớn để sửa sang như mới.

Năm Quang Tự 24 (1898), lão pháp sư Mẫn Hy đến đất Tô, thân sĩ trong ấp do thấy tháp chùa Báo Ân đã hư sụp, muốn cậy vào đức độ, danh tiếng của lão pháp sư để khôi phục, bèn thỉnh ngài làm trụ trì. Pháp sư bằng lòng, nhưng chưa kịp khởi công đã viên tịch. Pháp đồ là sư Vịnh Hà cực lực đảm đương, lệnh đồ tôn[176] là sư Chiêu Tam giúp sức. Ông cháu hai người dốc cạn sức lực trông nom, đốc thúc, mới khởi công được nửa năm, sư Vịnh Hà mất, khi ấy là năm Quang Tự 31 (1905). Sư Chiêu Tam kế nghiệp làm trụ trì, nhọc nhằn lo toan cho tới năm sau ngôi tháp chín tầng và các điện đường đều được hoàn chỉnh.

Cho đến bây giờ đã hơn 30 năm, mưa gió vùi dập, gỗ mục ngói vỡ, trung tuần tháng 5 năm nay, góc cạnh của

---

175 Thái phó là một chức quan đã có từ đời Chu, có quyền lực rất lớn, cùng với Thái sư, Thái bảo được xưng là Tam công, khi vua còn nhỏ họ nắm toàn quyền cai trị. Thái sư tương đương với Tể tướng trong những đời sau. Đến đời Tùy - Đường, ba chức vụ này gọi là Tam sư để phân biệt với Tam công là Thái úy, Tư đồ, Tư không. Trải qua các triều đại, ba chức vụ này dần dần mất thực chất, có lúc bị phế bỏ, hầu như chỉ còn hư vị. Đến thời Minh - Thanh, Thái phó, Thái sư, Thái bảo lại được gọi là Tam công, tuy được xếp vào ngạch Chánh nhất phẩm nhưng hoàn toàn là hư vị. Tam công thường do đại thần kiêm nhiệm, được coi như cố vấn của nhà vua khi cần thiết. Chức Thái phó thường do các vị quan từng giữ chức Thái tử thái phó (tức vị thầy dạy học cho vua khi vua còn là Thái tử) kiêm nhiệm.

176 Sư Chiêu Tam là đồ đệ của học trò sư Vịnh Hà nên gọi là "đồ tôn", vì thế trong phần sau mới nói "ông cháu hai người".

tầng thứ 8 nơi đỉnh tháp đột nhiên bị sụt lở, từ trên xuống dưới tầng nào cũng bị hư hoại. Nếu chẳng cấp tốc tu bổ thì sau này sẽ khó thể nào duy trì được. Cụ Chiêu Tam cầm tự chí đến cho Bất Huệ xem và kể lể tình trạng hiện thời, tính quyên mộ để sửa chữa, cậy Bất Huệ soạn một bài văn thuật duyên khởi, khẩn cầu mười phương tể quan, trưởng giả, hàng thiện tín v.v. phát tâm Bồ-đề, hành phương tiện sự, bỏ tiền của chẳng bền chắc để vun bồi phước đức vô tận, sẽ thấy Phật, trời che chở như mây nhóm, điều tốt lành đua nhau xảy đến, giàu, thọ, khỏe mạnh, bình yên, thân hiện tại hưởng năm thứ phước như Cơ Tử đã luận, quế lan sum suê, hậu duệ hưởng trăm điều tốt lành như trong bài giáo huấn của Y Doãn.

35. Duyên khởi trùng tu niệm Phật đường và mở liên xã tại chùa Tư Phước, Phụ Dương

(Năm Dân Quốc 26 - 1937)

Trong thánh giáo của Như Lai pháp môn vô lượng, tùy ý nương theo một pháp nào đó, dùng tâm Bồ-đề tu trì cũng đều có thể liễu sanh thoát tử, thành Phật đạo. Nhưng khi đang tu còn chưa chứng, sẽ có sự khó dễ, nhanh chậm rất lớn.

Cầu lấy pháp viên mãn nhất, nhanh chóng nhất, đơn giản nhất, dễ dàng nhất, vừa khế cơ lẫn khế lý, vừa là tánh vừa là tu, thích hợp khắp ba căn, thâu nhiếp hoàn toàn lợi căn lẫn độn căn, là chỗ quy túc của các tông Luật, Giáo,

Thiền, Mật, là con đường tắt để trời người, phàm thánh chứng chân thì không chi bằng một pháp tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Ấy là vì hết thảy pháp môn đều cậy vào tự lực, còn pháp môn niệm Phật cậy thêm Phật lực. Cậy tự lực thì nếu chưa đoạn sạch phiền hoặc sẽ chẳng thể vượt thoát tam giới, còn cậy vào Phật lực thì tín nguyện chân thành thiết tha sẽ có thể cao đăng chín phẩm sen. Người trong thời hiện tại muốn giải quyết xong đại sự sanh tử ngay trong đời này mà bỏ pháp này sẽ trọn chẳng có hy vọng gì!

Cần biết rằng: Pháp môn Tịnh độ pháp nào cũng viên thông, như vầng trăng vằng vặc sáng ngời giữa trời, con sông nào cũng đều hiện bóng. Thủy ngân rớt xuống đất, viên nào cũng tròn xoe. Chẳng riêng gì cách vật, trí tri, cùng lý, tận tánh, giác thế, yên dân, trị quốc, giữ yên cõi bờ đều có lợi ích lớn lao, mà ngay cả sĩ nông công thương muốn phát triển sự nghiệp, già trẻ trai gái muốn tiêu diệt bệnh tật khổ sở, không gì chẳng tùy theo lòng cảm mà ứng, thỏa lòng mãn nguyện. Nay lòng người chìm đắm, cõi đời loạn lạc đã đến mức tột cùng, biến loạn thị phi, điên đảo đen trắng, tranh đoạt lừa gạt, lấn áp cực lực diễn ra. Nếu chẳng cứu vãn thì đạo lý làm người gần như diệt mất.

Do vậy, những người hữu tâm các nơi đua nhau đề xướng Phật pháp, nêu tỏ nhân quả ba đời, tỏ rõ sự luân hồi lục đạo, chỉ rõ Sa-bà trược ác, nêu rõ Cực Lạc nghiêm tịnh để mong con người trong cõi đời này sẽ đánh đổ những tư

dục xẳng bậy, khôi phục lễ nghĩa, hòng còn sống sẽ dự vào bậc thánh bậc hiền, liễu sanh thoát tử, mất về cõi Cực Lạc.

Chùa Tư Phước ở Phụ Dương là ngôi chùa cổ đã trải mấy triều, được ghi chép trong sách vở. Gần đây vị trụ trì không có tư cách hoằng pháp, những kẻ không biết Phật pháp đua nhau đề xướng duy tân, phá trừ mê tín, toan muốn gấp rút hủy diệt ngôi chùa ấy. Tuy bậc minh triết dùng chánh lý để khuyên nhủ, bọn họ trọn chẳng chịu nghe.

Đại biểu hội Phật giáo Phụ Dương là ông Hình Thuần Trai phẫn uất chẳng quản tấm thân, bôn tẩu tỉnh thành, gặp mặt chủ tịch là ông Lưu Tuyết Á, xin hãy ra thông cáo bảo vệ. May được ông Lưu tâm hộ pháp thiết tha, lòng yêu dân sâu đậm, lập tức ra thông cáo ngăn cấm nên mới giữ được chùa.

Nhân sĩ địa phương do nghĩ Phật pháp lý trí cao sâu, lợi ích rộng lớn liền nghĩ đến chuyện Tư Phước là chỗ danh thắng của đất Dĩnh[177], từ xưa đến nay nhân dân gội ân đội đức của Phật nhiều khôn kể xiết, chẳng nỡ để mặc cho chùa hoang lương. Do vậy lại tính chuyện phục hưng.

Hiện thời đã tạo dựng năm gian niệm Phật đường, thỉnh pháp sư Bỉnh Sơ tạm thời chủ trì chuyện ấy, tính thỉnh bao nhiêu đó vị sư có giới đức an trụ nơi đó để tu trì tịnh nghiệp quanh năm. Mồng 1, ngày Rằm mỗi tháng tín sĩ tại gia tụ tập niệm Phật một ngày để giúp cho việc

177 Dĩnh là tên vùng đất (gồm các huyện Dĩnh Thượng, Dĩnh Châu, Dĩnh Đông, Dĩnh Tuyền) thuộc lưu vực con sông Toánh (thường đọc thành Dĩnh), trực thuộc sự quản hạt của thành phố Phụ Dương, tỉnh An Huy.

đề xướng. Buổi chiều sau khi niệm Phật xong, bất luận là tăng hay tục đều có thể giảng diễn ý chỉ niệm Phật lớn lao và pháp "ở trong trần lao học đạo, sống nơi rẫy bái mà báo đền đất nước" cùng với sự "giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành" và lý "thật vì sanh tử, phát tâm Bồ-đề, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương", để hết thảy mọi người đều biết duyên do "ai cũng có thể là Nghiêu - Thuấn, ai cũng đều có thể thành Phật", sẽ trong hết thảy thời, hết thảy chỗ đều chăm chú mong thành thánh, học thành Phật. Đấy chính là pháp môn đại phương tiện "chẳng giữ địa vị mà bảo vệ đất nước, cứu dân, thay đổi phong tục nhưng chẳng lộ dấu vết". Nguyện dù tăng hay tục đều cùng gắng công thì lợi ích ấy càng thêm lớn lao vậy.

36. Trình bày về việc quyên mộ in cuốn Quán Thế Âm Bồ-tát Bổn Tích Cảm Ứng Tụng

(Năm Dân Quốc 14 - 1925,
lược đi phần trình bày về biện pháp)

Quán Thế Âm Bồ-tát trong quá khứ đã thành Phật từ lâu trong vô lượng kiếp trước, hiệu là Chánh Pháp Minh, nhưng do tâm từ bi tha thiết, lòng cứu khổ ân cần, chẳng lìa Tịch quang, hiện hình trong chín giới, trong mười phương vô lượng thế giới tùy loại hiện thân độ thoát chúng sanh. Phẩm Phổ Môn nói "nên dùng thân nào để độ được, liền hiện thân ấy để thuyết pháp". Tuy là mười

phương thế giới không cõi nào chẳng hiện thân, nhưng đối với thế giới Sa-bà nhân duyên rất sâu. Tuy những thân trong mười pháp giới không thân nào chẳng hiện, nhưng người đời thường gọi ngài là Bồ-tát. Tuy những chỗ ngài ứng hóa trọn khắp hoàn vũ, nhưng Phổ Đà Sơn tại Chiết Giang là nơi rõ ràng nhất.

Ấn Quang được hưởng ân thật lớn, đội ân thật sâu. Thoạt đầu xuất gia tại Nam Ngũ Đài Sơn tại Thiểm Tây, tức là đạo tràng nơi đức Quán Âm hiện thân hàng phục rồng độc. Tiếp đó sống nhờ ở Phổ Đà trong biển Nam, chính là thánh địa nơi Thiện Tài đi về Nam tham học với đức Quán Âm. Thường nghĩ người đời chẳng biết lòng từ sâu xa, lòng bi rộng lớn của Bồ-tát, muốn sưu tập từ Đại tạng và các sách vở, phàm những hạnh nguyện nơi bổn địa của Bồ-tát và những sự tích Bồ-tát cảm ứng nơi phương này, soạn thành bài văn ca tụng, lại còn chú thích tường tận, để những người cùng hàng trong cõi đời đều biết tấm lòng đại từ bi của ngài Quán Âm, cũng như thật sự thật lý "tùy loại hiện hình, tầm thanh cứu khổ" ngõ hầu ai nấy sẽ đều cùng trì thánh hiệu, cùng tiêu nghiệp chướng, cùng tăng phước tuệ, khi sống thì làm người thân tâm thanh tịnh, thác sẽ dự vào hội của liên trì hải chúng. Dùng những điều này để uốn nắn lòng người, vãn hồi kiếp vận, ngõ hầu thiên hạ thái bình, nhân dân yên vui. Tuy đã phát cái tâm ấy, nhưng do học thức thiển cận, kém hèn, bút mực vụng về, chất phác, chưa thể tiến hành ngay được.

Khéo sao nhà đại văn học tỉnh Giang Tây là cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh lên núi thăm viếng, vừa gặp nhau đã thành bạn thiết, do vậy bèn đem chuyện này gởi gắm, ông ta liền vui vẻ chấp thuận rồi lắng lòng soạn thuật suốt cả hai năm ròng, viết ra bản Tụng Văn đến hơn hai vạn chữ. Đối với sự tích trong mỗi câu đều chú thích sau mỗi đoạn văn để người đọc vừa xem liền hiểu rõ ngay, tổng cộng gồm ba quyển. Lại sao lục những nghĩa trọng yếu trong kinh, đặt tên là Kinh Chứng (những dẫn chứng trích từ kinh điển) gồm một quyển, ghi kèm vào sau Tụng Văn. Lại còn có Kim Cang Kinh Công Đức Tụng một quyển cũng ghi kèm vào sau để người tụng kinh niệm Phật đều biết phương hướng, cốt sao từ phàm tâm thấy được Phật tâm, thỏa mãn nguyện độ sanh của Như Lai.

Hiện nay thiên tai nhân họa liên tiếp giáng xuống, thế đạo nhân tâm suy hãm đến cùng cực, riêng nhờ vào cuốn sách này để dẫn đường hòng đẩy lui con sóng cuồng, nâng đỡ thế đạo, cùng lên bậc thánh, cùng chứng Bồ-đề. Nay đã sắp chữ, cho khắc in, nguyện những thiện tín có sức đều cùng bỏ ra tịnh tài ngõ hầu những người cùng hàng trong khắp cõi đời ai nấy đều được gội từ ân của Quán Âm Bồ-tát, để rồi cùng được đích thân chứng đắc Phật tánh vốn có, viên mãn vô thượng giác đạo, một tấm lòng khăng khăng như thế mà thôi! *(phần sau lược đi)*

VI. CÂU ĐỐI

Bắt nguồn từ đầu đời Tống, Thục Hậu Chúa Mạnh Sưởng[178] viết câu đối mừng xuân mới. Từ đấy tăng tục đều dùng câu đối để tán tụng công đức, nêu tỏ đạo nhiệm mầu, giãi bày những điều ấp ủ trong lòng, hoặc nhờ đó để khuyên nhủ những người cùng hàng. Bộ Vân Thê Pháp Vựng[179] từng chép những câu đối, nay noi theo dấu thơm

178 Mạnh Sưởng (919-965) vốn tên là Nhân Tấn, tự Bảo Nguyên, là con thứ ba của Cao Tổ (Mạnh Tri Tường) nhà Hậu Thục (nước Hậu Thục nằm lọt giữa các tỉnh Cam Túc và Thiểm Tây hiện thời. Tiết độ sứ Tây Xuyên là Mạnh Tri Tường nhân dịp nhà Hậu Đường diệt Tiền Thục, đất nước loạn lạc, bèn chiếm Tây Xuyên và Đông Xuyên, xưng đế, lập ra nước Thục). Lúc mới lên ngôi, Mạnh Sưởng chăm lo việc nước, khiến nước Hậu Thục hùng mạnh, bờ cõi mở rộng đến tận Trường An. Về sau vua đam mê dục lạc, rượu chè be bét, hoang dâm vô độ, xa xỉ vô cùng, ngay cả bô đi tiểu cũng chế bằng ngọc quý, do vậy triều chánh nát bét, cuối cùng nước Hậu Thục bị nhà Bắc Tống diệt vong. Nhà Tống đem Mạnh Sưởng về giam lỏng tại Biện Kinh, phong tước Tấn Quốc Công. Mạnh Sưởng mất năm Càn Đức thứ ba (965) đời Bắc Tống. Có thuyết nói Mạnh Sưởng bị Tống Thái Tổ đầu độc chết.

179 Vân Thê Pháp Vựng là một tác phẩm tổng hợp các trước tác của đại sư Vân Thê Liên Trì Châu Hoằng, bao gồm 31 tác phẩm. Công trình biên tập này khởi sự từ năm

để đổi lấy một trận cười.

(Ấn Quang ghi)

1. Câu đối tán dương Phật Thích-ca

a) Hạ Đâu-suất nhi giáng thần, trụ thế bát thập kỳ niên, linh cửu giới chúng sanh triệt kiến bản lai chân diện mục,

Đổ minh tinh nhi ngộ đạo, đàm kinh tam bách dư hội, tỉ đại thiên Phật tử phục quy nguyên hữu cựu gia hương.

(Từ Đâu-suất giáng thần, trụ thế suốt tám mươi năm khiến cả chín giới chúng sanh thấy tột cùng bản lai chân diện mục,

Thấy sao Mai ngộ đạo, giảng kinh hơn ba trăm hội hòng Phật tử khắp cõi đại thiên trở về lại chốn quê hương sẵn có.)

b) Phật ứng Tây Càn, độ chúng sanh dĩ ngộ chứng Bồ-đề, cố cảm thiên long thường ủng hộ,

Pháp lưu Đông độ, khai văn hóa nhi chấn phát lung quý, trí linh hiền trí tận quy tông.

(Phật ứng hiện trời Tây, cứu độ chúng sanh, ngộ chứng Bồ-đề, nên cảm trời rồng thường ủng hộ,

Pháp truyền sang xứ Đông, mở mang văn hóa, rúng

Thiên Khải thứ tư (1624) với sự tham gia của 17 vị danh tăng như Đại Hiển, Đại Văn, Đại Sâm v.v. và 16 vị danh sĩ như Vương Vũ Xuân, Trâu Uông Minh v.v. biên tập, giảo đính, in khắc ròng rã suốt 10 năm mới hoàn thành. Năm Quang Tự 25 (1891), bộ Vân Thê Pháp Vựng được khắc in lại, bổ sung thêm những cuốn Vân Thê Di Cảo, Vân Thê Quy Ước, Vân Thê Tháp Kệ Tán v.v..

động điếc đui, khiến cho hiền trí đều quy ngưỡng.)

c) Tam hoặc tận nhi nhị tử vong, nhất trần bất lập,
Ngũ uẩn không nhi lục căn tịnh, vạn đức viên chương.

(Tam Hoặc hết, nhị tử tiêu, mảy trần chẳng lập,
Ngũ Uẩn không, sáu căn sạch, muôn đức trọn bày.)

d) Viên ngộ tạng tánh, triệt chứng tự tâm, đạo thông thiên địa hữu hình ngoại,
Từ khởi vô duyên, bi vận đồng thể, ân biến thánh phàm hàm thức trung.

(Viên ngộ tạng tánh, chứng tột tự tâm, đạo thông trời đất, vượt khỏi hữu hình,
Khởi vô duyên từ, vận bi đồng thể, ân trùm thánh phàm, thấu cùng hàm thức.)

e) Ký hữu tình cộng chứng chân thường bản tịch diệt tâm, thuyết viên thông pháp,
Kỳ hàm thức đồng đăng giác ngạn, y nhất thật đạo, khai phương tiện môn.

(Mong hữu tình cùng chứng tâm chân thường sẵn tịch diệt, nói pháp viên thông,
Cầu hàm thức đều lên bến giác nương đạo nhất thật, mở cửa phương tiện.)

f) Hoa Nghiêm đốn diễn viên tông, độc bị thượng căn, thượng vị tất phù xuất thế độ sanh chi hoằng thệ,
Hạnh Nguyện đạo quy Cực Lạc, toàn thâu cửu giới,

phương kham đại sướng thành đạo lợi vật chi bản hoài.

(Kinh Hoa Nghiêm giảng tông viên đốn, chỉ thích hợp thượng căn, vẫn chưa khế hợp hoằng thệ "độ trọn chúng sanh",

Phẩm Hạnh Nguyện dẫn về Cực Lạc, trọn bao trùm chín giới, mới kham thỏa bản hoài thành đạo lợi muôn loài.)

2. Câu đối tán dương A-di-đà Phật

Mạc nhạ nhất xưng siêu Thập địa,
Tu tri lục tự quát tam thừa.

(Chớ ngờ một câu siêu Thập địa,
Phải hay sáu chữ trọn tam thừa.)

3. Câu đối tán dương Phật Thích-ca

Hoa biểu viên nhân, hiển Như Lai thành thủy thành chung chi đạo,

Nghiêm chương thật quả, thị chúng sanh tâm tác tâm thị chi môn.

(Hoa biểu thị viên nhân, tỏ rõ đạo thành thủy thành chung của Như Lai,

Nghiêm trang bày thật quả, chỉ bày môn "tâm làm, tâm là" nơi chúng sanh.)

4. Câu đối tán dương Phật Di-đà

a) Như Lai chửng tế vô phương, quảng độ chúng sanh tu độ ngã,

Ngô bối linh bình một ký, bất niệm Di-đà cánh niệm thùy?

(Như Lai cứu vớt khôn ngằn, muốn rộng độ chúng sanh phải độ ta [trước đã],

Bọn ta lênh đênh không nơi nương tựa, chẳng niệm Di-đà còn biết niệm ai?)

b) Y hoằng thệ nguyện, kiến chiết nhiếp chi pháp môn, đản khẳng nhất tâm trì danh, tự nhĩ tiềm phù thật tướng, tỉ tứ thánh lục phàm đồng chứng chân thường, cố đắc cửu giới hàm quy, thập phương cộng tán.

Dĩ đại từ bi, lập yểm hân chi thắng hạnh, nhược năng sơ độ thác chất, hà nan đốn nhập Tịch quang, đạo tam thừa ngũ tánh tề đăng tịnh vực, nhân tư thiên kinh câu xiển, vạn luận quân tuyên.

(Nương thệ nguyện rộng sâu, lập pháp môn chiết - nhiếp[180], chỉ cần nhất tâm trì danh, từ đấy ngầm hợp thật tướng, khiến tứ thánh lục phàm cùng chứng chân thường, nên được chín giới đều hướng về, mười phương cùng khen ngợi.

Dùng từ bi rộng lớn, tạo thắng hạnh ưa - chán, nếu được sanh về Sơ độ[181], khó gì mau nhập Tịch quang, dẫn tam thừa ngũ tánh đều lên cõi tịnh, do vậy ngàn kinh cùng xiển dương, muôn luận đều tuyên nói.)

---

180 Chiết nhiếp: Chiết phục và nhiếp thọ.

181 Tức cõi Phàm thánh đồng cư.

c) Ưng đương phát nguyện, nguyện vãng sanh, khách lộ khê sơn, thiết mạc tùng đầu tái quyến luyến,

Tự thị bất quy, quy tiện đắc, cố hương phong nguyệt, trực tu toàn thể tổng thân thừa.

(Hãy nên phát nguyện, nguyện vãng sanh, núi khe nẻo khách, từ rày thôi quyến luyến,

Tự mình chẳng về, về liền được, gió trăng quê cũ, toàn thể hãy tự vâng.)

d) Thành tựu lục bát đại nguyện, cư Tây Phương đĩ tác Phật, cử Hoa Tạng thế giới chư trang nghiêm viên chương Tịnh độ,

Mẫn niệm cửu phẩm hàm linh, hướng Đông vực nhi thùy từ, dẫn Sa-bà quốc trung chúng nam nữ đồng vãng liên bang.

(Thành tựu bốn mươi tám đại nguyện, làm Phật chốn Tây Phương, toàn thể thế giới Hoa Tạng trang nghiêm trọn phô Tịnh độ,

Nghĩ thương khắp chín phẩm hàm linh, rủ lòng từ Đông độ, dẫn khắp cõi nước Sa-bà nam nữ cùng đến liên bang.)

e) Xả Tây quy tiệp kính, cửu giới hữu tình thượng hà đĩ viên thành giác đạo?

Ly Tịnh độ pháp môn, thập phương chư Phật hạ bất năng phổ lợi quần manh.

(Bỏ đường tắt Tây Phương, chín giới hữu tình trên lấy gì để viên thành giác đạo?

Lìa pháp môn Tịnh độ, mười phương chư Phật dưới chẳng thể lợi khắp quần manh.)

g) Ngũ trụ nhị chấp, mông quang đốn viên phù tứ đức,
Tam thừa lục đạo, khắc niệm định chứng ư nhất chân.

(Ngũ trụ nhị chấp[182], nương quang nhanh chóng viên thành tứ đức,
Tam thừa lục đạo, quyết lòng chắc chắn chứng nhập nhất chân.)

h) Phật nguyện hoằng thâm, thập phương cộng tán,
Sanh tâm khẩn đáo, cửu giới đồng quy.

(Nguyện đức Phật rộng sâu, mười phương cùng khen ngợi,
Tâm chúng sanh gấp tới, chín giới đều hướng về.)

i) Thọ lượng vô biên, thụ cùng tam tế,
Quang minh hữu tượng, hoành biến thập phương.

(Thọ lượng không ngằn mé, theo chiều dọc tột cùng ba đời,

---

182 Ngũ trụ, gọi đủ là ngũ trụ phiền não, tức năm thứ căn bản làm nơi nương tựa cho hết thảy phiền não, gồm:

1. Kiến nhất thiết xứ trụ địa: gồm những kiến hoặc trong tam giới như thân kiến v.v..

2. Dục ái trụ địa: tức những phiền não trong Dục giới, nhưng không kể vô minh và kiến, bao gồm những phiền não liên quan đến ngũ dục bên ngoài (sắc, thanh, hương, vị, xúc).

3. Sắc ái trụ địa: gồm những phiền não trong Sắc giới, nhưng không kể kiến hoặc và vô minh, tức những phiền não do đã lìa bỏ ngũ dục nhưng vẫn chấp trước mê đắm nơi sắc thân của chính mình.

4. Hữu ái trụ địa: gồm hết thảy vô minh trong Vô sắc giới, không tính kiến hoặc và vô minh, tức những phiền não do đã lìa bỏ tham sắc nhưng vẫn chấp trước mê đắm nơi sắc thân của chính mình.

5. Vô minh trụ địa: gồm hết thảy những thứ vô minh.

Nhị chấp là ngã chấp và pháp chấp.

Quang minh hiện hình ảnh, theo chiều ngang trọn khắp mười phương.)

j) Khổ hải vô biên, hồi đầu thị ngạn,
Lạc bang hữu lộ, khởi tín tức sanh.

(Biển khổ vô biên, quay đầu là bờ,
Cõi vui có nẻo, tin tưởng liền sanh.)

k) Duy kỳ ngũ trược đốn không, nhậm tha hương vô nhân phần, địa vô nhân tảo,
Thảng đắc nhất chân cộng chứng, tự nhĩ nguyện linh ngã mãn, tâm linh ngã an.

(Chỉ mong mau không ngũ trược, nào quản hương không người thắp, đất không người quét,
Nếu được cùng chứng nhất chân, từ đấy nguyện khiến ta thỏa, tâm khiến ta an.)

5. Câu đối tán dương Phật Di-lặc

Bảo các phú thập hư, uyển nhược không hàm vạn tượng,
Phân thân biến trần sát, trực đồng nguyệt ấn thiên giang.

(Gác báu rợp mười phương, giống hệt hư không chứa muôn hình tượng,
Phân thân khắp cõi trần, nào khác vầng trăng in bóng ngàn sông.)

6. Câu đối tán dương Phật Di-đà

a) Tế độ vô phương, lân y thể nhất,
Tân lương võng trắc, mẫn bỉ mê thâm.

(Tế độ khôn ngằn, xót chúng sanh vốn cùng một thể,
Bến bờ nào thấu, thương hữu tình mê muội sâu xa.)

b) Thệ nguyện hoằng thâm, thập phương cộng tán,
Từ bi quảng đại, cửu giới đồng quy.

(Thệ nguyện rộng sâu, mười phương cùng khen ngợi,
Từ bi rộng lớn, chín giới đều nương về.)

7. Câu đối tán dương ngài Di-lặc

a) Thản phúc tiếu dung nhiếp hải chúng,
Phân thân tán ảnh thị thời nhân.

(Bụng rộng mặt cười nhiếp hải chúng,
Phân thân hiện bóng dạy người đời.)

b) Yến tọa đẳng nhân lai, dự nhiếp Long Hoa hội lý hữu duyên chi bối,
Phùng cơ dĩ tiếu ứng, viên chương đại đỗ bì trung vô sở bất dung.

(Ngồi lặng đợi người đến, nhiếp sẵn hạng hữu duyên trong hội Long Hoa,
Gặp căn cơ bèn cười, phô trọn bụng to đùng không gì chẳng chứa.)

c) Lâu các môn khai, viên chương pháp giới tu nhân sự,
Từ bi nguyện phổ, dự nhiếp Long Hoa chứng quả nhân.

(Cửa lâu các mở, trọn bày sự tu nhân nơi pháp giới,
Từ bi nguyện khắp, nhiếp sẵn người chứng quả hội Long Hoa.)

8. Câu đối tán dương đức Quán Âm

Hữu cảm tức thông, thiên giang hữu thủy thiên giang nguyệt,
Vô cơ bất bị, vạn lý vô vân vạn lý thiên.

(Có cảm gì liền thông, ngàn sông in bóng nước ngàn trăng,
Không căn nào chẳng ứng, vạn dặm không mây vạn dặm trời.)

9. Câu đối tán dương đức Phật

Triệt chứng nhất chân pháp giới, tam hoặc tận nhi nhị tử vong, đức siêu Thập địa,
Phổ linh cửu loại thánh phàm, ngũ uẩn không nhi lục độ cụ, đạo kế Đại Hùng.

(Chứng tột nhất chân pháp giới, tam hoặc hết, nhị tử[183] tiêu, đức siêu việt hàng Thập địa,
Khiến khắp chín loại thánh phàm, ngũ uẩn không, lục độ trọn, đạo thừa kế đấng Đại Hùng.)

---

183 Nhị tử: Phần đoạn sanh tử và biến dịch sanh tử.

10. Câu đối tán dương Quán Âm Bồ-tát

a) Nhất trần bất lập, đắc chân viên thông, hiện tùy loại trục hình chi thân, tầm thanh cứu khổ,

Ngũ uẩn giai không, chứng đại tịch diệt, y tức tâm tự tánh chi đạo, thuyết pháp độ sanh.

(Mảy trần chẳng lập, đắc chân viên thông, tùy loại theo hình hiện thân, tầm thanh cứu khổ,

Ngũ uẩn đều không, chứng đại tịch diệt, nương đạo tự tánh nơi tâm, thuyết pháp độ sanh.)

b) Vân khởi từ môn, mẫn bỉ mê tình bất dị ngộ,

Ba đẳng nguyện hải, lân y Phật tánh liễu vô thù!

(Mây dấy cửa từ, thương lũ mê tình chưa dễ ngộ,

Sóng trào biển nguyện, xót thay Phật tánh khác chi đâu!)

c) Từ bi tâm thiết, tuy cứu khổ dĩ tầm thanh, thường trụ Lăng-nghiêm đại định,

Dữ bạt tình ân, túng đậu cơ nhi thuyết pháp, viên chương tịch diệt chân tông.

(Tâm từ bi tha thiết, tuy hay cứu khổ tầm thanh, vẫn thường nhập Lăng-nghiêm đại định,

Lòng cứu vớt ân cần, dẫu thuận căn cơ thuyết pháp, cứ trọn bày tịch diệt chân tông.)

d) Chiếu kiến ngũ uẩn giai không, thuyết pháp độ sanh, thụ cùng tam tế,

Chứng cực nhất thừa thật tướng, tầm thanh cứu khổ, hoành biến thập phương.

(Soi thấy năm uẩn đều không, thuyết pháp độ sanh, dọc cùng tột ba đời,
Chứng cực nhất thừa thật tướng, tầm thanh cứu khổ, ngang trọn khắp mười phương.)

e) Thệ nguyện hoằng thâm, xứ xứ hiện thân thuyết pháp,
Từ bi quảng đại, thời thời cứu khổ tầm thanh.

(Thệ nguyện rộng sâu, chốn chốn hiện thân thuyết pháp,
Từ bi rộng lớn, luôn luôn cứu khổ tầm thanh.)

f) Pháp pháp viên thông, cố danh Tự Tại,
Đầu đầu hợp đạo, nhân hiệu Phổ Môn.

(Pháp nào cũng viên thông, cho nên tên Tự Tại,
Chuyện gì thảy hợp đạo, bởi vậy hiệu Phổ Môn.)

g) Từ khởi vô duyên, ân châu thứ loại,
Bi hưng đồng thể, đạo khải đa môn.

(Dấy lòng từ vô duyên, rộng ban ân muôn loại,
Vận lòng bi đồng thể, mở mối đạo nhiều môn.)

11. Câu đối tán dương Thế Chí Bồ-tát

a) Bổn nguyện bất vi, nhiếp niệm Phật nhân quy Tịnh độ,
Phân thân vô lượng, cư Cực Lạc quốc biến thập phương.

(Chẳng trái bổn nguyện, nhiếp người niệm Phật sanh về Tịnh độ,

Phân thân vô lượng, ngự cõi Cực Lạc trọn khắp mười phương.)

b) Đô nhiếp lục căn, hoạch đại tịch diệt,
Đơn đề nhất niệm, chứng chân viên thông.

(Nhiếp trọn sáu căn, đắc đại tịch diệt,
Chỉ khởi một niệm, chứng chân viên thông.)

c) Dĩ trí tuệ quang, phổ chiếu nhất thiết,
Thừa viên thông đạo, quảng độ chúng sanh.

(Dùng trí tuệ quang chiếu khắp hết thảy,
Nương viên thông đạo rộng độ chúng sanh.)

12. Câu đối tán dương Bồ-tát

Chứng chư Phật bổn diệu giác tâm, tùng tư an trụ Tịch quang, hưởng chân thường chi pháp lạc,

Mẫn chúng sanh mê Như Lai tạng, cố phục hiện thân trần sát, tác đắc độ chi nhân duyên.

(Chứng tâm vốn diệu giác của chư Phật, từ đấy an trụ Tịch quang hưởng pháp lạc chân thường,

Thương chúng sanh mê tạng tánh Như Lai, nên lại hiện thân trần sát làm nhân duyên đắc độ.)

13. Câu đối đề Phật điện

Minh hiển hàm gia, ân du phụ mẫu,
Thánh phàm phổ lợi, đức mại khung thương.

(Ngầm lẫn hiển đều gia hộ, ân hơn cha mẹ,
Thánh cùng phàm đều lợi khắp, đức quá trời cao.)

14. Câu đối tán dương đức Vi-đà hộ pháp

Bồ-tát hóa thân, phụ chánh tồi tà hoằng thánh giáo,
Đồng chân nhập đạo, an bang hộ quốc, độ quần mê.

(Bồ-tát hóa thân, giúp chánh dẹp tà, hoằng dương thánh giáo,
Đồng chân nhập đạo[184], yên cõi vững bờ, rộng độ quần mê.)

15. Câu đối tán dương Vi-đà Bồ-tát ở Phổ Đà

Hộ pháp an tăng, tỉ hữu tình cộng nhập Phổ Môn, mãn Quán Âm nguyện,
Hàng ma chế ngoại, linh hàm thức tề đăng giác ngạn, toại Thiện Thệ tâm.

(Hộ pháp, giữ yên tăng chúng, mong hữu tình cùng nhập Phổ Môn, thỏa tâm đức Quán Âm,
Hàng ma, chế phục ngoại đạo, khiến hàm thức đều

184 Đồng chân nhập đạo: xuất gia từ lúc còn thơ ấu.

lên bờ giác, toại lòng đấng Thiện Thệ[185].)

16. Câu đối tán dương Thiên Vương ở Phổ Đà

Xí từ vân phổ phú trần hoàn, dĩ thiên vương thân tác Như Lai sứ,

Kỳ pháp vũ quân triêm sa giới, hiện đại nhân tướng trấn viên thông tràng.

(Ngóng mây từ che khắp trần hoàn, dùng thân thiên vương làm sứ giả Như Lai,

Mong mưa pháp thấm đều sa giới[186], hiện tướng đại nhân trấn đạo tràng viên thông.)

17. Câu đối tán dương Quan Đế

Hạo khí xung thiên, ngưỡng hiệu nghĩa thiên chi phú tý,
Tinh trung quán nhật, thường tùy Phật nhật dĩ chiêu chương.

(Hạo khí ngút trời cao, kính học Nghĩa Thiên[187]

---

185 Thiện Thệ (Sugata), đôi khi còn phiên âm là Tu-già-đà, Tô-yết-đa, hoặc dịch nghĩa là Thiện Khứ, Thiện Giải, Thiện Thuyết Vô Hoạn, Hảo Thuyết, Hảo Khứ, là một trong mười hiệu chung của chư Phật. Danh hiệu này tán dương đức Phật khéo nhập đủ mọi thứ chánh định rất sâu, có vô lượng trí tuệ. Danh hiệu Hảo Thuyết hàm nghĩa đức Phật khéo nói các pháp dựa theo thật tướng, chẳng chấp trước pháp ái, khéo quán biết sức trí tuệ của đệ tử để giảng pháp khế cơ khế lý. Khi dịch là Thiện Thệ thì có nghĩa là "đúng như thật đến được bờ bên kia (bờ giải thoát), chẳng còn nổi trôi trong biển sanh tử". Nói chung, danh hiệu này nhằm tán dương sự tự tại giải thoát của Phật quả cũng như công năng thuyết pháp mầu nhiệm phát lộ từ Phật tánh.

186 Sa giới: Các thế giới số lượng nhiều như cát.

187 Nghĩa Thiên: nói đầy đủ là Đệ Nhất Nghĩa Thiên, hay Đệ Nhất Nghĩa Tịnh Thiên, danh xưng để chỉ những vị Phật, hay nói rộng hơn là các vị Bồ-tát đã trụ đại Niết-bàn, hoặc hiểu rộng hơn nữa là các vị Bồ-tát từ Thập trụ trở lên. Do các vị ấy đã khéo hiểu các

thường che chở,

Tinh trung lòa nhật nguyệt, thường nương Phật nhật rạng phô bày.)

18. Câu đối đề Phật điện

Hạnh mãn quả viên, đạo tam thừa dĩ tề thành giác đạo,
Bi thâm nguyện trọng, chửng tứ sanh nhi cộng giới liên bang.

(Hạnh mãn quả viên, dẫn tam thừa đều thành giác đạo,
Bi sâu nguyện nặng, độ tứ sanh cùng đến liên bang.)

19. Câu đối tán dương tượng Quán Âm được thờ tại giếng Tiên Nhân thuộc Phổ Đà

Bi nguyện hoằng thâm, cố tùng cá lý dũng cam lộ,
Từ ân hạo đãng, trí sử hoàn khu tận kiệt thành.

(Bi nguyện rộng sâu, nên từ chốn này vọt lên cam lộ,
Từ ân lồng lộng, khiến khắp trần gian cạn tấc lòng thành.)

20. Câu đối đề tại điện Phật

Giáo diễn Thiên, Viên, thống cửu giới nhi tề độ,
Đức toàn phước tuệ, siêu Thập địa dĩ độc tôn.

(Giáo giảng Thiên, Viên, độ trọn khắp chín giới,
Đức tròn phước tuệ, độc tôn hơn Thập địa.)

---

nghĩa, nên ví diệu lý đệ nhất nghĩa như Thiên (theo Pháp Hoa Huyền Nghĩa quyển 4).

21. Câu đối tại điện Trí Tích ở núi Linh Nham

Chứng Pháp Hoa nhi lai Linh Sơn, truy tùy Đa Bảo tháp trung Phật,

Hiện sắc thân dĩ y Lục đệ, mẫn niệm Diêm-phù thế thượng nhân.

(Để chứng minh pháp hội Pháp Hoa, đến Linh Sơn, theo hầu Phật trong tháp Đa Bảo,

Hiện thân trị bệnh em tể tướng Lục Tượng Tiên, nghĩ thương người đời cõi Diêm-phù.)

22. Câu đối tán dương ngài Trí Tích ở Linh Nham

a) Linh Nham linh tích hữu vĩnh phù, túc hiển luân hồi khoáng viễn,

Trí Tích trí mưu khải Lục tướng, dụng chương Phật đạo uyên thâm.

(Linh Nham dấu thiêng hãy còn vĩnh viễn, đủ rõ luân hồi xa vời,

Trí Tích khôn khéo khơi gợi Lục tướng[188], nhằm phô Phật đạo thẳm sâu.)

b) Thánh đức nan tư, đặc hiện tượng thân thuyết pháp yếu,

Bi tâm vô ký, vĩnh lưu bổn tự tác bình mông.

(Thánh đức khó lường, riêng hiển hiện thân tượng nói pháp yếu,

188 Lục tướng: Tể tướng Lục Tượng Tiên.

Bi tâm vô ký[189], mãi lưu lại chùa này để chở che.)

23. Câu đối đề tại tàng kinh các

Như Lai quảng vận từ bi, sướng đàm tam tạng thậm thâm chi diệu điển, phổ sử chúng sanh khai phát Bồ-đề, tiêu dung hoặc nghiệp, đãng hôn mê nhi phục thường tịch chiếu, nhiếp quả giác nhi tổng tác nhân tâm, trực đồng lộ trích thương minh, tiện thị uông dương đại hải, chân đào hóa dục, lợi ích nan danh, ngã bối hân phùng minh hối, cảm bất tốt niên ngột ngột, y giáo tu hành, triệt để cùng nguyên, ẩm tư nhất vị, tự thử khánh không hậu tế, đạo oán thân dĩ cộng xuất úy đồ, dụng ký ngưỡng thù phù Phật lực.

Hoàng đế bất vong phó chúc, ban bố ngũ thời bí mật chi chân thuyên, tất linh hàm thức văn huân Bát-nhã thanh tịnh căn thân, liễu quái ngại hề hoạch bổn viên thông, tức phàm tình hề toàn chương thánh trí, vô dị trần đầu hoa nhạc, đốn thành ngập nghiệp cao sơn, hộ niệm bảo tuy, công huân võng trắc, ngô sài hạnh ngộ chỉ nam, cố đương chung nhật càn càn, kiệt thành trì tụng, đãng phong tạo cực, quán bỉ thái hư, do tư châu biến thập phương, phù bão dữ dĩ tề trăn đạo ngạn, vĩnh kỳ thượng báo ư quân ân.

(Như Lai rộng mở lòng từ bi, giảng thông suốt diệu điển Tam tạng rất sâu, khiến khắp chúng sanh khơi mở Bồ-đề, tiêu tan hoặc nghiệp, gột sạch hôn mê, khôi phục tịch chiếu thường hằng, nhiếp quả giác về trọn nội tâm, hệt

189 Vô ký: Không thiện, không ác.

như giọt sương rơi vào biển thẳm bèn thành biển cả mênh mông, un đúc trưởng dưỡng, lợi ích khôn nêu, bọn mình mừng gặp giáo huấn rạng ngời, dám chẳng quanh năm miệt mài, y giáo tu hành, thấu đáy tột nguồn, uống một vị ấy, từ đấy rỗng toang hậu tế[190], dẫn oán thân cùng thoát nẻo đường kinh sợ, hòng cung kính đáp đền Phật lực.

Hoàng đế thường chẳng quên phó chúc[191], ban bố lời chân thuyên năm thời bí mật, hòng mọi hàm thức nghe tập Bát-nhã, thanh tịnh căn thân, trọn không vướng mắc, thấu đạt viên thông vốn sẵn, dùng phàm tình trọn nêu thánh trí, khác gì hạt bụi vun vào Hoa sơn mau thành núi cao ngất ngưởng, hộ niệm chở che, công huân chẳng xiết, lũ ta may gặp chỉ nam[192] thông tỏ, ắt nên trọn buổi khăng khăng, kiệt thành trì tụng, tới ngọn lên đỉnh, thấy thái hư kia, do đây trọn khắp mười phương, ôm giữ mọi loài cùng ta tới bến đạo, mong vĩnh viễn báo đáp ơn vua.)

24. Câu đối đề pháp đường

Huệ diệm trùng trùng, thước phá thiên niên chi ám thất,
Pháp nguyên cổn cổn, tư sanh ngũ tánh chi linh miêu.

(Lửa huệ trùng trùng, sáng bừng nhà tối ngàn năm,
Nguồn pháp cuồn cuộn, sanh thành mầm thiêng ngũ tánh.)

---

190 Hậu tế là một trong tam tế, tức tiền tế (hay sơ tế), trung tế, hậu tế (chặng đầu, chặng giữa, chặng sau).

191 Ở đây tổ nhắc lại chuyện khi Phật sắp nhập Niết-bàn đã phó chúc các hoàng đế hộ trì lưu thông Phật pháp.

192 Tức kim chỉ nam.

25. Câu đối đề tàng kinh các

Pháp hải uông dương, thâm thám triệt để chi nguyên, phương khả vị vô cô Phật hóa,

Nghĩa sơn tiêu tuấn, trực thượng tuyệt cao chi đảnh, thỉ kham vân bất phụ kỷ linh.

(Biển pháp mênh mông, dò tận đáy nguồn thăm thẳm, mới dám bảo chẳng phụ ơn Phật giáo hóa,

Núi nghĩa vòi vọi, lên thẳng đảnh cao chót vót, mới đáng nói không phụ bạc tánh mình.)

26. Câu đối đề tại Phật điện trong tàng kinh các

Phật quang phổ chiếu thập phương giới,
Pháp vũ quân tư ngũ tánh căn.

(Phật quang chiếu khắp cõi nước mười phương,
Mưa pháp thấm đều căn cơ ngũ tánh.)

27. Câu đối đề tàng kinh các

Ngũ thời ngôn giáo, phi dị phi đồng, vị thật thi quyền, khai quyền hiển thật, hữu như hải dựng bách xuyên, xuyên phó hải,

Tam thừa đế lý, tức đa tức nhất, do tánh hiện tướng, nhiếp tướng quy tánh, trực tự không hàm vạn tượng, tượng y không.

(Năm thời ngôn giáo, chẳng khác, chẳng đồng, vì thật bày quyền, mở quyền hiển thật, dường biển cả chứa đựng

trăm sông, sông xuôi về biển,

Ba thừa đế lý, vừa nhiều vừa một, do tánh hiện tướng, nhiếp tướng về tánh, hệt hư không bao hàm muôn tượng, tượng[193] nương hư không.)

28. Câu đối đề giảng đường

Pháp hội hoằng khai, giáo hạnh tịnh tấn, dục đắc thiên cơ phổ dục, lợi độn tề tu, thị cố lược tư thông đồ, biến sùng đặc biệt, dĩ Hoa Nghiêm viên mãn Bồ-đề chi diệu nhân duy tại đạo quy Tịnh độ.

Giảng diên đại khải, lý sự song thuyên, nghĩ cầu vạn phái triều tông, thánh phàm đẳng ích, do tư giản khứ tự lực, chú trọng Phật gia, ký Sa-bà cụ túc hoặc nghiệp chi hàm thức, hiện sanh đồng phó liên trì.

(Pháp hội mở rộng, giáo hạnh cùng tiến, muốn lợi khắp ngàn căn cơ, lợi độn đều tu, vì thế bỏ qua đường chung, trọn đề cao pháp đặc biệt, bởi diệu nhân viên mãn Bồ-đề trong Hoa Nghiêm chỉ nhằm dẫn về Tịnh độ.

Giảng tòa khơi lớn, lý sự cùng giảng, toan cầu trọn muôn phái hướng về, thánh phàm cùng ích, do vậy, lựa bỏ tự lực, chuyên chú trọng Phật gia hộ, mong hàm thức đầy dẫy phiền nghiệp tại Sa-bà, đời này cùng đến liên trì.)

(Cậy vào tự lực gọi là pháp môn theo đường lối thông thường, cậy vào Phật lực gọi là pháp môn đặc biệt. Phật

193 Tượng ở đây là hình bóng, sắc cảnh.

giáo Tịnh nghiệp xã khánh thành giảng đường, sai tôi soạn câu đối, do vậy bèn nêu bày tông chỉ.)

29. Câu đối tại niệm Phật đường

a) Hà tất vấn thị thùy, thử đạo ư kim chiêu nhật nguyệt,
Đản năng thường hệ niệm, Phật tâm vô xứ bất từ bi.

(Cần gì hỏi là ai[194], đạo này nay đã rạng ngời nhật nguyệt,
Chỉ cần thường hệ niệm, Phật tâm không đâu chẳng từ bi.)

b) Quyết chí cầu sanh, hiệu tích hiền tương thác tựu thác,
Nhất tâm ức niệm, chí kim nhật nhân vân diệc vân,

(Quyết chí cầu sanh, phỏng người hiền thuở xưa đem lầm đáp lạc,
Một lòng nghĩ nhớ, tới nay người nói sao ta cũng nói vậy.)

c) Nhân giới sanh định, định - tuệ viên minh bồ-đề bổn,
Do Giáo nhập Tịnh, Tịnh - Thiền quán triệt giác đạo thành.

(Bởi giới sanh định, định - tuệ viên minh là cội bồ-đề,
Do Giáo nhập Tịnh, Tịnh - Thiền quán triệt thành tựu giác đạo.)

d) Lực tu giới - định - tuệ - không tắc vô ngã kiến,
Thường niệm từ bi hỷ xả phương khế Phật tâm.

(Tận lực tu giới - định - tuệ - không sẽ không ngã kiến,

194 Thiền gia thường dạy tham cứu câu "niệm Phật thị thùy" (người niệm Phật là ai?)

Thường luôn niệm từ - bi - hỷ - xả mới hợp Phật tâm.)

e) Liễu quân đại sự duy tu tịnh,
Sướng Phật bổn hoài tại vãng sanh.

(Xong đại sự của ông chỉ có tu tịnh,
Thỏa bổn hoài của Phật ở nơi vãng sanh.)

f) Tam nghiệp tương ứng, vãng sanh hữu phần,
Lục căn đô nhiếp, kiến Phật vô nan.

(Ba nghiệp tương ứng, vãng sanh có phần,
Sáu căn nhiếp trọn, thấy Phật chẳng khó.)

g) Chiếu kiến ngũ uẩn giai không, viễn ly điên đảo mộng tưởng,
Đô nhiếp lục căn tịnh niệm, thượng hợp bổn diệu giác tâm.

(Soi thấy năm uẩn đều không, xa lìa mộng tưởng điên đảo,
Nhiếp trọn sáu căn tịnh niệm, trên hợp giác tâm vốn mầu.)

h) Ngũ uẩn giai không, lục căn câu tịch,
Nhất trần bất nhiễm, vạn đức viên chương.

(Năm uẩn đều không, sáu căn đều lặng,
Mảy trần chẳng nhiễm, muôn đức trọn bày.)

30. Câu đối đề Tam Giáo đường

Nho Thích bổn đồng nguyên, đạo tịnh hành nhi bất bột,
Nội ngoại nguyên nhất thể, lý giao hiển nhi di chương.

(Nho - Thích vốn cùng nguồn, hai đạo cùng hành không chống trái,
Trong - ngoài nguyên một thể, lý rọi lẫn nhau thêm rạng ngời.)

31. Câu đối đề tháp viện ngài Vĩnh Minh

Tông kính viên chiếu, vạn thiện đồng quy, bổn giáo nghĩa nhi tục huệ mạng,
Pháp Hoa nhất bộ, Phật sự bách bát, chấn đại cơ dĩ cảnh ngu ngoan.

(Tông kính chiếu trọn, vạn thiện đồng quy, bổn giáo nghĩa nối tiếp huệ mạng,
Pháp Hoa một bộ, Phật sự trăm tám, dấy đại cơ nhắc nhở bướng ngu.)

32. Câu đối đề Trí Giả phường[195]

Giáo phán ngũ thời, hóa nghi hóa pháp song thuyên, Linh Thứu thân thừa chư Thiện Thệ,
Phật minh lục tức, tâm tác tâm thị tịnh xiển, Chi Na hoằng đạo vô nhị nhân.

---

195 Trí Giả phường: đình kỷ niệm tổ sư Trí Giả, tức đại sư Trí Khải.

(Phán định giáo pháp gồm năm thời, hóa nghi, hóa pháp[196] cùng giảng, non Linh Thứu đích thân hầu chư Thiện Thệ,

Giải nghĩa chữ Phật bằng lục tức, "tâm làm, tâm là" đều phô, cõi Trung Hoa hoằng đạo chẳng một ai bằng.)

33. Câu đối đề điện Khổng Thánh

Kế vãng khai lai, đạo thông thiên địa hữu hình ngoại,
Tổ Nghiêu thuật Thuấn, ân biến phi tiềm dị loại trung.

(Kế thừa người trước, khơi lối kẻ sau, đạo thông trời đất vượt ngoài hữu hình,

Sùng phụng đạo Nghiêu, noi giữ phép Thuấn, ân trùm bay lặn trọn khắp muôn loài.)

34. Câu đối đề liêu Như Ý[197]

Vạn đức hồng danh thường ức niệm,
Bách ban huyễn bệnh tự tiêu trừ.

(Vạn đức hồng danh thường nghĩ nhớ,
Trăm cơn huyễn bệnh tự tiêu trừ.)

---

196 Đây là hai thuật ngữ của tông Thiên Thai. Theo Thiên Thai Tứ Giáo Nghi Tập quyển thượng và Pháp Hoa Huyền Nghĩa quyển 1, Hóa Nghi là những hình thức, phương pháp nhằm hướng dẫn, chỉ dạy chúng sanh nhập đạo, Hóa Pháp là nội dung của kinh điển, giáo pháp... Như vậy hóa pháp giống như dược tánh, còn hóa nghi giống như các món thuốc. Tổ Trí Giả lập ra thuyết *hóa nghi tứ giáo* (đốn, tiệm, bí mật, bất định) và *hóa pháp tứ giáo* (tạng, thông, biệt, viên).

197 Liêu Như Ý chính là tòa nhà dành cho các vị tăng nằm dưỡng bệnh ở chùa Pháp Vũ. Xin xem 'Sớ quyên mộ xây dựng liêu Như Ý chùa Pháp Vũ' trong Ấn Quang Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2.

35. Câu đối đề Địa Tạng Đàn

Hồng nguyện phát thời, sanh mông độ thoát,
Tôn kinh diễn xứ, tội tự tiêu vong.

(Nguyện lớn phát lên, chúng sanh được độ thoát,
Tôn kinh vừa giảng, tội chướng tự tiêu vong.)

36. Câu đối đề Pháp Hoa Đàn

Đại sự nhân duyên, đoan quy thật tướng,
Nhất thừa nguyên bổn, tại báo thân ân.

(Đại sự nhân duyên, đầu mối quy về thật tướng,
Cội nguồn Nhất thừa tại nơi báo ân mẹ cha).

37. Câu đối đề cửa tam quan

a) Kinh thừa Bắc khuyết, luật xiển Nam Sơn, tục huệ mạng ư tương lai, trực sử phổ thiên hàm thức đốn minh tịch diệt chân tâm, thụ cùng tam tế.

Đạo kế Tây Càn, tông truyền Đông Chấn, khai Phật tri ư đương niệm, hàm linh pháp giới hữu tình triệt ngộ viên thông diệu tánh, hoành biến thập phương.

(Kinh nương cửa Bắc, luật hoằng non Nam, nối tiếp huệ mạng tới tận tương lai, khiến hàm thức khắp trời mau tỏ chân tâm tịch diệt, theo chiều dọc cùng tột ba đời.

Đạo nối trời Tây, tông truyền xứ Đông, mở bày Phật tri kiến nơi đương niệm, khiến hữu tình pháp giới triệt ngộ diệu

tánh viên thông, theo chiều ngang trọn khắp mười phương.)

b) Nghệ Bồ-đề tràng, thú tịch diệt điện,
Đăng viên thông lộ, nhập giải thoát môn.

(Đến Bồ-đề tràng, tới điện tịch diệt,
Lên đường viên thông, vào cửa giải thoát.)

38. Câu đối đề vườn rau

Địa tráng thái căn thô, nhân chân quả chánh,
Phấn đa gia tử đại, đức hậu phước long.

(Đất phì nhiêu củ mập, nhân chân quả chánh,
Phân mùn nhiều cà to, đức dày phước thịnh.)

39. Câu đối đề sân khấu

a) Quyền chế bài trường phù giáo hóa,
Xảo thùy minh huấn chấn cương thường.

(Phương tiện lập sân khấu để giúp giáo hóa,
Khéo léo nêu minh huấn chấn hưng cương thường.)

b) Ngụ bao biếm, biệt thiện ác, khánh ương phước cực, báo bất sảng ư thục nặc hiền gian, phát quý chấn lung, doãn tác thiên thu tảo giám.

Phù giáo hóa, chấn cương thường, từ hiếu nhân trung, nghĩa các tận ư quân thần phụ tử, di phong dịch tục, tuân vi vạn thế điển hình.

(Ngụ ý khen chê, phân biệt thiện ác, lành dữ, phước xui, quả báo chẳng sai lành dữ, hiền gian, chấn động kẻ đui người điếc, xứng làm gương soi ngàn thu.

Giúp đỡ giáo hóa, chấn chỉnh cương thường, từ hiếu, nhân trung, tiết nghĩa trọn hết vua tôi, cha con, thay đổi nề nếp phong tục, tuân theo điển hình muôn đời.)

c) Điển hình thị bỉ tương lai, tỉ cuồng phu khắc niệm tác thánh,

Gian du tru ư dĩ vãng, thứ tiềm đức đại phát u quang.

(Nêu bày gương mẫu cho tương lai khiến kẻ cuồng khắc niệm thành thánh,

Giết lũ gian nịnh trong quá khứ hòng đức ngầm tỏa rạng u quang.)

40. Câu đối tại cửa tam quan am Pháp Như

Pháp đạo u thâm, trực nhập viên thông diệu cảnh,
Như môn quảng đại, toàn chương tịch chiếu chân tông.

(Pháp đạo thẳm sâu, vào thẳng viên thông diệu cảnh,
Như môn rộng lớn, trọn bày tịch chiếu chân tông.)

41. Câu đối mừng lễ truyền giới

Trương giới võng dĩ chấn tông phong, nhị đế viên minh, thành túc truy tung vãng triết,

Bố từ vân nhi giáng pháp vũ, tam căn phổ bị, doãn kham di phạm hậu côn.

(Căng lưới giới để rạng tông phong, nhị đế[198] viên minh, thật đáng noi dấu hiền nhân thuở trước,

Bủa mây từ hòng tưới mưa pháp, ba căn trọn độ, quả xứng nêu gương hậu học mai sau.)

42. Câu đối về khóa giảng Thiền Lâm Bảo Huấn

Lãm kính tri tàm hoằng bảo huấn,
Quy kim sư cổ chấn thiền lâm.

(Soi gương biết thẹn hoằng dương bảo huấn,
Sửa nay noi cổ[199] rạng rỡ thiền lâm[200].)

43. Câu đối viếng pháp sư

a) Dĩ cầu sanh đắc cố hương chi phong nguyệt, sanh bổn vô sanh, vô sanh nhi sanh, sanh ư vô sanh chi Tịnh độ,

Dĩ thị diệt tác hiểm đạo chi đạo sư, diệt thật bất diệt, bất diệt nhi diệt, diệt ư bất diệt chi uế bang.

(Lấy cầu vãng sanh để được cảnh gió trăng quê cũ, sanh vốn chẳng sanh, vô sanh nhưng lại sanh, sanh về nơi Tịnh độ vô sanh,

198 Nhị Đế: chân đế và tục đế.

199 Noi gương người xưa để sửa đổi chính mình trong hiện tại.

200 Thiền Lâm Bảo Huấn, còn có tên là Thiền Môn Bảo Huấn, hoặc Thiền Môn Bảo Huấn Tập, là một tác phẩm do sư Tịnh Thiện biên soạn vào đời Nam Tống, ghi chép các giáo huấn của chư tổ sư nhà Thiền đời Tống từ ngài Hoàng Long Huệ Nam đến Phật Chiếu Chuyết Am, gồm hơn 300 thiên, mỗi thiên đều ghi rõ xuất xứ. Cuốn sách này vốn do hai vị Diệu Hỷ Thiện Giác và Trúc Am Sĩ Khuê chùa Vân Môn tỉnh Giang Tây biên soạn, trải qua nhiều năm bị thất lạc phần lớn. Vào niên hiệu Thuần Hy (1174-1189), ngài Tịnh Thiện bèn biên tập chỉnh lý thành bộ Thiền Lâm Bảo Huấn như hiện thời.

Dùng hiện tịch diệt để làm đạo sư nơi đường hiểm, diệt thật bất diệt, bất diệt mà vẫn diệt, diệt nơi cõi uế chẳng diệt.)

b) Viên mãn Bồ-đề, thường quang hiện xứ huyễn duyên diệt,
Trang nghiêm Tịnh độ, bổn hữu triệt thời chân trí sanh.

(Viên mãn Bồ-đề, thường quang hiển hiện, huyễn duyên diệt,
Trang nghiêm Tịnh độ, bổn hữu tỏ rồi, chân trí sanh.)

44. Câu đối mừng thọ năm mươi tuổi

Hiệu Bá Ngọc chi tri phi, ngũ thập niên khiên vưu, tùng tư tận sám,
Sư Trọng Ni chi lập mạng, bách thiên thế ý phạm, vĩnh dụng tuân hành.

(Phỏng Cừ Bá Ngọc biết sai, tội lỗi suốt năm chục năm, từ đây sám sạch,
Noi Khổng Trọng Ni lập mạng, hạnh đẹp cả trăm ngàn đời, vĩnh viễn tuân hành.)

45. Câu đối viếng vị giảng sư chuyên giảng Lăng-nghiêm

Hội ấm nhập giới nhi đầu đầu hợp đạo, sổ thập niên giáo nghĩa tông phong, đồ thành cảnh ngưỡng,

Mẫn căn trần thức nhi pháp pháp quy chân, nhất sát na nhân viên quả mãn, vĩnh tác tân lương.

(Gom ấm - nhập - giới, chuyện gì cũng đều hợp đạo, mấy chục năm giáo nghĩa tông phong, thật đáng ngưỡng mộ,

Diệt căn - trần - thức, pháp nào tất thảy quy chân, một sát-na nhân tròn quả mãn, mãi là cầu bến.)

46. Câu đối mừng thọ

Kỷ lập, lập nhân, thị danh thượng thọ,
Tri phi, phi đoạn, khả vị trưởng niên.

(Tự lập, lập người, ấy là thượng thọ,
Biết sai, sai dứt, đáng gọi trưởng niên.)

47. Câu đối viếng người tu hành cao tuổi

Thiền tâm hư tịch, tịnh nghiệp tinh thuần, mông Phật tiếp dẫn dĩ vãng sanh, bất uổng sổ thập niên lai cư hải đảo,

Đạo mạo oai lăng, thanh thần trác lạc, linh nhân kính úy nhi cảnh ngưỡng doãn kham thiên bách thế hậu tác điển hình.

(Tâm thiền trống lặng, tịnh nghiệp tinh thuần, được Phật tiếp dẫn vãng sanh, chẳng uổng mấy chục năm sống ngoài hải đảo,

Dáng đạo oai nghiêm, lòng thanh siêu việt, khiến người kiêng nể ngưỡng mộ, đáng cho trăm ngàn đời sau noi gương mẫu.)

48. Câu đối viếng hòa thượng Ký Thiền chùa Thiên Đồng

a) Truy ức niêm đề, ý chỉ chiêu trước, tất linh nhận ảnh cuồng đồ tức thời hoàn đắc bổn đầu, khả thán thiên bất giá niên, trí sử pháp môn vong chỉ trụ.

Mỗi ngâm kệ tụng, thanh vận khanh tương, phổ tỉ phao gia lãng tử trực hạ đốn khai bảo tạng, kham bi sự vị toại chí, cự giao hậu tấn thất quy thằng.

(Chạnh nhớ niêm đề[201], ý chỉ rành rành, đều khiến những gã cuồng lầm bóng[202] tức thời nhận biết đầu mình, đáng than thay, trời không cho sống thêm, khiến cho pháp môn mất đi cột trụ.

Thường ngâm kệ tụng, thanh vận réo rắt, khiến khắp bọn lãng tử bỏ nhà lập tức mở ngay kho báu, buồn tiếc vậy, sự nghiệp chưa thỏa chí, đến nỗi hậu học thiếu người uốn nắn.)

(Câu đối này người quen biết, pháp tự hay văn bối đều có thể dùng được.)

b) Thập tải trụ Thiên Đồng, hằng dĩ thi ca truyền mật ấn,

Nhất triêu sanh Phật quốc, vĩnh tùy Quán Thế chứng viên thông.

---

201 Niêm đề: là một thuật ngữ Thiền tông, còn gọi là niêm cổ, hoặc niêm tắc, có nghĩa là "niêm bình cổ tắc" (chọn ra một câu chuyện cũ để bình giảng). Trong cách thuyết pháp của Thiền lâm, vị giảng sư nêu lên một câu chuyện xưa, hoặc một công án để khơi mở tâm địa, chỉ dạy yếu chỉ tông môn cho người học. Tuy gọi là "bình giảng" nhưng lời giảng thường khiến cho người nghe hoang mang nhiều hơn, với mục đích thúc đẩy nghi tình để người nghe tự lãnh ngộ ý chỉ, chứ không dựa theo tri kiến văn tự để giải thích công án.

202 Chỉ chàng cuồng Diễn-nhã-đạt-đa trong kinh Lăng-nghiêm, anh ta soi gương thấy hình bóng cái đầu của mình hiện trong gương, đâm ra hoảng sợ phát cuồng.

(Mười năm trụ Thiên Đồng, thường lấy thi ca truyền mật ấn,

Một hôm sanh nước Phật, mãi theo Quán - Thế[203] chứng viên thông.)

49. Câu đối viếng hòa thượng Ký Thiền

a) Giải đồng tễ nguyệt phong quang, thượng kế Mật Vân chi pháp đạo, phương dục hoằng khai học hội, tiếp dẫn hậu côn, khải liệu cánh sanh Cực Lạc khắc nhân khứ,

Thi đẳng kim thanh ngọc chấn, vĩnh vi khổ hải chi từ hàng, thượng kỳ thân chứng viên thông, truy tung tiên giác, cấp nghi phục nhập Sa-bà liễu nguyện lai.

(Giải hệt trăng trong gió mát, kế thừa pháp đạo của Mật Vân, vừa muốn rộng mở học hội tiếp dẫn đàn em, nào ngờ đã sanh về Cực Lạc để thỏa cái nhân,

Thơ như vàng gieo ngọc chạm, mãi là thuyền từ trong biển khổ, vẫn mong tự chứng viên thông nối gót tiên giác, gấp nên quay trở lại Sa-bà hòng thỏa chí nguyện.)

b) Thống pháp đạo chi thức vi, phúc uẩn kinh luân, chí đồ khôi phục, viện quan trưởng dĩ tác kim thang, hà ý bán đồ nhi thệ,

Ký tông phong chi phi chấn, tâm huyền tảo giám, khẩu thổ châu ky, xan cức lê dĩ phổ lưu bố, khả vân vĩnh kiếp thường tồn.

---

203 Quán Thế Âm và Đại Thế Chí.

(Đau vì pháp đạo suy vi, bụng chứa kinh luân, chí mong khôi phục, cậy nhờ quan chức để bảo vệ, nào hay nửa đường khuất bóng,

Mong cho tông phong rạng rỡ, lòng sáng gương trong, miệng phun châu ngọc, gạt trừ gai góc hòng rộng truyền, đáng gọi muôn kiếp thường còn.)

50. Câu đối viếng hòa thượng Lưu Vân Quán Nguyệt

Ngưỡng thừa sư chí, sáng kiến thiền lâm, phổ linh tham thỉnh truy lưu đắc dĩ an thân lập mạng, hạnh trị niên cao đức thiệu, thức phạm hậu côn, hà duyên nguyệt lạc thanh thiên thủy đáo hải.

Thượng khấu đế hôn, khất ban Long tạng, tất sử tông giáo khai sĩ nhân tư đạt bổn cùng nguyên, ký kinh chất tạ thần thiên, thân thị đại giác, đương tất tâm minh lý địa đạo phù không.

(Kính vâng chí thầy, tạo dựng thiền lâm, khiến khắp tăng nhân tham thỉnh[204] nhờ đó an thân lập mạng, may được tuổi cao đức trọng, răn nhắc đàn em, duyên chi trăng khuất trời xanh, nước trôi ra biển?

Tới gõ cửa khuyết, xin ban Long tạng[205], khiến mọi khai sĩ Thiền Giáo do đây hiểu nguồn tột đáy, đã đành thân trả hồn dời, hầu hạ Đại Giác, ắt sẽ tâm mờ cõi lý, đạo hợp chân không.)

---

204 Tham thỉnh: tham vấn, thỉnh đạo.

205 Càn Long Đại tạng kinh.

51. Câu đối viếng vị tăng quen biết sống ở ngôi miếu nhỏ nơi chợ búa

Bản lai diện mục, tức tục hằng chân, phủ hướng bích đàm quán dạ nguyệt,

Tất thế tháo trì, tự thoái thật tấn, đảo kỵ lư tử thượng Lô Sơn.

(Bản lai diện mục, dẫu cõi tục vẫn luôn là chân, dõi nhìn đầm biếc xem bóng trăng đêm,

Suốt đời tu dưỡng, tưởng là lùi thật ra luôn tiến, cưỡi ngược chú lừa[206] trèo lên Lô Sơn.)

52. Câu đối của ông tăng viếng vị đại thương gia hộ pháp

Bạch thủ khởi gia, cư triền vi chánh, sổ thập niên quảng hành từ tế, đại triển kinh luân, vô biên tế thanh tháo cao phong, cự liệu đồ thành phù cảnh ngưỡng,

Xích thành hộ pháp, tức tục tu chân, đương tư thời đốn khí huyễn khu, trực thăng An Dưỡng, tuyệt đối đãi bổn quang thường thọ, tất tương triệt chứng ư duy tâm.

---

206 Cưỡi ngược chú lừa (đảo kỵ lư): Ở đây tổ nhắc đến điển tích Trương Quả Lão. Trương Quả Lão không rõ năm sinh và mất, là một trong Bát Tiên, sống vào thời Đường (vào khoảng đời Đường Cao Tông đến Đường Huyền Tông), là một đạo sĩ nổi tiếng về thuật luyện đan. Theo thần thoại, ông ta thường cõi một con lừa trắng, nhưng ngồi ngược hướng, tức là quay mặt về phía đuôi lừa. Con lừa ấy mỗi ngày đi được ngàn dặm, không cần ăn uống, khi cần nghỉ ngơi, chỉ cần vỗ nhẹ vào nó, lừa liền xẹp xuống như một tấm da lừa, khi cần đi chỉ thổi hơi vào nó lại biến thành con lừa sống như cũ. Do vậy, dân gian hay dùng tích "cưỡi lừa ngược" để chỉ người thung dung tự tại không bị ràng buộc trong cõi trần. Ở đây tổ dùng điển tích này để khen ngợi vị sư ấy sống nơi đô hội, chợ búa, vẫn thong dong tu tịnh nghiệp khác nào Trương Quả Lão cõi ngược con lừa dạo chơi khắp chốn.

(Tay trắng làm nên, sống trong chợ búa cầm quyền, mấy chục năm rộng hành từ tế, rộng mở kinh luân, phong thái cao sạch nào có ngằn mé, đâu mong cầu được ngưỡng mộ,

Lòng son hộ pháp, ngay nơi cõi tục tu chân, đúng lúc này chợt bỏ huyễn thân, lên thẳng An Dưỡng, quang minh thọ lượng vốn bặt đối đãi, ắt sẽ triệt chứng duy tâm.)

53. Câu đối nhân dịp huyện Định Hải làm lễ tống ôn

Kinh tuyên bí tạng, tống ôn thần tức quy thiên phủ, khởi đồ nhất ấp an khang, túng thuộc lân bang bất vi hác?

Chú tụng chân thuyên, kỳ cát diệu thường chiếu hạ phương, ký tích hạp cảnh phước khánh, kiêm linh thông quốc mộc dung quang.

(Kinh tuyên bí tạng, tiễn ôn thần về ngay thiên phủ, nào chỉ một ấp an vui, còn thì lân bang chẳng được hưởng nhờ?

Chú tụng chân thuyên[207], mong sao lành thường chiếu hạ phương, mong ban cả vùng phước khánh, kèm thêm cả nước gội đẫm dung quang.)

54. Câu đối tống ôn

Hạ dân bối giác hợp trần, chí sử thiên tai dĩ kiến cáo,
Đại sĩ tầm thanh cứu khổ, nhân lân quỳ khẩn chi thành cầu.

(Dân đen trái giác hợp trần, đến nỗi thiên tai thường

207 "Thuyên" có nghĩa là rõ ràng. Do vậy, trong nhà Phật gọi những câu nói giảng giải chân lý là chân thuyên.

giáng xuống,

Đại sĩ tầm thanh cứu khổ, do thương tha thiết[208] chí thành cầu.)

55. Câu đối phúng điếu ông Tôn Truyền Phương *(viết thay)*

Tâm khế chân thường, phổ vị oán thân tu thánh đạo,
Thân thường nghiệp trái, hồn vong nhân ngã quy liên bang.

(Tâm hợp chân thường, khắp vì oán thân tu thánh đạo,
Thân đền nợ nghiệp, quên phăng nhân ngã về liên bang.)

56. Câu đối tống tiễn thần ôn dịch

Huệ nhật lệ trung thiên, diệt tận ôn dịch chi sương lộ,
Từ vân phú đại địa, tư vinh phước thọ chi căn miêu.

(Huệ nhật rạng giữa trời, trừ sạch sương móc ôn dịch,
Mây từ trùm cõi đất, tốt tươi rễ mầm phước thọ.)

57. Câu đối tự khích lệ

a) Tất tương cách trí thành chánh thố kỷ cung, thị chân hào kiệt,

Bất dĩ thân tâm tánh mạng trí độ ngoại, nãi đại trượng phu.

---

208 Nguyên văn "quỳ khổn" (tấm lòng tha thiết của hoa quỳ). Do hoa quỳ (còn gọi là hoa hướng dương) thường xoay theo hướng mặt trời nên cổ văn thường dùng từ ngữ này để chỉ lòng tha thiết ngưỡng vọng. Do âm vận bó buộc, chúng tôi đành tạm dịch gọn là "tha thiết" tuy không đủ ý.

(Tận lực thực hiện cách trí thành chánh[209], thật đáng bậc hào kiệt,

Gác bỏ chẳng màng thân tâm tánh mạng, mới xứng đại trượng phu.)

b) Nhữ tương tử khoái niệm Phật, tâm bất chuyên nhất, quyết đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh thượng nan cầu, vật vọng tưởng nhân thiên phước quả.

Nhữ tương tử khoái niệm Phật, chí nhược chân thành, tiện dự liên trì, Thanh văn, Duyên giác do phất trụ, định khắc chứng đẳng diệu viên thừa.

(Ông sắp chết hãy mau niệm Phật, tâm chẳng chuyên nhất, quyết đọa địa ngục, ngạ quỷ súc sanh còn khó mong cầu, chớ vọng tưởng quả phước trời người,

Ông sắp chết hãy mau niệm Phật, chí nếu chân thành, liền dự liên trì, Thanh văn, Duyên giác vẫn chẳng muốn trụ, chắc chắn chứng viên thừa đẳng diệu[210].)

c) Chiếu kiến ngũ uẩn giai không, tâm cảnh câu quyên, trực đồng hạo nguyệt cô viên, quang thốn vạn tượng,

Chứng đáo nhất trần bất lập, trí bi song vận, bất dị hạo thiên hạo đãng, thể phú quần luân.

(Soi thấy năm uẩn đều không, tâm cảnh đều mất, hệt như vầng trăng vằng vặc, ánh sáng rọi trùm muôn vật,

Chứng đến mảy trần chẳng lập, trí bi cùng vận, khác

209 Cách vật, trí tri, chánh tâm, thành ý.

210 Bình đẳng, vi diệu.

nào mặt trời rực rỡ, thể tánh che khắp mọi loài.)

d) Niệm Phật phương năng tiêu túc nghiệp,
Kiệt thành tự khả chuyển phàm tâm.

(Niệm Phật mới hòng tiêu túc nghiệp,
Kiệt thành sẽ tự chuyển phàm tâm.)

e) Bế hộ cự lai nhân, thống niệm tử kỳ tương chí,
Chuyên tâm tu tịnh nghiệp, thâm tàm đạo nghiệp vị thành.

(Đóng cửa chẳng tiếp ai, xót nghĩ thân này sắp chết,
Chuyên tâm tu tịnh nghiệp, thẹn thay đạo nghiệp chưa thành.)

f) Trác lập bất di, thường sư Khổng thánh,
Hữu phi tất cải, nghi hiệu Cừ hiền.

(Kiên quyết chẳng dời, thường tôn thờ Khổng thánh,
Có lỗi bèn sửa, hãy học hạnh Cừ hiền[211].)

g) Chứng đạo phương năng siêu lục đạo,
Minh tâm tự khả liễu tam tâm.

(Chứng đạo mới hòng siêu lục đạo,
Minh tâm sẽ tự rõ ba tâm.)

h) Đạo nghiệp vị thành, cảm sử thử tâm tán loạn,
Tử kỳ tương chí, lực từ nhất thiết ứng thù.

---

211 Tức Cừ Bá Ngọc, người sống cùng thời Khổng tử, nổi tiếng với câu nói "đến năm tròn 50 tuổi, biết 49 năm trước đều sai".

(Đạo nghiệp chưa thành, há dám để tâm này tán loạn,
Kỳ chết sắp đến, tận lực từ tạ mọi thù tạc.)

i) Duyệt biến trần hoàn nguyên thị huyễn,
Nghiên cùng diệu tánh cấp quy chân.

(Xem khắp trần gian đều huyễn ảo,
Xét cùng diệu tánh gấp quy chân.)

j) Quả quá vị năng vi ngã hám,
Cư tâm vô ngụy nhậm nhân phi.

(Bớt lỗi chưa xong, thường áy náy,
Giữ lòng không dối, mặc người sai.)

k) Tri Phật tánh thường, phấn khắc chứng chí,
Tư địa ngục khổ, phát tâm Bồ-đề.

(Biết Phật tánh thường hằng, quyết chí chứng đắc,
Nghĩ địa ngục khổ não, phát tâm Bồ-đề.)

58. Câu đối khi nhàn rỗi

a) Giải hạnh toàn vô, cảm sung thiên điểu,
Căn thân vị tịnh, miễn hiệu vân ngưu[212].

(Giải hạnh trọn không, nào dám như chim trời,
Căn thân chưa tịnh, gắng bắt chước trâu mây.)

---

212 Vân ngưu là một loài vật tưởng tượng. Cổ nhân thường tạc tượng vân ngưu có hình dáng một con trâu hay bò mập mạp, chân ngắn, sừng cong ngắn, cổ bạnh, khắp mình có những xoáy tròn như mây cuộn, bốn chân có những đám mây nhỏ. Vân ngưu tượng trưng cho sự cần cù, kiên quyết.

b) Vị học nhật ích, vị đạo nhật tổn,
Sư hiền tâm thật, sư thánh tâm không.

(Vì sự học ngày càng tăng thêm, vì đạo ngày càng bỏ bớt,
Noi theo người hiền tâm thành thật, noi bậc thánh tâm rỗng không.)

c) Tuy hữu châu hải kim sơn, bất như tọa tấn thử đạo,
Túng linh phong thiện bái quốc, hà nhược lập vãng Tây Phương.

(Tuy có biển ngọc núi vàng, chẳng như tấn tu nơi đạo này,
Dẫu cho lên ngôi dựng nước, nào bằng đứng sanh về Tây Phương.)

d) Sự sự lợi nhân, xuất nhĩ phản nhĩ,
Tâm tâm tỉnh kỷ, niệm tư tại tư.

(Chuyện chuyện lợi người, ra từ đâu trở về đó,
Tâm tâm xét mình, niệm nơi này nghĩ tại đây.)

e) Nhất chế phù tâm thành thiết hán,
Tam giam kỳ khẩu học kim nhân.

(Một phen chế phục tâm, thành gã sắt,
Ba lượt ngậm kín miệng, học người vàng.)

59. Câu đối tán dương Phật Dược Sư

Như Lai thệ nguyện hoằng thâm, phổ lợi hữu tình, quả năng tâm vô sở trụ trì hồng danh, tự khả tai biến tiêu tận lục đạo khổ,

Kinh chú oai thần quảng đại, tề tư hàm thức, nhược khẳng niệm bất phân trì bẩm thánh giáo, định nhiên thọ đắc diên cập Lưỡng Túc Tôn.

(Như Lai thệ nguyện rộng sâu, lợi khắp hữu tình, nếu tâm vô sở trụ trì hồng danh, sẽ tự tiêu sạch tai ương hết khổ lục đạo,

Kinh chú oai thần lớn rộng, giúp trọn hàm thức, nếu chịu niệm chẳng rong ruổi tuân thánh giáo, chắc chắn hưởng tuổi thọ dài như đấng Lưỡng Túc.)

60. Câu đối đề pháp đường

Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng, tướng tướng ly tướng, nhi vạn đức viên chương, cứu cánh thân chứng phù thật tướng,

Sanh từ tâm, sanh bi tâm, sanh hoan hỷ tâm, sanh đại xả tâm, tâm tâm ấn tâm, nhi nhất trần bất lập, triệt để hiển hiện hồ Phật tâm.

(Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng, tướng tướng ly tướng, muôn đức trọn bày, rốt ráo tự chứng thật tướng,

Sanh từ tâm, sanh bi tâm, sanh hoan hỷ tâm, sanh đại

xả tâm, tâm tâm ấn tâm, mảy trần bất lập, triệt để hiển hiện Phật tâm.)

61. Câu đối về Quán Âm, Địa Tạng

Quán Thế Âm hiện chúng thân dĩ thuyết diệu pháp, tùy trần sát cảm, biến trần sát ứng,

Địa Tạng Vương không địa ngục nhi tận sanh giới, hành Như Lai sự, úy Như Lai tâm.

(Quán Thế Âm hiện mọi thân để nói pháp mầu, trần sát cảm bèn ứng khắp trần sát,

Địa Tạng Vương trống địa ngục hòng hết sanh giới[213], làm chuyện Như Lai thỏa tâm Như Lai.)

62. Câu đối chúc mừng Công đức lâm

Nhục thực nhẫn tâm chiêu kiếp vận,
Tố xan thiện niệm trí thái bình.

(Ăn thịt nhẫn tâm chuốc kiếp vận,
Dùng chay thiện niệm dẫn thái bình.)

63. Câu đối về Quán Âm, Địa Tạng

Biến pháp giới tầm thanh cứu khổ, tùy loại hiện thân, thủ thôi Phổ Môn đại sĩ,

Cử minh dương hưng từ vận bi, thường thời thùy thủ, mạc quá Địa Tạng nguyện vương.

---

213 Sanh giới chính là chúng sanh giới.

(Khắp pháp giới tầm thanh cứu khổ, tùy loại hiện thân, phải nhường Phổ Môn đại sĩ,

Trọn âm dương hưng từ vận bi, thường luôn xòe tay, ai hơn Địa Tạng nguyện vương.)

64. Câu đối chức mừng Công đức lâm

Thể càn phụ khôn mẫu chi tâm, vĩnh trừ nhục thực,
Tồn dân bào vật dữ chi niệm, đặc bị tố xan.

(Thấu hiểu lòng cha trời mẹ đất, vĩnh viễn thôi ăn thịt,
Vẫng giữ niệm dân bào vật dữ[214], riêng sắp đặt món chay.)

65. Câu đối tán dương đức Địa Tạng

Chúng sanh độ tận, phương chứng Bồ-đề, miễn dữ lạc bạt khổ chi tâm, cộng tam tế thập hư nhi mạc ký,

Địa ngục dĩ không, thỉ thị thành Phật, tố hưng từ vận bi chi niệm, cử ngũ thừa cửu giới nhi vô di.

(Chúng sanh độ hết, mới chứng Bồ-đề, tưởng tấm lòng ban vui dẹp khổ, khắp ba đời mười phương vẫn chưa trọn,

Địa ngục không rồi, mới hiện thành Phật, nghĩ dấy niệm hưng từ vận bi, cả năm thừa chín giới đều chẳng sót.)

---

214 Dân bào vật dữ: Nói gọn của câu *"Dân thị ngô bào, vật thị ngô dữ"* (dân là kẻ ruột thịt của ta, loài vật giống như ta).

66. Câu đối về các pháp sâu thẳm như biển

Phật nguyện hồng thâm, phổ bị tam căn, nhân tư cửu giới đồng quy, thập phương cộng tán,

Pháp môn quảng đại, bất di nhất vật, cố đắc thiên kinh tịnh xiển, vạn luận quân tuyên.

(Phật nguyện rộng sâu, độ khắp ba căn, do vậy chín giới cùng nương về, mười phương cùng khen ngợi,

Pháp môn bao la, chẳng sót một ai, nên được ngàn kinh đều xiển dương, muôn luận đều tuyên nói.)

67. Câu đối giải thích đích xác ý nghĩa từ ngữ "cách vật trí tri"

Cách trừ huyễn vọng tư dục vật,
Trí hiển trung dung bỉnh di tri.

(Trừ khử vật tư dục huyễn vọng,
Thấu tột luân thường giữ trung dung.)

68. Câu đối về ăn chay niệm Phật

Miễn Như Lai mẫn niệm thù ân, thường trì hồng danh, ký lịch kiếp tội khiên do tư tức diệt,

Quán thế nhân nhai xải tất báo, vĩnh đoạn nhục thực, dĩ sát thân oán hận quyết định nan tiêu.

(Nghĩ đến ân đức Như Lai sâu xa thương tưởng, thường trì hồng danh hòng diệt ngay tội khiên bao kiếp,

Ngó thấy quả báo người đời chớp mắt phải chịu, quyết không ăn thịt để giải trừ hận giết khó tiêu.)

69. Câu đối đề chỗ ăn chay

Thôi ngộ nhân ố tử chi tâm, xảo hành cứu tế,
Thể thiên địa hiếu sanh chi đức, vĩnh giới tàn thương.

(Suy lòng lũ ta sợ chết, khéo hành cứu tế,
Hiểu đức trời đất hiếu sanh, mãi kiêng sát thương.)

70. Câu đối về ăn chay niệm Phật

Khẩu phúc ngộ nhân, xuất nhĩ phản nhĩ kết oán đối,
Phật danh tế thế, niệm tư tại tư dự thánh lưu.

(Miệng bụng lầm người, từ đâu ra trở về đó, kết oán thù,

Phật danh cứu đời, niệm từ đâu, nghĩ tại đấy, dự dòng thánh.)

VII. PHỤ LỤC

Cổ nhân nói: "Bá Di, Thúc Tề[215] tuy hiền, nhưng do được Phu tử nhắc đến mà thêm nổi tiếng; Nhan Uyên tuy chăm học, nhưng do bám vào đuôi ngựa ký[216] mà hạnh thêm rạng." Đức Sâm khổ não khôn xiết, hạnh lẫn học đều thiếu, nếu không được lão nhân Ấn nhiếp thọ, nâng đỡ, quả thật chẳng biết sẽ đặt chân nơi đâu, huống là bàn đến những chuyện chi khác! Mà cũng là nhờ các vị tăng tục để

---

215 Bá Di và Thúc Tề đều là con vua nước Cô Trúc (nay thuộc thành phố Đường Sơn, tỉnh Hà Bắc) cuối đời Thương. Bá Di là con cả, Thúc Tề là con trai thứ ba. Lúc vua Cô Trúc còn sống, tính truyền ngôi cho Thúc Tề. Sau khi cha chết, Thúc Tề lại nhường ngôi cho anh, Bá Di không chịu, bỏ nước trốn đi. Thúc Tề cũng không chịu làm vua, trốn theo anh sang đất nhà Chu dưỡng lão. Khi Chu Vũ Vương (Cơ Phát) hưng binh diệt Trụ, Bá Di và Thúc Tề ra cản đầu ngựa để khuyên can, nhưng Vũ Vương không nghe. Sau khi Trụ Vương tự vẫn, Bá Di lẫn Thúc Tề thề không ăn gạo thóc của nhà Chu, sống ẩn dật trong núi Thủ Dương, hái rau rừng để ăn. Sau có người bảo rau rừng mọc trên đất Chu thì cũng là tài sản của nhà Chu, họ liền nhịn đói đến chết.

216 Ký là thiên lý mã, tức giống ngựa theo truyền thuyết một ngày đi được ngàn dặm.

lọt mắt xanh[217] thương xót, chứ nào phải chỉ riêng mình lão nhân gia bị mà được như thế! Ngẫu nhiên có ghi chép, viết lách thì quê kệch, không ra hồn, lời lẽ thiếu thứ tự, nào kham lưu truyền trong cõi đời kẻo gai mắt nhã của người khác. Nhưng do cư sĩ Tra Tân Thần gởi thư thuật tình huống sanh Tây của cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh, lão nhân liền gởi thư bảo Đức Sâm ghi thuật chuyện ấy để đính kèm vào cuối bộ Văn Sao Tục Biên. Do vậy tuân theo mạng lệnh ấy, ghi lại đôi lời về những sự thật, tình hình rõ ràng liên quan đến pháp yếu để tạo thành phần Phụ Lục, rồi trình lên lão nhân giám định, đã được ngài chấp thuận mới dám bám vào đuôi ngựa ký để nhờ đó được lưu truyền rộng rãi. Nếu nói muốn nối gót lão nhân hoằng tuyên pháp đạo thì tôi chẳng dám, chỉ là nương từ quang của lão nhân ngõ hầu những sự thực được ghi chép sẽ truyền bá xa gần khiến cho người ta tin ngay chẳng ngờ mà thôi!

Khổ não tỳ-kheo Đức Sâm kính cẩn viết.

---

217 Theo Tấn Thư, Nguyễn Tịch có cặp mắt đặc biệt, khi nể trọng ai thì nhìn bằng cặp mắt xanh, khi khinh rẻ ai thì nhìn bằng cặp mắt trắng. Do đó cổ văn thường dùng chữ "thùy thanh" (để lọt mắt xanh) với ngụ ý đặc biệt tôn trọng.

1. Niệm Phật nhiếp tâm kệ

(Sao chép theo bài viết trên vách Vân Thủy Đường)

Sách A-di-đà Kinh Yếu Giải của đại sư Ngẫu Ích có câu: "Nếu tín nguyện kiên cố thì lâm chung dù mười niệm hay một niệm cũng chắc chắn được vãng sanh. Nếu không có tín nguyện, dù trì danh hiệu đến mức gió thổi chẳng lọt, mưa táp chẳng ướt, hệt như tường bạc vách sắt cũng không lẽ nào được vãng sanh!" Tổ sư cực lực nói toạc ra như thế, chính là lời thành thật phun gan nhả mật, mổ tim vẩy máu dành cho bọn người dùng trì danh để đè nén vọng tưởng chẳng biết cầu sanh vậy, kẻ tu tịnh nghiệp chẳng thể không biết điều này. Nhưng bọn ta đã biết sanh lòng tin phát nguyện quyết định cầu sanh, hiềm rằng vọng tưởng tơi bời, miệng tuy niệm Phật, tâm hoàn toàn mê muội, tán loạn, đấy cũng là điều chướng ngại vãng sanh. Nếu giống như Sâm là kẻ nghiệp chướng sâu nặng, độn căn tệ nhất thì dẫu tuân chiếu theo mấy phương cách tốt lành của tiền nhân vẫn cảm thấy tốn sức mà khó thể chế ngự tâm vào một chỗ.

Ở đây tôi sao chép bài kệ Nhiếp Tâm Niệm Phật của Vân Thủy Tăng viết trên vách để dường như khơi gợi những gì tiền nhân chưa khơi gợi. Dùng cách ấy để điều phục thân tâm, quả thật so ra hữu hiệu hơn những phương cách khác. Huống chi niệm niệm còn nghĩ đến hoa sen, tức là an tâm nơi cảnh thù thắng cõi Tây Phương, tự nhiên sẽ

có ích cho tịnh hạnh, trọn chẳng có điều tệ nào, chẳng suy tính mà ngầm hợp với pháp "nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối" của đức Thế Chí, đem trình lên, có lẽ lão nhân Ấn công cũng khen ngợi là tuyệt hay. Vì thế dám đem chép kèm vào đây để những tịnh nghiệp hành nhân độn căn hèn kém như Sâm nương theo tu tập, kệ rằng:

Nếu hỏi pháp niệm Phật
Nhiếp tâm tự có cách
Niệm mỗi một câu Phật
Miệng tỏa hương hoa sen
Do tâm ta thanh tịnh
Nên có mùi hương này
Hoa từ miệng thoát ra
Đóa đóa về trời Tây
Mỗi câu Phật, một đóa
Có màu và quang minh
Niệm Phật hiệu câu đầu
Hoa xanh, tỏa ánh xanh
Niệm Phật hiệu câu kế
Hoa vàng, tỏa ánh vàng
Niệm Phật đến câu ba
Hoa đỏ, tỏa ánh đỏ
Niệm Phật hiệu câu bốn
Hoa trắng, tỏa ánh trắng
Xoay vần tưởng như thế
Niệm niệm chẳng hề quên

Chẳng cần phải nhớ số
Chỉ tưởng sắc, hương, quang
Nếu tâm chẳng tán loạn
Quyết thấy Đại Nguyện Vương.

2. Bài ký và bài tụng về chuyện cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh vãng sanh

Cư sĩ tên là Nghiệp Hốt, người huyện Bành Trạch tỉnh Giang Tây, làm quan Hàn lâm năm Giáp Thìn (1904) đời Quang Tự nhà Thanh, làm quan 8 năm, sau khi quang phục (Trung Hoa Dân Quốc thành lập) liền ẩn cư. Năm Dân Quốc thứ hai (1912), hướng lòng học Phật, đốc chí nơi Tịnh độ. Tiếp đó đọc Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao, liền biết lão nhân là bậc long tượng trong pháp môn, thật đúng là Thái Sơn, Bắc Đẩu trong Tịnh tông. Rồi biết Đại sĩ Quán Âm chính là vị phù tá bên trái Phật Di-đà, là bậc hướng dẫn trí tuệ của cõi sen, liền khởi ý niệm triều bái Phổ Đà, lễ Đại sĩ, yết kiến cụ Ấn.

Năm Dân Quốc 11 (1922) đi triều bái, lễ bái, chiêm ngưỡng xong, đem bài Sớ Lễ Quán Âm đã soạn trình lên (toàn văn bài sớ này được chép ở đầu cuốn Quán Âm Bồ-tát Bổn Tích Cảm Ứng Tụng), trong ấy có câu *"thực Đình Chương chi vu, khắc nhật Tây hành"* (ăn khoai Đình Chương[218], hẹn ngày về Tây), lão nhân liền nghĩ ông ta còn

218 Cư sĩ Chu Đình Chương, hiệu là Sở Phong. Theo Cư Sĩ Truyện, cư sĩ Chu Đình Chương người tỉnh Vân Nam, sống vào khoảng niên hiệu Chánh Đức - Gia Tĩnh đời

chưa thôi ăn mặn, bèn hỏi: "Ông đã ăn chay hay chưa?" Đáp: "Ăn chay theo kỳ." Lão nhân nghiêm mặt quở trách: "Thật là tệ! Bậc đại thông gia như vậy mà vẫn chưa lấy thân làm gương ăn chay thì làm sao cảm hóa được người khác?" Lớn tiếng quát to, cư sĩ vui vẻ ưng chịu, chẳng những không một mảy may nào trái ý, mà thật ra tâm còn vui sướng thành thật khâm phục. Hôm sau, dâng thư xin lão nhân tiếp tục biên tập Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, tự nguyện sẽ giúp cho thành tựu. Gặp mặt nhận lời quở trách từ bi mà biểu lộ muôn phần cảm kích, đáng khen "danh chẳng hư truyền"! Lão nhân thấy cư sĩ tri kiến thuần chánh, văn bút siêu diệu, đúng là lòng rỗng rang như hang núi, thật hiếm có trong đời mạt, bèn thỉnh cư sĩ biên tập Quán Thế Âm Bồ-tát Bổn Tích Cảm Ứng Tụng.

Từ đấy thư từ qua lại càng thêm mật thiết, nhưng vẫn giữ lễ đệ tử, xin được quy y với lão nhân, ban cho pháp danh. Lão nhân bèn đặt pháp danh là Chỉ Tịnh. Năm Dân Quốc 16, 17 (1927-1928), tỵ nạn tại Thượng Hải, cư sĩ Nhiếp Vân Đài thỉnh ông Hứa biên tập bộ Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ. Hai cuốn sách ấy lần lượt được lưu

---

Minh, tánh tình thuần phác, gia cảnh nghèo hèn. Ai mắng nhiếc, chửi bới gì cũng cười mà thôi. Một lòng tin tưởng Phật pháp, mỗi sáng đều tụng kinh Kim Cang, Di-đà, Quán Âm mỗi thứ một biến. Một hôm vào tiết Thanh Minh, từ biệt cha và vợ nói: "Tôi sắp đi đây, Di-đà đến đón tôi, Quán Âm cũng đã đến", rồi lại nói: "Đức Quán Âm bảo tôi phải thôi ăn mặn trong năm ngày thì mới về Tây được", bèn mỗi ngày ăn một bữa cháo, một bữa rau. Đến thời hạn, liền tắm gội đội mũ, bảo con em tụng danh hiệu của bảy đức Như Lai, tụng kinh xong bèn ngồi ngay ngắn qua đời, đến hôm sau thân vẫn còn tỏa mùi thơm, vẻ mặt như lúc sống. Do Đình Chương lúc sắp mất mới ăn chay, nên khi tổ Ấn Quang thấy ông Hứa Chỉ Tịnh nguyện "ăn khoai Đình Chương" liền biết ngay ông ta hãy còn ăn mặn.

truyền, phàm những vị tăng tục có chánh tri kiến đều khen là Phật lý cao sâu, văn học tinh túy. Lão cư sĩ Phan Đối Phù lại thỉnh ông Hứa biên soạn Phật Học Cứu Kiếp Biên. Ba cuốn sách soạn xong đều được lão nhân Ấn lo liệu ấn hành, ngay cả việc ấn hành Sơn Chí của tứ đại danh sơn, cư sĩ cũng đều góp sức, trong lời tựa những bộ Sơn Chí ấy lão nhân cũng đã thuật đại khái. Năm Dân Quốc 25 (1936) tại chùa Báo Quốc, cư sĩ lại cầu lão nhân đích thân truyền Bồ-tát giới (do trước kia vâng theo lời lão nhân dạy đã tự thọ giới trước đức Phật).

Cư sĩ tuy có học vấn đạo đức người khác khó thể sánh kịp, nhưng tấm lòng rỗng rang, khiêm tốn, gặp tăng ắt vái chào, thấy Phật ắt lễ, toàn thân buông xuống, nghiêm ngặt giữ thân phận hàng tại gia bạch y làm đệ tử quy y tam bảo, chẳng tơ hào kiêu căng ngạo mạn, thật là chuyện người hiện thời khó thể làm được! Hơn nữa, tuy pháp nào cũng dung thông, nhưng tu trì cẩn trọng lại hoàn toàn giống như ngu phu ngu phụ thật thà niệm Phật, nhất tâm cầu sanh Tây Phương chẳng mảy may đổi dời. May được tam bảo gia bị, túc nghiệp lẫn tịnh hạnh đều cảm vời, chuyển quả báo nặng "ắt phải đời đời kiếp kiếp đọa lạc tam đồ" trong đời sau do ác nghiệp "sát sanh ăn thịt, não hại chúng sanh trong thuở trước" thành báo nhẹ trong hiện tại để liễu thoát ngay trong đời này, nhanh chóng về Tây Phương. Vì thế trong nhiều năm gần đây, cư sĩ thường bị bệnh khổ (xin hãy coi tiểu sử hai vị cổ đức là Giới Hiền và Huyền Trang sẽ tự tin tưởng lời nói này chẳng hư vọng).

Do Sâm thường hầu cụ Ấn, lại có tình đồng hương với cư sĩ, mỗi khi ít việc thường thông tin cho nhau, nên biết khá tường tận, nay chỉ trình bày những chuyện chánh yếu, còn đối với hết thảy những chuyện nhỏ nhặt như công khóa nhất định mỗi ngày, tinh tấn tu trì, và kiêm hành điều lành thế gian, cạn hết lòng thành duy trì, hộ trì tam bảo đều chẳng rảnh rang để viết đầy đủ được.

Đến tháng 5 năm Dân Quốc 27 (1938), cư sĩ tỵ nạn tại chùa Hoàng Long trên ngọn Cổ Lãnh, Lô Sơn, lại mắc bệnh nặng. Đến tháng 7 nhuận, bệnh đỡ hơn một chút, nhưng vẫn nằm bẹp, không thể cầm bút được, bèn đọc thư, bảo cháu ngoại viết thay, thuật diễn biến bệnh tình và thuật những ý như "từ nay trở đi gấp cầu giải thoát, sớm được sanh về Tây, nhưng nghĩ Cửu Hoa Sơn Chí chưa xong, nếu như chưa vãng sanh ngay, mong sẽ đọc trước cho lẹ v.v.". Sâm nghĩ cụ đã suy yếu đến mức ấy, biết cụ sẽ chẳng còn là khách trọ lâu ngày trong cõi người nữa. Tháng 10 nhận được thư của thầy Phước Hải gởi đến, biết cụ đã về Tây, khi ấy cụ thọ 63 tuổi. Đến năm Dân Quốc 28 (1939), cư sĩ Tra Tân Thần sao lại lá thư của một vị cư sĩ sống cùng chùa là cư sĩ Diêu Bán Tăng viết cho anh ông ta (anh ông ta là Diêu Tiết Khanh, là môn sinh của cư sĩ) đem gởi cho Sâm, nhờ đấy biết tường tận tình hình cư sĩ Hứa sanh Tây.

Thư nói: Ngày mồng 1 tháng 9 (chỉ ngày tháng âm lịch của năm 1938), gọi em đến trước giường dặn dò hậu sự, tiếp đó mỉm cười nói: "Sáng nay mộng thấy Phật đến,

khắp thân là chuỗi ngọc, tướng hảo quang minh, hướng về tôi bảo: 'Ta đến gặp ông', tôi liền lễ bái, trong khoảnh khắc liền tỉnh giấc, chẳng phải là đức Thế Tôn từ bi, riêng đến an ủi tôi hay sao? Nếu lại được ngài thị hiện tiếp dẫn khiến cho tôi được mang nghiệp vãng sanh thì may mắn quá!" Nói xong liền chắp tay nói: "Hẹn gặp lại ở Tây Phương", từ đấy không còn nói năng gì nữa, chỉ chuyên tâm thầm niệm Phật hiệu, đến 7 giờ sáng ngày mồng 3, an tường về Tây. Toàn thân lạnh hết, chỉ còn mình đảnh đầu vẫn ấm.

Lúc nhập khám, toàn thân mềm mại như bông, nghiễm nhiên giống như vị lão tăng nhập định, sắc mặt tươi nhuận hơn lúc còn sống. Đúng là các căn tươi vui, chánh niệm phân minh, xả báo an tường như nhập thiền định. Tăng tục thấy nghe khởi lòng kính nể sâu xa, khen là hy hữu. Giữ lại chùa niệm Phật 7 ngày theo đúng luật hỏa thiêu, tro xương vẫn giữ tại chùa Hoàng Long.

Sâm nói: "Do nhân như thế mà cảm được quả như thế, được như sở nguyện, mãn nguyện Bồ-đề, nguyện người thấy nghe phát tâm Bồ-đề cùng niệm Phật hiệu, cùng sanh Tây Phương, tương lai trong ao bảy báu sẽ được kề vai với cư sĩ cùng đi, cùng là đệ tử của Phật Di-đà, nghe pháp chứng Vô sanh nhẫn, cùng độ chúng sanh Sa-bà." Nhằm mãn nguyện của cư sĩ nên soạn bài ký, lại còn nói bài tụng rằng:

Than ôi Tịnh công! Bậc kim thang cho pháp môn, đủ chánh tri kiến, an phận thủ thường, nghiên cứu khắp kinh

tạng, thâm nhập chỗ thẳm sâu của Phật, tổ, thị hiện thân phận bạch y, giữ vững biên cương Kỳ Viên, thường than cuối đời mạt, tăng tục phần nhiều thiếu sót bổn phận, tận lực đề xướng liên xã, ắt phải cậy tăng-già nêu kỷ cương, tông lẫn thuyết đều thông, đáng xưng là bậc ngoại hộ vây cánh, giữ cho tăng sống yên, bảo vệ đạo pháp, thật đáng khen là bậc long tượng vô song.

Pháp nào cũng viên dung, nhưng chỉ giữ mỗi giáo pháp Tịnh độ khế cơ khế lý. Môn nào cũng thấu đạt thông suốt, chỉ thẳng tới cõi Cực Lạc dễ hành dễ đạt. Nay đã dưa chín, cuống rơi, quả thật được Tây Phương giáo chủ tiếp dẫn, càng mong mau chứng vô sanh, chẳng trái bổn nguyện, liền trở lại Sa-bà, hộ trì tam bảo, làm thuyền từ phổ độ chúng sanh.

3. So sánh sự tổn hại và lợi ích giữa được và không được trợ niệm

Cư sĩ Lưu Hiểu Ngu tên là Cảnh Liệt, người huyện Cám tỉnh Giang Tây, thuở trẻ du học Đông Doanh (Nhật Bản), là bạn học với ông Thái Tùng Pha v.v.. Sau khi quang phục, từng làm Nghị viên Quốc hội khóa đầu tiên. Năm Dân Quốc thứ sáu, thứ bảy (1917-1918), đảm nhiệm chức Ty trưởng ty Chức phương[219]. Do người anh họ là

219 Đây là một trong sáu ty trực thuộc Bộ Nội vụ của Trung Hoa Dân Quốc được thành lập vào năm 1912 tại Nam Kinh. Thoạt đầu sáu ty này có tên gọi là Dân trị (coi về hành chính trị an), Cảnh vụ (công an, cảnh sát), Lễ giáo (trông coi giáo

cư sĩ Hảo Ngu, tên ngoài đời là Cảnh Hy, vốn là một thân sĩ tiếng tăm ở Cám Châu rất tôn sùng Phật học, cho nên từ thuở bé đối với pháp môn cư sĩ cũng chịu hộ trì. Ngôi chùa cổ Thọ Lượng trong thành bị bỏ hoang, sụp nát từ lâu. Đầu thời Dân Quốc, người dân trong vùng tính mượn danh nghĩa lập trường tiểu học cho quốc dân để che đậy ý đồ chiếm hết cả chùa, chiếm đóng nơi ấy. Về sau do cư sĩ phát khởi, thỉnh hòa thượng Đại Xuân kiêm nhiệm trụ trì, giúp sức bảo vệ. Đến năm Dân Quốc thứ tám, thứ chín (1919-1920), nhà chùa cùng trường học dính vào chuyện thưa kiện, đều do cư sĩ đức cao trọng vọng mà một người xướng, trăm người hòa, ngả rạp theo gió, phàm những vị chánh sĩ thuộc các giới thân sĩ, thương nhân, giáo dục ở địa phương đều nhất trí chủ trương công đạo, dời nhà trường khỏi chùa, bảo toàn được cơ sở nhà chùa và chuộc lại chừng đó ruộng cho cấy rẽ.

Đến năm Dân Quốc 22 (1933), chánh quyền địa phương phóng đường cái, nhà chùa nằm ngay trên tuyến đường được quy định thiết lập đại lộ, hai bên đều biến thành trang trại nhỏ, họ tính phá sạch cả chùa, muôn phần không còn cách gì bảo tồn được nữa! Hàng tăng tục đã đến chỗ sơn cùng thủy tận rồi, biết Sâm khi xưa đã từng phụ

---

dục và thuần phong mỹ tục), Thổ mộc (trông coi về xây dựng, thiết kế những công trình công cộng) và Biên lý (quản trị biên cương, quy hoạch bản đồ lãnh thổ quốc gia). Khi chính quyền Dân Quốc chiếm được Bắc Kinh, dời kinh đô từ Nam Kinh lên Bắc Kinh, ty Biên lý được đổi tên thành ty Chức phương (dựa theo ý nghĩa xưa của chữ *Chức phương* là bản đồ).

giúp hòa thượng Đại Xuân, có mối nhân duyên với chùa ấy; khi đó Sâm đang hầu hạ cụ Ấn tại đất Tô, ắt sẽ quen biết vị hộ pháp có thế lực, họ bèn gởi thư xin lập phương cách cứu vãn.

Khéo sao cư sĩ cũng do tỵ nạn mà đến đất Tô, đã quy y với lão pháp sư Ấn, ăn chay theo kỳ, tu tịnh nghiệp, pháp danh là Đức Thành. Sâm vì tạo dựng tượng Đại sĩ bằng sắt cao 20 thước mà bôn tẩu hô hào, nhà chùa được giữ nguyên vẹn; tiến hơn một mức nữa là lại được trùng hưng cũng nhờ công sức cư sĩ giúp đỡ không ít. Đến năm Dân Quốc 25 (1936), cư sĩ trở về quê, chuyện duy trì nhà chùa càng nhờ cậy cư sĩ nhiều hơn, nhưng do việc công chuyện tư bề bộn, tuy đã phát tín tâm, nhưng khó chuyên thực hành được. Mỗi ngày bất quá thực hiện công khóa chốc lát, tùy duyên tu tập mà thôi!

Đến cuối thu năm Dân Quốc 27 (1938), do sát nghiệp trong đời trước đời này chiêu cảm, lại bị bệnh nặng (khi chưa quy y Phật, cư sĩ thích bẫy chim lưới cá, sát hại rất nhiều sanh mạng. Năm Dân Quốc mười mấy, từng bị chứng *đối khẩu sang*[220], bệnh tình rất nguy hiểm, đau khổ cùng cực, bèn phát nguyện đoạn trừ thói quen xấu ác ấy. Do niệm Quán Âm Bồ-tát cứu khổ cứu nạn, chợt nghe trên

220 Đối khẩu sang, còn gọi là não thư, khẩu thư, khẩu đinh, lạc đầu thư, đại thư, là một chứng bệnh lở loét ở phía trên phần cổ, giáp ót. Sang và thư đều có nghĩa là lở loét. Bệnh nhân mọc một cái nhọt độc lớn ở phần sau cổ, lở loét mãi không lành miệng, thường có mủ, khiến bệnh nhân hay bị sốt cao, rất đau đớn. Nếu không chữa trị đúng lúc, bệnh nhân bị hôn mê rồi chết.

hư không tỏa hương, bệnh tình dần dần được bình phục), dây dưa lâu ngày, đau khổ khó kham, sai con là Phát Trang đem món tiền mấy trăm đồng, cậy Sâm cúng dường cho cụ Ấn và làm công đức thay cho mình. Sâm lo liệu xong, viết thư phúc đáp khuyên cư sĩ nên ăn chay trường; nghe nói đến cuối năm cư sĩ mới thực hành chuyện thôi ăn mặn. Cho đến tháng 3 năm Dân Quốc 28 (1939), bệnh tình ngày càng thêm nặng. May nhờ thê thiếp, dâu, con đều là đệ tử quy y với cụ Ấn, đều biết trợ niệm lúc lâm chung là chuyện khẩn yếu, bèn trong ngày 17 thỉnh hai vị tăng ở chùa Thọ Lượng đến trợ niệm.

Niệm đến sáng ngày 19, cư sĩ tự biết sắp từ biệt trần thế, sai khiêng ra trước sân để đổi không khí, gọi anh em dặn dò hậu sự, bảo người con cả là Phát Trang quỳ nghe di chúc. Nói xong, mọi người thấy sắc mặt cư sĩ rất lạ, bèn khiêng trở vào phòng ngủ. Hai vị tăng và người nhà đồng thanh niệm Phật hiệu để trợ niệm. Phát Trang kính cẩn nâng tượng A-di-đà Phật tiếp dẫn, thỉnh cư sĩ hãy nhìn xem. Do lúc mới phát bệnh ngặt thì vẫn là chứng bệnh ở phía ngoài cổ (tức chứng đối khẩu sang tái phát) khiến cho tay trái rũ xuống mấy tháng không thể giở lên được; chính đang lúc hấp hối vừa thấy tượng Phật, tay trái chợt hoạt động như thường, giơ lên chắp tay, liền tỏ vẻ hoan hỷ hớn hở, niệm gấp A-di-đà Phật. Lúc ấy chẳng có mảy may đau khổ nào, an tường qua đời giữa tiếng niệm Phật của mọi người, thọ được 61 tuổi, nhằm ngày 19 tháng 3 năm Kỷ Mão (1939) âm lịch.

Cư sĩ bệnh nặng mấy tháng, đau khổ khó kham, quả thật là báo nặng trong đời sau do não hại chúng sanh đã chuyển thành báo nhẹ trong hiện đời, đến khi lâm chung có được tướng lành ấy, có thể nói là các căn tươi vui, chánh niệm phân minh, xả báo an tường như nhập thiền định, chắc chắn sanh về Tây Phương không còn ngờ gì nữa! Việc ma chay, đãi khách nhất nhất đều tuân theo lời cụ Ấn đã dạy trong thư: Nhất loạt dùng cỗ chay, mở ra đầu mối đầu tiên theo đường lối Phật hóa ở miền Nam Cám Châu. Thiện lợi như vậy tuy do chính thiện căn của chính cư sĩ chín muồi, nhưng quyến thuộc giúp sức đúng pháp khéo trợ niệm vào lúc lâm chung cho nên cũng thật sự là một trợ duyên rất lớn. Vì thế, cuối cùng tôi mong tứ chúng Phật tử hãy sớm chú ý điều này.

Bà Đinh nhà họ Lý, pháp danh Đức Hoằng, từng làm vợ cả ông Lý X… ở Dương Châu. Do chồng đã cưới vợ lẽ mà bà lại chưa từng sanh nở, khó sống yên trong nhà chồng được, bèn đến sống nhờ nơi mẹ kế là cư sĩ Đinh Đức Nguyên. Bà mẹ kế cũng coi bà Đinh như con ruột, nâng đỡ lẫn nhau, quây quần bên nhau gần suốt 20 năm mà giống hệt như một ngày. Năm Dân Quốc 17 (1928) ở tại đất Thân (Thượng Hải), do thân hữu dẫn đến gặp lão pháp sư Ấn, bèn cùng nhau cầu khẩn xin được nhiếp thọ, quy y, xin ban pháp danh. Lão nhân cũng nghĩ tới lòng họ thành khẩn bèn từ bi chấp thuận, và ghi cho pháp danh là Đức Nguyên, Đức Hoằng.

Từ đấy ăn chay trường, thờ Phật, tu trì nghiêm cẩn, mẹ con nương tựa nhau, chuyển thành pháp lữ. Đau đáu nghĩ tục duyên bạc phước, quyến thuộc thưa thớt, nay gặp Tịnh tông là cha mẹ tốt lành hướng dẫn xuất thế, được nương tựa nơi thầy, cũng là may mắn muôn vàn. Do vậy đối với lão nhân tâm hiếu kính mười phần chân thật, thiết tha.

Luận về sự tin tưởng, tu trì thường ngày thì hết thảy mọi mặt cư sĩ Lý Đinh Đức Hoằng đều trội hơn cư sĩ Lưu, chỉ hận túc nghiệp ngăn chướng, nhân duyên khiếm khuyết! Mùa hạ năm Dân Quốc 27 (1938), thấy Vũ Hán sắp lâm vào cảnh vây hãm, nguy ngập, bèn từ Hương Cảng đến tỵ nạn tạm thời tại đất Hỗ (Thượng Hải). Do giá nhà quá cao, thuê mướn chẳng dễ dàng, bèn ở tại khách sạn, vừa quá tốn kém vừa quá bất tiện. Cụ Chân Đạt chùa Thái Bình biết mẹ con bà tin Phật chân thật, thiết tha, trong lúc đại kiếp này lênh đênh không nơi nương tựa, quyến thuộc đìu hiu, thật đáng thương xót, nên trong chùa có lập một tịnh thất cho năm người già trẻ cùng sống.

Đến đầu tháng 3 năm Dân Quốc 28 (1939), cư sĩ Lý đột nhiên mắc bệnh thương hàn, dây dưa tới tháng 4 thuốc men không công hiệu, bệnh tình ngày càng nặng thêm, trong chùa Phật sự bề bộn, phòng ốc lại ít, nếu chết tại chùa không cách chi xếp đặt ổn thỏa được, bất đắc dĩ phải đưa vào bệnh viện. Quy định của bệnh viện là phải theo quy cách của phương Tây, việc trợ niệm lúc lâm chung muôn phần khó thể thực hiện được. Nhập viện hai

ba ngày, những người biết Phật pháp chẳng thể đến thăm được, cư sĩ bèn chết hồ đồ tại bệnh viện vào sáng ngày 18 tháng 4, thọ 50 tuổi.

Người có tín tâm tu trì như thế nếu lâm chung được trợ niệm đúng pháp, sẽ hiện tướng lành vãng sanh chẳng kém cư sĩ Lưu Hiểu Ngu; nhưng vì cơ duyên bị trở ngại, hoàn toàn chẳng được hưởng lợi ích do trợ niệm, đến nỗi tín tâm hằng ngày chẳng thể thọ dụng được trong đời này, chỉ thành nhân duyên đắc độ trong vị lai, thật đáng tiếc quá! So sánh những chuyện này, biết đích xác trợ niệm lâm chung có quan hệ rất trọng yếu. Tuy nhiên, công chẳng luống uổng, quả không bỏ phí!

Cõi đời chẳng có quả nào không có nhân, cũng như không có nhân nào chẳng kết thành quả. Cư sĩ Lưu hưởng thiện lợi như thế là do nhân gieo trong đời trước nay đã chín muồi, vì thế có được thiện duyên quyến thuộc giúp cho thành tựu.

Cư sĩ Lý chịu cảnh ngang trái như thế chắc là vì đời trước phá hoại chuyện thù thắng của người khác đến nỗi cảm lấy đủ mọi thời tiết nhân duyên chẳng đúng pháp gây nên chướng nạn. Hết thảy thiện hạnh do tín phụng tam bảo trong hiện tại chắc chắn sẽ tạo thành cái nhân đắc độ trong vị lai, chẳng thể nghi ngờ, bàn bạc mảy may nào nữa, nhưng rốt cuộc chẳng thắng chóng bằng liễu thoát ngay trong đời này.

Do vậy lão nhân thường nói: "Lợi người tức là lợi mình, hại người còn quá hại mình." Nguyện những vị tăng tục cùng hàng có chí sanh Tây trong nhất cử nhất động hãy chú ý nhân quả, khiến cho mỗi bước mỗi chuyện đều tạo thành duyên thù thắng để thành tựu vãng sanh, đấy là điều thiết yếu vậy!

4. Người tu tịnh nghiệp ăn chay niệm Phật trong xử sự thường nhật chuyện gì cũng phải rất phù hợp với tịnh hạnh thì mới có thể vãng sanh

Cư sĩ Tào Á Bá người huyện Dương Tân tỉnh Hồ Bắc, thiên tư khá tốt, đến tuổi búi tóc đi học, liền cùng với những vị tham gia cuộc khởi nghĩa Vũ Xương[221] cực lực đề xướng cách mạng. Triều đình nhà Thanh nghiêm cấm, bèn liều mạng bỏ ra nước ngoài, đi khắp Âu - Mỹ, cùng hoạt động chung với các vị như Tổng lý Tôn[222]. Đến năm Dân Quốc 11 (1922), cư sĩ bèn chẳng muốn nghe đến chuyện quốc sự nữa, ẩn cư tại Thượng Hải. Tiếp đó tậu sản nghiệp, dựng nhà tại Côn Sơn, rồi nghe theo lời khuyên của cư sĩ Trương Thuần Nhất tin tưởng Phật pháp, đọc khắp những bộ kinh luận nổi tiếng của Đại thừa. Đến năm Dân Quốc

---

221 Tức cuộc Cách Mạng Tân Hợi (1911), xảy ra vào ngày 10 tháng 10 năm Tân Hợi, bắt đầu từ Vũ Xương, lật đổ nhà Thanh, lập ra Dân Quốc. Thoạt đầu, Tào Á Bá là một trong những lãnh tụ của nhóm thanh niên chủ trương cách mạng, canh tân Trung Hoa.

222 Tức Tôn Văn (tự Dật Tiên, hiệu Trung Sơn), quốc phụ của Trung Hoa Dân Quốc.

18, 19 (1929-1930), sau khi thân cận cụ Ấn, cũng khá hợp tính với Sâm, hễ gặp người khác bèn đem Phật pháp khuyên lơn, đề xướng tuyên truyền, khá có ảnh hưởng.

Đối với chuyện thuộc pháp môn, cư sĩ tận lực hộ trì, chẳng hề né tránh, kiêng dè, cũng là người làm được những điều người khác khó thể làm. Sâm lo liệu những chuyện thuộc về tài sản nhà chùa tại Giang Tây cũng được cư sĩ giúp sức không ít. Ông ta khinh tài trọng nghĩa, thanh cao thật thà, chẳng tranh quyền lợi với ai, cũng là hạng người hiếm có trong thời này.

Tiếc là chuyện gì cũng luông tuồng, chẳng tuân theo quy củ đã định, đến nỗi phần nhiều những chuyện ông làm đều trở thành trò đùa. Vì thế chỉ gieo được cái nhân xa, chứ khó thể được lợi ích thật sự trong đời này.

Thường ngày do thân lẫn tâm đều mạnh mẽ, ông tự coi mình là anh hùng, mong có thể sống tới 120 tuổi! Hiềm rằng thuở thiếu niên chơi bời bừa bãi (chuyện này ông ta thường tự lớn tiếng nói cho người khác biết), trác táng quá độ nên đã trở thành bề ngoài mạnh mẽ nhưng bên trong thì khô héo, cho nên đến tuổi xế chiều cũng thường sanh bệnh. Mùa thu năm Dân Quốc 26 (1937), bị bệnh thổ tả nhẹ, trị gần lành, vẫn gởi thư cho Sâm ước hẹn kỳ hạn đến đất Tô lễ bái, thân cận cụ Ấn, nhân đấy bày tỏ nỗi lòng.

Nào ngờ tối hôm trước ngày đã định, cư sĩ mắc chứng dịch tả. Lần này những người bạn thân đã ước hẹn đồng

hành đến mời cư sĩ lên đường, thấy ông ta đã sắp mất, chưa đầy một tiếng đồng hồ đã thiêm thiếp qua đời, thọ 62 tuổi, chỉ được nửa số tuổi mong muốn, mất đúng vào giữa trưa ngày 25 tháng 8. Hết thảy các sự thế gian lẫn xuất thế gian đã nói trước đây đều trở thành bánh vẽ. Đây chính là bằng chứng chắc như sắt về chuyện đùa bỡn nơi pháp môn, khó được lợi ích thật sự trong đời này. Người tu tịnh nghiệp đối với hết thảy những chuyện chẳng tuân theo quy củ đã định phải thống thiết răn ngừa vậy!

Cư sĩ Bành Thủ Chuyết người huyện Nam Xương, tỉnh Giang Tây, năm Dân Quốc 18 (1929), đặc biệt sang đất Hỗ chọn đầu bếp chuyên nấu món chay về Nam Xương trông coi tiệm đồ chay. Nhân đó đến chùa Thái Bình lễ cụ Ấn nên mới bắt đầu quen biết Sâm. Về sau ông lại trông coi Phật Kinh Lưu Thông Xứ tại chùa Hựu Dân. Do làm việc nghiêm túc, ông được các cư sĩ tín nhiệm, cho nên công việc cả hai nơi đều giao cho ông chăm sóc. Đối với chuyện trong pháp môn, ông luôn ủng hộ các vị tăng tục, cũng như dốc cạn tâm lực hộ trì đề xướng. Sâm phải lo chuyện tài sản nhà chùa ở vùng Nam Cám, được ông lập nhiều cách giúp đỡ, hưởng lợi ích cũng sâu đậm lắm. Nhưng vì ông đông con quá, trong nhà chẳng có của cải gì, duy trì sanh kế cho gia đình khá vất vả. Công khóa tự tu tuy chưa thể không gián đoạn, nhưng cũng chẳng chịu bỏ luống.

Khi ngoài 50 tuổi, do lao lực chất chứa, thân suy nhược, đến nỗi thường đổ bệnh. Đến khoảng tháng 7 năm

Dân Quốc 27 (1938), biết trước lúc mất, đã định sẵn kỳ hạn với người nhà. Khi ấy người nhà vây quanh trợ niệm Phật hiệu, cư sĩ cũng chánh niệm phân minh, an tường về Tây giữa tiếng niệm Phật của đại chúng. Do ông ta cung kính tam bảo, chuyện gì cũng học theo ông Hứa Chỉ Tịnh, nghe nói tướng lành lúc vãng sanh cũng gần giống như vậy (nhưng lúc nghe còn chưa ghi lại, nên vẫn còn nhiều chuyện chưa thể tường tận được).

Cư sĩ Tra Tân Thần, người huyện Cửu Giang tỉnh Giang Tây, năm Dân Quốc 24 (1935), làm nghề buôn bán, gia đạo cũng dư dả đôi chút, nhiệt tâm làm chuyện công ích, ưa làm lành, thích bố thí. Những chuyện từ thiện trong địa phương đều khảng khái giúp cho thành tựu, làm phó xã trưởng của liên xã Cửu Giang. Năm Dân Quốc 24 (1935), Sâm qua Cửu Giang vừa gặp mặt lần đầu liền được ông đặc biệt ưu đãi. Năm Dân Quốc 25 (1936) triều bái Phổ Đà, đến đất Tô, càng thêm quen biết đậm đà hơn. Mùa xuân năm Dân Quốc 28 (1939), do tỵ nạn về sống tại Cám Châu, tuy phải lênh đênh trôi nổi, vẫn cứ nhất tâm thờ Phật, mấy lần gởi thư cho Sâm để bàn bạc chuyện trong pháp môn.

Đến tháng Giêng năm Dân Quốc 29 (1940), chẳng may máy bay oanh tạc Cám Thản, bom rớt xuống gần nơi cư sĩ cư ngụ, bị kinh hãi trúng phong, tiếp đó bị chứng bệnh viêm màng não cấp tính, qua đời vào giờ Thân ngày 21 tháng 2. Do bình nhật tin tưởng Tịnh độ sâu xa, thật sự có

tu trì, lại thêm quyến thuộc cũng hơi biết về ý nghĩa quan trọng của sự giúp sức trong lúc lâm chung, nên tuy bị mất vì bệnh ngặt, tâm vẫn giữ được chánh niệm, trọn chẳng có hiện tượng hôn mê, vướng mắc, xưng niệm A-di-đà Phật liên tiếp, nhắm mắt an nhiên qua đời. Dựa theo kinh giáo, người mất như vậy có khá đầy đủ tướng lành sanh về Tây, cũng là do chuyện gì cũng đều tuân theo quy củ đã định, phần nhiều phù hợp với Tịnh độ mà cảm vời ra.

Xét ra thì ba vị cư sĩ này đều quy y dưới tòa của lão nhân Ấn, giữ lễ đệ tử, đối với cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh không ai chẳng đồng thanh tán dương, nhưng hết thảy hành vi của hai vị Bành - Tra phần nhiều lấy hai vị lão nhân (tức tổ Ấn Quang và ông Hứa Chỉ Tịnh) làm khuôn mẫu để phỏng theo; nếu có chỗ nào sức không kham nổi thì cũng tự biết hổ thẹn, chẳng dám buông lung, do vậy kết quả cũng chẳng thua kém cho mấy. Cư sĩ Tào xưng tụng ngoài miệng, có thực hành, nhưng không có gì tới nơi tới chốn, chỉ tự mình hành động, phần nhiều gần như là làm quấy quá, chứ thật ít khi thực hiện thật sự. Hơn nữa, hoàn toàn chẳng có công khóa nhất định để lễ bái, trì tụng đúng pháp, lại còn thuận theo tâm hạnh của chính mình, nên mang tiếng là niệm Phật nhưng kết quả cũng hoàn toàn chẳng có ảnh hưởng gì. Đủ chứng tỏ Phật pháp quý nơi thật hành, chứ không phải chỉ nói suông là có thể giải quyết xong việc. Công chẳng lãng phí, quả chẳng phí uổng. Sâm viết bài này để tự răn mà cũng để răn nhắc hết thảy những ai cùng bệnh vậy!

5. Thư trả lời cư sĩ Hoàng Hiểu Phố, viện trưởng Ân Thí Pháp Viện

(Đính kèm nguyên văn thư gởi đến, cư sĩ Hoàng có pháp danh là Đức Hoằng)

"Sau tiết Đoan ngọ hai bữa, lời chỉ dạy của thầy được gởi đến, để mãi cho đến hôm nhằm tiết Đại thử mới cung kính mở ra đọc, tính ra đã 31 ngày[223]. Giao thông bất tiện như thế này, nhằm vào lúc chẳng bình thường, hết thảy mọi việc đều phải xem xét theo quy cách chẳng bình thường thì mới được trời cao đất rộng vậy. Tự nghĩ nghiệt nặng chướng sâu, may giữ được cái mạng tàn để thưa hỏi cùng thầy đều là do sức Phật, Bồ-tát thầm gia hộ vậy!

Ngày 20 tháng 4 âm lịch máy bay Nhật ném bom huyện thành Ân Thí, khi ấy nhằm đầu giờ Dậu, Đức Hoằng từ pháp viện (tòa án) trở về chỗ ở; còi báo động hú lên, hai đứa con gái và đứa tớ gái ẵm bé Phước Châu chạy vào hang

---

223 Đoan ngọ (ngày mồng 5 tháng 5), gọi đủ là tiết Đoan ngọ, còn gọi là tiết Đoan dương, tiết Ngọ nhật, tiết Ngũ nguyệt, tiết Ngũ nhật, tiết Ngải, Trùng ngọ, tiết Hạ v.v.. Thoạt đầu, theo mê tín, đây là ngày thạnh dương nên sâu bọ sanh sôi, ôn dịch dễ xảy ra, nên có nhiều tập tục như uống rượu pha hùng hoàng, dùng lá ngải vò nát xoa vào móng tay để giết sâu bọ trong bụng v.v.. Ngoài ra vào thời cổ, ở phương Nam Trung Quốc, đại khái vùng Chiết Giang, có một sắc dân thiểu số được coi là hậu duệ của loài rồng, thường tế lễ thần Đồ Đằng để cầu mưa thuận gió hòa vào ngày mồng 5 tháng 5. Về sau do Khuất Nguyên, quan đại phu nước Sở, do can vua không được đã đâm đầu xuống sông Mịch La nhằm tiết Đoan ngọ, nên người ta cũng dùng ngày này để kỷ niệm một vị ái quốc.

Đại thử là một tiết khí trong 24 tiết khí của một năm, kéo dài từ 22 tháng 7 đến ngày mồng 8 tháng 8 dương lịch. Theo Nguyệt Lệnh Thất Thập Nhị Hầu Tập Giải, sở dĩ gọi là Đại thử vì lúc ấy khí hậu nóng nhất trong năm.

Ở đây ông Hoàng đã tính sai ngày, sau Đoan ngọ hai ngày (tức mồng 7 tháng 5) cho đến ngày đầu tiên của tiết Đại thử (22 tháng 7) là 75 ngày, chứ không phải 31 ngày.

núi trú ẩn, cô tiểu thiếp ẵm bé Phước Bị ở lại với Hoằng, không chạy đi. Còi hụ báo động khẩn cấp rú lên từng hồi, Hoằng đối trước Phật niệm Quán Âm Bồ-tát, máy bay chao qua lượn lại gầm rít ầm ĩ. Trước Phật tòa có một cái bàn vuông, bên trên phủ vải bông, người tiểu thiếp nép dưới gầm, chợt kéo áo Hoằng, Hoằng cúi đầu nhìn xuống. Đầu Hoằng vừa rúc xuống gầm bàn, bom đạn liên tiếp nổ rền, nhưng không quá dữ dội. Bé Phước Bị khóc thét, lưng Hoằng bị miểng văng trúng, trầy nhẹ, đứng lên xem thử, nhà cửa bị rung sụp, Phật tòa cũng bị nghiêng lệch, tro bụi phủ đầy nhà. Dưới chân có bức tượng Quán Âm nhỏ bằng sứ, bèn vội nhặt lấy ôm vào lòng (năm ngoái, phòng ngủ ở pháp viện bị tàn phá, tượng sứ ấy bị vùi trong đống gạch ngói, chẳng bị hư hao mảy may nào). Tường đã ngã xiêu ra phía ngoài. Tôi cùng với người tiểu thiếp ra khỏi cửa xem mới biết hai dãy phố trước và sau đều bị trúng bom, kèo gãy rui sụp. Nhà hàng xóm ở dãy phố phía sau lại trúng phải đạn lưu huỳnh bốc cháy, họ thảng thốt chạy ra khỏi chỗ ẩn núp có kèo gỗ chống đỡ nơi dãy phố phía trước. Người tiểu thiếp và cô bé hàng xóm chạy tránh đến chỗ an toàn.

Hoằng tính vớt vát quần áo, đồ đạc, nên quay trở lại cổng ngõ nơi trú ngụ, một mình không ai giúp tay, chẳng dám chui vào một mình. Đang trong lúc ngần ngừ, chẳng ngờ bốn mặt lửa bốc lên nghẽn lối, phải gấp tránh né, vội nằm nép mình trong cái rãnh bùn lầy phía trong tường, nhắm mắt niệm Phật. Trên dưới, trái phải tàn lửa rụng như mưa, lấy tay phủi liền tắt. Ngọn lửa cách đầu chưa đầy một

trượng, hơi nóng vô cùng khó chịu đựng được; bùn trong rãnh đã trở thành nước nóng, quần áo đã bén lửa một hai chỗ, trong tâm vẫn không sợ hãi, chỉ tự trách chớ nên tham luyến quần áo, đồ đạc để rồi bị hãm trong tuyệt địa, lặng lẽ chờ Phật, Bồ-tát tiếp cứu mà thôi!

Một hồi lâu sau, thế lửa ở phía Nam giảm đi, nhờ gót giày bị bùn lầy thấm ướt, liền cố sức đạp lửa xông qua, đi xa được mười trượng, rốt cuộc được an toàn, không bị thương tổn mảy may; bất quá da thịt bị lửa hun đã lâu, ông mập đã trở thành chàng gầy nhom! Tất cả quần áo, đồ đạc, sách vở, và nhật ký, bản thảo thơ văn mười mấy năm qua đã mất sạch không còn gì. Những hồ sơ, vật dụng trong pháp viện cũng tiêu sạch. Cũng may là các bộ phận hành chánh, tài chánh đều do viện trưởng phân viện thứ ba thuộc Pháp viện Tối cao đảm nhiệm. Ngày hôm qua theo lệnh của bộ, các chức vụ viện trưởng, chủ tịch phân viện đều bị bãi trừ.

Trong tương lai, tuy Hoằng bị kỷ luật, nhưng chắc là chén cơm cũng không bị trở ngại. Pháp viện dời về khu vực tạm trú Đông Hương, Hoằng bèn thuê một gian nhà tranh ở vùng phụ cận, mượn của bạn bè một hai bộ quần áo. Đồng hương tặng cho mấy đứa trẻ mấy bộ, hai đứa con gái, hai thằng con trai có áo không có quần. Phần lớn những tiệm buôn trong thành bị bom phá hủy, ở trong làng muốn ra chợ mua sắm vải vóc rất khó, sống cuộc đời dân tỵ nạn gần hai tháng trời.

Nghĩ đến minh đản bát tuần của tiên khảo[224], không có sức làm chay, chỉ dâng lên 5 đồng, cầu xin thầy chuyển lời thỉnh đến đạo tràng Một Trăm Lẻ Tám Phật Thất làm lễ cầu siêu, lại xin mua giùm một "món đồ câu cơm" (tức Lục Pháp Toàn Thư[225]). Đứa con thứ vốn tên là Phước Bị, chẳng ngờ lão pháp sư Ấn khi đặt tên liền dùng ngay hai chữ ấy, Phật pháp cảm ứng chẳng thể nghĩ bàn.

Hoằng từ sau khi thoát ra khỏi cơn nạn lửa, thề suốt đời trì chú Đại Bi, đi đứng nằm ngồi trong tâm đều thầm tụng để cầu thế giới hòa bình, chỉ quan tâm đến chuyện cày bừa, chẳng hỏi đến chuyện thu hoạch, thầy có cho là đúng hay không? Sanh con lẫn nuôi dạy đều quan trọng, người tiểu thiếp răn dạy rất nghiêm, lúc cấp bách cũng biết niệm Quán Thế Âm Bồ-tát, bé Phước Châu cũng biết lạy Phật. Con thưa gởi những gì nghĩ biết, rất mong thầy gởi

---

224 Cha đã mất gọi là tiên khảo, minh đản (hay còn gọi là minh thọ) bát tuần là ngày sinh nhật tám mươi tuổi của người đã khuất.

225 Lục Pháp Toàn Thư là một bộ sách tổng hợp tất cả những dữ liệu, thông tin cần thiết về luật pháp được áp dụng tại Trung Hoa Dân Quốc và Nhật Bản. Nội dung bao gồm sáu thể loại luật pháp:

1. Hiến pháp
2. Dân pháp: gồm những điều luật dân sự, chẳng hạn khai sanh, khai tử, đăng bộ nhà, xe, ruộng vườn v.v..
3. Dân sự tố tụng pháp: những điều luật về thưa kiện dân sự, chẳng hạn ly hôn, ly thân, tranh chấp gia sản, điền sản v.v..
4. Hình pháp: những điều luật về tội phạm.
5. Hình sự tố tụng pháp: những điều luật quy định về sự tranh cãi kiện tụng liên quan đến những tội hình sự.
6. Hành chánh pháp và Hành chánh tố tụng pháp: những điều luật, quy định về biện pháp xử lý hành chánh và thưa kiện trong lãnh vực hành chánh.

Do tài liệu này vô cùng cần thiết cho nghề nghiệp của một quan tòa nên ông Hoằng gọi đùa nó là "món đồ câu cơm".

thư răn dạy về lý nhân quả trong lần bị nạn lửa này. Phiền thầy cho con gởi lời vấn an trước tòa lão pháp sư."

* * *

Ngày hôm qua nhận được thư gởi tới bằng đường tàu, ông trải qua một phen nguy hiểm kinh sợ này khác nào được sống sót từ nơi miệng cọp, đúng là khiến cho người khác chẳng rét mà run! Phật Bồ-tát hữu cầu tất ứng, tầm thanh cứu khổ, cảm thông chẳng thể nghĩ bàn, [nay đã] có [thêm] chứng cớ để càng thêm tin tưởng. Sâm tính soạn một bài ký về sự linh cảm đăng trên những tờ báo như bán nguyệt san Phật Học v.v. để tuyên dương nhằm khơi gợi lòng tin tưởng của mọi người, mà thiện căn của cư sĩ cũng ngày càng được tăng thêm.

Gặp phen cư sĩ mắc đại kiếp về quần áo, vật dụng lần này, Sâm ở xa ngoài mấy ngàn dặm, quả thật chỉ ôm lòng thương cảm nhưng không cách nào giúp đỡ được. May là cả nhà lớn bé đều được thoát hiểm không hề hấn gì. Chỉ có thân hình bị lửa dữ hun lâu nên chàng mập biến thành gã ròm chứ không bị tổn thương chi khác thì cử động lại càng thêm thoải mái, cũng không trở ngại chi.

Còn như trong lúc chưa thoát khỏi hang lửa, đang trong lúc nguy hiểm nhất vẫn có thể tâm không sợ hãi, đấy chính là chỗ biểu hiện một dạ tu trì vậy, nhưng chỉ biết lặng lẽ chờ Phật Bồ-tát đến cứu giúp, chẳng biết nghĩ đến chuyện đã lâm vào cảnh hãm tuyệt, đang trong lúc muôn

phần không còn lẽ sống, càng phải nên chuyên niệm Nam-mô A-di-đà Phật hoặc Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát (niệm danh hiệu nào cũng đều được), nhất tâm mong mỏi Phật Bồ-tát rủ lòng từ. Nếu chẳng thể thoát hiểm tìm ra lẽ sống, liền chuyên mong được tiếp dẫn vãng sanh. Chẳng biết suy nghĩ như thế thì chưa phải là triệt để rốt ráo, may là được thoát hiểm, nếu không sợ rằng đã chôn thân trong hầm lửa, chẳng được lợi lành vãng sanh thì lầm lẫn lớn quá rồi! Chú tâm tưởng Phật Bồ-tát tiếp dẫn vãng sanh, nếu như chưa đến lúc thì cũng cảm được Phật Bồ-tát cứu giúp, che chở thoát hiểm. Rất mong hãy "đầu sào trăm thước, tiến thêm bước nữa" thì lợi ích lớn lao mới là triệt để.

Còn như luận về lý nhân quả trong lần này thì bọn ta từ vô thỉ đến nay không oan nghiệt nào chẳng tạo, chỉ cần nhân duyên hội ngộ ắt sẽ chịu quả báo. Ngay như hết thảy tâm hạnh hiểm ác của những kẻ ngay trong hiện thời khiến cho chúng ta mắc phải đại kiếp này đều là vì bọn ta xưa kia khi mê muội chẳng biết giác chiếu [đã trót mang những tâm hạnh hiểm ác ấy], dẫu có nặng nhẹ, mạnh yếu khác biệt thì cũng không gì chẳng phải là "chỉ mong sao ta sống, chẳng sợ người khác chết, cậy năm mươi bước cười kẻ một trăm bước" mà thôi! Cõi đời không quả nào chẳng có nhân, mà cũng không nhân nào chẳng có quả. Tương lai rốt cuộc sẽ phải đền bù ra sao, hoặc ngấm ngầm hoặc rõ rệt, sẽ tự có giá trị tương đương, chúng ta chỉ nên tin tưởng sâu xa nhân quả chẳng sai tơ tóc là được rồi. Nếu nói rốt

ráo là như thế nào thì chính tôi là hạng tăng phàm tục chỉ biết cơm cháo chẳng thể nào phân tích được.

Về minh thọ 80 tuổi của lệnh tiên nghiêm lão nhân, tôi đã gởi thư cho đạo tràng Một Trăm Lẻ Tám Phật Thất lập bài vị cầu siêu. "Bộ đồ câu cơm" Lục Pháp Toàn Thư đã cậy bạn bè mua giùm, gởi giùm rồi. Tôi gởi kèm theo thư này thư trả lời của người bạn ấy để ông biết đầu đuôi. Còn ý nguyện cao quý suốt đời trì chú Đại Bi để cầu nguyện thế giới hòa bình của ông cố nhiên rất tốt, nhưng đang trong lúc muôn phần không có lẽ sống, đối với kiếp sống thừa sau cơn tai kiếp, quang âm hữu hạn này, càng phải nên niệm Nam-mô A-di-đà Phật cho nhiều và đem hết thảy công đức hồi hướng cho khắp mọi chúng sanh cùng cầu sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc, để mình lẫn người đều được lợi ích rốt ráo liễu sanh thoát tử thật sự, ngõ hầu chẳng phụ Phật Bồ-tát từ bi cứu vớt lần này vậy!

6. Lời bạt ghi sau bài ký về chuyện bà Phó Trâu Nhân Hiển niệm Phật cảm được cọp thả con lợn mà nó đã bắt

(Đính kèm nguyên văn bài ký được gởi đến)

1. Bài ký

Phó Trâu Nhân Hiển, người thôn Đông Quách, huyện Thanh Giang, tỉnh Giang Tây, là vợ cư sĩ Phó Xuân Phố (chuyện sanh về Tây của ông Phó Xuân Phố chồng

bà ta xin xem ở cuối phần Phụ Lục này), là người nhân từ, mềm mỏng, thành thật, khắc khổ, tự gắng sức, tin thờ tam bảo, niệm Phật chẳng lười nhác. Cư sĩ Phó khuất núi, bà lênh đênh cô khổ, trơ trọi một thân, mất nơi nương tựa, nhiều lần bàn tính với bạn bè của cư sĩ Xuân Phố về chuyện ăn ở, gặp phải nhiều nghịch cảnh.

Giữa tháng 5 năm Dân Quốc 28 (1939), được người ta đưa đến cư trú tại am Thanh Tịnh ở làng Thạch Pha cách trấn Chương Thụ mười mấy dặm. Bà Nhân Hiển niệm tụng siêng ròng, chăm chỉ, lúc rảnh lên núi đẵn củi về bán để đổi lấy thưng thóc đấu gạo. Người trong làng đại đa số không nghe đến danh hiệu Phật, thấy Nhân Hiển tu trì như vậy đều thân cận. Có ai mắc bệnh thì Nhân Hiển bèn vì người ấy tụng kinh, cho thuốc (thuốc do cư sĩ Dư Kính Tây chế tạo gởi đến), liền có công hiệu lạ thường, trong mười trường hợp có tới tám chín người lành bệnh.

Một ngày nọ sau khóa tụng buổi sáng, bà Nhân Hiển theo lệ thường lên núi đẵn củi. Củi đã bó chặt xong, đặt lên vai gánh đi, dõi mắt thấy ở phía trước chừng một trượng, trong đám lau lách có con vật gì to như con trâu, đúng lúc ấy có hai con lợn trong thôn chạy qua chỗ đất ấy, con vật đó liền chụp lấy một con lợn, ra vẻ sắp ăn thịt. Bà Nhân Hiển thấy vậy liền lớn tiếng niệm Nam-mô A-di-đà Phật. Nào ngờ con vật ấy buông con lợn ra, mặc cho nó trốn chạy. Con vật ấy hai mắt sáng quắc, chăm chú nhìn Nhân Hiển, Nhân Hiển nhìn kỹ mới biết là hổ. Lúc ấy tuy niệm

Phật không ngớt nhưng gần như niệm không ra tiếng, kinh hoảng luống cuống, chẳng giở chân lên được.

Phía dưới núi mấy chục bước chân có nông dân đang cày ruộng, trong lúc hổ đến - đi những người nông dân ấy đều trông thấy, bà Nhân Hiển niệm Phật những người ấy cũng nghe rõ. Con lợn bỏ chạy về nhà, chạy đúng ngang qua khoảnh ruộng đó, máu tươi đầm đìa, những người nông dân đều kinh dị, đều bảo "con lợn ấy có thể đào thoát khỏi miệng hổ quả là một sự kỳ lạ lớn, nhưng người niệm Phật có thể gặp bất trắc!" Đương trong lúc phân vân suy tính, nghe tiếng niệm Phật đứt nối vẫn thoảng bên tai, ùa nhau lần theo tiếng niệm đi đến, thấy bà Nhân Hiển đứng ngây như con gà gỗ, nhưng vẫn niệm Phật như cũ. Mọi người ùa tới hỏi han, Nhân Hiển mới trở lại dáng vẻ bình thường, kể lể đầu đuôi, bỏ củi quay về.

Do câu chuyện lạ gặp hổ niệm Phật giải thoát tai ách cho con lợn này, người dân làng Thạch Pha mới biết Phật lực chẳng thể nghĩ bàn, người tin tưởng do vậy ngày càng đông đảo, đàn-na tín thí cũng chẳng thiếu người. Người bố thí đầu tiên chính là chủ nhân con lợn thoát miệng hổ. Con lợn ấy nay vẫn mập mạnh như thường.

(Bài ký này thu thập từ những điều được lược thuật trong những lá thư do cư sĩ Dư Kính Tây nhiều lượt gởi đến)

2. Lời bạt

Phó Trâu Nhân Hiển, năm Dân Quốc… đã cầu được truyền tam quy dưới tòa hòa thượng Định Hằng ở Nam Xương. Mùa thu năm Dân Quốc 24 (1935), Sâm trở về đất Cám khi đi ngang qua trấn Chương Thụ, bà ta theo chồng là Xuân Phố xin Sâm truyền thụ ngũ giới. Từ đấy ăn chay niệm Phật, tinh tấn chẳng lười nhác. Tới khi Xuân Phố về Tây vào năm ngoái, mắt thấy tướng lành hiện rõ, mọi người khen là hy hữu, nhân đấy tín tâm càng thêm vững chắc. Đã thế, trên không cha mẹ, dưới không con cái, lại chẳng có miếng đất cắm dùi, cô quạnh khổ sở, không nơi nương tựa, tâm nhàm chán Sa-bà, cầu sanh Cực Lạc càng thêm thiết tha.

Hiềm rằng túc nghiệp chướng ngăn, tuy có những bạn già của chồng như cư sĩ Tạ Song Hồ v.v. đôi phen giúp đỡ, rốt cuộc do nhân duyên chướng cách, khó sống yên được. Nhìn vào những nỗi khốn khổ bà đã trải qua, quả thật là ách nạn bị đói rét bức bách, không lối nào cầu xin được! May là bà có tâm tin Phật chuyên nhất, thiện niệm chân thật thiết tha, gặp phải chướng ngại vẫn luôn "thà tự mình chịu khổ, chẳng muốn gây khó khăn cho người khác". Khổ vui, an nguy trong cuộc đời này đều không bận tâm đến, một dạ dốc chí niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Do lòng chân thiện ấy nên được cảm ứng như vậy, đủ diệt được túc nghiệp nặng nề. Những nghịch cảnh bà đã phải trải qua trước đây quả thật đã bị lòng chân thiện ấy cảm ứng

mà bị trừ sạch, chuyển quả báo nặng nề chẳng thể tưởng tượng được trong đời sau thành quả báo nhẹ nhàng trong đời hiện tại. Vốn là bà góa đói khát khổ sở, không cách gì lo liệu được ba món ăn, mặc, ở, nay do chẳng mảy may tham cầu mà tự nhiên có cái ăn, cái mặc, chỗ ở.

Tuy do các thiện sĩ thương xót, giúp đỡ thành tựu cho, nhưng nếu không được lòng từ của đức Phật gia bị thì làm sao có thể đạt được như vậy? (Xét rằng: Hổ là con vật cực ác, vốn bắt chim chóc, gia súc làm thức ăn, nhưng vừa được nghe Phật hiệu nhân đấy tánh hung ác tiêu ngay, tâm từ thiện nẩy sanh, liền thả đi con lợn đã ngoạm vào miệng. Nhưng điều chưa từng được nghe qua là hổ ra khỏi rừng thấy người niệm Phật, đến khi hổ thấy bà Nhân Hiển kinh hãi, hổ liền lánh đi. Sáu chữ hồng danh oai thần thật chẳng thể nghĩ bàn! Hổ còn như thế, con người là "vạn vật chi linh", nghe rồi rốt cuộc sẽ như thế nào? Nay người trong cả làng ấy nhân chuyện này bèn cảm động, sanh lòng tin. Do vậy con hổ ấy là hộ pháp của Nhân Hiển, là đạo sư (người hướng dẫn) cho người làng vậy. Kinh dạy: "Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh", con hổ là một chứng minh càng rõ rệt vậy. Nguyện khắp những người cùng hàng mang bẩm tánh tối linh hãy dũng mãnh thức tỉnh, giác ngộ để khỏi bị chê trách người thua kém hổ).

Nhưng Nhân Hiển nay đã được như vậy, nếu đột nhiên sanh tâm tự mãn, tự cho là đủ, tự cậy là ta có công hạnh, hoặc xen tạp vọng niệm tham cầu không biết đủ

sẽ khó khỏi chọc giận hộ pháp long thiên, tương lai sẽ bị tai ách y như cũ. Chỉ mong bà ta biết mình vốn là bà góa khốn khổ, chắc chắn trở thành người đói khát, nay được ba thứ ăn - mặc - ở để có thể sống qua ngày thì càng phải sanh lòng hổ thẹn sâu đậm, biết đủ, biết ngừng, khẩn thiết sám hối, chuyên ròng niệm Phật, ác niệm tham sân si v.v. đều mong nhổ sạch cội rễ, phát khởi tâm đại Bồ-đề, tự độ độ người, đối với những tài vật được đàn-việt thí cho, trừ những thứ sử dụng tiết kiệm chánh đáng cho chính mình ra, tất cả những gì còn dư đều nên thí lại cho người cô đơn nghèo túng. Suốt đời hành như thế thì sanh Tây sẽ là điều đoán biết được, ngõ hầu khỏi uổng dịp gặp gỡ được Phật Bồ-tát linh cảm gia bị này, mà công đức của các vị đàn-việt hộ trì cũng được thành tựu viên mãn.

7. Qua thư của cư sĩ Thôi trả lời cư sĩ Du, nhân tiện dâng lên lời phúc đáp cư sĩ Giang Dịch Viên

Cư sĩ Giang Dịch Viên vốn là một đại văn nhân có túc căn, có học vấn, tuy đối với đế lý tinh áo của Phật pháp còn chưa thâm nhập (xem phần luận về tam quán trong cuốn Diễn Giảng Lục của ông ta thì người có đầy đủ con mắt sẽ tự biết được trình độ Phật pháp của ông ta). Do về thế đế, ông ta thông minh hơn người nên đối với những nghĩa lý Phật pháp thông tục có thể nêu tỏ rực rỡ, lớn lao. Lại còn là con người chẳng câu nệ, hẹp hòi, luôn hòa nhã, khiêm hư, thật chẳng giống như những kẻ cuồng ngạo tự cao, lầm lạc nghĩ mình cao quý lớn lao, coi rẻ hết thảy.

Vì thế Sâm nghe tiếng ông ta, xem văn của ông ta (chỉ cho bài Tam Tự Tụng và tập đầu bộ Dương Phúc Trai Thi Kệ) liền khát ngưỡng, hâm mộ khôn nguôi. Đến khi gặp mặt trò chuyện, càng cảm thấy yêu mến, rất mong mỏi ông ta sẽ cùng với các vị cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh, Từ Úy Như, Nhiếp Vân Đài, Phạm Cổ Nông v.v. làm kim thang đuổi tà giúp chánh cho pháp môn (ở đây là nói đến những vị ngoại hộ còn có thể hoằng pháp lợi sanh. Nếu chỉ làm ngoại hộ thì có nhiều người lắm). Hiềm rằng do nghiệp cảm của chúng sanh, ông Từ, ông Hứa nối nhau quy Tây, ông Vân bệnh nặng, ông Cổ thân thể cũng suy yếu, chỉ còn ông Dịch là mạnh khỏe. Về mọi mặt thì ông Giang Dịch Viên đều khá, chỉ vì tâm hiếu kỳ nặng nề, đến nỗi bị bút gỗ, mâm cát[226] mê hoặc. Lại do những kẻ khéo tâng bốc người khác đến mức thành phường giảo quyệt mượn sức linh quỷ để bợ đỡ hòng làm mồi nhử, [khiến cho người say mê cầu cơ bị những tà thuyết ấy] thâm nhập tận tạng phủ, đến nỗi hễ mê rồi chẳng quay lại được! Ngay như vị được ông ta thường sùng bái, tín phụng nhất là pháp sư Ấn Quang ra sức quạt gió tuệ, cực lực quét sạch cũng chẳng thể lay động được màn sương mê. Sâm tự xét mình học thức hẹp hòi,

226 Thời ấy để cầu cơ người ta làm lễ thỉnh tiên, rồi hai đồng tử (người hầu cơ) vịn cơ bút (cơ bút thường có hình dáng như một cái giỏ, có vành để cầm được, một đầu giỏ có cái bút gỗ hình chim loan có mỏ nhọn) để viết chữ xuống một cái mâm đầy cát hay gạo. Lối cầu cơ ấy gọi là "phù loan" (thường đọc trại thành "phò loan"). Ngoài ra, còn có loại cơ bút mang hình dáng như một cái bút gỗ có hai cái cán dài được nối vào đuôi bút. Hai đồng tử hầu cơ sẽ cầm hai cái cán ấy nâng lên hạ xuống cho bút viết chữ xuống mâm cát, nhóm ông Giang Dịch Viên cầu cơ theo lối này nên mới nói là "bút gỗ, mâm cát".

chẳng cần phải nói nữa.

Vì thế, ông ta lầm lẫn coi đám mây mê của những lời giáng cơ và vầng mây từ Phật pháp giống hệt như nhau, từng gởi thư cầu khẩn cụ Chân và Sâm xin cụ Ấn cho lưu thông hòng trừ bỏ màng ngăn khiến cho đôi bên đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu với nhau. Sâm cũng muốn phúc đáp gấp ngõ hầu ông ta ra khỏi hang tối, lên được cây to. Một phen suy nghĩ kỹ lại, thấy mình người hèn lời nhẹ, thật khó ra tay.

May sao có cư sĩ Thôi Chú Bình vốn theo hầu ông Dịch lâu ngày (Diễn Giảng Lục của ông Dịch phần lớn do ông Thôi ghi lại), ông Thôi là người vẫn còn có thể phân biệt tà chánh, chân ngụy, chẳng đến nỗi bị làn sương mê phủ kín. Xem thư ông ta trả lời cư sĩ Du Hữu Duy xót lòng đơn độc chỉ bảo[227], nói thẳng khuyên can, ngăn đón, đáng gọi là đã cảm nhận trước tấm lòng tôi, vì thế liền nhờ vào nhân duyên này để giảm bớt công bút mực giãi bày, bèn dâng lời thưa trung thực, thành khẩn nhất đáp lời ông Dịch, không chừng ông ta nghe lọt tai.

Ông Dịch làm thơ rằng: *"Tạp niên Nho Phật phả trầm tư, Phật quỷ thiên uyên khởi vị tri"* (Ba chục năm ròng nghĩ Phật - Nho, Phật quỷ trời - vực vẫn chưa tường). Niệm Phật trì trai mà gọi là "quỷ giáo" (lời dạy của quỷ) thì lời

227 Sở dĩ bảo là "đơn độc chỉ bảo" (cô chỉ) là vì khi ấy các môn sinh của Giang Dịch Viên đều mê man cầu cơ giống như thầy, tin mê muội vào những lời cơ bút, riêng mình ông Thôi Chú Bình là tỉnh táo, cực lực khuyên lơn các bạn đồng môn.

lẽ ấy có khác gì báng Phật A-di-đà! Do điều này càng biết ông Dịch còn thiếu con mắt chọn lựa pháp. Vì sao vậy? Kinh Lăng-nghiêm, quyển thứ chín, trong phần giảng về tưởng ấm gồm mười loại ấm ma, mỗi đoạn đều nói thiên ma thừa dịp thuận tiện, loài phi tinh[228] dựa vào con người, khiến cho người ấy miệng nói kinh pháp, nhưng người ấy chẳng biết là ma dựa, tự nói đã đắc vô thượng Niết-bàn, điều này có thể làm chứng cớ sắt đanh để vạch trần ông Dịch đã nhận lầm phương hướng. Do không biết điều này nên chẳng lạ gì đã mê rồi không trở lại được nữa!

Huống chi lúc này lòng người chẳng bằng thời xưa, chuyên chú trọng đầu cơ trục lợi, xin ông Dịch hãy đọc kỹ Lăng-nghiêm, nghiên cứu tinh ròng nghĩa kinh cho đến khi hiểu sâu xa tỉ mỉ ma sự hiểm ác mới thôi. Nếu vẫn cứ coi bút gỗ, mâm cát có thể thay thế cho sự tuyên nói, giáo hóa của đức Phật thì sẽ có lỗi với lời khuyên dạy của những vị như cụ Ấn chẳng hạn, những vị ấy là bậc đầy đủ chánh tri kiến, hạnh giải tương ứng, rát miệng xót lòng, trong ngoài như một; nếu không phải là hạng người giống như Điều-đạt[229] thì chẳng biết còn là loại người nào khác nữa! Sao lại nghĩ lời khuyên niệm Phật ăn chay và những bậc thiện tri thức hiện thời là chẳng đáng tin tưởng, cứ nhất định tin chắc vào những lời nhận được từ nơi bút gỗ, mâm cát vậy?

---

228 Phi tinh là danh từ chỉ chung những loài quỷ thần có thần túc, có thể di chuyển rất lẹ làng giữa các nơi, chẳng hạn như loài quỷ dạ-xoa (thường có tên là quỷ tiệp tật)

229 Điều-đạt là gọi tắt của chữ Đề-bà-đạt-đa (Devadatta). Đề-bà-đạt-đa là em họ của Phật, do ganh ghét nên đã lập cách phá hoại tăng đoàn, mưu hãm hại đức Phật nhiều lần.

Nay tôi giãi bày lôi thôi như thế, chính là vì ông Dịch là người cao thượng bất phàm, mong hãy vứt bỏ bút gỗ, mâm cát, chuyên dùng đạo niệm Phật ăn chay để tự hành, dạy người thì chẳng những pháp môn may mắn mà thật ra chúng sanh trong cả đại địa cũng may mắn lắm đấy. Khăng khăng một lòng ngu thành, kính mong lượng thứ!

8. Thư trả lời cư sĩ Chu Quần Tranh

Thư ông gởi đến có những câu như: "Đang trong lúc mạt pháp, ma đảng tà kiến thân thể thường mạnh khỏe, còn bậc chánh tín đâm ra lại nhiều bệnh, lắm nỗi khổ não. Nếu chẳng phải là định nghiệp khiến cho như vậy làm cho con người phải than dài sườn sượt chẳng ngớt v.v.". Sâm rất không đồng ý. Vì sao? Một là do định nghiệp trong đời trước xui khiến thành ra như vậy.

Hơn nữa nhân quả phức tạp, bọn ta là phàm phu mắt thịt chẳng thể hiểu rõ rốt ráo được! Luận sư Giới Hiền, pháp sư Huyền Trang đã gieo nhân trong quá khứ, nay quả báo hiện hành, thiện căn phước đức rốt cuộc như thế nào mà vẫn phải chịu bệnh khổ nặng nề? Trả sạch sát nghiệp xa xưa mới được sanh lên nội viện Đâu-suất, lần lượt tấn tu, viên mãn Bồ-đề. Bọn ta nghiệp chướng sâu nặng, luận về chánh tín, công hạnh, phước đức, trí tuệ đều chẳng thể mong sánh bằng các vị cổ đức như Giới Hiền, Huyền Trang, huống chi thân ác tuy ít, ý ác quả thật rất nhiều (Đây là Sâm tự thuật tâm hạnh, chứ nơi miệng vẫn

thường phạm lỗi. Mỗi phen đọc bài ký Du Tịnh Công gặp Táo thần, khôn ngăn rét run tận xương lông!) dẫu có phát tâm cũng khó chân thật, thiết tha.

Nay muốn nương theo pháp môn Tịnh độ hoành siêu hoàn toàn cậy vào Phật lực để mang nghiệp vãng sanh, liền cảm được Phật từ gia bị, hòng quả báo nặng nề "trầm luân nơi tam đồ hết sức khổ sở" trong đời sau sẽ chuyển thành quả báo nhẹ nhàng là "bệnh tật triền miên" trong đời hiện tại, ngõ hầu trong một đời này giải quyết xong đại sự sanh tử chẳng dễ giải quyết trong trăm ngàn vạn kiếp. Đấy chính là Phật từ nhiếp thọ, hữu cầu tất ứng, có cảm liền thông (Đối với tâm Bồ-đề và hết thảy sự thực hành của hai vị cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh, Nhiếp Vân Đài, Sâm thường cảm thấy hổ thẹn không bằng, nhưng hai vị ấy bệnh khổ triền miên quả thật hơn bọn ta nhiều lắm. Sâm suy nghĩ kỹ lưỡng hồi lâu, lại dùng lòng người và sự thật trong xã hội để chứng minh thì mới biết "gây nghiệp dễ dàng, đền trả thật khó"! Mới tin rằng hai vị ấy bị bệnh khổ quả thật là do nghiệp nặng chuyển thành báo nhẹ để được lợi ích thù thắng là siêu phàm nhập thánh. Còn bọn tà ma mạnh khỏe thì một là trong đời này có lẽ ác quả chưa chín muồi, còn cậy vào túc phước, hai là có thể là vì ác tâm dữ dội, đạo trời khéo léo mầu nhiệm, hậu đãi bọn tánh tình hung ác cho chúng nó mau vào tam đồ. Bất luận như thế nào, dẫu là khổ quả trong tương lai, chúng ta cũng quyết chẳng muốn nhận lãnh. Cõi đời chẳng có quả nào không có nhân, mà

cũng không có nhân nào chẳng kết thành quả. Nhưng báo ứng rõ ràng hay ngấm ngầm, nhanh hay chậm, quả thật do nhân quả phức tạp gây nên, chúng ta là phàm phu mắt thịt chẳng dễ phân biệt rõ ràng được, chớ nên hiểu lầm).

Suy nghĩ sâu xa như vậy thì tuy ma bệnh khuấy nhiễu triền miên, đau khổ nhiều năm, thân dù khó chịu đựng được, tâm thật mừng vui sung sướng, chẳng hề có ý oán trách than vãn mảy may! Chỉ thuận theo "tùy duyên tiêu nghiệp chướng, chẳng tạo thêm ương họa mới", ắt mong món nợ nặng phải đền trả nhẹ, oán gia trái chủ mỗi mỗi đều khoan dung, tha thứ để cùng vãng sanh mới thôi. Ngu kiến như vậy đó, chẳng biết bậc cao minh nghĩ như thế nào?

9. Tờ kêu gọi quyên mộ của thiền viện Thiên Hoa ở núi Phổ Đà [để có đủ chi phí] tiếp nhận chủ quyền am Sùng Ninh tại Thượng Hải

Quán Thế Âm Bồ-tát thệ nguyện rộng sâu, tầm thanh cứu khổ. Bài kệ trong phẩm Phổ Môn của kinh Pháp Hoa có câu: "Hoặc trôi giạt biển lớn, cá, rồng các nạn quỷ, do sức niệm Quán Âm, sóng mòi chẳng chìm được." Đấy chính là đoạn văn sáng tỏ ghi chép lời thành thật thốt từ miệng vàng của đức Thích-ca Thế Tôn ta từ ba ngàn năm trước qua lời kệ đáp cho Vô Tận Ý Bồ-tát. Chuyện linh cảm như thế được sử sách ghi chép, đâu đâu cũng tra cứu được. Ở ngay trước mắt, càng có những sự thật để chứng minh, quả thật là lòng tin có chứng cớ vậy!

Trụ trì thiền viện Thiên Hoa núi Phổ Đà là đại sư Tu Điền. Năm Dân Quốc 15, 16 (1926-1927), khi Sâm ở tại chùa Pháp Vũ giúp lão pháp sư Ấn giảo chánh bộ Văn Sao, giảo chánh sửa lỗi Sơn Chí, liền cùng ở một chỗ với sư Tu Điền, Sâm khuyên sư nên niệm Phật, niệm Quán Âm, sư liền sanh lòng tin tưởng. Đến năm nay, do ảnh hưởng thời cuộc, lương thực thiếu hụt, sư đặc biệt ngồi thuyền từ Phổ Đà sang đất Thân (Thượng Hải) quyên mộ, đáp đúng tàu của hãng Hoa Dân. Bởi đã lâu năm, thuyền mục nát, nước tràn vào khoang, tại vùng biển Châu Sơn (thuộc tỉnh Chiết Giang) đụng phải đá ngầm, thuyền chìm.

Khi ấy nhằm lúc trời tối đen, chẳng biết phương hướng, khách ngồi thuyền mấy trăm người kinh hoàng cuống quít, xúm nhau kêu cứu mạng. Do đại sư biết đức Quán Âm linh cảm, liền khuyên mọi người đồng niệm thánh hiệu để cầu ngài cứu giúp. Do tai họa cấp bách như lửa cháy mày, đông đảo người tin tưởng cùng niệm theo. Gần 200 người trong đêm tối trong lúc muôn phần vạn phần chết chắc đã nắm được một sợi dây đõi, lần lượt ven theo kè đá, vịn bò lên núi; hơn 100 người khác táng thân vào bụng cá. Chuyện này đã sớm thấy đăng tin trên báo, nào biết đại sư cũng là một trong những người vẫn còn sống sót sau cơn tai kiếp!

Đến khi đại sư đổi thuyền đến được đất Hỗ, gặp đúng lúc am Sùng Ninh ở cửa lớn phía Đông trong thành đang bàn bạc chuyện sang nhượng chủ quyền. Do vậy, sư nghĩ

mỗi năm phải đi kêu gọi quyên mộ như thế này, cảm thấy thật khó khăn. Nếu lập cách sang lại chủ quyền am này, biến nó trở thành hạ viện của chùa Thiên Hoa thì tăng chúng Thiên Hoa qua lại đôi bên, đem phần thu nhập còn dư thừa của Sùng Ninh bù đắp cho cơm gạo chùa Thiên Hoa; đấy chính là kế nhọc nhằn một phen, an nhàn vĩnh viễn, mà cũng tốt lành, thỏa đáng vậy.

Bàn bạc với các vị thiện tín hộ pháp, cũng được nhiều người tỏ ý tán đồng; hiềm rằng chi phí mua lại chủ quyền và tu bổ cần đến mấy ngàn đồng, do vậy bèn bảo Sâm lược thuật duyên khởi để tiện kêu gọi quyên mộ. Sâm bèn đem kinh nghiệm linh cảm của đại sư do tin niệm đức Quán Âm mà được may mắn sống sót tường thuật đại lược. Chỉ mong hộ pháp tể quan thiện nam tín nữ nghe sự tích Đại sĩ linh cảm tầm thanh cứu khổ này đều cùng phát tín tâm, gặp được nhân duyên đặc biệt sùng phụng tam bảo này đều vui vẻ giúp cho thành tựu, phát lòng bi đồng thể, quyên ra vô tận bảo tạng thì công đức đã làm ấy chỉ có đức Phật chứng biết. Do vậy bèn làm tờ khải[230].

10. Trả lời cư sĩ Tăng Di Chi (bốn bài)

1. Phật thất ở Linh Nham phần nhiều hồi hướng một lần (những nơi khác phần lớn cũng làm như thế), tức là mỗi

---

230 Khải là một thể văn của các quan dùng để tâu trình lên thượng cấp. Ở đây, thầy Đức Sâm dùng chữ khải với ý nghĩa khiêm nhượng, tâu trình lên thiện nam tín nữ chuyện quyên mộ của am Sùng Ninh.

ngày trước lúc giữa trưa, cúng Phật xong, liền đến trước bài vị cúng cơm (dẫu là Phật thất cầu sống lâu mà kèm thêm lễ cúng cơm cho các bài vị tổ tiên cũng không trở ngại gì) thì cũng là một lần hồi hướng. Mỗi ngày trừ công khóa sáng chiều hết sáu cây hương[231] ra, sau cây hương thứ hai và sau khi cúng Phật, cúng cơm cho người đã khuất xong, tạm nghỉ giây lát rồi dùng cơm trưa.

2. Công khóa sáng tối vì vong nhân xưng danh hồi hướng, Sâm chiếu theo công khóa phổ thông chốn tùng lâm, mỗi lần xong khóa sáng vào mồng 1 hay Rằm, lúc lễ tổ gần xong, liền đọc câu: "Mỗi người hãy vì cha mẹ sanh thành, lễ Phật ba lạy cầu sanh Tịnh độ." Vì thế mỗi ngày Rằm hay mồng 1, dù chỉ có một người tụng niệm khóa sáng xong cũng chiếu theo lệ thường lễ tổ (chỗ này lúc hành lễ cùng đại chúng thì có phần đầy đủ hơn). Lễ xong liền xưng danh lễ Phật một lần, coi như hồi hướng.

Nếu như hồi hướng cho cha mẹ thì trong tâm thầm niệm quán tưởng rằng: "Thay cho cha mẹ sanh thành lễ Phật ba lạy" (nếu lễ một lạy thì đọc "một lạy"), sám hối nghiệp chướng, giải trừ vô biên tội nghiệp, tiêu tan, tháo gỡ oan khiên tội lỗi, thoát lìa đường khổ, cầu Phật từ bi xót thương nhiếp thọ, sớm được tiếp dẫn vãng sanh Tịnh độ

231 Theo quy định của Phật thất phổ thông, thời gian công phu niệm Phật mỗi ngày bằng sáu cây hương (mỗi cây hương ở đây tức là thời gian tàn hết một cây hương dài làm theo lối xưa, mỗi cây hương cháy được khoảng một tiếng rưỡi. Công phu sáng là một cây hương, sau đó niệm Phật buổi sáng hai cây hương, buổi chiều hai cây hương, buổi tối niệm Phật và đại hồi hướng một cây hương, tổng cộng là sáu cây hương).

(vừa lạy vừa thầm niệm, trong tâm nghĩ tưởng hình dáng cha mẹ cùng ở trước đức Phật lễ bái với ta. Một lạy tưởng như thế, mỗi lạy cũng đều như thế). Đối với cha mẹ làm như vậy mà đối với những người khác cũng tưởng như vậy. Thậm chí oán thân bình đẳng cho đến hết thảy chúng sanh trong pháp giới lần lượt khắp vì họ xưng danh lễ Phật hồi hướng.

Dẫu chẳng phải mồng 1, ngày Rằm, trong công khóa sáng tối, khi đọc tam quy y xong, nếu chẳng lễ tổ thì cũng nên thay cho cha mẹ sanh thành và những ân nhân có liên quan (hoặc có nhân duyên đặc biệt, như thân hữu mới vừa qua đời v.v.) đều hồi hướng như thế. Điều này Sâm chẳng được truyền dạy, hoàn toàn dựa theo ý kiến của chính mình để làm (ở Linh Nham mỗi tối đại hồi hướng cũng có ba lạy), chuẩn theo lý thì đương nhiên không trở ngại gì. Hồi hướng xong, hoặc liền lễ Phật ba lạy lui ra thì cũng được.

Sâm còn thực hiện khóa lễ Quán Thế Âm Bồ-tát, trì chú Đại Bi, Vãng Sanh v.v. để cầu thế giới hòa bình, ta người cùng thoát khỏi ách nạn v.v.. (Công khóa của Linh Nham được gọi là Linh Nham Niệm Phật Nghi Quy, mùa hạ năm nay đã sớm xuất bản rồi, tiếc rằng lúc này không gởi được. Đợi khi có thể gởi được sẽ gởi mấy bản thì ông sẽ biết).

3. Chuyện trà-tỳ (hỏa thiêu) thì tăng hay tục đều không trở ngại gì. Người Tây Vực chết rồi có bốn cách mai táng: Một là thả trôi trong nước, tức bỏ xuống các sông rạch để no lòng cá rùa (cách này cần phải ở gần sông rạch

lớn mới được, nếu ở tại con suối nhỏ nơi vách núi thì chẳng thích hợp). Hai là hỏa thiêu, tức dùng lửa đốt xác hòng phá ngã chấp (cách này chỗ nào cũng thực hiện được). Ba là chôn xuống đất, đào đất chôn vùi để khỏi bị bộc lộ (cách này cũng phổ biến). Bốn là lâm thi, tức bỏ trong rừng cho chim thú ăn (cách này phải ở trong rừng sâu, chầm lớn mới được, rốt cuộc chẳng ổn thỏa bằng ba cách trước). Nước ta xưa nay chủ yếu là chôn dưới đất (đọc thiên sách của Mạnh Tử nói "trong đời thường có kẻ chẳng chôn cất cha mẹ" sẽ biết nguyên do), thật ra vẫn chẳng mỹ mãn bằng hỏa thiêu.

Khi Phật pháp truyền sang phương Đông, tăng chúng đều hỏa thiêu với ý nghĩa phá trừ ngã chấp. Con người bị phiền não sanh tử hoàn toàn là do ngã chấp, thân kiến làm căn bản, ngay như cả họa hoạn lớn lao như dâm dục v.v. cũng do ngã chấp, thân kiến mà sanh. Nếu thân kiến, ngã chấp đã phá thì dâm dục còn do đâu mà sanh? Vì thế vào thời Đường, thời Tống, những vị cao nhân đạt sĩ thông hiểu sâu xa Phật pháp tuy chưa xuất gia cũng thường chú trọng hỏa thiêu. Đời sau phần nhiều chẳng thích theo gương ấy chính là giữ chặt thân kiến, ngã chấp! Thân Kiến quá nặng chính là một chướng ngại lớn cho việc tu hành.

Trong thư ông gởi đến, có câu: "Cư sĩ phần nhiều chưa đoạn dục, sắc thân chẳng thanh khiết, chớ nên hỏa thiêu", đây cũng không phải là lời bàn luận thông suốt! Cái thân của hạng phàm phu sát đất là do *tứ đại* giả hòa

hợp, chưa đạt đến địa vị nghiệp tận tình không thì chẳng cần biết là tăng hay tục, đều là do máu thịt tanh tưởi, hôi thối, bẩn thỉu hợp thành. Nếu dựa theo tình kiến thiển cận của kẻ phàm ngu mà luận thì tuy cái thân đoạn dục so với kẻ tham dục dường như thanh khiết hơn, nhưng tâm dục chưa sạch thì ô uế vẫn còn! Nếu luận theo đế lý cao sâu thì tứ đại vốn không, ngũ uẩn chẳng có, các pháp nhân duyên đều không có tự tánh.

Biển chánh biến tri của chư Phật ở trong tâm tưởng của hết thảy chúng sanh, một niệm hồi quang liền giống như vốn đã đắc, diệu thể Tỳ-lô-giá-na phô bày trọn vẹn khắp các giới. Vốn chẳng có sanh diệt, tăng giảm sai khác, sao lại có tăng tục, nhơ sạch khác biệt? Vì thế Tâm Kinh nói "bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm" chính là chỉ cho bản thể thật tướng chân như của ba pháp tâm, Phật, chúng sanh không sai biệt. Chúng ta mê chân đuổi theo vọng, trái giác hiệp trần đến nỗi trôi giạt sanh tử trọn chẳng có thuở thoát ra. Nay muốn bỏ vọng về với chân, trái trần hiệp giác, liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh thì phá trừ thân kiến, ngã chấp phải là công phu cần thực hiện trước hết!

Do điều này, phàm là người học Phật nếu biết cầu cho thần thức được yên vui thì chẳng nệ là tăng hay tục đều nên hỏa thiêu, chẳng những không trở ngại gì mà còn có ích thật sự (đối với hoàn cảnh hiện thời và mai sau, hỏa táng rất thích hợp vì do đường sắt cắt ngang, phần nhiều

những ngôi mộ bị phơi thây lộ xương. Nếu ở nơi đô hội thì quan tài giá mắc, kiếm đất chôn rất khó, e rằng dẫu chẳng phải là đệ tử Phật cũng phải làm theo cách này. Nhưng điều quan trọng là cần phải tìm cho được cách thức hỏa thiêu tốt đẹp). Nếu như quyến thuộc chẳng nỡ lòng hỏa táng thì cũng là vì chẳng biết những ý nghĩa "chú trọng đến sự yên vui của thần thức" và "họa hại của thân kiến, ngã chấp" mà ra. Nếu hơi hiểu biết thì chỉ sợ người trong cuộc chẳng làm cho nhanh ấy chứ! Hàng quyến thuộc cũng nên khéo thấu hiểu tấm lòng người thân, há nên sanh chút lưu luyến nào.

4. Về chuyện áo mũ dùng để nhập liệm cho hai chúng tại gia, do đã biết là "cần phải phá trừ thân kiến, ngã chấp" thì áo mũ miễn sao thuận tiện là được rồi, chẳng cần phải nói nữa. Cái sắc thân suốt cả một đời phải nhờ vả nó để làm hết thảy mọi chuyện mà còn bỏ được như đồ thừa thì áo mũ là thứ bao bọc bên ngoài huyễn thân nào còn đáng để coi trọng. (Đối với người còn sống trên đời, Khổng tử còn chẳng coi áo xấu, thức ăn dở là điều đáng thẹn, huống chi là những thứ dùng để nhập liệm gán theo cái xác đã hư nát sau khi con người đã chết.)

Theo ngu kiến, ắt phải tiết kiệm, giản lược là hay nhất. Thà giảm bớt chi phí chế tạo áo mũ mới [rồi dùng khoản tiền dôi ra đó] để hoằng pháp lợi sanh và làm những sự nghiệp từ thiện như cứu tế kẻ đói rét khốn khổ hòng giúp ích cho thần thức người đã khuất được yên vui. So với chuyện tốn kém để khâm liệm cho trọng hậu thì chuyện

được mất như một trời một vực, nhưng cần phải thuận theo tình cảm thế tục của kẻ làm con đôi chút, đừng vì chú trọng thần thức mà bỏ sạch những lễ nghi.

Tùy theo tâm nguyện của người đã khuất mà mặc tăng phục hay y phục thế gian đều chẳng sao cả, nói chung là chớ nên tốn kém quá. Nếu như do chính người đã khuất chủ trương đồ khâm liệm gần đến mức quá tốn kém, rườm rà thì cũng nên khéo léo giải thích để người ấy chẳng chấp vào thân kiến là được. Nếu thuận theo lòng tham đắm của người ấy rồi khâm liệm trọng hậu để giúp cho thân kiến, ngã chấp của người ấy được thỏa mãn thì sẽ gây chướng cho sự vãng sanh, đấy chính là điều không nên vậy. Nếu người đã khuất chủ trương khâm liệm đạm bạc tức là không bị vướng mắc nơi thân kiến, thì tăng phục hay y phục thế gian đều chẳng trở ngại gì. Ngu kiến như vậy đó, chẳng biết bậc cao minh nghĩ thế nào?

11. Bài ký về sự sanh Tây của cư sĩ Phó Xuân Phố

(Viết vào tháng 9 năm Dân Quốc 27 - 1938. Dư Ngẫu Sinh và Trần Triển Tây cùng ghi)

Cư sĩ húy là Xuyên, hiệu Xuân Phố, người thôn Đông Quách, huyện Thanh Giang, tỉnh Giang Tây, mồ côi cha từ bé, mẹ là thái phu nhân Nhiếp nhọc nhằn, tiết kiệm nuôi dạy, theo học trường Pháp Chánh Tuần Cảnh, từng được bổ nhiệm những chức vụ viên chức văn phòng huyện lỵ huyện Thanh Giang, sở trưởng sở Cảnh sát tại trấn Châu

Đàm thuộc huyện Vạn Tải, hiệu trưởng trường Nghĩa Vụ thuộc trấn Chương Thụ v.v.. Sống tại huyện thành nhiều năm, tham dự đủ loại công vụ, được quan chức, thân sĩ tin cậy, hễ có chuyện nghi nan lớn lao nào thường bàn bạc, quyết định với ông ta.

Thái phu nhân Nhiếp thờ Đại sĩ Quán Âm đã lâu, ăn chay niệm Phật. Năm Dân Quốc 17 (1928), thái phu nhân mắc bệnh, cư sĩ phát nguyện triều bái Phổ Đà, cụ không uống thuốc mà lành bệnh. Tháng 9 năm Dân Quốc 20 (1931) bèn đến Phổ Đà hoàn nguyện, lễ động Phạm Âm, cảm được Bồ-tát thị hiện dưới hình dạng áo trắng, cầm tịnh bình với cành dương. Lại cầu được biết rõ túc mạng, thấy một vị đầu-đà y phục lam lũ bèn ngộ luân hồi chẳng phải hư huyễn, ý niệm cầu thoát lìa Sa-bà càng thêm khẩn thiết. Do pháp sư Minh Tịnh gởi thư giới thiệu, bèn yết kiến pháp sư Ấn Quang và thầy Đức Sâm tại chùa Báo Quốc ở Tô Châu, lúc ấy mới được nghe pháp yếu của Tịnh tông. Từ đấy trở đi, những sách vở do Hoằng Hóa Xã xuất bản đều thỉnh cả, do vậy tín giải càng tăng, bèn gởi thư khẩn cầu quy y. Thầy Đức Sâm bèn đặt pháp danh là Thiền Xuyên, tự là Hàng Tây, lại nhân lúc thầy Đức Sâm đi qua Chương Thụ, bèn xin thọ giới ưu-bà-tắc. Ông ta tín nguyện niệm Phật, tinh tấn không lười nhác phần lớn là nhờ sự khơi gợi chỉ vẽ của thầy Đức Sâm.

Năm Dân Quốc 22 (1933), ông được cử làm người chuyên trách tuyên giảng tại Niệm Phật lâm Lộc Giang,

khuyên dụ chỉ dẫn, từ đấy Niệm Phật lâm rất đông. Cư sĩ gia cảnh nghèo nàn, thân yếu lắm bệnh, thường muốn xuất gia, nhưng khổ vì không có chùa chiền để nương náu, thường đến khám bệnh tại nhà Ngẫu Sinh. Ngẫu Sinh nói đến chuyện thời tiết nhân duyên chẳng thể cưỡng cầu được, nhưng cái tâm "chán trược, ưa tịnh" đã sâu, ý nguyện giảm thọ cầu được vãng sanh càng thiết tha, lễ bái, quán tưởng đều mong sớm được tiếp dẫn, chóng đến liên trì.

Mùa xuân năm nay, ông mộng thấy Quán Âm Bồ-tát thị hiện, báo cho biết kỳ hẹn là tháng 7. Đến sau hội Vu Lan Bồn, ông bèn ngã bệnh, nhất tâm niệm Phật quên cả khổ sở. Ngày 23, thân thích, bạn bè trợ niệm, đã nằm bằn bặt hồi lâu rồi tỉnh lại, mời thầy Đại Nhân ở điện Đại Bảo thuộc Vĩnh Thái đến nhờ cậy chuyện trà-tỳ. Ngày 26 lại thiêm thiếp, người nhà khóc lóc, cư sĩ cười ngăn lại, bảo: "Ta sẽ về Tây vào ngày thánh đản Địa Tạng Bồ-tát", đến ngày ấy, ngồi ngay ngắn trên ghế dựa, kết ấn Di-đà[232], mắt đăm đăm nhìn tượng Phật, an nhiên về Tây, khắp thân đã lạnh, chỉ còn đỉnh đầu vẫn ấm, sắc mặt tươi đẹp còn hơn lúc sống.

Mồng 2 tháng 7 nhuận, trụ trì chùa Thông Huệ ở

232 Thoạt đầu, ấn Di-đà chính là ấn thiền định, tức hai bàn tay xòe thẳng, đặt trên lòng, tay phải đặt trên tay trái, đầu hai ngón cái giao với nhau như thường thấy trong các tượng Thích-ca Mâu-ni Phật. Tuy thế, về sau dưới ảnh hưởng của Mật giáo, khi tượng A-di-đà Phật được tạc với tư thế ngồi, nếu tay Phật không cầm hoa sen sẽ kết ấn Di-đà, tức là ấn thiền định bị biến đổi hơi khác: Tay phải vẫn đặt trên tay trái, các ngón xòe thẳng, nhưng trong mỗi bàn tay ngón trỏ cong lên chạm đầu ngón cái, giống như hai cái vòng giáp lưng vào nhau, đầu hai ngón cái chạm vào nhau.

Chương Thụ là hòa thượng Đại Tùng và thầy Đại Nhân đều tới, lo liệu việc nhập khám. Ông ngồi xếp bằng chắp tay hệt như người còn sống. Bữa hôm trước trời nổi cơn mưa gió to, đến giờ Tý nổi lửa, trời chợt sáng sủa, mùi hương lạ ngào ngạt, chẳng phải là mùi thơm của chiên-đàn hay hoa lan, một tia sáng trắng từ khám tỏa ra xẹt về phía Tây. Đang lúc đầu thu, khí trời nóng bức, chết đã ba bốn hôm mà xác chẳng thối nát, lại còn tỏa mùi thơm lạ, nếu chẳng phải do Phật pháp linh dị làm sao được như vậy? Người thấy kẻ nghe đều tán thán, khởi lòng cung kính, xưng tụng Phật pháp thật chẳng thể nghĩ bàn. Xuân thu được 48 tuổi.

Ngẫu Sinh nói: Đời mạt, người niệm Phật thì nhiều nhưng thành tựu lại ít là vì không có lòng tin chân thật, nguyện thiết tha vậy! Mạnh tử luận về đại trượng phu phải nên "phú quý chẳng dâm lạc, nghèo hèn chẳng đổi dời chí khí, chẳng khuất phục trước oai quyền, sức mạnh". Pháp thế gian còn như thế, huống gì là Phật pháp cầu sanh Tịnh độ siêu phàm nhập thánh ư?

Cư sĩ bị vướng bận vì nghèo, bệnh, gia đình, nhưng nhất loạt chẳng quan tâm tới, khăng khăng, miệt mài chỉ lo niệm Phật, bị chê bai, nhục mạ, gặp trắc trở, trăm nỗi khó khăn chẳng xoay chuyển được, lúc mất biết trước ngày giờ, tướng lành rạng rỡ, đủ làm chứng cớ chứng tỏ đã sanh Tây. Bi tâm triệt để của đức Như Lai, pháp môn Tịnh độ không ai hỏi mà tự nói, quả thật là con đường tắt cho chúng sanh trong đời mạt thoát khổ, chỉ cần chịu dốc lòng,

quyết chẳng giả dối, cổ nhân thật chẳng dối ta! Ngẫu Sinh do giao du với cư sĩ mà thật sự được un đúc, dấy lên lòng tin. Vui nhìn bước chân nhanh nhẹn của người trước, gắng đè nén nỗi đau nhân cầm[233], lưu truyền sự tích vãng sanh của cư sĩ Phó để khuyến khích người đời mà cũng là để tự cảnh tỉnh mình.

12. Bài ký về sự sanh Tây của cư sĩ Nhiếp Vân Sanh

(Trần Triển Tây ghi)

Cư sĩ húy Truyền Tăng, hiệu Vân Sanh, người huyện Thanh Giang, tỉnh Giang Tây, mồ côi cha từ bé, được mẹ nuôi dạy, tánh tình đoan nghiêm, trang trọng, ham học, đậu tiến sĩ năm Giáp Thìn (1904) thời Quang Tự, làm quan tại Hồ Bắc, người anh họ mất, bèn trở về quê, về sau được bầu làm ủy viên hội đồng cố vấn tỉnh Giang Tây. Vào thời Dân Quốc, ông làm nghị viên hội đồng tỉnh, luôn tận hết trách nhiệm, giữ lời hứa, chẳng quanh co lật lọng. Vào thời Trù An Hội[234], dùng phương cách hối lộ để khuyên dụ

233 Đây là điển tích *"nhân cầm câu vong"* (người lẫn đàn cùng mất). Đại thư pháp gia Vương Hy Chi đời Tấn có 7 người con, trong số đó Huy Chi (tự Tử Do) và Hiến Chi (tự Tử Kính) là hai người nhân phẩm cao nhất, tính tình khoáng đạt, thích văn chương, coi thường danh lợi, thường đàm luận thi văn với nhau rất tâm đắc. Tuy là hai anh em nhưng coi nhau như bạn tri kỷ, đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu. Huy Chi ưa đánh đàn, Hiến Chi thường gõ phách hòa theo. Về sau hai anh em cùng bị bệnh nặng, Hiến Chi mất trước. Huy Chi im lặng, không nhỏ giọt nước mắt nào, gượng bệnh, bắt người nhà đưa đến trước linh sàng của em, ngồi ngơ ngẩn hồi lâu rồi ôm đàn toan gảy một khúc diễn tả nỗi đau thương; nhưng do nội tâm quá bi thương không thể gảy thành xoang điệu nào, liền quăng đàn hét lớn: "Tử Kính, Tử Kính nay thì người lẫn đàn đều mất cả rồi ư!" Hét xong, ngã lăn ra đất hôn mê bất tỉnh. Hơn một tháng sau, Huy Chi cũng qua đời.

234 Trù An Hội (Hội mưu tính an định cho đất nước) là một tổ chức do Viên Thế

các đại biểu bỏ phiếu tán thành Viên Thế Khải làm hoàng đế, hễ bỏ phiếu ưng thuận sẽ được ngay một ngàn đồng, chống đối sẽ đem quân bắt giữ. Cư sĩ phất tay áo quay về, giữ gìn khí tiết như thế.

Cư sĩ ưa thích viết văn chương theo lối cổ, nhưng những thứ chẳng có quan hệ bảo vệ lớn lao cho thế đạo bèn chẳng cẩu thả viết ra. Trong 20 năm tuổi xế chiều, dốc lòng nơi kinh sách nhà Phật, xoay vần trì tụng các kinh Đại thừa như Pháp Hoa, Lăng-nghiêm, Kim Cang, Viên Giác, nhưng quy túc nơi Tịnh Độ Ngũ Kinh, ăn chay trường, niệm Phật có thời khóa nhất định. Đọc Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao, hận chưa được thân cận đại sư Ấn Quang.

Năm Đinh Sửu (1937) cầu mưa được thỏa nguyện, bèn thành lập Niệm Phật lâm Cao Vũ, thường đến diễn giảng tại

---

Khải đạo diễn nhằm tuyên truyền, cổ xúy quốc dân ủng hộ Viên Thế Khải tái lập đế chế trong khi chánh quyền Dân Quốc còn non trẻ, các tướng lãnh quân phiệt nổi lên chiếm cứ các nơi, chánh quyền trung ương chưa thể kiểm soát toàn bộ đất nước. Vào ngày 14 tháng 8 năm 1915, bọn Dương Độ, Tôn Dục Quân, Lý Tiếp Hòa, Hồ Anh, Lưu Sư Bội và Nghiêm Phục cùng ra tuyên cáo thành lập Trù An Hội, Dương Độ ra thông cáo với lời lẽ mị dân: "Chúng ta làm thân người dân Trung Quốc, quốc gia còn hay mất chính là chuyện liên quan đến sự sống chết của bản thân và gia đình, há nỡ ngồi yên ngó lơ chờ chết? Do vậy tập hợp những người cùng chí hướng tổ chức thành hội này hòng mưu tính sự an định cho đất nước v.v.. Vào thời Cách Mạng Tân Hợi, nhân dân Trung Quốc tình cảm sôi sục nhưng do bị vấn đề chủng tộc gây chướng ngại, bèn lập ra nền Cộng Hòa, nhưng chưa hề suy nghĩ kỹ Cộng Hòa có thích hợp với tình hình đất nước hay không? Một khi đã đề xướng, ai dám bắt bẻ, người thông hiểu sâu xa tuy biết rõ chủ trương ấy ẩn chứa mối họa hoạn, nhưng vẫn phải miễn cưỡng thuận theo hầu tránh khỏi mối họa nguy vong một chốc. Do vậy nhà Thanh thoái vị, Dân Quốc sáng lập, chánh quyền lâm thời gặp nhiều lúng túng, quốc gia gặp cơn nguy hiểm, nhân dân khốn khổ v.v.." Họ ra nhiều thông cáo, tuyên bố để cổ vũ tái lập đế chế, suy cử Viên Thế Khải lên ngôi hoàng đế. Để đạt mục đích, hội đã dùng những biện pháp bẩn thỉu nhằm đe dọa, ép buộc các nghị viên bỏ phiếu tán thành đế chế.

Niệm Phật lâm Lộc Giang tại trấn Chương Thụ, cảm hóa rất nhiều người. Mùa hạ năm Kỷ Mão (1939), nhiều lần mắc bệnh đi tả, tự mình dốc chí quy Tây, chẳng còn muốn tìm thuốc men linh nghiệm để chữa trị nữa. Vào tháng 10 bệnh tình nguy ngập đến tột cùng, nhiều lần mộng thấy Phật Bồ-tát thị hiện, tự biết đã đến lúc, miệng dặn dò di chúc, mời tăng lữ, thân thích, bạn bè suất lãnh con cháu niệm Phật. Tới lúc hấp hối, hơi thở dần dần nhẹ đi giống như Kim Cang niệm, chẳng đau khổ mảy may gì, chánh niệm phân minh, nhất tâm bất loạn xả báo an tường như nhập thiền định, toàn thân mềm mại, đỉnh đầu lạnh đi sau cùng, vẻ mặt tươi tắn, vui sướng, uy nghi như hãy còn sống. Các tướng lành phù hợp khít khao với chứng cớ vãng sanh, xét theo Quán kinh phẩm sen ắt cao. Ấy là vì pháp môn Tịnh độ dùng tự lực để cảm Phật lực, cho nên có thể hoàn tất ngay trong đời này.

Cư sĩ sanh vào năm Kỷ Tỵ tức năm Đồng Trị thứ tám (1869) đời Thanh, về Tây ngày mồng 1 tháng 11 năm Kỷ Mão, tức năm Dân Quốc 28 (1939), hưởng thọ 71 tuổi, biên soạn bộ Tư Phụ Đường Thi Văn Nhật Chí phần nhiều xiển dương rõ giáo nghĩa Tịnh tông được cất giữ tại nhà.

(Trọn bộ Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên)

HỒI HƯỚNG

Nếu việc dịch thuật này có chút công đức nào đều xin hồi hướng cho lịch đại phụ mẫu, sư trưởng, họ hàng, quyến thuộc, pháp giới chúng sanh đều cùng được vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc. Nguyện cùng thân cận đức Di-đà, Quán Âm, Thế Chí, chứng ngộ Vô sanh, trở lại Sa-bà, hóa độ muôn loài cùng sanh Cực Lạc. Nguyện những ai thấy nghe dù tin tưởng hay phỉ báng đều cùng được vãng sanh Cực Lạc.

Chân thành cảm tạ đạo hữu Minh Tiến và Huệ Trang đã tốn nhiều công sức giảo chánh, nhuận văn cũng như liên tục khuyến khích giúp cho mạt nhân có đủ nghị lực theo đuổi việc chuyển ngữ này. Nguyện tam bảo thường gia hộ khiến cho nhị vị đạo hữu tín tâm kiên cố, đạo lực kiên cường, phẩm sen cao cả, cùng nhau hội ngộ nơi Cực Lạc, thân cận Từ Phụ Di-đà.

MỤC LỤC

II. TỰ (tiếp) **5**

65. Lời tựa cho tác phẩm Tịnh Độ Tam Yếu Thuật Nghĩa 5
66. Lời tựa cho sách Vật Do Như Thử 7
67. Lời tựa sách Kỹ Lộ Chỉ Quy 13
68. Lời tựa giải bày ý nghĩa việc Cúng Tế Tổ Tiên Bằng Cỗ Chay 16
69. Lời tựa cho bản kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm được viết bằng lối chữ khải 19
70. Lời tựa cho bản chép kinh Pháp Hoa 25
71. Lời tựa cho tập sách Thượng Hải Hộ Quốc Tức Tai Pháp Hội Pháp Ngữ 27
72. Lời tựa cho niên san của Phật giáo Tịnh nghiệp xã tại Vô Tích 29

73. Lời tựa trình bày duyên khởi của liên xã Đôn Luân 31
74. Lời tựa cho việc ông Triệu Vận Xương thỉnh bộ Đại tạng kinh bản đời Tống được in theo lối ảnh ấn 35
75. Lời tựa cho bài luận Khuyến Tu Pháp Môn Niệm Phật 36
76. Lời tựa cho sách Trập Viên Trát Ký 38

III. KÝ 41
1. Bi ký trình bày sự thần dị của suối Bát Công Đức thuộc thiền viện Tam Thánh núi Phổ Đà 41
2. Bài ký về chuyện xây dựng đại điện của đạo tràng chuyên tu tịnh nghiệp tại núi Linh Nham 44
3. Bi ký về việc chùa Linh Nham vĩnh viễn trở thành đạo tràng thập phương chuyên tu Tịnh độ và công đức xây dựng lần này 49
4. Bi ký thuật công đức của phân hội Tô Châu Hội Cứu Giúp Loài Vật Trung Quốc quyên tặng vĩnh viễn khu vườn ao phóng sinh cho Linh Nham Sơn Tự để làm hạ viện 56
5. Bi ký về việc chùa Quốc Thanh núi Thiên Thai thành lập ao phóng sanh 61
6. Bi ký về việc chùa Quốc Thanh núi Thiên Thai sáng lập ba viện dưỡng lão, dưỡng bệnh và trợ niệm 63

7. Bi ký về chuyện liên xã Hương Quang thuộc thảo am Hương Sơn ở Ngô Huyện xây dựng điện Tam Thánh 69
8. Bi ký thuật duyên khởi của điện Tây Phương tại Vô Tích 72
9. Bi ký ghi duyên khởi sáng lập chùa Pháp Vân bên sông Tam Xoa tại Nam Kinh 75
10. Bi ký ghi công đức xây dựng lầu chứa kinh chùa Đại Phật Lăng Vân thuộc huyện Lạc Sơn, tỉnh Tứ Xuyên 81
11. Bài ký về việc trùng tu tháp viện của lão nhân Đại Từ 89
12. Bi ký về việc chùa Bích Sơn núi Ngũ Đài được thảo am Quảng Tế tiếp pháp thành tựu, vĩnh viễn trở thành thập phương thường trụ 94
13. Bi ký thuật duyên khởi hạ viện Linh Nham Sơn Tự lập thêm hội phóng sanh bên ao phóng sanh 99
14. Bi ký về việc Linh Nham Sơn Tự xây dựng tháp Phổ Đồng cho tứ chúng 103
15. Bài ký về chuyện cư sĩ Chu Tử San sanh Tây 107
16. Bi ký về ao phóng sanh của am Liên Hoa tại Thường Thục 109
17. Bi ký thuật công đức trùng tu lâu các Di-lặc của Linh Nham Sơn Tự 112

Phụ lục: Toa chế thuốc hoàn tiêu đờm chữa ho 116

IV. TỤNG TÁN **119**
1. Phật Bảo Tán 119
2. Pháp Bảo Tán 120
3. Tăng Bảo Tán 120
4. Tán dương tượng Phật Dược Sư 120
5. Dược Sư Phật kệ 121
6. Tán dương tượng Phật A-di-đà 121
7. Tán dương kinh tháp Phật A-di-đà 121
8. Tán dương tượng Tây Phương Tam Thánh 122
9. Tán dương tháp Đa Bảo 122
10. Tán dương tượng Quán Thế Âm Bồ-tát 122
11. Kệ tán dương Quán Thế Âm Bồ-tát 122
12. Kệ hồi hướng cho thất Quán Âm 123
13. Kệ khánh chúc Quán Âm 124
14. Sửa đổi cho đúng bài kệ tán dương đức Quán Âm thường được lưu truyền trong cõi đời 124
15. Tán dương tượng Đại Thế Chí Bồ-tát 125
16. Kệ tán dương Đại Thế Chí Bồ-tát 125
17. Tán dương tượng Địa Tạng Bồ-tát 126
18. Kệ tán dương Địa Tạng Bồ-tát 126
19. Kệ tán dương Di-lặc Bồ-tát 127
20. Kệ tán dương Văn-thù Sư Lợi Bồ-tát 128
21. Kệ tán dương Phổ Hiền Bồ-tát 129
22. Kệ tán dương Trí Tích Bồ-tát 130
23. Tán dương Trí Tích Bồ-tát 131
24. Tán dương tổ đường Tịnh độ 131
25. Tán dương tượng đại sư Viễn công 131

26. Tán tụng mười hai vị tổ của Liên tông 132
27. Tán dương tượng thiền sư Triệt Ngộ 140
28. Tán dương tượng tổ sư Đạt-ma 141
29. Tán dương tượng thiền sư Tế Công 141
30. Ca tụng Nam Bình Tông Thừa 142
31. Tán dương bài ký "hình Phật hiển hiện trên răng lợn" của ông Lưu Công Lỗ ở Quý Trì 143
32. Tán dương tượng đại sư Niệm Thành 144
33. Bài ca tụng nhân dịp cô nhi viện tại Thượng Hải khánh thành nhà mới 144
34. Ca tụng pháp môn Tịnh độ thù thắng 145
35. Ca tụng chuyện sanh Tây của cư sĩ Từ Úy Như 145
36. Ca tụng đức cao đẹp của ông Sa Tuyết Phảng 146
37. Ca tụng chuyện quy Tây của cư sĩ Khuất Tử Kiến 146
38. Ca tụng đức cao đẹp của cư sĩ Trương Miện Đường 147
39. Ca tụng hạnh cao đẹp của cụ bà họ Từ, mẹ ông Chu 148
40. Ca tụng liệt nữ Trương San Trinh 148
41. Ca tụng hạnh đẹp của cư sĩ Trình Chí Bằng ở Vụ Nguyên 149
42. Bài ca tụng nhân dịp minh thọ trăm tuổi của cụ Tề Dữu Nam và phu nhân Kim 150
43. Bài ca tụng nêu tỏ những ý nghĩa ẩn kín của việc Tiền Vũ Túc Vương giương nỏ bắn sóng biển 150

44. Bài tụng hồi hướng cho khắp mọi người trong hiện tại ấn tống và vĩnh viễn lưu truyền Văn Sao 157
Phụ lục: Toa thuốc thần hiệu bạch phàn cứu mạng 158

V. NHỮNG BÀI VIẾT KHÁC 161
1. Lâm chung tam đại yếu 161
2. Tịnh Độ Chỉ Yếu (chỉ bày những điều trọng yếu trong pháp môn Tịnh độ) 172
3. Trình bày ý nghĩa ẩn kín nơi cuốn Hành Dư Nhật Khóa của Lâm Văn Trung Công 174
4. Nêu tỏ ý nghĩa giáo dục trong gia đình là căn bản khiến cho thiên hạ thái bình 178
5. Nêu tỏ ý nghĩa ẩn tàng của phân xã Phật Quang tại Xung Điền, Vụ Nguyên 182
6. Nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín của việc thành lập phân xã Phật Quang tại nội thành Vụ Nguyên 185
7. Trình bày ý nghĩa ẩn kín của chữ nhân (人) 191
8. Nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín của việc học nghề y 194
9. Pháp ngữ dạy thầy Hoa Quyền đang bị bệnh 196
10. Pháp ngữ dạy mẹ con ông Ân Đức Tăng (hai bài) 199
11. Trả lời những câu hỏi của cư sĩ Khúc Thiên Tường (hai mươi bảy câu) 205
12. Pháp ngữ dạy nữ cư sĩ Chu Dư Chí Liên 215
13. Pháp ngữ khai thị cho cư sĩ Phùng Hữu Thư lúc lâm chung 217

14. Lời thông cáo nhún nhường của hội Phật giáo huyện Ngô tỉnh Giang Tô dành cho tăng chúng các tự viện 218
15. Đôi lời đề tựa cho cuốn kinh A-di-đà của nữ sĩ Vương Tông Ý 223
16. Lời răn dạy khích lệ các học trò ghi sau cuốn Quy Ước của cô nhi viện Phật giáo chùa Pháp Vân 224
17. Khuyên khắp mọi người kính tiếc giấy có chữ và tôn kính kinh sách 225
18. Luận về tên gọi của Tam Dư Đức đường 228
19. Luận về cái tên Tông Đạo 231
20. Sớ quyên mộ nạo vét ao hoa sen chùa Phổ Tế núi Phổ Đà 232
21. Sớ thuật bày duyên khởi trùng hưng chùa Thọ Lượng tại Cám Châu (tỉnh Giang Tây) 234
22. Sớ quyên mộ tu bổ điện vũ và thánh tượng chùa Quán Âm ở thôn Triệu Gia thuộc Đông Hương, huyện Cáp Dương 238
23. Sớ quyên mộ xây dựng đại điện của tịnh xá Liên Tu tại đập Dương Thiện, huyện Giang Đô, Dương Châu 242
24. Sớ quyên mộ tu bổ đại điện và các điện đường, liêu xá chùa Nam Thiên Trúc Diễn Phước tại Hàng Châu 244

25. Sớ quyên mộ tổ chức pháp hội cầu đảo hằng năm để lợi lạc rộng khắp 246
26. Sớ lễ niệm Quán Thế Âm Bồ-tát cầu con 248
27. Lời bạt cho cuốn Liên Tông Chánh Truyền 255
28. Lời bạt ấn tống Tịnh Độ Ngũ Kinh 256
29. Lời tựa cho bài Sám Hối Văn của ông Thành Phục Sơ 259
30. Duyên khởi của Tịnh nghiệp xã chùa Tiên Khánh tại Tam Giang Khẩu, Hàm Giang 263
31. Duyên khởi của Trợ Niệm Vãng Sanh xã tại trấn Cấp Tân, Hải Môn 266
32. Duyên khởi của liên xã Xí Lô 270
33. Duyên khởi của thư viện Phật học Phước Châu 273
34. Duyên khởi quyên mộ tu bổ tháp Báo Ân chùa Báo Ân, Tô Châu 280
35. Duyên khởi trùng tu niệm Phật đường và mở liên xã tại chùa Tư Phước, Phụ Dương 285
36. Trình bày về việc quyên mộ in cuốn Quán Thế Âm Bồ-tát Bổn Tích Cảm Ứng Tụng 288

VI. CÂU ĐỐI 291
1. Câu đối tán dương Phật Thích-ca 292
2. Câu đối tán dương A-di-đà Phật 294
3. Câu đối tán dương Phật Thích-ca 294
4. Câu đối tán dương Phật Di-đà 295
5. Câu đối tán dương Phật Di-lặc 298

6. Câu đối tán dương Phật Di-đà 299
7. Câu đối tán dương ngài Di-lặc 299
8. Câu đối tán dương đức Quán Âm 300
9. Câu đối tán dương đức Phật 300
10. Câu đối tán dương Quán Âm Bồ-tát 301
11. Câu đối tán dương Thế Chí Bồ-tát 302
12. Câu đối tán dương Bồ-tát 303
13. Câu đối đề Phật điện 304
14. Câu đối tán dương đức Vi-đà hộ pháp 304
15. Câu đối tán dương Vi-đà Bồ-tát ở Phổ Đà 304
16. Câu đối tán dương Thiên Vương ở Phổ Đà 305
17. Câu đối tán dương Quan Đế 305
18. Câu đối đề Phật điện 306
19. Câu đối tán dương tượng Quán Âm được thờ tại giếng Tiên Nhân thuộc Phổ Đà 306
20. Câu đối đề tại điện Phật 306
21. Câu đối tại điện Trí Tích ở núi Linh Nham 307
22. Câu đối tán dương ngài Trí Tích ở Linh Nham 307
23. Câu đối đề tại tàng kinh các 308
24. Câu đối đề pháp đường 309
25. Câu đối đề tàng kinh các 310
26. Câu đối đề tại Phật điện trong tàng kinh các 310
27. Câu đối đề tàng kinh các 310
28. Câu đối đề giảng đường 311
29. Câu đối tại niệm Phật đường 312
30. Câu đối đề Tam Giáo đường 314
31. Câu đối đề tháp viện ngài Vĩnh Minh 314

32. Câu đối đề Trí Giả phường 314
33. Câu đối đề điện Khổng Thánh 315
34. Câu đối đề liêu Như Ý 315
35. Câu đối đề Địa Tạng Đàn 316
36. Câu đối đề Pháp Hoa Đàn 316
37. Câu đối đề cửa tam quan 316
38. Câu đối đề vườn rau 317
39. Câu đối đề sân khấu 317
40. Câu đối tại cửa tam quan am Pháp Như 318
41. Câu đối mừng lễ truyền giới 318
42. Câu đối về khóa giảng Thiền Lâm Bảo Huấn 319
43. Câu đối viếng pháp sư 319
44. Câu đối mừng thọ năm mươi tuổi 320
45. Câu đối viếng vị giảng sư chuyên giảng Lăng-nghiêm 320
46. Câu đối mừng thọ 321
47. Câu đối viếng người tu hành cao tuổi 321
48. Câu đối viếng hòa thượng Ký Thiền chùa Thiên Đồng 322
49. Câu đối viếng hòa thượng Ký Thiền 323
50. Câu đối viếng hòa thượng Lưu Vân Quán Nguyệt 324
51. Câu đối viếng vị tăng quen biết sống ở ngôi miếu nhỏ nơi chợ búa 325
52. Câu đối của ông tăng viếng vị đại thương gia hộ pháp 325

53. Câu đối nhân dịp huyện Định Hải làm lễ tống ôn 326
54. Câu đối tống ôn 326
55. Câu đối phúng điếu ông Tôn Truyền Phương 327
56. Câu đối tống tiễn thần ôn dịch 327
57. Câu đối tự khích lệ 327
58. Câu đối khi nhàn rỗi 330
59. Câu đối tán dương Phật Dược Sư 332
60. Câu đối đề pháp đường 332
61. Câu đối về Quán Âm, Địa Tạng 333
62. Câu đối chúc mừng Công đức lâm 333
63. Câu đối về Quán Âm, Địa Tạng 333
64. Câu đối chức mừng Công đức lâm 334
65. Câu đối tán dương đức Địa Tạng 334
66. Câu đối về các pháp sâu thẳm như biển 335
67. Câu đối giải thích đích xác ý nghĩa từ ngữ "cách vật trí tri" 335
68. Câu đối về ăn chay niệm Phật 335
69. Câu đối đề chỗ ăn chay 336
70. Câu đối về ăn chay niệm Phật 336

VII. PHỤ LỤC 337

1. Niệm Phật nhiếp tâm kệ 339
2. Bài ký và bài tụng về chuyện cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh vãng sanh 341
3. So sánh sự tổn hại và lợi ích giữa được và không được trợ niệm 346

4. Người tu tịnh nghiệp ăn chay niệm Phật trong xử sự thường nhật chuyện gì cũng phải rất phù hợp với tịnh hạnh thì mới có thể vãng sanh 353
5. Thư trả lời cư sĩ Hoàng Hiểu Phố, viện trưởng Ân Thí Pháp Viện 358
6. Lời bạt ghi sau bài ký về chuyện bà Phó Trâu Nhân Hiển niệm Phật cảm được cọp thả con lợn mà nó đã bắt 364
7. Qua thư của cư sĩ Thôi trả lời cư sĩ Du, nhân tiện dâng lên lời phúc đáp cư sĩ Giang Dịch Viên 369
8. Thư trả lời cư sĩ Chu Quần Tranh 373
9. Tờ kêu gọi quyên mộ của thiền viện Thiên Hoa ở núi Phổ Đà [để có đủ chi phí] tiếp nhận chủ quyền am Sùng Ninh tại Thượng Hải 375
10. Trả lời cư sĩ Tăng Di Chi (bốn bài) 377
11. Bài ký về sự sanh Tây của cư sĩ Phó Xuân Phố 383
12. Bài ký về sự sanh Tây của cư sĩ Nhiếp Vân Sanh 387

ẤN QUANG PHÁP SƯ VĂN SAO

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

Địa chỉ: 65 Tràng Thi, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com
Điện thoại: 024.39260024 Fax: 024.39260031

*

Chịu trách nhiệm xuất bản: Giám đốc Bùi Việt Bắc. Chịu trách nhiệm nội dung: Tổng biên tập Lý Bá Toàn. Biên tập: Phan Thị Ngọc Minh. Thiết kế mỹ thuật: Trần Nguyên Hải - 0989100421. Sửa bản in: Minh Trí

*

Đối tác liên kết: Công ty TNHH NIP Production
Liên hệ ấn tống: 0989100421

*

In 2.000 cuốn, khổ 16cm x 24cm tại Xí nghiệp in, văn phòng phẩm, bao bì Fahasa.
Địa chỉ: Lô B26/II-B27/II Đường số 5 Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, P. Bình Tân, TP.HCM.
Số XNĐKXB: 2801-2025/CXBIPH/23-102/HĐ, ngày: 25/07/2025;
QĐXB: 356/QĐ-NXBHĐ, cấp ngày: 21/08/2025. In xong và nộp lưu chiểu: 2025

ISBN: 978-632-01-0059-0